

MÙI TRÂM BIÊN – NGUYỄN ĐÔNG A

MÙI

TRÂM

BIÊN

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

NGUYỄN ĐÔNG A

MÙI TRẦM BIỂN

TẬP TRUYỆN

NHÀ XUẤT BẢN KHƠI DÒNG - 2026

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

LỜI MỞ ĐẦU

MÙI TRÂM BIỂN – KHI ĐẤT ĐAI KHÔNG CHỈ LÀ ĐẤT

Mười bảy truyện. Mười bảy lần tôi ngồi xuống trước một điều gì đó lớn hơn mình rồi cầm bút. Mười bảy lần biển được gọi tên, đất được hỏi thăm, người nghèo được nhắc tới bằng sự quan tâm mà tôi nghĩ họ xứng đáng có được trong văn chương. Cuốn sách “MÙI TRÂM BIỂN” không có lời giới thiệu của bất kỳ ai ở những trang đầu. Không phải vì tôi không có bạn bè văn chương để nhờ cậy. Thật ra thì có, mà còn khá nhiều người sẵn lòng giúp đỡ. Chỉ là tôi luôn nghĩ chẳng ai hiểu mình bằng chính mình, nên thôi, tôi tự nói vài lời, như một cuộc trò chuyện với người đọc trước khi cùng nhau bước vào cuốn sách này. Tôi không có ý khoe khoang hay đánh bóng bản thân. Điều tôi mong muốn chỉ là dẫn người đọc đi vào một mê cung của nhiều tầng suy nghĩ, nơi lớp chữ bên ngoài đôi khi tưởng như nhẵn nhụi, viết cho vui, nhưng phía dưới vẫn có những dòng chảy khác âm thầm vận động.

Lối viết của tôi cũng giống như cách tôi cầm máy ảnh. Nhiều tấm hình nhìn qua tưởng vô thường vô phạt, như chụp đại cho vui hay để giết thời gian. Thế nhưng trong mỗi lần bấm máy, tôi đều cố gắng gửi vào đó một điều gì đó thuộc về mình, dù chỉ là một ý nghĩ rất riêng, rất chủ quan ở đúng khoảnh khắc ấy. Viết truyện cũng vậy. Dù dài hay ngắn, tôi thường viết với tâm thế nhõn nhơ như đang chơi cùng câu chữ. Nhưng bên dưới sự thông dong đó vẫn là những suy tư được gửi gắm khá đậm nét. Tôi không có ý khuyên bảo ai điều gì, cũng không phê phán hay xét đoán

bất kỳ ai. Tuy vậy, người đọc vẫn có thể nhìn thấy nhiều điều trong đó, bởi những điều ấy vốn đã hiện diện sẵn trong đời sống.

Một số cuốn sách khi khép lại thì câu chuyện cũng khép lại theo. Người đọc nhớ vài nhân vật, vài tình tiết, đôi ba câu văn rồi dần quên đi như quên một câu chuyện đã kể xong. Nhưng cũng có những cuốn sách không chịu kết thúc ở trang cuối. Người đọc gấp sách lại mà vẫn cảm thấy có điều gì đó còn ở lại trong lòng mình. Không hẳn là cốt truyện hoặc nhân vật. Mà giống một câu hỏi vẫn chưa thôi vang lên. “MÙI TRÀM BIỂN” của tôi thuộc về kiểu sách thứ hai.

Mười bảy truyện, gồm mười bốn truyện ngắn và ba truyện vừa, trải dài trên nhiều vùng ven biển Việt Nam, từ Vũng Tàu, Phan Thiết, Phú Yên, Quy Nhơn, Sa Huỳnh, Hội An, Đà Nẵng cho tới Huế. Đó là những miền đất hiện lên cùng sóng, cùng gió, cùng vị mặn của biển và những lớp ký ức chồng lấn qua nhiều thế hệ. Nhìn bề ngoài, đây là những câu chuyện về người ở biển, về ngư dân, người làm muối, người bán hàng rong, doanh nhân du lịch, cán bộ địa phương hay những con người sống bên lề của sự phát triển.

Nhưng càng đi sâu vào tập truyện, người đọc sẽ càng nhận ra mọi câu chuyện dường như đều xoay quanh một câu hỏi duy nhất, âm thầm mà dai dẳng.

Đất thuộc về ai?

Đó không phải câu hỏi của luật pháp. Cũng không phải câu hỏi của kinh tế học. Đó là câu hỏi của ký ức. Tôi không tranh luận về các chính sách đất đai. Không diễn thuyết xã hội học. Càng không cố gắng đưa ra một lời giải sau cùng. Trái

lại, toàn bộ tập truyện này dường như được xây dựng trên tinh thần từ chối những câu trả lời đơn giản. Bởi nếu đất chỉ là một loại tài sản, mọi việc sẽ trở nên dễ dàng. Người ta có thể mua bán, đền bù hoặc chuyển nhượng bằng những con số cụ thể. Nhưng nếu đất đồng thời là nơi lưu giữ ký ức, là nơi neo giữ căn tính, là phần mở rộng của đời sống tinh thần con người, thì mọi phép tính đều trở nên bất toàn. Người ta có thể đền một căn nhà, nhưng khó lòng đền được tuổi thơ. Có thể đền một mảnh ruộng, nhưng làm sao đền được ký ức về những mùa lúa cũ. Có thể trả tiền cho một khu đất ven biển, nhưng không thể trả lại những buổi chiều mà một gia đình đã sống trên đó qua mấy thế hệ. Chiều sâu tư tưởng của “MÙI TRÀM BIỂN” bắt đầu từ chính nhận thức ấy. Đất và ký ức là trục tư tưởng xuyên suốt tập truyện. Tôi không nhìn đất như một thực thể vật chất. Đất trong tập truyện này gần như luôn mang tính chất của một sinh thể. Nó nhớ. Nó lưu giữ. Nó chứng kiến. Và đôi khi, nó lên tiếng.

Nhiều tác phẩm văn học hiện thực, đất đai thường xuất hiện như đối tượng của tranh chấp hoặc phát triển. Nhưng trong “MÙI TRÀM BIỂN”, đất mang một chiều kích khác. Đó là ký ức được vật chất hóa. Chính vì vậy, những xung đột trong tập truyện không thực sự là xung đột về tài sản. Chúng là xung đột giữa các cách hiểu khác nhau về giá trị của một vùng đất.

Trong “Buông Mà Không Mất”, người dân phải rời khỏi nơi mình từng sinh sống để nhường chỗ cho dự án mới. Nhìn từ góc độ hành chính, đó là một quyết định hợp lý. Nhìn từ góc độ phát triển, đó là điều tất yếu. Nhưng truyện không dừng ở đó. Truyện tiếp tục đặt ra một câu hỏi khác. Sau khi người dân rời đi, điều gì còn ở lại? Điều gì thực sự bị mất? Nhân vật Hậu không chỉ mất đất. Anh mất

một phần đời sống tinh thần gắn với vùng biển ấy. Nhưng nghịch lý nằm ở chỗ, anh không đánh mất chính mình. Đó là lý do nhan đề “Buông Mà Không Mất” trở thành một tuyên ngôn tư tưởng quan trọng của toàn bộ tập truyện. Hai khái niệm tưởng như gần nhau lại nằm ở hai bờ nhận thức hoàn toàn khác biệt. Buông là một hành động của sự thấu hiểu. Mất là trạng thái bị tước đoạt. Một người có thể buông mà không mất. Nhưng cũng có thể giữ rất chặt mà vẫn mất tất cả. Khi Bà Cậu nói:

“Tiếc hay không, là lúc mình còn tưởng cái gì đó là của mình.”

Đây không chỉ là một lời khuyên về sự buông bỏ. Nó là một nhận thức về bản chất mong manh của sở hữu. Câu nói ngắn ấy gần như chứa đựng toàn bộ triết lý vận hành bên dưới tập truyện. Con người liên tục cố gắng nắm giữ. Trong khi thời gian liên tục buộc họ phải buông ra. Đất vì thế trở thành nơi phơi bày rõ nhất giới hạn của mọi quyền sở hữu.

Nếu “Buông Mà Không Mất” đặt vấn đề bằng một giọng kể trầm tĩnh, thì “Triều Chứng” lại đẩy câu hỏi “thành phố thuộc về ai?” lên gay gắt hơn. Truyện xoay quanh Huỳnh Công Phước, một nhân vật mang tính biểu tượng cho nhiều nghịch lý của quá trình phát triển hiện đại.

Ông từng là đứa trẻ nghèo. Từng đứng ngoài hàng rào khu Lam Sơn nhìn vào. Từng biết cảm giác bị loại trừ. Nhưng rồi nhiều năm sau, chính ông lại trở thành người dựng nên những hàng rào mới. Đây có thể là một trong những kiểu nhân vật đáng chú ý nhất của tập truyện. Tôi không biến ông thành phản diện. Ông không tham lam theo nghĩa thông thường. Không tàn nhẫn một cách đơn giản.

Ngược lại, mọi hành động của ông đều có logic riêng. Ông muốn phát triển thành phố. Muốn tạo ra giá trị kinh tế. Xây dựng những công trình hiện đại. Những mục tiêu đề ra đâu có sai. Vấn đề nằm ở sự lãng quên.

Bây Hồ đã gọi đúng tên căn bệnh ấy: “Người từng nghèo mà quên mình từng nghèo.” Đó có lẽ là một trong những câu nói quan trọng nhất của toàn bộ tập truyện. Vì quên cái đói và quên cảm giác bị đẩy ra ngoài là hai việc hoàn toàn khác nhau. Một người có thể thoát nghèo. Đáng mừng. Nhưng nếu họ quên mất cảm giác từng đứng bên ngoài cánh cửa, họ rất dễ trở thành người khóa cánh cửa ấy với những người đến sau. Bị kịch trong “Triều Chửng” vì thế không nằm ở lòng tham. Nó nằm ở ký ức bị xóa mờ. Ở khả năng con người phản bội chính những trải nghiệm từng tạo nên mình.

Chính vì vậy, câu hỏi mà truyện đặt ra cũng không phải:

“Dự án đúng hay sai?”

Mà là:

“Trước khi là dự án, nơi đó từng là cuộc đời của ai?”

Đó là một câu hỏi nhỏ. Nhưng rất khó trả lời. Và chính sự khó trả lời ấy làm nên sức nặng của tác phẩm.

Tôi lại nghĩ, một trong điểm có thể coi là nổi bật của “MÙI TRÂM BIỂN” là nằm ở cách xây dựng nhân vật nghèo. Văn học viết về người nghèo thường đứng trước hai nguy cơ. Hoặc lý tưởng hóa họ. Hay thương hại họ. Tập truyện này tôi tránh cả hai. Những nhân vật nghèo ở đây không được xây dựng như nạn nhân bất lực của lịch sử. Họ vẫn

có phẩm giá. Họ có lựa chọn. Sự tự trọng. Nhưng cách chống lại sự lãng quên rất riêng.

Trong “Triều Chứng”, bà Sáu Mận không gào khóc trước máy xúc. Bà đâu có chấn đường. Cũng đâu nói gì hùng hồn. Bà chỉ cúi xuống. Bốc một nắm cát. Rồi bỏ vào túi áo. “Tui đem nhà theo.” Đó là một hành động nhỏ tới mức gần như vô hình. Nhưng chính sự nhỏ bé ấy lại tạo ra sức nặng biểu tượng rất lớn. Không một hồ sơ dự án nào có thể giải thích được giá trị của nắm cát ấy. Đâu có một bản quy hoạch nào có thể đo lường được ý nghĩa của nó. Nó thuộc một hệ giá trị khác. Hệ giá trị của ký ức. Và cũng chính ở những chi tiết như vậy, tôi muốn cho thấy điều mà toàn bộ tập truyện luôn cố gắng bảo vệ: Con người có thể nghèo. Nhưng ký ức của họ không hề nhỏ bé. Thậm chí, đôi khi chính những ký ức ấy mới là thứ khiến một vùng đất thực sự trở thành quê hương.

*

Nếu trực tự tưởng lớn nhất của “MÙI TRẦM BIỂN” là mối quan hệ giữa con người và đất đai, thì trực nghệ thuật quan trọng nhất lại nằm ở cách tôi kiến tạo một thế giới nơi ký ức không bao giờ thực sự chết đi. Đây có thể là điểm khiến tập truyện này khác với nhiều tác phẩm hiện thực đương đại khác. Tôi không chỉ quan tâm tới những gì đang xảy ra trên mặt đất. Tôi quan tâm tới những gì đang nằm bên dưới nó. Bên dưới những con đường mới mở. Bên dưới các khu nghỉ dưỡng đang mọc lên. Bên dưới những công trình vừa được khởi công. Là những lớp ký ức. Những lớp đời sống, lớp lịch sử. Và đôi khi là những linh hồn. Bởi trong thế giới của “MÙI TRẦM BIỂN”, quá khứ chưa bao giờ

thật sự nằm lại phía sau. Nó nằm ngay dưới chân người sống.

Trong tập truyện, tôi tìm cách xử lý yếu tố huyền ảo. Nói chính xác hơn, đây không phải kiểu huyền ảo nhằm tạo cảm giác kinh dị hay gây bất ngờ. Không có những màn hiện hình giật gân. Không có những thế lực siêu nhiên được sử dụng như công cụ hù dọa. Tôi lựa chọn một con đường khó hơn. Tôi để cái huyền ảo nảy sinh từ chính lòng hiện thực. Nó xuất hiện tự nhiên như rong rêu mọc trên đá. Như hơi muối thấm vào thân gỗ. Như rễ cây âm thầm xuyên qua lớp gạch cứng.

Trong “Nén Nhang Cho Biển”, những đốm lửa xanh xuất hiện quanh hòn đảo hoang có thể được giải thích bằng hiện tượng photpho. Chính Tư Tâm cũng từng nghĩ như vậy. Nhưng rồi câu chuyện không dừng lại ở lời giải thích ấy. Bởi có những thứ dù giải thích được vẫn không hết bí ẩn. Những đốm sáng ấy hiện lên giữa đêm tối như những ánh mắt không ngủ. Lặng lẽ tồn tại. Tôi cho rằng, sự bình thản ấy lại tạo nên cảm giác ám ảnh sâu hơn nhiều so với những hình thức kinh dị quen thuộc. Tương tự như vậy, con đèn thần trong truyện không làm điều gì ghê gớm. Nó chỉ nhìn. Nhưng cái nhìn ấy khiến toàn bộ câu chuyện thay đổi. Bởi đó không còn là ánh nhìn của một sinh vật. Mà giống như ánh nhìn của biển cả. Ánh nhìn của lương tâm. Ánh nhìn của những gì con người luôn cố né tránh.

Huyền ảo trong “MÙI TRÀM BIỂN” không hoạt động theo nguyên tắc của nỗi sợ. Nó hoạt động theo nguyên tắc của ký ức. Những gì bị chôn vùi không biến mất. Chúng chỉ đổi hình dạng. Tôi cố gắng để hầu hết những thực thể siêu nhiên trong tập truyện không xuất hiện nhằm gieo rắc

nổi kinh hoàng. Những linh hồn không đến để hù dọa. Chúng xuất hiện để đặt câu hỏi. Đó cũng là cách tôi nhìn về yếu tố huyền ảo trong văn chương. Siêu nhiên, theo tôi, không nhất thiết phải làm người đọc sợ hãi. Nó có thể trở thành một phương tiện để soi chiếu hiện thực, để buộc con người nhìn lại những điều vốn đã hiện hữu mà thường ngày họ cố tình lãng quên.

Trong “Tiếng Guốc Trong Đêm Sơn Trà”, tiếng guốc vang lên xuyên suốt tác phẩm không phải là âm thanh của một bóng ma muốn báo oán. Nó giống một tiếng vọng kéo dài từ lịch sử. Ban đầu rất xa. Rất mờ. Nhưng càng đi sâu vào câu chuyện, âm thanh ấy càng hiện lên rõ nét. Tiếng guốc không đuổi theo nhân vật. Nó đuổi theo ký ức.

Nó nhắc người sống nhớ đến những số phận từng bị bỏ lại phía sau, những người phụ nữ đã trao cả tuổi trẻ của mình cho những cơ chế quyền lực mà họ không được quyền lựa chọn. Đến lúc ấy, tiếng guốc không còn đơn thuần là một âm thanh nữa. Nó trở thành thời gian. Trở thành lịch sử đang bước đi. Trở thành những điều tưởng như đã mất nhưng vẫn tiếp tục tồn tại bằng một cách nào đó trong đời sống con người.

Trong “Triều Chứng”, người đàn bà mang mùi rong biển xuất hiện rồi biến mất nhiều lần. Bà không hề đe dọa Huỳnh Công Phước. Bà không nguyên rủa, cũng không trừng phạt ông.

Bà chỉ hỏi.

“Ông tưởng mình đang giữ đất. Nhưng thật ra ông đang giữ cái gì?”

Đó cũng là dạng câu hỏi xuất hiện khá nhiều trong tập truyện này. Những câu hỏi không nhằm tìm kiếm một đáp án cụ thể, mà buộc nhân vật phải đối diện với chính mình, đối diện với những điều sâu kín nhất trong suy nghĩ của họ.

Trong “Dấu Răng Trên Luật”, Thiên Y A Na cũng không hiện ra như một vị thần ban thưởng hay trừng phạt. Bà không can thiệp vào thế giới. Không thay đổi số phận của bất kỳ ai. Điều bà làm chỉ là đặt ra những câu hỏi mà con người thường không muốn nghe. Tôi nghĩ đó chính là điểm tạo nên chiều sâu của hệ thống huyền ảo trong tập truyện này. Siêu nhiên không thay thế hiện thực. Nó chỉ làm cho hiện thực hiện lên rõ hơn.

Đất có trí nhớ riêng của nó. Ít nhất, trong quan niệm nghệ thuật của tôi là như vậy.

Toàn bộ “MÙI TRẦM BIỂN” phần nào được xây dựng từ một ý nghĩ rất đơn giản:

Đất nhớ.

Biển nhớ.

Nước nhớ.

Người sống quên.

Nhưng đất thì không.

Quan niệm ấy xuất hiện nhiều lần dưới những hình thức khác nhau, ở nhiều câu chuyện khác nhau, nhưng đều quy về cùng một điểm gặp gỡ.

Trong “Nơi Nước Không Quên”, cái giếng cổ bị lấp không chỉ là một công trình biến mất. Nó còn là một phần ký ức bị vùi xuống dưới lớp đất mới. Dòng sông Hoài trong truyện cũng không đơn thuần là một con sông. Nó hiện diện như một nhân chứng âm thầm. Một thực thể mang theo trí nhớ riêng của mình. Câu: “Nó chưa từng quên người chết.” có thể xem là chiếc chìa khóa mở vào tinh thần của toàn bộ tập truyện. Bởi đó không chỉ là câu chuyện của riêng dòng sông. Đó là câu chuyện của mọi vùng đất. Những gì từng tồn tại, không biến mất ngay khi người ta thôi nhắc tới. Chúng vẫn nằm đó, âm thầm và lặng lẽ, như những lớp trầm tích của ký ức. Chúng chờ đợi trong bóng tối của thời gian, để rồi vào một thời điểm nào đó, bằng một cách nào đó, lại trở về với đời sống con người.

Trong “Cửa Ải Không Người Giữ”, những vong linh nơi Hải Vân Quan không nhận ra rằng con đường họ từng canh giữ đã không còn nữa. Họ vẫn tiếp tục đứng gác, chờ đợi. Tiếp tục làm công việc của mình. Bi kịch của truyện không nằm ở cái chết. Nó nằm ở sự lãng quên. Một con người bị giết chết là một bi kịch. Nhưng một con người bị xóa khỏi ký ức tập thể có thể là bi kịch lớn hơn. Tôi đã dịch chuyển trọng tâm của nỗi sợ từ ma quỷ sang quên lãng. Và đó là một lựa chọn nghệ thuật của riêng tôi. Vì nỗi sợ lớn nhất của con người có lẽ không phải cái chết. Mà là việc đã từng sống mà rồi chẳng còn ai nhớ tới.

Nhiều truyện trong tập sách, tôi để thời gian không vận hành theo đường thẳng. Nó vận hành theo chiều sâu. Quá khứ không nằm phía sau hiện tại. Nó nằm bên dưới hiện tại. Trong “Tiếng Nói Dưới Đất”, người Chăm, người Việt thời Nguyễn, người thời Tây Sơn cùng tồn tại trong một không gian biểu tượng chung. Không ai thực sự biến mất.

Họ chỉ trở thành những lớp trầm tích khác nhau của cùng một vùng đất. Người sống bước trên lịch sử. Nhưng thường không biết mình đang bước trên điều gì. Tôi nghĩ cách tổ chức thời gian này có thể tạo nên một cảm giác rất đặc biệt. Người đọc luôn có cảm giác mọi nơi chốn trong tập truyện đều có nhiều tầng đời sống chồng lên nhau. Ngôi làng hiện tại có thể đồng thời là một nghĩa địa cũ. Khu nghỉ dưỡng có thể từng là làng chài. Con đường mới mở có thể đang đi ngang qua những ký ức mà không ai còn nhớ tên.

Trong “Vương Quốc Không Chịu Chết”, người Chăm không chỉ mất đất. Họ đứng trước nguy cơ mất luôn nơi neo giữ bản sắc. Ở một số vùng đất, giá trị lớn nhất không nằm ở tài nguyên hay lợi nhuận. Mà nằm ở khả năng lưu giữ ký ức tập thể. Mảnh xương nhỏ trong tay Harei vì thế có thể trở thành một trong những hình ảnh đắt giá nhất của toàn bộ tập truyện. Nó rất nhỏ, nhưng lại nặng hơn tất cả những bộ hồ sơ đóng dấu đỏ. Nặng hơn bởi nó mang theo ký ức. Mà ký ức thì không thể đo bằng đơn vị qua hành chính.

Tôi cố để toàn bộ thế giới huyền thực trong “MÙI TRẦM BIỂN” được xây dựng trên một niềm tin nhất quán. Không có gì thực sự mất đi. Người chết có thể chết. Ngôi làng có thể bị san bằng. Giếng cổ có thể bị lấp. Con đường có thể biến mất. Nhưng ký ức thì không dễ dàng tan biến như vậy. Nó tiếp tục tồn tại trong đất. Trong nước. Trong đá. Trong mùi trầm thoảng qua giữa gió biển. Trong tiếng guốc vang lên giữa đêm khuya. Trong những đốm lửa xanh đứng yên trên bãi cát. Trong một nắm đất được giấu kín trong túi áo. Trong một chiếc vỏ ốc mang theo suốt nhiều năm, mà chính người giữ nó cũng không hiểu vì sao mình không nỡ bỏ đi. Bởi suy cho cùng, điều mà “MÙI TRẦM BIỂN” luôn cố gắng nói tới không hẳn là quá khứ. Mà là mối quan hệ giữa

quá khứ và hiện tại. Không phải ký ức đã từng tồn tại. Mà là ký ức vẫn đang tiếp tục sống. Âm thầm. Kiên nhẫn. Và đôi khi còn bền bỉ hơn chính con người.

*

Tôi cũng muốn nói về thân phận đàn bà qua nhiều thời đại. Nếu đất đai là một trục xuyên suốt của tập truyện, thì thân phận người phụ nữ chính là trục còn lại. Hai đường trục ấy nhiều lần giao nhau, tạo nên những vùng chông lán nơi áp lực, tổn thương và những khát vọng bị dồn nén lâu ngày không còn có thể nằm yên trong im lặng.

“Tiếng Guốc Trong Đêm Sơn Trà” được viết từ một bản thảo như thế. Tác phẩm đặt ra một câu hỏi không chịu khép lại bằng bất kỳ đáp án nào. Liệu người phụ nữ qua mọi thời có thật sự được quyền lựa chọn cuộc đời mình hay không, hay họ chỉ đang chuyển từ một dạng lệ thuộc này sang một dạng lệ thuộc khác dưới những hình thức mới?

Người cung nữ thời Nguyễn dâng tuổi xuân và nhan sắc của mình cho nhà vua. Diễm Thư trong thời hiện đại lại đặt thân xác lẫn trí tuệ vào những cuộc chơi khốc liệt trên thương trường. Tôi không có chứng minh một luận đề nào từ sự tương đồng ấy. Tôi chỉ lặng lẽ đặt hai số phận cạnh nhau để người đọc tự nhìn thấy những đường dây liên hệ vẫn còn âm thầm nối tiếp giữa quá khứ và hiện tại.

Trong cấu trúc đó, tiếng guốc vang lên xuyên suốt tác phẩm cũng không phải là âm thanh của một câu chuyện kinh dị. Lần đầu xuất hiện, nó giống một tiếng vọng rất xa từ quá khứ, mờ nhòe và khó nắm bắt. Càng về sau, âm thanh ấy càng tiến lại gần, trở nên rõ hơn, sâu hơn và ám ảnh hơn. Đến những chương cuối, tiếng guốc không còn

mang cảm giác đe dọa. Nó trở thành một nhịp điệu chậm rãi, trầm đều như bước chân của thời gian đang đi qua nhiều thế hệ. Với tôi, đó là một biểu tượng được bồi đắp qua nhiều lớp nghĩa. Mỗi lần hiện ra, nó lại mở thêm một khả thể diễn giải mới, không bao giờ đứng yên ở một vị trí cố định, cũng không chịu thu hẹp vào một cách hiểu duy nhất. Có lẽ vì vậy mà câu nói của bà già bán cá ở cuối truyện lại trở thành một trong những điểm lảng quan trọng: "đi rồi thì đất có trả lại được không, hay chỉ mình nó nhẹ lòng thôi?"

Tôi nghĩ đó có thể là câu hỏi đắt giá nhất của toàn bộ tác phẩm. Nó không khép lại điều gì. Nó cũng không trao cho người đọc một lối thoát dễ dàng. Sự thức tỉnh của Diễm Thư là có thật, nhưng những hệ quả từ những gì nàng từng làm vẫn còn đó. Chúng chưa được giải quyết, và có lẽ cũng không bao giờ có thể được giải quyết một cách trọn vẹn. Con người có thể nhận ra sai lầm của mình, nhưng không phải lúc nào cũng có cơ hội quay lại thời điểm trước khi sai lầm ấy xảy ra.

Nếu "Tiếng Guốc Trong Đêm Sơn Trà" đi vào thân phận người phụ nữ từ góc nhìn lịch sử và quyền lực, thì "Người Chết Hai Lần" lại tiếp cận con người từ câu chuyện về căn tính. Trong truyện này, Hân phải đi qua hai cái chết khác nhau. Một là cái chết của Hưng, đứa trẻ từng bị phủ nhận căn tính của chính mình. Cái còn lại là cái chết tinh thần mà xã hội không ngừng tìm cách áp đặt lên một người chuyển giới. Vì thế, câu kết: "Tôi là người đã không chịu chết thêm lần nữa" trở thành điểm hội tụ tư tưởng của toàn bộ truyện ngắn. Ở đây, chữ "chết" không còn mang ý nghĩa sinh học đơn thuần. Nó mở rộng thành cái chết của nhân phẩm, của căn tính và của quyền được tự quyết đời mình.

Điều khiến tôi quan tâm hơn cả là câu chuyện không dừng lại ở vấn đề chuyển giới như một đề tài xã hội cụ thể.

Nó tiếp tục đi xa hơn thế.

Nó chạm tới một câu hỏi mang tính phổ quát của mọi con người: sau khi đã trở thành người mà mình hằng mong muốn trở thành, liệu mình đã thật sự hiểu mình là ai hay chưa?

Với “Chum Muối Ngược Dòng”, tôi đưa người đọc sang một không gian khác. Đó là Sa Huỳnh, nơi những cánh đồng muối trắng lóa trải dài bên cạnh những ngôi mộ chum cổ nằm sâu trong lòng đất, nơi người sống và người chết cùng hiện diện theo một nghĩa không chỉ mang tính biểu tượng. Truyện không đơn thuần kể về đời một người làm muối, mà còn mở ra hàng loạt câu hỏi về ký ức văn hóa, về phát triển kinh tế, về bản sắc cộng đồng, về sự tuần hoàn của lịch sử và về thân phận con người trước dòng chảy không ngừng của thời đại.

Hình tượng “người trong chum” tôi xây dựng đã khiến tôi tâm đắc. Đó có thể là linh hồn của người Sa Huỳnh cổ xưa, là tiếng nói của lịch sử còn vọng lại. Nó chỉ là một phần trong tâm trí Tư Lành. Hoặç cũng có thể là tất cả những điều ấy cùng lúc tồn tại. Tôi cố tình không giải thích để giữ lại cho truyện có độ mở cần thiết. Theo diễn tiến câu chuyện, cái chum dần biến đổi ý nghĩa của nó. Từ chum của người chết thành chum của dực vọng, chum của ký ức lịch sử, chum của đồng tiền và cuối cùng là chum của nghiệp lực. Câu "Người cũng đang nằm trong chum" đã biến mộ chum từ một di vật khảo cổ thành một ẩn dụ cho trạng thái tinh thần của con người hiện đại. Ai cũng nghĩ mình đang sống tự do và tự quyết đời mình, nhưng rất có thể đang nằm

trong một chiếc chum vô hình được tạo nên từ lịch sử, ký ức và số phận. Đây là tầng ý nghĩa triết học sâu nhất của truyện. Nó không được xây dựng bằng lý luận hay diễn giải trực tiếp, mà hình thành từ hình ảnh một cái chum đất, một nắm xương cũ và câu hỏi mà người đã chết gửi đến người vẫn còn đang sống.

*

Nếu tư tưởng là phần xương sống của “MÙI TRẦM BIỂN”, thì bút pháp chính là lớp da thịt tạo nên diện mạo riêng cho toàn bộ tập truyện.

Điều người đọc có thể dễ dàng nhận ra là tôi không lựa chọn con đường hiện thực thuần túy. Nhưng tôi cũng không bước hẳn sang địa hạt kỳ ảo. Những câu chuyện trong tập sách này thường đứng ở một khoảng giữa, nơi cái thực và cái huyền soi bóng vào nhau, làm sáng tỏ lẫn nhau. Huyền ảo ở đây không xuất hiện để tạo cảm giác rùng rợn. Không nhằm dựng lên những bóng ma hay những cú giật mình quen thuộc. Tôi xem nó như một phần tự nhiên của đời sống, hiện diện lặng lẽ giữa những gì tưởng như rất bình thường.

Trong “Buông Mà Không Mất”, mùi trầm đến rồi đi như một làn gió. Hậu không giải thích điều đó. Anh cũng không kể lại cho ai nghe. Tôi viết: "Không phải vì sợ người ta cười. Mà vì anh thấy cái mùi đó không phải để kể, nó chỉ để biết." Hai câu văn ấy, theo một nghĩa nào đó, đã nói hộ khá đầy đủ quan niệm nghệ thuật của tôi. Những điều quan trọng trong đời sống không thể giải thích rành rọt bằng lý trí. Chúng chỉ có thể được cảm nhận.

Trong “Nén Nhang Cho Biển”, những đốm lửa xanh trên đảo hoang có thể là hiện tượng tự nhiên, nhưng cũng có thể là linh hồn của những người đã mất. Tôi không đứng hẳn về phía nào. Tôi để cả hai khả năng cùng tồn tại. Tương tự như vậy, thành phố dưới đáy biển trong “Triều Chứng” có thể là một truyền thuyết, có thể là ký ức tập thể của một vùng đất, cũng có thể chỉ là tiếng vọng của lương tâm một con người đang cố tìm cách quên đi quá khứ. Sự mơ hồ ấy không phải là thiếu quyết đoán. Đó là một lựa chọn nghệ thuật có ý thức.

Tôi vẫn nghĩ những câu chuyện hay không phải là những câu chuyện trả lời được mọi câu hỏi. Điều khiến chúng còn sống lâu hơn trong trí nhớ người đọc chính là khả năng giữ lại những câu hỏi, sau khi trang sách đã khép lại. Vì vậy mà phần lớn những hiện tượng huyền ảo trong tập truyện này không đến để dọa người đọc. Chúng đến để chất vấn.

Người đàn bà biển trong “Triều Chứng” hỏi Huỳnh Công Phước:

"Ông tưởng mình đang giữ đất. Nhưng thiệt ra ông đang giữ nỗi sợ."

Thiên Y A Na trong “Dấu Răng Trên Luật” hỏi con báo:

"Con sẽ phải chọn. Sống như thú hay chết như người."

Bóng hình cung nữ trong “Tiếng Guốc Trong Đêm Sơn Trà” hỏi Diễm Thư:

"Mi đổi lấy cái chi?"

Đó đều là những câu hỏi không có đáp án cuối cùng. Nhưng cũng chính vì không có đáp án cuối cùng nên chúng còn ở lại. Chúng giống như lớp muối biển còn đọng trên da rất lâu sau khi sóng đã rút xa.

Huyền thực trong “Mùi Trầm Biển” không theo kiểu García Márquez phô trương, mà gần với kiểu huyền thực của người miền biển hơn. Chuyện lạ xảy ra nhưng được kể bằng một giọng bình thản. Người đọc luôn có thể diễn giải những hình ảnh huyền ảo theo nghĩa tâm lý. Thành phố dưới đáy triều có thể là ký ức bị dồn nén. Người đàn bà biển có thể là lương tâm nhân vật. Giọng nói từ khơi xa có thể chỉ là tiếng vọng nội tâm.

Tôi không ép buộc người đọc phải tin vào siêu nhiên. Nhưng tôi cũng không phủ nhận nó. Sự nhập nhằng ấy là điều tôi chủ động lựa chọn. Câu chuyện vẫn đúng dù thường luồng có thật hay không, dù mùi trầm là một hiện tượng tâm linh hay chỉ là ký ức được gió thổi vào nhằm chỗ.

Bên cạnh bút pháp huyền thực, tôi cũng khá chú ý đến việc xây dựng hình ảnh. Nếu phải chỉ ra điều gì góp phần tạo nên sức nặng cho “MÙI TRẦM BIỂN”, tôi nghĩ đó là niềm tin dành cho chi tiết thay vì diễn giải. Tôi luôn cảm thấy một hình ảnh đúng đôi khi có sức gợi lớn hơn cả một đoạn bình luận dài.

Trong “Buông Mà Không Mất”, Dũng cúi xuống nhặt một chiếc vỏ ốc trước lúc rời đi. Đó là một chi tiết rất nhỏ. Nhưng chỉ cần như vậy, người đọc đã hiểu rằng ngay cả người đứng ở phía bên kia câu chuyện cũng đang mang theo một phần ký ức của vùng đất ấy. Trong “Khối Im Lặng Còn Thở”, pho tượng người phụ nữ ôm một khối tròn trước ngực, bên trong không phải khoảng rỗng mà là: "Nhiều thứ

đang ép nhau." Hình ảnh ấy vừa cụ thể vừa mang tính biểu tượng. Nó không chỉ nói về đá. Nó còn nói về những nỗi đau, những ký ức và những khát vọng bị nén lại đến mức không còn biết cất tiếng bằng cách nào. Tôi luôn thích những hình ảnh như vậy. Những hình ảnh biết tự làm việc. Không phải những hình ảnh chỉ tồn tại để trang trí cho câu chữ.

Về mặt ngôn ngữ, trong "MÙI TRẦM BIỂN" tôi cũng dành khá nhiều sự quan tâm cho nhịp điệu câu văn. Nhiều đoạn miêu tả được kéo dài, chồng lớp và miên man như những đợt sóng liên tiếp ngoài biển. Giọng kể xuyên suốt tập truyện được giữ ở nhịp thông thả, điềm đạm và ít khi lên giọng. Ngay cả khi đề cập đến những xung đột gay gắt về đất đai, ký ức hay quyền lực, tôi vẫn cố giữ sự tiết chế nhiều nhất có thể. Thế nhưng giữa những đoạn văn có nhịp chảy chậm ấy, tôi vẫn thường bất ngờ dừng lại bằng một câu cực ngắn.

"Rít. Đứt. Im."

Hoặc:

"Biển không ăn người bằng sóng. Nó ăn hy vọng."

Hay:

"Người cũng đang nằm trong chum."

Những câu ngắn như vậy xuất hiện không nhiều. Nhưng mỗi lần xuất hiện, chúng đều tạo nên một điểm nhấn mạnh. Tôi luôn nghĩ chúng giống những khoảng lặng trong âm nhạc. Khoảng lặng không làm bài hát yếu đi. Ngược lại, chính nó khiến những âm thanh còn lại vang xa hơn.

Nếu phải chọn ra một nguyên tắc nghệ thuật mà tôi theo đuổi bền bỉ từ đầu đến cuối cuốn sách này, thì đó là hạn chế giải thích và đặt niềm tin vào hình ảnh. Tôi tin vào khả năng cảm nhận của người đọc.

Trong “Dấu Răng Trên Luật”, thay vì để nhân vật trực tiếp phát biểu quan điểm hay đứng ra đặt câu hỏi, tôi thường để hình ảnh đảm nhận công việc ấy. Chẳng hạn câu: “Đèn đường vàng vọt đứng thành hàng như những người lính đã quên mình đang canh giữ cái gì”. Bằng một hình ảnh, tôi muốn chạm tới trạng thái của luật pháp và trật tự trong đời sống hiện đại, nơi nhiều khi người ta vẫn tiếp tục thực hiện chức năng của mình nhưng đã dần quên mất ý nghĩa ban đầu của nó. Hay ở đoạn: “Ông cúi xuống, nhặt cái vỏ đạn vừa văng ra gần chân mình, bóp chặt trong lòng bàn tay cho đến khi kim loại nóng lên. Ông không biết mình đang làm gì”, bản thân hình ảnh ấy đã mang theo cảm giác tội lỗi. Nó tự nói lên điều cần nói mà không cần thêm bất kỳ lời diễn giải nào. Tương tự như vậy, câu: “Bà không nhặt vào đá. Mà đi như người thật sự đi, bước một, bước hai, khuất sau tảng đá lớn. Lần này bà cũng không còn chỗ để tan vào nữa”, khép lại vòng cung của Thiên Y A Na bằng một nỗi buồn lặng lẽ nhưng nặng trĩu. Tôi nghĩ sức nặng của đoạn văn nằm chính ở điều không được nói ra.

Không chỉ hình ảnh, kết cấu của từng truyện trong tập sách cũng được tôi xử lý theo những cách khác nhau, tùy thuộc vào bản chất của mỗi câu chuyện.

“Buông Mà Không Mất” được xây dựng theo dạng vòng tròn mở. Truyện bắt đầu bằng gió trên sông Cái rồi khép lại bằng tiếng sóng biển, tạo cảm giác câu chuyện đã kết thúc mà vẫn còn tiếp tục đâu đó ngoài trang sách. “Đất

Thắng” lại vận hành theo hình xoáy ốc. Từ hình ảnh ông Lộc ngồi trước hiên nhà ở hiện tại, câu chuyện từng bước lùi sâu vào quá khứ qua nhiều lớp hồi tưởng, rồi cuối cùng quay trở lại đúng không gian Tam Thai ban đầu nhưng ở một tầng nhận thức hoàn toàn khác.

Riêng “Dấu Răng Trên Luật” được xây dựng trên ba vòng cung phát triển song song rồi từ từ bện chặt vào nhau.

Đó là vòng cung của con báo.

Vòng cung của Thiên Y A Na.

Và vòng cung của Tư Lành.

Ba tuyến truyện cùng tồn tại trong một kết cấu đa thanh, không đối chọi hay lấn át nhau, mà thẩm thấu vào nhau để mỗi mạch chuyện đều góp phần soi sáng và mở rộng ý nghĩa cho những mạch còn lại.

Về phương diện bút pháp, tôi nghĩ “Dấu Răng Trên Luật” có phần gần với ngụ ngôn triết học hiện đại. Nó gần với Kafka ở chỗ cái phi lý được trình bày như một điều hiển nhiên của đời sống. Nó gần với Camus ở chỗ nhân vật đối diện với cái phi lý bằng hành động thay vì khuất phục. Tuy nhiên, giọng điệu của truyện vẫn mang tính bản địa rất rõ. Hơi thở của vùng đất Trường Sơn, truyền thuyết Thiên Y A Na và địa lý cụ thể của Phú Yên vẫn hiện diện xuyên suốt câu chuyện theo cách mà người đọc có thể nhận ra.

Sau tất cả những lựa chọn về tư tưởng, bút pháp, kết cấu và hình ảnh ấy, điều tôi hy vọng nhất là khi đọc xong “MÙI TRÂM BIỂN”, người đọc sẽ không có cảm giác mọi thứ đã được giải quyết ổn thỏa. Sẽ không có câu trả lời nào được trao tận tay một cách gọn ghẽ. Không có nhân vật nào

thật sự được cứu rỗi hoàn toàn. Cũng không có bài học nào được thu gọn thành một kết luận dễ nhớ. Đó vừa là đặc điểm của tập truyện, vừa là điều tôi muốn giữ lại cho nó. Những câu hỏi mà các truyện đặt ra, từ quyền sở hữu ký ức, từ chuyện ai có quyền định nghĩa tương lai của một vùng đất, cho đến ranh giới mong manh giữa phát triển và lãng quên, thân phận người đàn bà qua nhiều thời đại hay lương tâm của những người biết mà vẫn chọn quay mặt đi, đều không phải những câu hỏi có thể trả lời bằng vài dòng ngắn gọn. Chúng chỉ có thể được mang theo. Được sống cùng. Và được đặt lên bàn cân mỗi ngày trong đời sống thực. Cũng như biển vậy. Triều lên rồi triều xuống. Xóa đi rồi lại hiện về. Chưa bao giờ thật sự thuộc quyền làm chủ của bất kỳ ai.

Tôi nghĩ khi khép lại “MÙI TRẦM BIỂN”, điều còn đọng lại trong lòng người đọc không hẳn là cốt truyện. Cũng không phải là những yếu tố huyền hoặc xuất hiện xuyên suốt các trang sách. Điều còn lại, có lẽ, là cảm giác mình vừa đi ngang qua rất nhiều vùng đất và gặp rất nhiều con người đang cố giữ lấy một phần ký ức của đời mình.

Những ký ức ấy có khi mang hình dạng một chiếc vỏ ốc.

Một nắm cát.

Một mùi trầm.

Một tiếng guốc.

Một chiếc chum đất.

Một cái giếng cổ.

Một pho tượng đá.

Những vật thể rất nhỏ, rất bình thường, nhưng lại trở thành nơi trú ngụ của những điều lớn lao hơn chính bản thân chúng. Và rồi sau tất cả, vẫn còn một câu hỏi âm thầm vang lên xuyên suốt mười bảy truyện:

"Thứ gì thật sự thuộc về con người?"

Tôi không hề trả lời.

Tập truyện này chọn cách đứng trước những câu hỏi bằng sự thành thật và kiên nhẫn. Bởi những câu hỏi lớn nhất của đời sống chưa bao giờ có thể khép lại bằng một dấu chấm. Chúng chỉ tiếp tục vang vọng, từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ vùng đất này sang vùng đất khác, trong những hình thức khác nhau nhưng cùng một nỗi băn khoăn căn bản của con người.

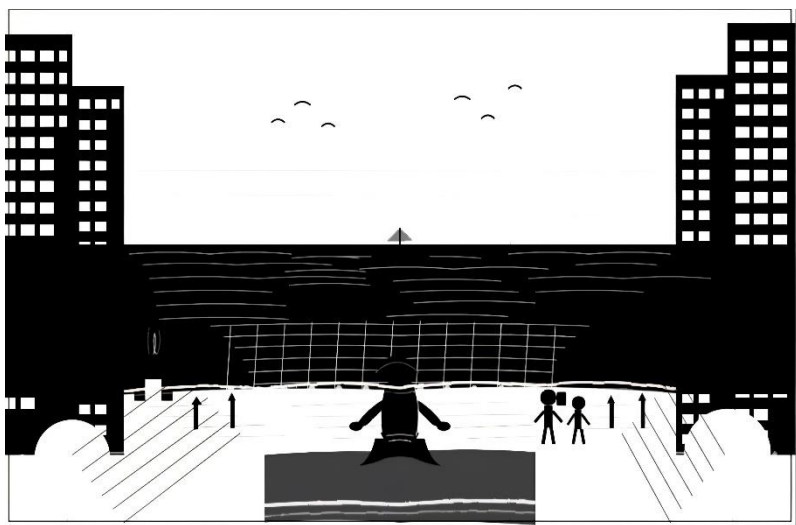
Như tiếng sóng.

Như mùi trầm.

Như ký ức của đất.

Và đó, có lẽ, chính là điều tôi muốn "MÙI TRẦM BIỂN" để lại trong lòng người đọc.

Nguyễn Đông A



LỜI NGỎ

Mùi trầm trong những câu chuyện này không thuộc về một địa danh cụ thể nào, mà thuộc về thời gian. Mùi trầm. Mùi biển. Hai thứ tưởng như cách biệt, một bên là đỉnh miếu, hương khói và cõi tâm linh, một bên là gió mặn, vị cá và cuộc mưu sinh ngoài khơi xa. Vậy mà qua từng trang sách, chúng cứ quấn lấy nhau, không chịu rời nhau ra, như thể đã có một cuộc hẹn từ rất lâu ở nơi nào đó mà người sống không sao biết được.

Tôi viết về đất và người dọc theo những bờ biển dài của đất nước này. Từ Vũng Tàu lên Phan Rang, từ Quy Nhơn ra Đà Nẵng, từ Hội An ngược lên Huế, từ đèo Hải Vân xuống những miền đá bazan cổ xưa. Tôi viết về những con

người sống nhờ biển, chết vì biển, yêu biển đến mức không còn phân biệt được đâu là mình, đâu là nước. Tôi viết về đất. Thử đất bị mua bán, bị quy hoạch, bị san lấp, bị phủ lên bằng những lớp bê tông của thời cuộc. Nhưng trên hết, tôi muốn viết về điều không ai có thể mua bán được. Đó là ký ức, là phần hồn của một vùng đất không nằm trong bất cứ hồ sơ địa chính nào.

Mười bảy truyện ngắn trong tập sách này không có câu chuyện nào thật sự đơn giản. Cũng không có nhân vật nào hoàn toàn đúng hoặc hoàn toàn sai. Người nghèo không chỉ là nạn nhân. Người giàu cũng không phải những ác nhân thuần túy. Biển lại càng không thưởng cho người tốt hay trừng phạt kẻ xấu. Biển chỉ lặng lẽ lên xuống theo thủy triều của nó, âm thầm ghi nhớ mọi điều mà không phán xét bất kỳ ai.

Người đọc sẽ nhận ra rằng tôi không vội vàng khi kể chuyện. Những trang sách này chỉ lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh bạn, kể bằng cái nhịp riêng của người miền biển: chậm rãi, thật thà và không cần đến những kịch tính gượng ép. Nhưng khi khép sách lại, lòng người chưa chắc đã yên. Bởi những câu hỏi mà các câu chuyện đặt ra không nằm trong chính cuốn sách này.

Mời bạn đọc.

1. Truyện ngắn

BUÔNG MÀ KHÔNG MẮT

Gió sông Cái buổi sớm không bao giờ thổi theo một hướng nhất định, nó cứ quần quanh, lẫn vào từng khe ván cũ, luồn dưới những tấm liếp bạc màu. Rồi bất chợt quất ngược lên mặt người ta, bằng thứ hơi lạnh mằn mặn như vừa đi qua cả trăm năm ký ức, của một vùng đất từng là bãi cát hoang. Nơi bác sĩ người Tây nào đó đứng chụp hình từ năm một ngàn tám trăm chín mươi mấy. Lúc ấy, Nha Trang còn là một làng chài lưa thưa mái tranh, và cũng chính nơi đó, qua bao nhiêu lớp người, lớp sóng, cuối cùng chỉ còn lại những tiếng thở dài không có hình dạng.

Anh tên là Hậu.

Tên anh không có gì đặc biệt, nhưng cái cách anh sống thì lại giống như một thứ còn sót lại của một thời đã bị người ta xóa đi mà chưa kịp nhớ lại cho tử tế. Ông sơ anh từ Tuy Hòa chèo ghe vô, ghé chỗ cửa sông, thấy doi cát bồi, thấy nước hiền, thấy có thể sống, nên cắm sào, dựng chòi, lấy vợ, rồi sinh con. Ông cắm đờn mình xuống đó như cắm một cây cọc gỗ xuống bùn, tưởng là tạm hóa ra là vĩnh viễn. Ông nội kể lại, hồi ông sơ mới ghé cửa sông, đêm đầu tiên ngủ trên ghe, nằm mơ thấy một người đàn bà tóc dài đứng trên mặt nước không chìm. Bà không nói gì, chỉ chỉ tay vào doi cát. Sáng ra ông sơ chèo vô, thấy doi cát bồi tốt, nước hiền, bèn ở lại. Ông nội nói đó là Bà Cậu, là Mẫu, là thứ giữ ghe cho không lật giữa biển. Cha anh nghe chuyện đó nhiều lần, mỗi lần say rượu là kể lại. Còn Hậu nghe mà không

nghĩ gì nhiều, thấy chuyện đó hình như nằm đâu đó trong người anh, như một cái neo không thấy được mà vẫn giữ. Mấy đời nhà anh vẫn làm biển. Đến đời ông nội, đời cha, rồi tới anh, cái nghề vẫn không đổi, chỉ có sóng thì dữ hơn, người thì đông hơn, còn đất thì ít lại, và những thứ gọi là “của mình” thì cứ mỏng dần như lớp cát bị nước rút.

Hậu sinh ra ở Xóm Cồn, nơi mà nay người ta kể, nếu đi hết con đường cát thì sẽ gặp chỗ thuyền neo, chỗ phơi cá, chỗ vá lưới, nơi có mấy bà ngồi xỏ ốc tí tách suốt ngày, và mấy đứa con nít chạy chơi, cười nói, như thể đời nó không có cái gì gọi là sợ hãi. Anh còn nhớ những buổi trưa nằm võng, mở băng cassette nghe cải lương lẫn với tiếng sóng, nhớ mùi cá khô, nhớ cả cái cảm giác đất dưới chân lúc nào cũng như sắp trôi đi vẫn cố bám. Anh cũng nhớ cái am ở đầu xóm, không ai biết dựng từ hồi nào, chỉ biết lúc còn nhỏ anh đã thấy nó ở đó rồi. Mái lợp tôn han, vách ghép bằng mấy tấm ván cũ, bên trong có tượng một người đàn bà, sơn đỏ bạc gần hết, ngồi thẳng, tay đặt lên gối, mắt nhìn ra phía biển. Không ai gọi bà là gì cụ thể. Mọi người gọi là Bà. Mỗi sáng mấy người trong xóm ghé thấp nhang. Chỉ thấp. Như thấp là một cách chào, một cách nói tui vẫn còn ở đây. Hậu hồi nhỏ hay chạy ngang qua, người mùi trầm bay ra, thấy quen, thấy yên, không biết tại sao.

Nhưng rồi cầu mọc lên. Một đường thẳng cắt ngang ký ức.

Xóm Cồn biến mất.

Người ta nói di dời, nói quy hoạch, nói phát triển. Anh không hiểu hết mấy chữ đó, anh chỉ thấy không còn chỗ cho nhà mình.

Vậy là vợ chồng anh trôi xuống Vĩnh Nguyên, dựng lại một căn nhà chồ khác, nhỏ hơn, thấp hơn, xiêu vẹo hơn, như một cái bóng của chính cuộc đời mình. Anh cắm mấy cây cọc xuống mép nước, lót ván lên, treo thêm vài tấm bạt xanh đã rách vì gió biển, và sống, như bao nhiêu người khác, trong cái lằn ranh mong manh giữa ở và không ở.

Ở góc nhà, chỗ khuất nhất, anh để một am nhỏ, không phải am cũ từ Xóm Cồn, cái đó đã bị dẹp theo xóm. Nói đúng hơn nó giống như cái trang thờ để thấp, vách che sơ sài. Am này anh tự ghép lại bằng mấy miếng ván, đặt vào đó tượng Bà, sơn đồ bạc gần hết, mắt vẫn nhìn ra phía biển. Anh không cúng bái gì nhiều. thỉnh thoảng thấp một cây nhang, như ông nội dạy, như cha làm. Như cái cách người ta giữ lại một sợi dây với nơi thiêng, chỗ mình không được biết hết.

Vợ anh, con Sáu Nhàn, ngày ngày phơi cá, xỏ ốc, tiếng vỗ ốc va nhau nghe lách tách, đều đều như một thứ nhịp thời gian không ai đếm. Nhưng Hậu biết, cái đều đều đó không phải bình thản. Những buổi chiều anh về sớm, thấy Nhàn ngồi xỏ ốc mà tay không nhúc nhích, mắt nhìn ra phía bờ bên kia, nơi mấy cái cần câu đang mọc lên như cây rừng sau mưa. Anh không hỏi, Nhàn không nói. Nhưng cái im lặng đó nặng hơn bất cứ câu gì. Một lần, chỉ một lần, Nhàn hỏi anh, giọng nhỏ như sợ biển nghe thấy:

"Mình có đi không anh?"

Hậu nói: "Chưa biết."

Nhàn gật đầu, cúi xuống xỏ tiếp. Không hỏi thêm. Cái không hỏi thêm đó, anh cứ nghĩ tới hoài, không biết là Nhàn tin anh, hay Nhàn đã không còn kỳ vọng gì nữa.

Hai đứa con anh thì lớn lên trong cảnh bữa học bữa nghỉ. Đứa con lớn bỏ luôn, theo cha chèo thúng. Thằng bé không nói gì khi bỏ học, chỉ hôm đó xếp mấy cuốn vở lại gọn, buộc dây cẩn thận, để lên góc kệ, rồi xuống bên giống như xem đó là một chuyện bình thường. Hậu thấy mà không dám hỏi. Vì anh biết nếu hỏi, thằng nhỏ sẽ nói "không sao đâu ba", anh không chịu nổi được câu đó. Đứa con nhỏ thì vẫn còn cắp sách, nhưng ánh mắt đã có cái gì đó mệt mỏi sớm hơn tuổi. Hôm người ta về đo đất, con nhỏ đi học về, đứng ngoài cổng nhìn mấy cây cọc sơn đỏ họ vừa cắm, hỏi anh:

"Ba ơi, mấy cái cọc đó làm gì vậy ba?"

Hậu nói: "Họ đo đất."

"Đất mình hả ba?"

Anh không trả lời được. Đứa con nhỏ nhìn anh thêm một chút, rồi vào nhà, không hỏi nữa. Cái không hỏi nữa của con nhỏ và cái không hỏi nữa của Nhân giống nhau đến lạ. Trong nhà này, người ta học cách ngừng hỏi từ rất sớm.

Những buổi tối, Hậu nằm nghe sóng đập vào chân nhà, nhớ lại mấy câu người ta hay nói về số mệnh, rằng "sống chết có số, phú quý do trời", rồi lại nghĩ tới mấy người lên núi Sam, núi Bà Đen, chen nhau sờ tường xin lộc, tự nhiên thấy buồn cười mà cũng buồn thiệt. Bởi vì nếu số mệnh là thứ có thể xin được, thì anh đã không phải đứng đây, giữa nước với gió, chờ từng con cá nhỏ mắc lưới.

Tuy vậy anh vẫn nghĩ. Anh không phải người dễ buông. Anh ít học, nhưng cái đầu không chịu đứng yên. Anh nghĩ hoài. Nghĩ về chuyện tại sao có người không làm gì cũng giàu. Người thì lận lộn suốt đời vẫn không đủ ăn. Nghĩ

về chuyện có phải mình nghèo là do mình, hay do cái gì đó lớn hơn, vô hình. Cái người ta gọi là “thiên”, hay là “nghiệp”. Anh không trả lời được, nhưng anh không chịu im.

Bỗng một đêm, anh không nhớ rõ hồi nào, chỉ nhớ lúc đó nước đang lớn, sóng đập nhẹ, anh chợt ngủi thấy mùi trầm. Không phải mùi từ nhà ai thấp. Mùi từ phía biển theo gió vào, ấm và sâu. Hình như đất dưới nước cũng có thể thở. Anh ngồi dậy nhìn ra, không thấy gì. Nhàn ngủ rồi. Mấy đứa nhỏ ngủ rồi. Anh ngồi một mình với cái mùi đó, một lúc sau nó tan. Anh không kể với ai. Không phải vì sợ người ta cười. Mà vì anh thấy cái mùi đó không phải để kể, chỉ để biết.

*

Chuyện bắt đầu từ khi người ta về đo đất. Họ đo trên bờ và đo cả dưới nước. Họ đi xuống máy, mang máy móc, họ nói chuyện với cán bộ, vẽ vẽ, ghi ghi, rồi cắm mấy cây cọc sơn đỏ xuống sát dãy nhà chồ. Người trong xóm nhìn nhau, ai cũng hiểu, có chuyện. Vài ngày sau, có thông báo. Dự án du lịch khu nghỉ dưỡng cao cấp. Toàn bộ khu nhà chồ phải di dời. Người ta nói có hỗ trợ, nhưng không nói đưa bao nhiêu. Không nói khi nào. Không nói đi đâu. Chỉ nói phải đi.

Hậu cầm tờ giấy nhận được, đọc chậm, từng chữ hình như nặng hơn bình thường.

Anh hỏi cán bộ:

“Anh nói tui nghe, tui tui đi rồi, sống bằng cái gì?”

Người cán bộ nhìn anh. Nhìn một lúc rồi mới nói, giọng không to không nhỏ, nghe như người đang cố giữ cho bằng phẳng:

"Có chính sách."

Hậu thấy tay người đó siết lại rồi buông. Một cái siết nhỏ thôi, không ai để ý nếu không nhìn. Anh nhìn. Và anh nhớ cái siết đó lâu hơn nhớ cái câu trả lời.

"Chính sách có cho tụi tui cái biển không?"

Không ai trả lời.

Trong xóm bắt đầu chia hai. Một bên là những người có tàu lớn, có vốn, họ ủng hộ dự án. Họ nói thời này phải làm lớn, đánh bắt xa bờ, không thể để mấy người nghèo đánh bắt gần bờ làm cạn kiệt tài nguyên. Một bên là những người như Hậu, chỉ có thúng, lưới rách, sống nhờ mấy con cá gần bờ, không đủ sức đi xa, cũng không có gì để mất, ngoài cái chỗ đứng chên vênh này. Xóm chia hai không theo giàu nghèo hẳn, chia theo cái gì đó tinh vi, khó nói hơn. Vì vậy mà đau hơn.

Năm Được là người đầu tiên bước sang nói chuyện với cán bộ. Ông ta không phải người xấu, Hậu biết điều đó. Hồi trước ông ta còn cho Hậu mượn lưới khi lưới anh rách chưa kịp vá, còn dúi cho thằng con lớn của Hậu mấy chục ngàn mua bánh. Nhưng ông ta có hai cái tàu, vốn vay ngân hàng, có mối quan hệ với mấy vựa cá lớn, ông ta đã tính toán xong từ trước khi họp xóm. "Thời này phải làm lớn," Năm Được nói, giọng không gay gắt, chỉ như người đang giải thích một điều hiển nhiên. "Đánh gần bờ kiểu này, mấy chục năm nữa còn gì? Cá cạn, biển cạn, tụi mình cũng cạn."

Dự án này họ làm, mình không cần được, chi bằng hợp tác, còn có phần."

Hậu ngồi nghe, không nói. Anh hiểu cái lý của Năm Được. Lý đó không sai. Nhưng cái lý đúng đó đứng trên chỗ đứng của người có tàu lớn. Và từ chỗ đứng đó nhìn xuống, mấy cái thúng nan của Hậu trông không khác gì rác trên mặt nước. Buổi họp xóm hôm đó, lần đầu tiên Hậu thấy người ta cãi nhau không phải vì ghét nhau mà vì sợ nhau.

Một người tên Bảy Lùn, thúng nhỏ hơn của Hậu, vợ bệnh, hai đứa con còn nhỏ, đứa còn đỏ hỏn, đứng lên giọng run run:

"Tụi tui đi rồi sống bằng cái gì? Mấy anh có tàu có thể đi xa, còn tụi tui?"

Năm Được nhìn Bảy Lùn, chẳng khinh, chỉ mệt:

"Thì học nghề khác. Chứ cứ bám mấy con cá gần bờ hoài, đến bao giờ?"

"Học nghề." Bảy Lùn lặp lại, giọng không còn run nữa, chỉ còn trống. "Tui bốn mươi lăm tuổi, học nghề gì?" Lại không ai trả lời.

Hậu ngồi giữa, nghe hai phía, thấy cả hai đều đúng theo cái cách riêng của họ, và chính cái đúng song song đó, mới là thứ làm anh nghệt thờ. Không phải vì không biết chọn bên. Vì anh thấy rõ, dù chọn bên nào, cũng có người trong xóm này thua. Khách du lịch tới ngày càng đông. Họ chụp hình nhà chồ, đăng lên mạng, nói "đẹp", "độc", "đáng thương". Hậu nghe mà thấy nghèn nghẹn. Đời mình, với họ chỉ là một cái cảnh.

Mấy ngày sau buổi họp, Hậu để ý thấy có gì đó thay đổi. Không ai nói thẳng. Năm Được không còn ghé uống nước trước khi ra khơi. Mấy người đi tàu lớn nhìn anh khác đi, không thù, chỉ như nhìn một thứ đã được xếp vào một ngăn khác. Còn mấy người thùng nhỏ như Bảy Lùn thì ngược lại, hay ghé hơn, ngồi gần hơn, nhưng ánh mắt lại có cái gì đó trông chờ mà Hậu không chắc mình đáp được.

Một buổi chiều, Bảy Lùn ghé, không nói gì lớn, chỉ hỏi nhỏ:

"Anh Hậu tính sao?"

Hậu nhìn ra biển:

"Chưa biết."

Bảy Lùn gật, ngồi thêm một chút rồi về. Nhưng cái gật đầu đó nặng hơn bất cứ câu hỏi nào. Giống như Bảy Lùn đang gửi gắm vào anh một thứ gì đó mà anh chưa chắc mình xứng đáng nhận. Đêm đó Hậu không ngủ được. Lần đầu tiên anh thấy rõ, quyết định của anh không còn chỉ là của anh nữa.

*

Mâu thuẫn lên tới đỉnh khi một người tên Dũng, chủ doanh nghiệp trực tiếp đến. Hôm Dũng về, Năm Được cũng có mặt. Hắn đứng phía bên kia, cạnh mấy cán bộ. Không phải đứng chung hắn, chỉ là đứng gần hơn phía đó. Hậu thấy, không nói gì. Nhưng anh nhớ cái vị trí đứng đó lâu hơn nhớ bất cứ câu nói nào trong buổi hôm đó.

Dũng đứng trên bờ, áo trắng, giày sạch. Hậu để ý thấy ông ta không nhìn xuống xóm nhà chồ ngay. Mà ông

đứng nhìn ra biển trước, khá lâu, cái nhìn của người đang cân đo thứ gì đó trong đầu chứ không phải đang ngắm cảnh. Rồi ông mới quay lại, giọng nói từ từ gần như vô cảm, như người đã nói câu này quá nhiều lần đến mức không còn nghe thấy mình nói nữa:

"Tôi không muốn ép. Nhưng đây là phát triển chung."

Hậu đứng dưới nước, bùn ngập tới mắt cá, nhìn lên, ánh mắt không tránh.

"Chung với ai?"

"Với thành phố."

"Thành phố có tội tui không?"

Không khí đặc lại. Người ta bắt đầu khó chịu. Nhưng Hậu không dừng.

"Nếu tội tui đi, biển này còn không? Hay cũng thành của mấy người?"

Một người khác chen vào, giọng gay gắt:

"Anh đừng chống đối."

Hậu cười, nhưng nụ cười không có chút gì là vui:

"Tui không chống, tui hỏi thôi."

Lúc mọi người giải tán, Hậu thấy Dũng đứng lại một mình ở mép bờ. Ông ta cúi xuống, nhặt một cái vỏ ốc lên, nhìn một lúc, rồi bỏ vào túi. Cái động tác nhỏ đó, Hậu không biết phải nghĩ sao. Ghét thì vẫn ghét. Nhưng cái gì đó trong anh bỗng thấy mệt hơn là tức.

*

Chiều hôm đó, trước khi trời kéo mây, Nhân bảo anh:

"Anh lên Lãng Ông với tụi con đi."

Anh lắc đầu.

Nhân không năn nỉ. Cô đứng nhìn anh một lúc, rồi với tay lấy cái áo mưa cũ móc trên vách, đặt ngay ngắn lên cái ghế gần chỗ anh hay ngồi. Không nói gì. Quay đi, kêu mấy đứa nhỏ theo. Hậu nhìn cái áo mưa. Nó rách một lỗ ở vai, Nhân đã vá lại bằng miếng vải khác màu, mũi chỉ dày, chắc. Anh không mặc vào. Nhưng anh cũng không bỏ xuống.

Đêm đó, biển động. Sóng đánh mạnh hơn mọi năm. Nhà chồ rung lên từng hồi, như có ai đang nhổ từng cây cọc ra khỏi đất. Vợ con anh đã chạy lên Lãng Ông. Anh ở lại. Không phải vì can đảm, mà vì anh không muốn bỏ lại cái gì đó, dù anh cũng không rõ là cái gì. Anh ngồi giữa nhà, nước đã tràn vào, chân lạnh buốt, đầu thì nóng. Trong đầu anh, hai tiếng nói lại nổi lên, một bên kêu buông, một bên kêu giữ, một bên nói số mệnh, một bên nói phải giành.

Anh bỗng hét lên, giữa tiếng gió:

"Vậy rốt cuộc là cái gì?!"

Sóng đập. Mạnh. Một cây cọc gãy. Nhà nghiêng.

Và trong cái chao đảo đó, anh nghĩ thấy mùi trầm. Cái mùi anh đã nghĩ một lần, đêm nước lớn năm nào, rồi tan mất. Lần này không tan. Mùi trầm ở lại, ám, sâu, như từ đất mà lên, như đất dưới nước vẫn còn nhớ ai đó.

Người đàn bà đứng đó, không biết từ lúc nào, không ướt, không lay, như thể sóng gió không chạm tới. Bà nhìn anh, như nhìn một đứa con đang cãi.

“Con giữ cái gì?” Giọng bà nhẹ mà đậm sâu.

Hậu thờ gáp:

“Giữ nhà.”

“Nhà giữ con không?”

Anh cứng lại.

“Giữ biển?”

“Biển có giữ ai chưa?”

Anh không nói.

Bà bước lại gần, đưa tay chạm vào một cây cọc gỗ đang rung:

“Cái này, con đóng xuống, tưởng là giữ được đời mình.”

Rồi bà nhìn thẳng vào anh:

“Nhưng con có biết, cái giữ con không phải là cọc, mà là cái con tin.”

Anh run.

“Tin cái gì?”

Bà cười, rất nhẹ:

“Tin là mình còn đường.”

*

Sáng hôm sau, Hậu tự đi tìm gặp họ. Chẳng ai ép. Anh đi, như người đã qua một cái gì đó mà không ai thấy. Anh gặp họ. Chủ đầu tư. Cán bộ. Máy người giàu. Ông Dũng nhìn anh bước vào, chỉ gật đầu một cái rất nhẹ, như người đã chờ mà không dám chắc. Người cán bộ hôm trước ngồi góc, mắt nhìn xuống bàn. Hậu không rõ ông ta nghĩ gì. Nhưng anh thấy bàn tay ông ta đặt phẳng lên mặt bàn, không siết nữa.

Anh để ý thấy Năm Được ngồi góc phòng. Hai người nhìn nhau một giây. Năm Được không tránh mắt, cũng không nói gì. Hậu gật đầu nhẹ, chỉ là để nói, đã nhận ra ông.

Rồi anh nhìn thẳng vào Dũng nói:

“Tui đi.”

Mọi người bất ngờ.

“Nhưng tui nói trước.”

Họ chờ.

“Tụi tui không cần nhiều tiền. Nhưng phải giữ lại một đoạn bờ, cho mấy người đánh bắt gần bờ. Không phải vì tụi tui, mà vì cái cách sống này, nếu mất luôn, thì mai một mấy người chỉ còn cái vỏ.”

Không ai nói ngay.

Chỉ có gió.

Và cái nhìn.

Lâu.

Rất lâu.

Dự án vẫn làm. Người ta vẫn dọn nhà chồ. Nhưng có một đoạn bờ được giữ lại. Không lớn, không đẹp, nhưng còn. Người ta gọi đó là “khu bảo tồn văn hóa”. Hậu nghe, không hiểu hết, nhưng anh biết, ít nhất có cái gì đó chưa mất.

...

Nhàn vẫn xỏ ốc, mỗi ngày, nhưng giờ ngồi dưới mái hiên nhà mới, chỗ không có sóng vỗ dưới chân. Thịnh thoảng cô ngẩng lên nhìn ra phía biển, nơi Hậu ngồi, rồi lại cúi xuống. Không gọi. Nhìn một chút, thế thôi.

*

Nhiều năm sau, người ta vẫn thấy một ông già ngồi vá lưới ở mép biển, ngay cái khoảng đất nhỏ xíu còn sót lại giữa những dãy resort sáng choang như ban ngày. Ánh đèn đổ xuống mặt nước lấp lánh mà lạnh. Khách du lịch đi ngang cười nói rộn ràng, đưa máy lên chụp lia lịa như sợ lỡ mất một khoảnh khắc "chân thật". Ông thì cúi xuống, tay lần từng mắt lưới. Chậm rãi, đều đặn. Như thể mỗi nút thắt là một lần buộc lại một điều gì đó đã từng rơi rớt trong đời mình, mà không cần ai chứng kiến. Thịnh thoảng, ông mới ngẩng lên, không phải để nhìn người, mà nhìn ra xa. Nơi mặt biển kéo dài tới tận chân trời, chỗ mà nước với trời dường như không còn phân biệt. Và trong cái khoảng mênh mông đó, ánh mắt ông lặng lại rất lâu, như đang lắng nghe một tiếng gọi không thành lời, hay một câu chuyện đã từng được kể từ rất xa, rất lâu, mà tới giờ vẫn chưa chịu kết thúc.

Khách đi qua dừng lại, tò mò, hỏi ông, giọng nửa đùa nửa thật, như hỏi cho có chuyện:

"Ông có tiếc không?"

Ông không trả lời liền, bàn tay vẫn lần thêm một vòng dây, kéo nhẹ, siết lại. Rồi mới ngẩng đầu lên, nở một nụ cười chậm, sâu, không buồn mà cũng không vui, như nước biển lúc lặng, tưởng êm mà sâu hun hút:

"Không."

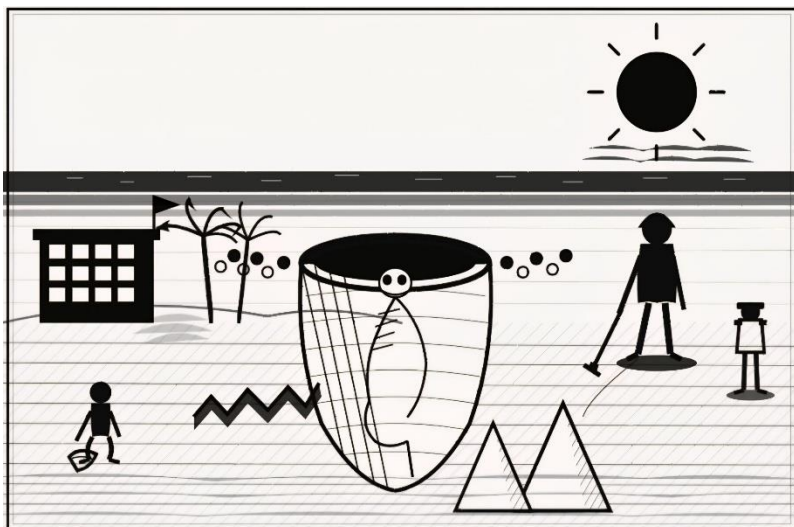
Người kia có vẻ chưa thỏa, đứng chờ thêm, như muốn moi ra một điều gì đó kịch tính hơn. Nhưng ông chỉ nhìn ra xa thêm một lần nữa, rồi nói, rất khẽ:

"Tiếc hay không, là lúc mình còn tưởng cái gì đó là của mình."

Ông không nói thêm. Tay ông trở lại với tấm lưới. Lần từng mắt. Chậm. Đều. Như không có gì vừa được hỏi, không có gì vừa được trả lời. Người kia đứng thêm một lúc, rồi đi. Ông không nhìn theo.

Một con sóng nhỏ lặn vào, chạm chân ông, rút ra. Để lại trên cát một vệt ướt, loang rộng một chút rồi cạn dần, cạn dần, cho đến khi không còn thấy vết gì nữa. Mà cát thì vẫn còn đó, sẫm hơn một chút, mát hơn một chút, như nước đi rồi mà chưa thật sự đi hết.

Xa hơn, phía chân trời, mặt biển phẳng. Ông cúi xuống, tiếp tục vá.



2. Truyện ngắn

CHUM MUỐI NGƯỢC DÒNG

Gió biển Sa Huỳnh thổi ngang mặt người, mằn mặn, rất rạt như có ai lấy muối sống mà chà vô da thịt. Trưa đứng bóng, trời đổ lửa xuống đồng muối trắng phau, chói chang tới mức nhìn lâu thấy nhức óc. Mặt đất lấp lánh, tường như đẹp, mà thật ra là một cái bẫy của nắng muốn ăn thịt người.

Tư Lành đứng giữa ruộng, tay cầm cái chạng gỗ, quăng ra phía trước, đẩy đẩy kéo kéo, mỗi động tác như đã khắc vô xương. Lưng hấn cong lại, vai gân lên, da đen như hun khói. Người ta nói hấn làm muối, mà hấn thấy mình giống thằng khắc mộ hơn. Khắc từng đường lên đất, để rồi

cuối ngày gom lại, một thứ trắng toát, mà chẳng bao giờ đủ sống.

“Muối trắng mà đời đen,” hần lẩm bầm.

Nắng gắt quá. Mồ hôi chảy xuống môi, mặn hơn muối.

*

Mấy bữa nay người ta kéo tới Gò Cỏ đông nghịt. Xe du lịch đậu dài ngoài bờ, mấy đũa nhỏ cầm điện thoại quay quay, cười hồ hốt. Người thành phố đổ về coi “di sản”, coi “mộ chum cổ”.

Mộ người chết.

Tư Lành thấy lạ. Người sống thì bỏ đi hết, còn người chết lại kéo nhau tới coi. Hần nhớ bữa đó, khi cái máy xúc của đám công ty đào trúng một cái chum. Đất sụp xuống, lộ ra cái miệng chum đen ngòm, tròn tròn như cái miệng giếng cũ. Người ta hò hét. Máy ông cán bộ chạy tới, bịt lại, căng dây. Nhưng Tư Lành đứng gần. Hần nhìn thấy. Một bộ xương co quắp, bó gối như đũa con nít trong bụng mẹ. Chung quanh là mấy hạt chuỗi lấp lánh, màu đỏ, màu xanh, có cái giống đá mã não. Ánh nắng rọi vô, nó sáng lên như mắt ai đó đang mở.

Đêm đó, hần ngủ không được.

“Người nhìn thấy rồi.”

Giọng nói đó không phải của người sống.

Tư Lành giật mình. Hắn đang nằm trong chòi, nghe tiếng sóng vỗ xa xa. Gió thổi qua vách lá. Nhưng cái giọng đó, nó không đến từ bên ngoài. Nó từ dưới đất.

“Người là ai?”, hắn hỏi, giọng khàn.

“Ta là người nằm trong chum.”

Im lặng một hồi. Gió rít.

“Người giàu hả?” Tư Lành hỏi ngang.

Tiếng cười khô khốc.

“Giàu. Ta từng có thuyền, có người hầu, có vàng, có mã nã. Ta buôn từ biển này qua biển khác.”

“Rồi giờ nằm đó?”

“Ừ. Nằm. Co lại như con thú bị nhốt.”

Tư Lành ngồi dậy, nhìn ra đồng muối. Trăng lên, trắng giống muối ban ngày, mà lạnh hơn.

“Vậy chôn như vậy để làm gì?”

“Để trở lại.”

“Trở lại?”

“Đưa trẻ trong bụng mẹ. Chết là quay về. Rồi sinh ra lần nữa.”

Tư Lành cười nhạt.

“Nghe giống mấy ông thầy ở chùa nói.”

“Không. Trước cả chùa. Trước cả mấy ông đó. Từ lúc con người biết sợ chết.”

Những ngày sau đó, Tư Lành làm việc mà đầu cứ nghe tiếng nói. Người trong chum nói hoai. Nói về luân hồi, về nghiệp. Nói về cái vòng mà không ai thoát.

“Người nghèo vậy vì nghiệp”, giọng đó nói.

Tư Lành quăng chang mạnh xuống đất.

“Nghiệp cái gì! Tui làm quần quật từ nhỏ tới lớn. Có ăn cướp ai đâu.”

“Không phải chỉ kiếp này.”

“Vậy kiếp trước tui làm gì?”

“Người cũng như ta. Tham.”

Tư Lành im. Gió thổi qua mặt ruộng, lăn tăn những vệt muối như sóng nhỏ.

*

Một buổi trưa, đám người công ty tới. Ông Bình, người ta gọi là “đại gia muối” đứng giữa đồng, mang giày trắng, kính đen. Ông ta nói chuyện với cán bộ.

“Chỗ này quy hoạch khu du lịch. Đồng muối giữ lại làm cảnh thôi. Dân thì chuyển đi.”

Ông Bình nhìn cánh đồng muối một hồi. Rồi bất ngờ hỏi:

“Anh bao nhiêu tuổi?”

“Bốn mươi tám.”

“Làm muối từ nhỏ?”

“Ừ.”

Ông Bình gật đầu.

“Mấy năm nay lời được nhiều?”

Tư Lành không đáp.

Ông Bình nhìn những ô ruộng trắng lóa.

“Tôi coi số liệu rồi. Cả vùng này thanh niên bỏ đi gần hết. Đưa vô Bình Dương. Đưa vô Sài Gòn. Đưa xuất khẩu lao động.”

Ông cúi xuống, bốc một nhúm muối.

“Anh thương nghề. Tôi hiểu. Nhưng nghề có thương anh không?”

Tư Lành nghe mà ruột gan quặn lại.

“Chuyển đi đâu?”

“Có hỗ trợ,” ông Bình nói gọn.

“Bao nhiêu?”

“Đủ sống.”

Tư Lành cười.

“Đủ sống kiểu ông hay kiểu tui?”

*

Hắn ra miếu tổ nghề. Thắp nhang. Khói bay nghi ngút.

“Ông tổ ơi, tụi nó đuổi con đi.”

Không có tiếng trả lời. Chỉ tiếng gió. Nhưng đêm đó, tiếng người trong chum lại nói.

“Đất này không phải của người.”

“Vậy của ai?”

“Của những người đã nằm xuống.”

“Vậy mấy ông có giữ được đâu!”

“Người nghĩ người giữ được?”

Chiều đó, sân miếu tổ nghề đông nghẹt. Người đứng. Người ngồi xổm. Người tựa xe máy. Khói nhang quện với mùi mồ hôi và mùi biển. Một ông già chống gậy đập mạnh xuống đất.

“Bán hết rồi con cháu lấy gì nhớ nghề?”

Bên kia có tiếng cười nhạt. Nhỏ Hường, con Sáu Chí, chống nạnh:

“Nhớ nghề để làm gì? Để phơi lưng ngoài nắng hả bác?”

“Không có nghề này thì lấy gì mà sống tới giờ?”

“Giờ khác rồi!”

Một người đàn ông chen vô:

“Con tui đi Bình Dương tháng nào cũng gửi tiền về. Một tháng bằng tui cào muối nửa năm.”

Tiếng lao xao nổi lên.

“Đúng rồi!” “Bán đi!” “Giữ làm gì!”

Ông già đỏ mặt.

“Rồi mai một khách tới coi cái gì?”

“Coi resort.” “Coi khách sạn.” “Coi hồ bơi.”

Tiếng cười bật lên. Mà nghe không vui chút nào.

Mâu thuẫn dâng lên như nước triều. Dân làng chia hai phe. Một bên muốn bán đất lấy tiền. Một bên muốn giữ nghề. Mấy hôm sau, ngoài đồng muối. Hai nhóm lời qua tiếng lại. Ban đầu chỉ là cãi. Rồi có người hát đồ cái chang. Một người khác xô lại. Bao muối đổ tung. Trắng xóa. Gió biển cuốn muối bay mù trời.

Một bà già khóc:

“Đừng đánh nữa tụi bây!”

Không ai nghe.

Tư Lành đứng nhìn. Bỗng thấy những hạt muối dưới chân giống những mảnh xương trắng bị nghiền nát. Dân làng cãi nhau, chửi nhau, đánh nhau. Tư Lành đứng sát gốc bàng. Không biết nói gì. Bỗng có người quay qua hỏi:

“Còn anh Tư?”

Mấy chục cặp mắt nhìn hắn.

“Anh giữ hay bán?”

Tư Lành nghẹn họng. Giữ thì đói. Bán thì đau. Hắn nhìn bàn tay mình. Những đường chai nổi lên như rễ cây già. Một người phía sau nói lớn:

“Anh Tư chống dữ nhất mà.”

Người khác cắt ngang:

“Chống rồi có nuôi được con ăn học không?”

Cả sân im xuống. Không ai trả lời được câu đó.

Má Bảy có con đi làm xa, bán đất đầu tiên. Bà nói:

“Tui không thương đất sao? Nhưng thằng Út nhà tui còn nợ ngân hàng.”

*

Tư Lành bị kẹt giữa hai phía, chưa biết tính sao, bỗng nhiên ông Bình tới gặp hắn. Ông đứng nhìn biển một lúc lâu rồi mới nói:

“Hồi nhỏ tao cũng ở xóm biển.”

Tư Lành ngạc nhiên.

“Thiệt hả?”

“Thiệt.”

Ông Bình cười.

“Nghèo thấy mẹ luôn.”

Ông đá nhẹ một cục muối dưới chân.

“Ba tao đi biển mất xác. Má tao bán cá ngoài chợ.”

Gió thổi phàn phật.

“Tao đi làm phụ hồ. Rồi chạy xe. Rồi buôn bán. Tao ngoi lên được.”

Ông quay lại nhìn Tư Lành.

“Cho nên tao biết nghèo nó khổ cỡ nào.”

“Tao cho mày gấp ba người khác.”

“Để làm gì?”

“Để mày sống khác đi.”

Tư Lành bật cười.

“Khác sao?”

Ông Bình chỉ về phía con đường nhựa mới mở.

“Con mày có thể học đại học.” “Vợ mày khỏi dầm nắng.” “Nhà mày khỏi chờ trời thương mới có cơm ăn.”

Ông dừng lại.

“Anh nghĩ tôi phá đồng muối vì ghét nó hả?”

Tư Lành im.

“Tôi phá vì tôi thấy nó không nuôi nổi người nữa.”

Gió biển thổi qua. Ông Bình nhìn cánh đồng trắng xóa.

“Có khi tôi sai.”

Ông cười nhạt.

“Nhưng đừng yên chắc chắn sai.”

Tư Lành hỏi:

“Ông mua làm gì?”

“Làm resort. Khách nước ngoài tới, họ thích cái kiểu hoang sơ.”

“Hoang sơ mà không có tụi tui?”

Ông Bình cười.

“Không cần.”

*

Đêm đó, gió nổi dữ. Tư Lành ra Gò Cỏ. Trăng bị mây che, chỉ còn ánh lờ mờ. Hấn đào. Đào đúng chỗ cái chum hôm trước. Đất mềm như có ai xới sẵn. Một lúc, cái miệng chum lộ ra.

Hấn mở nắp. Hấn thấy bên trong không còn gì. Toàn cát. Gió từ biển thổi vô miệng chum. Cát trong chum xoáy nhẹ. Tư Lành cúi nhìn. Ở đáy chum có một vũng nước nhỏ. Mặt nước đen như gương. Hấn giật mình. Trong đó không hiện ra bộ xương. Mà hiện ra chính khuôn mặt hấn. Đen sạm. Gầy guộc. Hai mắt hõm sâu.

Một thoáng thôi. Rồi mặt nước rung lên. Hình ảnh tan mất. Còn cát.

“Người tìm gì?”

Tiếng nói vang lên.

“Người đâu?”

Không ai trả lời. Gió thổi qua miệng chum, phát ra âm thanh dài như tiếng thờ.

Tư Lành ngồi tới gần sáng. Trước mặt hấn là đồng muối. Xa hơn là biển. Xa hơn nữa là bóng đèn vàng của thị trấn. Hấn nhớ hồi nhỏ. Nhớ cha mình gánh muối. Nhớ lưng cha cong như cây cung. Nhớ những mùa mưa cả nhà ăn cơm với cá khô. Gió biển thổi qua. Mặn. Nhưng không mặn

bằng mùi tiền mới mà ông Bình để lại trên bàn hôm trước. Tư Lành ngồi im rất lâu. Rồi cúi đầu. Sáng hôm sau, Tư Lành ký giấy. Người ta ngạc nhiên, bởi hắn là người chống dữ nhất. Nhưng hắn ký. Tiền nhiều. Hắn nhìn đồng muối lần cuối. Nắng thì vẫn vậy. Gió vẫn vậy. Chỉ có người là khác.

*

Vài tháng sau, resort mọc lên. Khách tới đông. Họ chụp hình trên “đồng muối giả”, mua “muối đặc sản”, nghe kể chuyện “mộ chum tái sinh”.

Ngày khai trương, ông Bình đứng trên sân khấu. Đèn sáng rực. Người ta vỗ tay. Ông Bình nhìn xuống dưới. Thoáng thấy Tư Lành mặc bộ đồng phục bảo vệ. Ánh mắt hai người gặp nhau. Không ai cười. Không ai nói gì. Ông Bình quay mặt đi trước. Tư Lành làm bảo vệ. Đêm đêm, hắn đi tuần. Đứng ngay chỗ xưa kia là Gò Cỏ.

Gió thổi. Hắn nghe lại tiếng đó.

“Người thấy chưa?”

“Thấy gì?”

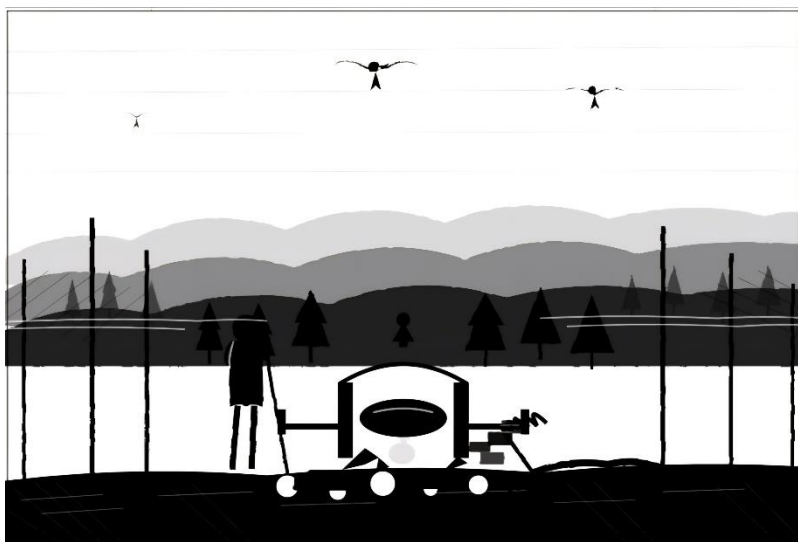
“Người cũng đang nằm trong chum.”

Tư Lành nhìn dây biệt thự sáng đèn. Nhìn hàng dừa mới trồng. Nhìn bãi muối làm cảnh cho khách chụp hình. Hắn cười khế. Không nói gì. Im lặng một hồi. Rồi hắn nói, rất nhẹ, như nói với chính mình:

“Chắc kiếp sau tao lại làm muối thôi.”

Ngoài bãi sau resort, một đừa bé đang nghịch cát. Nó đào được một mảnh gốm cũ. Cong cong. Đỏ sẫm. Giống

miệng một cái chum bị vỡ. Đưa nhỏ nhìn rồi tiện tay quăng đi. Và gió biển thổi qua, mặn như cũ.



3. Truyện ngắn

ĐẤT THĂNG

Mùa gió nồm năm đó, Huế nóng lạ. Cái nóng không dữ dằn như trong Nam. Nó âm âm dưới da thịt, như có ai bỏ một cục than hồng vô lồng ngực rồi để mặc cho nó cháy riết, cháy riết. Ngoài hẻm vẫn có tiếng người bán bánh mì đập xe ngang qua, cái loa rè rè phát bài nhạc cũ nghe méo tiếng.

Chiều xuống, núi Tam Thai đổ bóng dài qua mấy mái nhà cấp bốn cũ kỹ ở Trường Bia. Mưa chưa tới mà trời đã xám chì. Đám thông phía lăng Hiệp Hòa đứng im ru, không động đậy. Tiếng quạ ở đâu đó kêu mấy tiếng ngắn ngắn rồi tắt. Người đàn ông ngồi trước hiên nhà nghe tiếng quạ, tự nhiên bỏ ly trà xuống. Ông mới trở về đây ở chừng chục năm nay. Ông tên Lộc. Dân biển Thuận An ai cũng từng biết tên ông hồi mười mấy năm trước. Chủ ghe Lộc “Sonar”. Người đầu tiên ở vùng đó dám bán đất, cầm cổ nhà để mua cái máy dò cá Koden của Nhật giá gần bằng nửa đời người. Hồi ấy người ta chửi ông khùng. Mấy lão già ngồi quán cà phê căng cá nói:

— Cá nằm dưới nước chớ có phải vàng đâu mà máy với móc.

Ông chỉ cười. Nhưng ba năm sau, ghe người ta đi mười chuyến lỗ bảy, ghe ông đi năm chuyến trúng bốn. Tàu cập bến, cá thu, cá cam đầy hầm chứa lạnh ngắt. Đèn LED trên ghe ông sáng trắng một vùng biển đêm như thành phố nổi. Thanh niên tranh nhau xin đi bạn. Ông tưởng đời mình thay đổi thiệt rồi. Từ thằng nhỏ lớn lên bên bờ thành nội, cha làm thợ chạm bạc thuê gần cửa Thượng Tứ, mẹ bán chè ở An Cựu, ông vươn ra biển như người ta lao đầu khỏi cái ao tù số phận. Ông tin sức người thắng được trời. Tin dữ lắm.

Lộc hồi trẻ học không tệ. Trước năm 1975 ông học cái trường ở gần đồn Mang Cá. Sau này thời cuộc thay đổi, khẩu hiệu đỏ treo đầy đường: “Lao động là vinh quang”. Ông đi lao động thiệt. Nhưng lao động theo kiểu của ông. Ông mê máy móc. Mê luồng cá và cái cảm giác đứng giữa

biển đêm nhìn màn hình sonar hiện lên từng đám cá lớn, giống như mây trôi dưới đáy nước.

Ông từng nói với bạn ghe:

— Đời ni nghèo không phải vì trời. Nghèo vì người ta chịu đứng yên.

Mấy thằng bạn cười khoái chí. Riêng lão Bảy Hường, già nhất bến Thuận An, hút thuốc rồi lắc đầu:

— Mi chưa thấy biển ăn người.

Sau này Lộc mới hiểu. Biển không ăn người bằng sóng. Nó ăn hy vọng.

Năm bốn mươi sáu tuổi, ông đã đứng tên ba chiếc tàu lớn. Một chiếc chuyên đánh lưới vây, một chiếc làm hậu cần ngoài khơi, còn chiếc kia đi câu biển xa quanh năm. Nhà ông cất ba tầng, nằm chênh chéch gần cửa biển, nhìn ra là thấy nước triều lên xuống. Thằng con trai đầu được cho đi Đà Nẵng học đại học. Vợ ông mỗi lần bước ra đường, vàng vòng sáng kín cổ tay. Quan hệ thì khỏi nói, quen biết đủ hạng người. Cán bộ mỗi lần xuống cảng, gặp ông đều bắt tay niềm nở, nói năng thân tình như chỗ quen biết lâu năm.

Rồi giá dầu bắt đầu leo lên từng đợt. Cá tôm ngoài biển cũng thưa dần, không còn những mùa trúng đậm như trước. Bạn ghe người bỏ nghề, người lên bờ đi làm thuê. Máy khoản hỗ trợ nhiên liệu nghe nói được duyệt rồi lại treo đó. Doanh nghiệp thu mua thì ép giá tới sát đáy. Ngân hàng bắt đầu thúc nợ, siết từng khoản một, riết rồi người ta sống như ngồi trên đống lửa mà không biết kêu ai.

Bão tới.

Không phải cơn bão dữ dẫn gì cho lắm. Trời ngoài khơi hôm đó thậm chí còn không quá tối. Nhưng chỉ chừng đó cũng đủ đánh chìm chiếc tàu hậu cần của ông ở vùng biển gần Hoàng Sa. Bốn mạng người mất trong nước. Trong đó có thằng Tí “seọ”, đưa đi ghe với ông từ hồi mới mười bảy tuổi. Tới lúc mất xác cũng không tìm thấy.

Đêm Lộc nhận tin dữ, ông ngồi ở cảng cá tới sáng. Ông nghe tiếng dây neo va vô mạn ghe lốc cốc như tiếng ai gõ mõ tụng kinh. Ông như nghe tiếng thằng Tí nói phía ngoài nước đen:

— Chú Lộc, ghe chìm không phải tại biển đâu.

Ông quay phắt lại, thấy mấy ngọn đèn vàng nhợt nhạt của cảng cá run run trong gió lạnh.

*

Sau biến cố đó, con người ông dần đổi khác, chậm chạp mà rõ rệt như một khúc gỗ lâu ngày bị nước mặn ngấm vô ruột.

Thằng con trai ngoài Đà Nẵng từ đó ít gọi điện về hơn. Một lần say rượu, nó nói qua điện thoại:

— Ba sống như đánh bạc hoài vậy.

Lộc im lặng suốt buổi.

Đêm đó ông ra ngồi ngoài cửa biển tới gần sáng, nghe nước triều lên xuống mà không hút nổi một điếu thuốc cho hết.

Ông bỏ nhậu. Bạn bè rủ rê mấy cũng chỉ cười nhạt rồi lác đác. Chuyện sấm thêm ghe, tìm thêm bạn đi biển, ông cũng không còn nhắc tới nữa. Ngay cả những câu nói về làm ăn, tiền bạc hay chuyện làm giàu, hồi trước người ta nghe ông nói mỗi ngày, bây giờ đã thuộc về một thời nào xa lác. Ông bắt đầu thích ngồi một mình, mà lặng im cũng nhiều hơn. Vợ ông từ dạo đó cũng ít đeo vàng hơn. Buổi chiều thường ngồi dưới bếp kho cá, mùi nước màu với tiêu rim thơm âm ỉ cả căn nhà nhỏ. Một hôm Lộc về khuya, vẫn thấy ngọn đèn vàng còn chửa nơi bàn ăn, bên cạnh tô canh tập tàng đã nguội. Đàn bà Huế nhiều khi thương người ta bằng sự chờ đợi lặng thinh như rứa. Không nói chi nhiều mà cái buồn cứ thấm chậm vô lòng người khác.

*

Dạo ấy, người ta thường thấy ông chạy chiếc xe máy cũ từ Thuận An về Huế. Tới chân núi Tam Thai, ông dựng xe dưới hàng cây rồi lặng lẽ đi bộ lên lăng Hiệp Hòa. Hôm thì trời vừa sập tối ông đã tới. Bữa gần nửa đêm người ta còn thấy bóng ông lăm lăm giữa đám thông đen. Người giữ lăng gặp riết thành quen mặt, về sau chẳng buồn hỏi han gì nữa, để mặc ông đi lên đi xuống.

Lộc thích nơi đó. Một cái lăng nhỏ quạnh hiu, buồn buồn của một ông vua bạc phước. Làm vua chưa được bao lâu thì bị ép uống thuốc độc chết. Cái chết của ông vua nghe không khác gì cái chết của một người dân thường giữa cõi đời dâu bể. Ở đó không có tượng quan đá đứng chầu uy nghi. Bái đình nhỏ, lặng thinh giữa cỏ cây, chẳng có voi ngựa phục hầu như lăng tẩm khác của triều Nguyễn. Nhưng thông thì nhiều. Những hàng thông già đứng nối nhau trên sườn núi, ngày đêm rì rào trong gió. Tiếng thông reo nghe

buồn đến lạ, như tiếng người ta thở dài từ một kiếp nào rất cũ, kéo lê qua hết đời này tới đời khác.

Lộc thường ngồi trước mộ ông, uống trà nguội, nói chuyện một mình.

— Hồi còn trẻ tui nghĩ có tiền là mạnh. Nhiều ghe lớn là mạnh. Quan hệ với trên là mạnh. Sau này mới biết mạnh cỡ nào cũng bị người khác cầm dây.

Một lần nọ, khi đang ngồi lặng dưới hàng thông nghe gió thổi qua sườn núi, ông chợt nghe phía sau lưng có tiếng cười khê. Tiếng cười mỏng, lạnh, nhẹ hều như vừa tan ra trong sương. Nhưng nghe xong tự nhiên thấy sống lưng cứ âm âm một luồng khí lạnh. Lộc quay lại rất nhanh. Dân biển không dễ gì sợ. Dưới bóng thông lờ mờ, có một người đang đứng đó. Người ấy mặc chiếc áo cũ, màu đen đã bạc màu theo năm tháng. Dáng gầy nhảnh, vai xuôi xuống như mang theo một nỗi mệt mỏi rất dài từ kiếp trước còn sót lại. Khuôn mặt trắng bệch, thứ màu trắng nhợt nhạt của người lâu ngày không còn hơi máu. Đôi mắt thì tối sâu hun hút, như đậy một cái giếng cổ nằm quên trong đêm.

Người đó nói:

— Người còn hơn ta.

Lộc đứng bật dậy.

Người ấy đứng lặng, mắt hướng về phía Hoàng thành chìm mờ trong lớp sương bạc. Rồi giọng nói khê rơi xuống, giọng Huế rất nhẹ, nhưng lạnh:

— Ta làm vua mà đến cả mạng sống của mình cũng không giữ được.

Lộc không hỏi gì. Ông biết mình đang nói chuyện với ai.

Từ đó, những đêm Lộc lang thang trên Tam Thai không còn giống những đêm của người sống nữa. Ngọn núi ấy về khuya mở ra một cõi khác, âm u và lạnh, những kẻ đã chết từ lâu vẫn còn quanh quẩn đâu đó giữa thông reo với sương mù. Lộc bắt đầu gặp thêm nhiều bóng lạ. Một đêm khác, Huế mưa bụi. Lộc thấy một bóng người ngồi bên mộ Dục Đức, long bào rách tươm, tà áo bê bết bùn đất. Lần này Lộc không đứng nhìn. Ông kéo ghế ngồi xuống bên cạnh, rót trà nguội ra hai cái chén.

Người kia nhìn chén trà. Rất lâu.

— Làm vua ba ngày. Chết đói trong ngục.

— Tui biết. Lộc nói.

— Tui đọc sử.

— Người đọc sử mà vẫn tới đây?

— Vì sử không nói cảm giác đói là như thế nào.

Người kia im. Rồi chậm rãi nhắc chén trà lên. Hai bàn tay gầy run nhẹ. Lộc nhìn đôi tay đó và bỗng nhớ tới thằng Tí "seo". Những đêm biển động, nó cũng ngồi nhìn tay mình như vậy sau khi kéo lưới tới bật máu móng. Hai người ngồi uống trà nguội dưới mưa bụi. Không nói thêm gì nữa.

Mấy cái bóng đó không hù dọa ông. Họ chỉ nói như những người đã đi quá xa khỏi nhân gian nên không còn biết sợ bất cứ gì nữa.

Một đêm họ cãi nhau.

Bên thông reo.

Dưới sương lạnh.

Tiếng cãi cọ vang qua những ngôi mộ thấp bé.

— Không giữ ngay thì mất nước.

— Giữ ngay rồi chưa chắc giữ được lòng người.

— Còn bây giờ thì sao?

Câu cuối cùng vang lên rất lớn. Rồi tất cả bỗng chùng xuống, im bật.

Lộc đứng giữa lớp sương dày, bất giác thấy một cảm giác lạnh lạ lùng trườn dọc sống lưng. Như có thứ gì vừa lạng lẽ chạm vào phần tối nhất trong người ông.

*

Khoảng thời gian ấy, vùng Tam Thai bắt đầu rục rịch chuyện làm du lịch. Người ta kéo về khảo sát, đo đạc, dựng bảng quy hoạch ngay dưới chân núi. Nghe đâu sẽ biến cả khu đó thành một khu nghỉ dưỡng mang cái tên rất kêu: “Hoàng triều tâm linh”. Nào là khách sạn nhìn xuống sông Hương. Cáp treo mini chạy ngang sườn núi. Khu chụp hình cổ phục, họ cho du khách mặc áo mũ vua quan đứng tạo dáng giữa lăng tẩm. Rồi thêm quán cà phê mang tên “Vua và Thiên”, nghe sang mà huyền hoặc. Như thể chỉ cần ngồi uống một ly là chạm được vô hồn vía cổ đô.

Đất đai quanh Tam Thai từ đó cũng đổi khác từng ngày. Người ta đem máy tới đo lại từng thước đất của dân. Giá đất thì nhảy dựng đứng như lên cơn sốt. Những căn

nhà cũ kỹ nằm quanh chân núi, đã ở qua mấy đời người, lần lượt bị ép bán. Nhà nào chịu không nổi thì dọn đi trong lặng lẽ. Chủ vừa ký giấy bán xong, ngồi trước hiên nhìn núi khóc tới khuya.

Người được cử tới vận động dân là một gã tên Vĩnh. Dân Huế gốc, còn trẻ, học hành ở nước ngoài mới về. Hắn ăn nói nhỏ nhẹ, lịch sự, lúc nào cũng mặc sơ mi trắng phẳng phiu, đi chiếc xe điện chạy gần như không phát ra tiếng động. Vĩnh tìm gặp Lộc không dưới vài lần, bởi căn nhà nhỏ của ông nằm đúng ngay chỗ người ta dự tính mở con đường dẫn lên khu du lịch.

Vĩnh nói:

— Chú giữ cái nghèo để làm gì?

Lộc cười nhạt:

— Mi giữ cái giàu để làm gì?

Vĩnh không giận.

Hắn rót trà, nói nhỏ nhẹ:

— Chú chống không nổi đâu. Đây là chủ trương lớn.

Lộc nhìn ra núi Tam Thai đang mờ trong mưa chiều.

— Hồi trước tui cũng tưởng biển là của tui. Sau mới biết mình chỉ đứng nhờ trên sóng.

— Vậy chú hiểu rồi còn chống?

— Biết thua mà vẫn phải nói.

Vĩnh im lặng.

Một lát sau hắn hỏi:

— Chú thương mấy vua Nguyễn dữ hí?

Lộc cười.

Tiếng cười khàn khàn.

— Tui đâu thương vua. Tui thương cái kiếp người.

*

Đêm ấy mưa đổ xuống dữ dội. Lộc vẫn lên Tam Thai. Lộc đứng nhìn xuống dưới rất lâu. Phía sau ông, tiếng thông reo chọt đổi khác. Không còn là tiếng gió thông thường nữa. Nó trở nên nặng hơn, dày hơn, như có nhiều hơi thở người trộn vào trong đó.

Ông không quay lại. Hiệp Hòa đứng cạnh ông lúc nào không hay. Hai người cùng nhìn xuống ánh đèn công trường.

— Ngày xưa người ta giành ngai. Bây giờ giành đất.

Lộc gật đầu chậm rãi:

— Khác gì nhau.

Không phải câu hỏi. Là câu xác nhận.

Gió bỗng nổi lên từng chập dài. Những hàng thông trên Tam Thai nghiêng ngả trong đêm tối, phát ra thứ âm thanh rền rĩ nghe như tiếng người đàn bà nào đó đang khóc ở rất xa, mà nỗi oan khuất còn mắc lại đầu giữa núi rừng chưa tan hết. Phía dưới chân núi đột ngột sáng rực lên bởi dãy đèn vàng của xe ủi và máy đào. Người ta tranh thủ làm xuyên đêm. Tiếng động cơ gầm lên từng hồi nặng nề, xé

toạc màn mưa bụi tĩnh lặng của Huế. Mặt đất rung âm âm dưới chân. Quả núi già nua như đang trở mình khó chịu. Một góc nghĩa địa cũ bị xói tung lên. Tầng lớp đất đen ẩm mục bị ngọam khỏi lòng đất, bốc lên thứ mùi ngai ngái lạnh người. Giống mùi gỗ quan tài đã chôn quá lâu dưới nước ngầm. Gió thổi qua mang theo hơi đất lạnh tanh, nghe như mùi của thời gian mục rữa.

Bất thần, dưới công trường vang lên một tiếng la thất thanh. Một công nhân vừa đào trúng cái hòm gỗ cũ nằm sâu dưới nền đất. Hòm mục gần hết, chỉ cần chạm nhẹ là từng mảnh gỗ bong ra như tro. Người ta xúm lại soi đèn pin vô bên trong. Không có xương cốt, đầu lâu. Trong đó để một bộ áo bào đã mục nát gần thành bùn, cùng hàng trăm đồng tiền cổ đen sì nằm lẫn trong lớp vải rữa. Nhưng thứ làm đám người đứng đó lạnh sống lưng không phải mớ tiền cổ. Trên lớp áo bào mục ấy, có in rõ một dấu bàn tay còn ướt. Năm ngón tay hằn sâu trên mặt vải mềm nhũn, như mới xuất hiện vài phút trước, có ai đó vừa từ trong hòm chống tay bò lên khỏi lòng đất tối.

Từ hôm ấy, công trường bắt đầu liên tiếp xảy ra chuyện. Máy móc đang chạy tự nhiên tắt ngúm giữa đêm. Người đang làm bồng ngồi ôm đầu cười nói như kẻ mất trí. Thằng thì quả quyết thấy vua đi dưới hàng thông lúc gần sáng. Đứa khác thề sống thề chết rằng nửa đêm nghe tiếng hát nam ai vọng ra từ phía mộ Duy Tân, buồn tới mức nghe xong chỉ muốn bỏ về ngay trong đêm.

Tin đồn theo gió lan khắp Huế. Người kéo tới ngày một đông. Một buổi chiều Lộc lên núi sớm hơn thường lệ. Ông gặp một bà cụ đang bày mâm bánh in cạnh lối lên lăng, miệng kể chuyện "ông vua đi trong mưa" cho mấy người

khách trẻ nghe. Giọng bà rành rọt, chi tiết, như người thuộc lòng một bài kinh cũ. Lộc đứng nghe một lúc. Bà kể đúng. Bà kể sai. Ông không biết nữa. Có lẽ cũng không quan trọng.

Phía trên sườn núi, tiếng điện thoại ai đó phát nhạc vọng xuống lẫn vào tiếng thông. Lộc đi lên, gặp một nhóm người trẻ đang chụp hình trước mộ cổ. Họ cười nói, không có gì ác ý. Họ không biết dưới lớp đất kia là ai, và người đó từng sống ra sao. Ông nhìn họ rồi nhìn lại mấy ngôi mộ thấp bé nằm lặng giữa cỏ. Tự nhiên ông nghĩ, chắc mấy ông vua cũng không giận. Người chết lâu rồi quen với việc bị người sống hiểu lầm.

*

Vĩnh quay lại tìm ông lần cuối. Đêm đó trời lạnh. Hai người ngồi dưới chân Tam Thai. Vĩnh uống rượu liên tục. Mắt đỏ ngầu.

— Chú biết không, tui cũng đâu muốn làm ri.

— Rứa sao làm?

— Vì nghèo.

Vĩnh cười, mắt nhìn xuống đôi giày còn dính bùn đất công trường:

— Hồi nhỏ nhà tui ở trọ dưới Phú Cam. Mưa lớn là nước vô tới giường ngủ.

Lộc im.

Vĩnh cười chua chát:

— Chú khác tui vì chú từng giàu rồi. Người chưa giàu sợ nghèo lắm.

— Giàu rồi cũng sợ thôi.

— Vậy rốt cuộc sống để làm gì?

Lộc ngồi rất lâu.

Tiếng chuông chùa xa trên núi ngân lên ba hồi.

Ông nói chậm rãi:

— Hồi trẻ tui tưởng sống là thắng người khác. Sau này mới biết, sống được với mình mới khó.

Vĩnh cúi đầu, hai vai run run.

*

Mấy tháng sau, dự án bên Tam Thai đột ngột dừng lại. Chẳng phải vì ma quỷ như lời người ta đồn đại ngoài quán nước hay trên mạng. Cũng đâu phải vì mấy chuyện hát hò dưới mộ, bóng vua đi trong thông. Cuối cùng, thứ quật ngã người sống vẫn là giấy tờ, tiền bạc và đất đai.

Thanh tra về, điều tra mở ra. Một loạt người lần lượt bị còng tay đem đi. Trong số đó có cả Vĩnh. Nghe đâu hắn từng tự tử hụt trong trại tạm giam. Người ta nói hắn dùng mảnh kính cắt cổ tay. Người khác lại bảo hắn treo cổ bằng áo sơ mi. Tin thật tin giả lẫn lộn như sương Huế buổi sớm, chẳng ai biết đâu mà lần. Lộc nghe xong chỉ im. Mấy tuần sau, có người chuyển tới cho ông một tờ giấy học trò gấp tư. Chữ viết tay, nét run, mực loang ở mấy chỗ như bị nước nhỏ xuống.

"Chú Lộc. Con không chết. Nhưng con không hiểu tại sao con không chết. Hồi ở Phú Cam, mưa lớn nước vô tới giường, má con hay nói: ráng lên rồi khô thôi. Con ráng. Nhưng con ráng sai chỗ. Chú nói sống được với mình mới khó. Bây giờ con mới hiểu câu đó."

Tờ giấy không có tên ký. Lộc đọc xong, gấp tờ giấy lại, bỏ vô túi áo. Ông ngồi thêm một lúc, nhìn ra núi Tam Thai đang chìm trong mưa chiều. Rồi ông đứng dậy, đi vô bếp, châm lửa nấu ấm trà.

*

Ít lâu sau, ông lại lặng lẽ lên Tam Thai một lần nữa. Chiều hôm đó Huế phủ một lớp mưa bụi mỏng tang. Mưa nhẹ tới mức tưởng như không có, nhưng hơi nước cứ âm thầm bám đầy trên tóc, trên áo, trên da thịt người ta. Sông Hương phía xa mờ đục như một dải khói loãng đang trôi giữa lòng thành phố cũ.

Từ trên sườn núi nhìn xuống, mọi thứ nằm chen chúc dưới màn sương nhạt màu. Thành quách cũ, lăng tẩm rêu phong, khách sạn kính sáng choang, quán cà phê treo đèn kiếu cung đình, dòng xe ngoài phố vẫn nhích từng hàng chậm chạp. Chúng trộn lẫn vô nhau, ngổn ngang như một đồng ký ức của nhiều thời đại bị đào lên rồi bỏ dở, chưa kịp chôn xuống cho tử tế.

Lộc ngồi trước mộ Hiệp Hòa rất lâu. Ông ngồi tới lúc trời tối hẳn, khi tiếng thông trên núi đã bắt đầu rì rào như tiếng ai nói chuyện trong bóng đêm. Ông chợt thấy dưới mép đường mới mở, một gốc thông già vừa bị bật rễ nằm trơ lên giữa bùn đất. Rễ cây quấn chặt lấy mấy mảnh gạch

cổ đen thẫm, không biết của đời vua nào còn sót lại dưới lòng núi.

Lúc xuống núi, ông nghe phía sau có tiếng người hỏi rất khẽ:

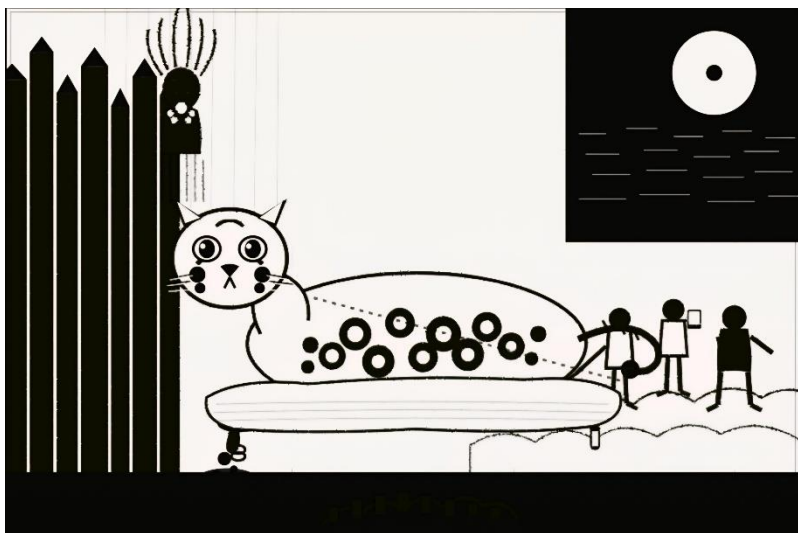
— Rốt cuộc ai thắng?

Lộc không quay đầu.

Ông chống cây gậy tre, đi chầm chậm xuống dốc.

Rồi cười.

— Đát thắng.



4. Truyện ngắn

DẤU RẰNG TRÊN LUẬT

Ở dải đất nơi lưng Trường Sơn Nam gãy gập thành những tầng đá cổ, gió không thổi mà quất, quất đến bật gốc những thân cây non nhưng lại bất lực trước những khối bazan già nua xếp chồng như một bày sinh vật hóa thạch đang ngủ đứng, khối núi Ngọc Linh nằm đó, cao đến mức mây phải cúi đầu, khắc nghiệt đến mức nước khi đi qua cũng phải học cách chia nhỏ mình ra, từng giọt một, như kẻ nghèo đếm lại từng đồng cuối.

Từ những sườn cao nơi nước chia làm hai lối. Một nửa đổ về phía tây nuôi sông Sê San, một nửa lặng lẽ trôi về phía đông, gom lại thành những mạch đầu nguồn của sông Ba, rồi hóa thân thành Đà Rằng trước khi chạm biển. Nơi đây có những mùa mưa đến trễ, nhưng khi đến thì không còn biết dừng. Nước từ rừng già tràn xuống, mang theo lá mục, những thân cây gãy, xác thú rừng, và cả những sinh linh chưa kịp lớn.

Trong một mùa như thế, có một thứ bị cuốn đi. Một con báo hoa mai Đông Dương còn non, bị xé khỏi mẹ ở đâu đó giữa tầng rừng sâu nơi ánh sáng không chạm tới mặt đất, nơi cây cao hơn cả nỗi sợ của chính nó. Nó bị kéo đi qua những triền đá trơn, qua những con suối đục ngầu, qua những nhánh sông đang lớn dần như cơn giận. Từ thượng nguồn xa lắc của sông Ba, trôi mãi, trôi mãi, cho đến khi nước buông nó ra, như buông một thứ không còn giá trị.

Khi nó tỉnh lại, trước mặt nó là đá. Không phải đá của rừng. Mà là đá đã từng chảy, từng nóng, từng là dung nham của một thời đất còn chưa yên, giờ đông cứng lại thành những cột thẳng, những phiến phẳng, xếp lên nhau như một bàn tay khổng lồ đang giữ chặt ký ức của lửa. Sau lưng nó là biển. Biển không quá ồn ào, nhưng không bao giờ im. Sóng đánh vào đá, lặp đi lặp lại, như một câu hỏi không cần câu trả lời. Ở nơi đó, không có đường quay lại. Không có dấu vết của mẹ. Không có mùi của bầy. Chỉ có gió, đá, và cái đói bắt đầu lên tiếng. Ở cái rìa đất mà núi đã đi hết đường của mình và phải dừng lại trước biển. Con báo sống như một cái bóng bị bỏ quên. Không tên, không lịch sử, không ai gọi, nhưng dấu chân của nó thì đất vẫn nhớ, cát vẫn giữ, như giữ một câu chuyện bị cấm kể từ rất lâu rồi.

Những ngày đầu, nó học cách sống lại từ đầu, như một đứa trẻ bị ném vào đời mà không có ai dạy. Nó học cách leo lên đá nóng đến cháy chân. Học cách nằm im hàng giờ để chờ một con thằn lằn cát ngoi lên. Học cách uống nước từ những vũng nhỏ còn sót lại trong khe đá sau một cơn mưa hiếm hoi. Và học một điều quan trọng nhất: Ở đây, không ai chia phần cho ai.

Một buổi sáng, khi sương chưa tan, nó thấy một người đàn bà ngồi trên tảng đá gần mép nước. Ngồi như người đã ngồi đó từ rất lâu, trước khi con đường ven biển được mở, trước khi cột điện được cắm, có thể là trước khi cả cái tên của vùng đất này được đặt ra.

Nó không lại gần. Đứng xa nhìn.

Bà không quay lại nhìn nó. Nhưng nói, đủ để nó nghe:

— "Con là thứ mới nhất."

Nó đứng im.

Bà nhìn ra biển. Sóng đánh vào đá, lui ra, đánh vào, lui ra.

— "Đất này cũ lắm," bà nói, giọng như nước chảy qua đá ngầm, "nhưng hay có thứ mới trôi tới. Rồi mất đi. Rồi lại có thứ khác trôi tới."

Rồi bà không nói thêm gì nữa. Sương tan dần. Khi nắng lên, tảng đá đó trống không. Nó đứng nhìn chỗ bà ngồi một hồi.

Nó lớn lên, chậm mà chắc, cơ bắp săn lại như dây thừng kéo căng, ánh mắt sắc dần như lưỡi dao được mài mỗi ngày. Và trong đầu nó, những suy nghĩ bắt đầu hình thành, không còn là bản năng đơn thuần, mà là những câu hỏi, những so sánh, những thứ mà đáng ra chỉ con người mới có. Nó nhìn xuống con đường ven biển, nơi xe chạy như dòng nước kim loại, người cười nói, chụp hình, chỉ trở:

— "Đẹp quá!"

— "Hoang sơ quá!"

— "Chỗ này mà làm resort thì hết ý!"

Nó nhìn xuống bàn chân mình. Vết chai dày, nứt nẻ, in hình những cạnh đá mà nó đã leo qua để sống. Rồi nhìn lại họ, những đôi dép mỏng, những chiếc điện thoại giơ lên, những nụ cười không có gì đặng sau. Nó nằm xuống, quay lưng lại. Một buổi chiều, khi nắng đã dịu, nó thấy một con dê con bị lạc khỏi đàn, đứng run rẩy bên mép suối cạn, mắt nó nhìn quanh, tìm một cái gì đó giống như hy vọng. Nó tiến

lại gần. Con dê không chạy. Đứng đó, như chấp nhận. Nó dừng lại. Không vồ. Không cắn. Nó hỏi, bằng cái giọng khàn khàn mà chỉ những sinh vật từng đi qua nhiều con đoi mới có:

— “Mày không sợ tao?”

Con dê run:

— “Sợ nhưng chạy cũng chết.”

Nó im. Rồi quay đi. Không phải vì nó tốt. Mà vì nó hiểu.

“Có những cái chết không cần mình ra tay.”

Nhưng đêm hôm sau, nó giết. Không phải con dê đó. Một con khác. Trong trang trại của ông Sáu Hào, ông giàu nhất vùng này, người mà ai cũng nói là “làm ăn giỏi”, “biết nắm cơ hội”. Chuồng dê kín, hàng rào cao. Camera gắn khắp nơi. Nhưng vẫn có một chỗ hở. Luật của con người luôn có chỗ hở.

Nó chui vào.

Nhanh.

Chính xác.

Một cú ngoạm vào cổ.

Máu phun ra như một lời thú nhận.

*

Sáng hôm sau, người ta tụ lại.

Đông.

Ồn.

Giận dữ.

— “Nó phá hoại!”

— “Phải tiêu diệt!”

— “Luật bảo vệ tài sản!”

— “Động vật quý hiếm thì cũng phải xử lý!”

Một ông cán bộ đứng giữa, nói rất rõ ràng, từng chữ như được cân đo:

— “Chúng ta phải đặt lợi ích con người lên trên hết.”

Nó nghe. Từ mỏm đá khuất trên cao nó nghe hết. Phía dưới, ông Sáu Hào đang gọi điện thoại. Giọng ông vui, tay ông khoát rộng về phía vùng đất ven biển, như người đang vẽ ra một thứ gì đó chưa có mà đã thuộc về mình. Mấy đứa thợ đứng gật đầu, cười theo. Con dê chết nằm trong chuồng, chân cứng đờ, mắt mở. Nó nhìn cảnh đó. Rồi nhìn cái bụng mình, no, lần đầu tiên sau nhiều ngày.

"Nếu tao đói mà tao ăn, đó là tội."

"Còn tụi nó no rồi mà vẫn lầy, đó là quyền?"

*

Đêm đó, nó không đi sẵn. Nó nằm trên một tảng đá hình người ngồi, nhìn ra biển, sóng đập vào bờ đá như một câu chuyện kể hoài không dứt. Và rồi, bà hiện ra. Không phải từ đâu bước tới. Mà như từ chính tảng đá bước ra. Bà không già, không trẻ, không rõ là người hay là ký ức của đất này, nhưng ánh mắt thì sâu như một cái giếng không đáy.

Thiên Y A Na.

— “Con nghĩ nhiều quá,” bà nói.

— “Không nghĩ thì thành thú thật,” nó đáp.

— “Thú thì có lỗi gì?”

— “Không có lỗi.”

— “Vậy sao con sợ?”

Nó cười, một tiếng cười không có âm thanh:

— “Con không sợ làm thú.”

— “Con sợ làm người.”

Bà im.

Gió thổi qua, mang theo mùi muối, mùi cát, mùi của những thứ đã tồn tại trước khi con người biết đặt tên cho chúng.

— “Người cũng có cái tốt,” bà nói.

— “Ừ, con biết,” nó gật đầu, “nhưng cái xấu của họ lớn hơn cái tốt của họ, vì họ biết mà vẫn làm.”

— “Còn con?”

— “Con không biết nên con không giả vờ.”

Bà nhìn nó lâu. Rồi nói, chậm rãi:

— “Con sẽ phải chọn.”

— “Chọn gì?”

— “Sống như thú hay chết như người.”

Nó không trả lời.

Bà đứng dậy. Không bước đi theo kiểu người bước. Mà dần dần, bóng bà nhạt vào trong đá, như nước thấm vào cát, không rõ lúc nào thì hết. Còn lại mùi của bà, mùi hoa phơi đã héo, mùi khói của một đám lửa đã tắt từ rất lâu, mùi của những thứ được thờ mà không còn ai nhớ vì sao phải thờ. Nó ngồi đó đến tận khuya. Gió thổi. Đá vẫn ấm dưới lưng nó, dù trăng đã lên cao và không khí đã lạnh. Nó không hiểu tại sao đá ấm. Nhưng nó không rời đi.

*

Vài ngày sau, bầy thú được giảng. Không phải một cái mà rất nhiều. Rải khắp những lối nó thường đi. Bầy sát lạnh, giấu dưới cát nóng, như những cái miệng không có tiếng nói. Người đặt bầy cuối cùng là một người đàn ông trạc năm mươi, tên Tư Lành, thợ săn lâu năm nhất vùng này. Khi đặt cái bầy cuối cùng xuống, tay ông dừng lại do dự một chút. Ông nhìn dấu chân in trên cát. To. Rõ. Còn tươi. Bàn chân của một con thú đang sống thật sự, không phải thú trong chuồng, không phải thú trong ảnh trên điện thoại của mấy đứa du lịch. Ông đã từng thấy báo hoa mai lần cuối cách đây hai mươi năm. Con đó cũng chết do bầy của ông. Ông phủ cát lên, đứng dậy, phủ tay.

"Việc của mình thì làm," ông nói với mình, rồi quay lưng đi trước khi kịp nghĩ thêm.

Nó biết. Nó ngửi ra hết. Mùi sắt. Mùi người. Mùi của cái chết được giấu kín. Nhưng nó vẫn bước. Không phải vì ngu. Mà vì cái đói đã đi qua cổ họng, cào lên tận óc, khiến mọi thứ khác trở nên vô nghĩa.

Đêm đó, trăng treo cao, lạnh như một con mắt không chớp. Nó bước. Chậm. Chắc. Từng bước đều đã được cân nhắc. Một bước. Hai bước.

“Cạch.”

Âm thanh khô, gọn, gằn như lịch sự. Nhưng đủ để đóng sập mọi con đường. Cái bẫy nghiêng chặt chân nó. Hàm sắt khép lại, dứt khoát, không do dự, như một phán quyết không cần giải thích. Răng thép cắm sâu. Máu trào ra, đặc, sẫm, thấm vào cát nóng rồi mất hút, như chưa từng có một sự sống nào bị chạm tới.

Nó không gầm, không vùng. Nó cúi xuống nhìn cái chân mình. Nhìn cái bẫy một lúc lâu. Rồi nó nói, rành rọt, bình thản đến lạnh người, như đang gọi đúng tên một thứ vốn dĩ đã chờ sẵn từ trước:

“À, luật.”

*

Ba ngày.

Ngày đầu, một con chim biển đáp xuống gần đó, mổ vào mảnh cá khô ai bỏ lại trên đá. Mổ xong bay đi, nhẹ như chưa từng đậu. Nó nhìn theo.

Ngày thứ hai, một đứa trẻ chạy dọc bờ biển, vấp ngã, khóc. Người lớn chạy tới bế lên. Tiếng khóc dứt ngay. Nó nhìn cái chân mình. Sắt vẫn ngậm chặt. Không ai chạy tới.

Ngày thứ ba, không có gì. Chỉ có sóng. Sóng đánh vào đá rồi rút ra. Đánh vào rồi rút ra. Lặp đi lặp lại như một thứ không biết mình đang làm gì, hay biết rất rõ nhưng

không thể dừng. Nó nằm nhìn trời. Trời không trả lời gì. Cũng phải. Trời chưa bao giờ có câu trả lời cho những thứ do người đặt ra. Tới đêm, bà lại đến. Lần này không ngồi. Chỉ đứng cách đó vài bước, nhìn cái bẫy, nhìn chân nó, nhìn vết máu đã khô đen.

Nó ngẩng đầu lên.

— "Bà biết chuyện này sẽ xảy ra."

Bà không phủ nhận.

— "Đất này biết hết. Nhưng đất không ngăn được."

— "Sao không ngăn?"

Bà nhìn về phía đường lớn, nơi đèn đường vàng vọt đứng thành hàng như những người lính đã quên mình đang canh giữ cái gì.

— "Vì tội nó không hỏi đất trước khi làm."

Im lặng.

Gió từ biển thổi vào, mang theo mùi muối và mùi của một thứ gì đó đang mục dần ở đâu đó không rõ chỗ.

— "Bà buồn không?" nó hỏi.

Bà nhìn nó thật lâu. Rồi nói ra một thứ tiếng nó không biết. Không phải tiếng người, không phải tiếng thú. Thứ tiếng của đất, biết mình đang mất đi một thứ không bao giờ trở lại.

Rồi bà đi. Bà không nhạ vào đá. Mà đi như người thật sự đi, bước một, bước hai, khuất sau tảng đá lớn. Lần này bà cũng không còn chỗ để tan vào nữa.

*

Ngày thứ tư, con người tới. Ông Sáu Hào cùng ba, bốn thợ săn. Hai cán bộ, chính quyền và kiểm lâm với một chiếc máy quay.

— “Còn sống!”

— “Quay đi!”

— “Con này hiếm lắm!”

— “Giữ lại hay bán?”

Tư Lành đứng hơi lùi ra sau. Ông nhìn con báo. Nó nhìn lại ông. Chân trái nó kẹt trong bẫy của ông. Máu đã khô, đen lại, dính vào sắt. Nhưng mắt nó không mờ.

Ông cán bộ kiểm lâm trẻ, mới về huyện được hai năm, từng viết luận văn về bảo tồn động vật hoang dã, nhìn vào màn hình điện thoại của mình. Trong đó có ảnh con báo hoa mai Đông Dương chụp từ camera bẫy ở một khu bảo tồn khác. Ông biết loài này còn lại bao nhiêu con. Ông biết rõ hơn ai hết.

Nhưng ông Sáu Hào đang đứng cạnh ông. Năm ngoái ông Sáu Hào đã ký hỗ trợ kinh phí cho trạm kiểm lâm xã mua xe máy mới. Ông cán bộ cất điện thoại vào túi.

— “Luật quy định trong trường hợp nguy hiểm có thể tiêu diệt.”

Tư Lành không nói gì. Ông quay đi nhìn biển. Sóng vẫn đánh. Như không có gì xảy ra.

*

Nó nghe rõ từng chữ. Không sót một âm nào. Từng chữ rơi xuống, như đinh đóng vào đầu nó. Nó cười. Một lần cuối. Không tiếng. Là một vết nứt mỏng kéo ngang gương mặt.

Rồi nó đứng dậy.

Ba chân.

Run.

Vẫn đứng.

Đứng như một thứ không chịu khụy khi biết mình đã thua. Nó ngẩng đầu, nhìn thẳng vào họ. Không oán. Không sợ. Không van. Chỉ còn lại một thứ duy nhất, cô đặc lại như lưỡi dao đã mài đến tận cùng:

Nó chồm tới. Không do dự. Không quay đầu.

Một cú.

Gọn.

Thẳng.

Mạnh.

Hết phần đời còn lại dồn vào đó.

Tư Lành đứng ở rìa ngoài cùng đám người. Tay ông cầm khẩu súng, khẩu súng của ông, ông mang theo như thói quen hai mươi năm. Nhưng ông không giơ lên. Trong một tích tắc, không ai thấy, hoặc có thấy nhưng không ai nói sau này, ông bước sang một bên. Một bước thôi. Như nhường đường.

Tiếng súng của người khác nổ.

Ngẩn.

Lạnh.

Khô như một dấu chấm câu được đặt đúng chỗ.

Ông không nhìn. Ông cúi xuống, nhặt cái vỏ đạn vừa văng ra gần chân mình, bóp chặt trong lòng bàn tay cho đến khi kim loại nóng lên. Ông không biết mình đang làm gì. Đêm hôm đó, Tư Lành không về nhà ngay. Ông ngồi lại trên mỏm đá, một mình, châm điếu thuốc rồi không hút. Cứ để khói lên rồi tắt. Ông ngồi cho đến khi trời tối hẳn. Cho đến khi không còn thấy vết máu trên đá nữa. Ông đứng dậy đi về. Không ngoảnh lại. Vì ngoảnh lại thì sẽ thấy. Mà thấy thì sẽ phải gọi tên. Mà gọi tên thì sẽ không còn ngủ được như trước.

Người ta nói con báo hung dữ nên bị bắn là đúng luật. Câu nói đi qua miệng họ nhẹ như gió, sạch như chưa từng chạm vào máu. Nhưng tảng đá nơi nó ngã xuống thì không quên. Từ đó về sau, đêm nào đá nơi đó cũng ẩm. Một thứ ẩm lạ, không phải của nắng, không phải của đất, mà như còn giữ lại một nhịp đập đã tắt, một cơn giận chưa kịp gọi tên.

Dường như ở đó, vẫn còn sót lại một điều gì chưa chịu bị xử xong:

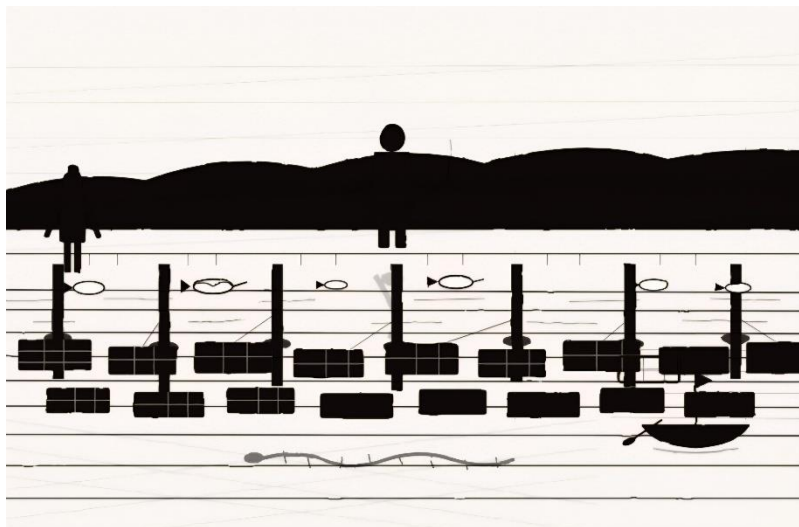
một vết cắn,

cắm sâu,

lì lợm,

không nhả,

ngay vào cái người ta gọi là luật.



5. Truyện ngắn

GIÓ THỊ NẠI THỜI NGƯỢC

Chiều xuống ở Qui Nhơn, gió không thổi xuôi. Nó thổi ngược. Thổi từ đầm Thị Nại vào đất liền, như có ai dưới đáy nước cựa mình, thở dài, rồi đẩy lên một luồng hơi mẩn mẩn, ngai ngái, lẫn chút tanh tanh của cá chết chưa kịp phân hủy.

Người ta quen rồi. Riêng ông Tư Lộc thì không. Ông đứng trên chiếc bè nuôi cá, nhìn ra xa. Mặt nước đầm loang loáng ánh nắng cuối ngày. Máy cái lồng cá nổi lên như

những cái hốc tối. Cá bên dưới quẫy nhẹ. Không mạnh, không yếu, chỉ lửng chừng như người bị bóp cổ.

Ông Tư chậm điều thuốc, rít một hơi dài, rồi nói như nói với gió:

— Tụi bây ráng sống, tao còn mượn nợ nuôi bây.

Không ai trả lời. Tiếng nước đập lóc bóc vào thân bè.

Ông Tư ngẩng đầu nhìn về phía xa. Bên kia mặt đầm là dãy núi mờ xanh trong nắng chiều. Hồi còn nhỏ, ông nội hay chỉ tay về hướng đó mà nói:

— Đất này từng có vua.

Ông chẳng nhớ hết chuyện cũ. Chỉ nhớ mỗi lần ông nội nhắc tới Tây Sơn, giọng ông già lại khác. Vừa tự hào, lại như tiếc một điều gì.

*

Ở Qui Nhơn bây giờ, ai cũng biết tên ông là Tư Lộc. Nhưng người ta hay gọi ông bằng nhiều tên khác:

“Ông trùm hải sản.”

“Vua bè.”

Hay ngắn gọn, đanh hơn:

“Máu.”

Tại vì ông sống qua máu của ngư dân. Hồi mới tới vùng biển này, ông Tư chỉ là thằng chạy ghe thuê. Da đen, người gầy, mắt lúc nào cũng sáng quắc như con cá nục còn

tươi. Ông biết luồng cá, biết con nước, biết chỗ nào bỏ lưới là có ăn. Nhưng biết chưa đủ. Ông muốn nhiều hơn.

Một lần nọ, ghe chìm giữa mùa gió chướng. Ông ôm một tấm ván trôi gần nửa ngày. Lúc được vớt lên, người tím ngắt. Về tới nhà, má ông chỉ còn đúng một nồi cháo loãng. Bà khóc nức nở khi dứt cho con ăn.

Bà lại nói:

— Nghèo thì nghèo. Đùng để người ta phải thương hại mình nghe con.

Ông nhớ câu đó rất lâu. Sau này có tiền rồi, ông vẫn nhớ. Nhưng ông lại không còn nhớ mình từng sợ cái nghèo đến mức nào.

Một lần khác, bão về. Ghe của đám bạn ông bị lật ngoài cửa biển. Ông không cứu. Nhiều năm sau, mỗi lần đi ngang cửa biển, ông vẫn nhớ đêm đó. Không phải nhớ đám cá mua được sáng hôm sau. Mà nhớ tiếng người kêu ngoài sóng. Tiếng rất xa tới mức ông luôn tự nhủ mình nghe lầm. Những đêm nằm trên bè, gió thổi mạnh, tiếng đó lại trở về. Ngán thôi. Rồi mất.

Hôm lần đó, ghe ông quay đầu, chạy thẳng vô bờ, rồi sáng hôm sau đi thu mua cá của mấy ghe còn sống sót. Giá rẻ. Rẻ tới mức người ta nhìn mà ghen. Một ông già run tay hỏi:

— Sao mà ép vậy, Tư?

Ông cười. Cười nhẹ.

— Không bán thì thôi. Để đó cho nó thúí.

Câu nói đó, về sau người ta nhắc lại hoài. Như một cái dấu. Một cái mốc lúc ông bắt đầu đổi đời.

Mười năm sau, ông không còn đi ghe nữa. Ông dựng bè. Mua và thu lấy bè. Ai không bán, ông cho vay. Ai vay, ông giữ sổ. Ai không trả, ông lấy luôn bè. Máy cái bè nuôi cá trên đầm Thị Nại, ban đầu rải rác như mấy nốt ruồi. Sau này nhìn từ trên cầu xuống, nó thành một mảng đen.

Dày.

Đặc.

Như một vết máu đông.

Người ta nói vui:

— Đầm Thị Nại giờ không phải nước mặn, mà là nước của ông Tư.

Mấy người làm công ngồi nhậu trên bè, nửa đùa nửa thật:

— Ông Tư giờ làm vua đầm rồi.

Mọi người cười. Ông Tư cũng cười. Từ đó, mỗi lần nghe chữ "vua", ông lại thấy dễ chịu lạ.

Nhưng chuyện chưa dừng ở đó. Khi Qui Nhơn bắt đầu lập phường mới, chỉnh lại đất đai, cấp lại quyền sử dụng mặt nước, ông Tư đi trước. Ông không ra mặt. Ông đứng phía sau. Máy cái tên trên giấy tờ đều là người khác: tên chị vợ, thằng cháu, hoặc đứa em họ. Nhưng dân biển biết. Ai cũng biết. Những cái bè đó, những cái lồng đó, cái nào cũng có một sợi dây vô hình buộc về một chỗ. Chỗ của ông. Nhưng càng nhiều bè, ông càng ít ngủ. Đêm nào cũng vậy,

ông đi từ lồng này qua lồng khác. Soi đèn xuống nước, kiểm tra dây neo, thức ăn. Rồi lại kiểm tra sổ sách. Ông sợ chỉ cần buông tay một chút thôi, chúng sẽ trôi mất. Người ta tưởng ông giữ bè. Thật ra chính đồng bè đó đang giữ ông.

Một buổi sáng, gió nhẹ. Biển êm ả. Một chiếc ghe nhỏ cập vào bè ông Tư. Trên ghe có một người đàn bà da sạm nắng. Tóc búi gọn. Mắt nhìn thẳng. Tên bà là Sáu Nhạn. Người ta đồn bà từng học võ Tây Sơn. Không ai thấy bà múa. Nhưng ai cũng tin. Người ta còn đồn một chuyện khác. Hồi trước bà cũng nuôi cá. Nhiều lắm. Một năm nước đổi màu sau một trận mưa lớn. Cá chết sạch. Chồng bà chèo ghe đi vay tiền cứu bè. Rồi không trở về nữa. Từ đó bà ở một mình. Không ai biết chuyện đó thật hay không. Cũng không ai biết bà từ đâu tới.

Bà không chào, không nói vòng vo, chỉ hỏi:

— Ông mua cá tui không?

Ông Tư nhìn bà cười nhẹ.

— Cá gì?

— Cá sạch.

Ông nhú mày.

— Cá thì cá., chứ sạch với dơ gì?

Bà nói, chậm:

— Không thuốc. Không bơm nước. Không ép cân. Không gian dối.

Ông bật cười.

— Ở đây mà nói chuyện sạch thì bà đi lộn chỗ rồi.

Bà không cười mà nói thêm.

— Tui không bán rẻ.

Ông Tư nhìn mấy ngón tay bà. Da sần. Nhiều vết cắt cũ. Bàn tay đó không giống bàn tay của người chỉ biết nói đạo lý. Nó giống bàn tay của người từng làm việc tới chảy máu.

Ông cười lớn.

— Vậy khỏi bán.

— Nhưng ông sẽ mua.

— Sao chắc?

Bà nhìn thẳng vô mắt ông.

— Vì ông đang thiếu thứ này.

— Thiếu cái gì?

Bà đáp, gọn:

— Đường lui.

Gió bỗng nổi lên. Mặt nước lặn tẩn.

Ông Tư im một chút, rồi ông cười lớn.

— Ở cái xứ này, ai cũng cần đường sống. Chứ không ai cần đường lui.

Bà quay ghe, không nói thêm nhiều. Chỉ để lại một câu nhẹ như gió:

— Người không cần đường lui thường chết ngay tại chỗ.

Chuyện bắt đầu từ đó. Một tháng sau, cá trên đầm chết hàng loạt. Không phải bệnh. Không phải do thời tiết. Chỉ thấy nước đầm đục. Đen. Mùi lạ. Nước bị ô nhiễm. Mấy cái bè của ông Tư chết trước. Cá tôm chết nhanh, không kịp cứu. Ông đứng trên cầu Thị Nại, nhìn xuống. Mặt đầm lặng im. Lặng tới mức nghe rõ tiếng tim mình đập.

Người bạn mua bán đứng bên cạnh, nói nhỏ:

— Hình như có người xả thải từ trên nguồn.

Ông không quay lại. Chỉ hỏi:

— Ai?

Không ai trả lời.

Đêm đó, ông không ngủ. Gần sáng, ông mơ thấy má mình. Bà vẫn ngồi vá lưới như hồi xưa. Bàn tay gầy. Lưng còng. Bà ngẩng lên nhìn ông, hỏi:

— Con kiếm được nhiều tiền chưa?

Ông muốn trả lời. Nhưng cổ họng nghẹn cứng. Khi tỉnh dậy, trời đã sáng. Ngoài đầm, cá vẫn nổi trắng.

Ông ngồi đó bỗng nhiên lại nhớ một chuyện rất cũ. Nhớ tới ông nội. Ngày trước, mỗi lần đưa cháu đi dọc mé nước, ông già thường chống gậy chỉ ra phía đầm Thị Nại rồi nói:

— Đất này từng chứng kiến nhiều chuyện dữ lắm.

Ông hỏi chuyện gì.

Ông nội chỉ lắc đầu.

— Chuyện người ta tưởng mình mạnh hơn trời đất.

Hồi đó ông không hiểu. Bây giờ nhìn mặt nước đục ngầu trước mắt, ông bỗng nhớ lại từng chữ.

*

Ông cho người tìm Sáu Nhạn nhưng không ai thấy bà như bà chưa từng có. Rồi thì cũng có tin. Ở một khu bè nhỏ phía ngoài đầm, cá vẫn sống. Nước vẫn trong. Người ta nói, bè đó của Sáu Nhạn. Ông đi một mình đến đó. Ông nhìn thấy một bè nhỏ ít lồng. Trong đó cá bơi chầm chậm, nhưng vẫn khỏe.

Bà đứng đó như chờ sẵn.

Ông hỏi:

— Bà làm gì?

Bà đáp:

— Làm ăn.

— Bà giết tôi?

— Không.

— Vậy ai?

Bà nhìn ra xa.

— Chính ông.

Ông cười, nhưng tiếng cười khô.

— Tôi tự giết tôi?

— Ừ.

Bà chỉ xuống mặt nước.

— Ông nhìn nước đi.

Ông nhìn một lúc lâu. Nước đục, không còn thấy đáy. Ông chợt nhớ hồi mới tới đây. Có lần đang cho cá ăn. Ông đánh rơi con dao xuống đầm. Đứng trên bè vẫn nhìn thấy. Bây giờ thì không.

Bà hỏi:

— Khác trước không?

Ông không trả lời. Điều thuốc trên tay đã tắt từ lúc nào.

Bà nói xong rồi im. Mắt vẫn nhìn xuống nước. Rất lâu. Ông Tư chợt thấy trong ánh mắt đó có thứ gì giống mệt mỏi. Không phải mệt của một ngày. Mà như mệt của nhiều năm. Như người đã nói điều này quá nhiều lần. Mà chẳng thấy mấy ai nghe.

Ông vẫn định cãi. Rằng ai nuôi cá bây giờ cũng làm vậy. Rằng nếu không làm thì lỗ. Rằng người ta mua cá đâu có hỏi nước sạch hay dơ. Nhưng lời lên tới cổ rồi mắc lại. Vì ông biết, một số chuyện mình nói với người khác được. Nhưng nói với chính mình thì không.

Ông im lặng. Gió thổi mạnh hơn.

— Bà muốn gì?

— Trả lại.

— Trả cái gì?

— Trả cho nước. Trả lại cho người.

Ông nhìn bà rất lâu, rồi hỏi, rất nhỏ:

— Nếu tôi không trả?

Bà không trả lời. Lại hỏi một câu khác.

— Ông có biết vì sao người ta còn nhớ vùng đất này không?

— Vì Nguyễn Huệ?

— Không hẳn.

Bà nhìn mặt đầm.

— Vì cái gì xảy ra ở đây rồi cũng để lại dấu. Nước nhớ. Đất nhớ. Người quên thôi.

Bà ngừng lại một chút, rồi nói tiếp:

— Và vì có những cái giá, trả xong rồi cũng không lấy lại được.

Ông cười nhẹ.

— Tôi không phải Nguyễn Huệ.

Bà đáp:

— Ừ.

Ông chỉ là người đứng trên đầm mà tưởng mình là vua.

Gió thổi mạnh. Mặt nước nổi sóng. Một con cá bắt ngờ nhảy lên, rồi rơi xuống, nghe “tôm”. Nhỏ thôi. Mà vang.

*

Một tuần sau người ta thấy ông Tư Lộc bán hết bè. Bán rất nhanh thật gọn ghẽ. Không cần mặc cả.

Người ta hỏi:

— Sao ông bỏ?

Ông chỉ nói:

— Đầm này không còn chỗ cho tôi.

Lúc đi ngang chân cầu, ông dừng lại nhìn tấm bảng chỉ đường về Bảo tàng Quang Trung. Ông đứng một chút rồi bước đi. Không hiểu sao ông lại nhớ câu ông nội từng nói:

— Làm người khó nhất không phải thắng người khác. Mà là biết lúc nào phải dừng.

*

Đêm cuối, ông đứng trên cầu Thị Nại. Gió thổi ngược rất mạnh. Ông nhìn xuống nước thấy đen, rất sâu như không đáy. Ông chột nói một câu, không biết nói cho ai:

— Tao tưởng tao nuôi cá, té ra tao nuôi cái chết.

Gió cuốn câu đó đi. Không ai nghe.

Đêm đó, có người chèo ghe ngang chân cầu. Người ấy kể rằng đã nhìn thấy một bóng người đứng rất lâu không động đậy. Bóng đó cúi xuống mặt nước như đang nghe ai nói. Rồi gió nổi lên. Chiếc ghe trôi đi xa.

Sáng hôm sau, người ta không thấy ông nữa. Mặt đầm yên tĩnh. Người ta lại đồn nhiều chuyện. Người nói ông

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

vỡ nợ, trốn đi đâu mất. Người nói ông đi định cư ở nước ngoài. Người nói ông nhảy xuống đầm. Không ai biết.

Nhưng có một điều chắc chắn. Bè của Sáu Nhận vẫn còn. Nước vẫn trong. Cá vẫn sống. Nhưng người ta ít thấy bà hơn trước.

Và mỗi chiều, khi gió từ Thị Nại thổi ngược vào bờ, người ta đôi khi nghe như có tiếng ai đó cười rất nhẹ.

Không rõ là cười

hay là thờ.



6. Truyện ngắn

KHỐI IM LẶNG CÒN THỜ

Gió biển Non Nước thổi qua dãy xường đá dọc đường Huyền Trân Công Chúa, mang theo mùi mặn ngai ngái lẫn với bụi cẩm thạch lơ lửng như sương mỏng. Những tiếng búa, tiếng mũi ve, tiếng máy cắt xoèn xoẹt đan vào nhau, lúc rời rạc, lúc dồn dập, nghe riết thành một thứ nhịp riêng. Ai quen thì thấy yên. Ai lạ thì thấy bứt rứt như bị gọi mà không biết gọi đi đâu.

Dư đứng trong xường nhỏ, cái xường nằm nép sát mép đường Trường Sa, phía sau nhìn ra bãi biển Non Nước, nơi buổi chiều nước dâng lên, ánh trời đổ xuống thành một màu xanh mệt mỏi. Nó đặt tay lên khối đá trắng mới chở từ Nghệ An vào, ngón tay gõ nhẹ.

“Cốc.”

Âm thanh không lan xa, mà chìm xuống. Dư không nhú mày. Nó đứng yên thêm một lúc, như nghe lại cái tiếng vừa mất.

Một thằng thợ phụ hỏi:

“Đá tốt không anh?”

Dư không trả lời. Nó chỉ nói, rất nhỏ:

“Đá này chưa chịu nói.”

Thằng kia cười, tưởng giỡn. Dư không cười. Dư là con của một người thợ từng nổi danh trong vùng. Hồi còn

làm thủ công, chưa có máy cắt vòng, chưa có palăng kéo đá, ba nó từng được gọi đi làm tượng ở Huế, từng đứng dưới động Huyền Không nói chuyện một mình với vách đá cả buổi. Người ta bảo ông “nghe được đá”. Sau này ông chết, không để lại gì ngoài một cái túi vải cũ, đựng mấy cây mũi ve đã mòn, và một câu nói mà Dư không chắc là mình nhớ đúng hay tự bịa ra:

“Đá không có tiếng. Chỉ có người làm cho nó lên tiếng hay không thôi.”

Dư không biết điều đó đúng sai. Nhưng từ năm mười sáu tuổi, lần đầu nó đập trúng một thớ đá mà nghe trong lồng ngực mình có cái gì đó dội lại, nó không còn làm nghề theo kiểu “làm cho xong” nữa.

*

Ông Khoa là chủ xưởng lớn nhất khu này. Ông là người đưa Dư về làm. Ông không giống mấy ông chủ khác hay la hét. Ông nói chuyện chậm, cười ít, mắt lúc nào cũng như đang tính toán một thứ gì không nằm trên mặt bàn. Ít ai biết, trước khi làm chủ, ông từng là thợ chính, từng đục bia mộ ở Kim Sơn, từng ăn ngủ trong xưởng ba tháng liền để hoàn thành một pho tượng Quan Âm cho khách Nhật. Sau đó, ông bỏ búa. Chuyển qua mua đá. Mua máy. Mua người.

Người ta kể, lần cuối ông Khoa còn cầm búa, ông đứng trước một pho tượng làm xong mà không chịu ký tên. Ông đứng nhìn rất lâu, rồi bỏ đi, không nói. Về sau ông không bao giờ nhắc lại. Nhưng mỗi khi có thợ hỏi tại sao bỏ nghề, ông hay nhìn ra phía biển, như đang kiểm tra xem thứ gì đó còn ở đó không.

“Đời này,” ông nói với Dư một lần, “không phải ai nghe được đá là sống được với đá.”

Dư hỏi lại:

“Vậy ông còn nghe không?”

Ông Khoa nhìn nó, cười nhạt:

“Nghe hoài, mệt. Tắt đi cho nhẹ.”

*

Hợp đồng lần này lớn. Một khu resort bên bãi Bắc Mỹ An đặt làm loạt tượng trang trí, kiểu bán cổ điển pha hiện đại, vừa có Phật, vừa có tượng thiếu nữ Tây phương, vừa có mấy con thú giả Chăm, miễn là nhìn “có hồn”.

Máy chạy suốt ngày. Thợ làm ca đêm. Tiếng đá không còn là nhịp nữa, mà thành một thứ ồn ào đục ngầu. Dư được giao một khối đá lớn, loại cẩm thạch trắng pha vân xám, hiếm, đắt.

“Ba ngày,” ông Khoa nói.

Dư biết ba ngày là không đủ, theo kiểu làm đúng. Nhưng nó cũng biết tháng này tiền thuê phòng trọ còn thiếu, má nó ở Quảng Ngãi vừa nhấn vào nói mái tôn dột, mưa xuống ướt hết góc bếp. Những thứ đó không nằm trong khối đá. Mà cũng không hoàn toàn nằm ngoài. Dư không đáp. Nó biết, nếu làm theo bản vẽ, hai ngày là xong. Nhưng cái khối đá đó, ngay từ lúc chạm tay vào, nó đã thấy có cái gì đó, không chịu. Không phải cứng. Cũng không phải giòn. Mà như có một thứ gì đang bị ép.

Đêm đó, Dư không ngủ. Nó ngồi trong xưởng, tắt hết máy. Tiếng gió biển lượn qua những pho tượng chưa hoàn thiện, thổi ra những âm thanh lạ, lúc như tiếng ai cười khế, lúc như tiếng thở hụt. Nó đặt tay lên khối đá. Lần này không gõ. Chỉ đặt. Một lúc lâu. Rồi nó rút tay lại, nhìn quanh. Không có ai. Nhưng nó có cảm giác có người vừa đứng sát sau lưng.

*

Những ngày sau đó, Dư bắt đầu làm chậm lại. Nó không theo bản vẽ. Không nói với ai. Chỉ đục theo cái nhịp riêng của nó. Những nhát đục sâu, có lúc dừng giữa chừng, có lúc lệch hẳn khỏi đường phác. Thợ phụ nhìn không hiểu. Quản lý nhìn khó chịu. Ông Khoa không nói gì.

Hôm đó, người của resort ghé xưởng kiểm tra tiến độ. Một người đàn ông áo sơ mi trắng, tay cầm điện thoại, dừng lại trước khối đá của Dư lâu hơn dự kiến. Không phải vì thích. Mà như bị giữ lại bởi thứ gì đó ông chưa kịp gọi tên.

"Cái này ra hình gì vậy?" Ông hỏi. "Hợp đồng ghi tượng thiếu nữ mà?"

Dư không trả lời. Quản lý chen vào giải thích đang trong quá trình.

Người đàn ông gật, nhưng mắt vẫn không rời khỏi đá. Một lúc, ông nói, giọng không hẳn là phàn nàn:

"Hồi nhỏ tôi hay ra xem mấy ông thợ đục đá ở đây. Tưởng lớn lên làm nghề này." Ông dừng lại. "Thôi. Khách sạn tụi tôi cần thứ nhìn vô là hiểu liền, không cần người ta phải nghĩ. Anh hiểu không?"

Dư nghe. Câu đó nghe như giải thích. Nhưng cũng nghe như xin lỗi. Người đàn ông quay đi, không nhìn lại. Dư quay lại khối đá, tay cầm mũi ve, đứng yên rất lâu.

Ông Khoa đứng xa xa, hút thuốc, lâu lâu nhìn qua.

Một lần, ông hỏi:

“Bạn đang làm cái gì vậy?”

Dư trả lời:

“Tôi chưa biết.”

“Không biết mà làm?”

“Biết rồi chắc không làm nổi.”

Ông Khoa im.

Sáng hôm sau, quản lý đưa cho Dư một tờ giấy. Bản vẽ gốc của hợp đồng, có đóng dấu resort, góc trên ghi tay bằng mực đỏ: "Hạn chót: 3 ngày. Không giao đúng mẫu, không thanh toán." Dư cầm tờ giấy. Nhìn. Rồi đặt xuống cạnh khối đá, không nói gì. Tối đó nó nhắn tin về cho má: "Con gửi tiền cuối tháng. Má tôn chờ thêm chút nha má." Gửi xong, nó tắt điện thoại, không chờ má trả lời.

Đêm thứ hai, Dư không ngủ được. Nó nằm trên tấm phản trong góc xưởng, nhìn lên mái tôn, nghe tiếng gió luồn qua kẽ hở. Một lúc, nó ngồi dậy, ra ngồi trước khối đá. Không bật đèn. Ánh đèn đường hắt vào qua ô cửa nhỏ, đủ thấy hình người phụ nữ đang dần hiện ra trong đá. Dư nhìn lâu, đến mức không còn chắc mình đang nhìn hay đang nhớ. Nó nghĩ tới ba nó. Hình ảnh không rõ ràng. Đôi bàn tay ba, những ngón tay ngắn, móng đen vì đá, hay đặt lên bề

mặt chưa đục mà đứng yên rất lâu, như đang hỏi một câu không thành tiếng. Lúc ấy, Dư không biết ba nó hỏi gì. Bây giờ, nó cũng không biết mình đang hỏi cái gì. Nhưng nó ngồi đó, cho đến khi ánh đèn đường tắt, trời bắt đầu hừng sáng phía biển.

Ngày thứ ba. Ông Khoa bước vào xưởng sớm hơn mọi khi. Ông đứng trước khối đá của Dư, nhìn rất lâu. Chưa hoàn thành, nhưng đã hiện hình. Một người phụ nữ, thân hình hơi nghiêng, hai tay ôm một vật tròn lớn trước ngực. Không rõ là trứng, hay là đá chưa nở. Khuôn mặt chưa rõ nét, chỉ có đôi mắt, khép hờ. Như đang nghe. Hoặc đang chịu đựng.

Nhưng nhìn lâu, người ta bắt đầu thấy cái vật tròn đó không hoàn toàn kín. Bề mặt nó không trơn, mà có những đường lồi rất nhỏ, như những mạch máu bị ép sát dưới một lớp da quá căng. Một vài chỗ, lớp đá mỏng đến mức ánh sáng xuyên qua, lộ ra bên trong một màu đục, không hẳn là rỗng. Không ai dám nhìn lâu vào chỗ đó. Vì có cảm giác, bên trong không phải là một khối, mà là nhiều thứ đang ép vào nhau, chặt chội, không còn chỗ thở. Một thợ phụ nói nhỏ, rồi lập tức im:

“Giống như nó đang giữ cái gì đó không cho ra.”

Riêng Dư, trong một lần chạm tay, nó rụt lại ngay. Không phải vì lạnh. Mà nó cảm thấy có một nhịp đập rất chậm, không đều, hình như thứ bên trong không muốn sống, nhưng cũng chưa chịu chết.

“Cái này bán cho ai?” ông Khoa hỏi.

Dư lau tay.

“Không bán.”

“Vậy làm để làm gì?”

Dư nhìn ông.

“Có những thứ không phải để đem đi.”

Ông Khoa cười, nhưng không thành tiếng.

“Cậu nghĩ mình khác tụi nó hả?”

“Không,” Dư nói. “Tôi chỉ chưa kịp giống.”

Không khí căng lại. Một vài thợ đứng xa xa, không dám nhìn. Ông Khoa bước lại gần hơn. Giọng ông hạ xuống, không còn lạnh:

“Hồi trước, tôi cũng từng làm kiểu đó.”

Dư không nói.

“Làm xong một pho tượng,” ông nói tiếp, “tôi không bán. Tôi để đó. Ba tháng sau, tôi đổi.”

Ông cười, lần này nghe rõ.

“Cậu hiểu không? Đá không nuôi người. Người nuôi đá. Nhưng tới lúc cần, người ta phải chọn.”

Dư gật nhẹ.

“Tôi biết.”

“Biết mà còn làm?”

Dư nhìn khối đá.

“Tôi không làm chắc nó nứt.”

Nói xong, Dư không nhìn ông Khoa nữa. Nó bước lại gần pho tượng, đứng rất sát. Gần đến mức nếu cúi thêm một chút, trán nó sẽ chạm vào cái khối tròn trong tay người phụ nữ.

Tay nó đưa lên.

Không phải để đọc.

Mà để bóp.

Những ngón tay siết lại, chậm, như đang thử một lực không thuộc về mình. Một khoảnh khắc, nó có cảm giác chỉ cần mạnh thêm một chút thôi, cái khối tròn đó sẽ vỡ ra. Không phải vỡ như đá, mà như một thứ gì đó mềm hơn, ướt hơn, sẽ tràn ra ngoài, dính vào tay nó, không rửa được.

Hình ảnh đó đến rất nhanh. Và ở lại. Nó không rút tay ngay. Ngược lại, tay nó siết chặt hơn một chút. Vai nó căng lên. Người thì đứng im, nhưng có cái gì đó bên trong đang nghiền vào nhau, như hai ý muốn không cùng tồn tại được. Nếu phá, có thể xong hết. Nếu giữ, có thể không bao giờ xong.

*

Không ai thấy rõ mặt Dư lúc đó. Ông Khoa, đứng không xa, ông nhìn. Trong một thoáng rất nhanh, ông tưởng mình vừa thấy lại cái bóng của chính mình, cũng đứng kiểu đó, cũng một lần tay đã đặt lên mà không dứt ra nổi. Ý nghĩ đó vừa chạm tới, ông quay mặt đi.

Rồi, rất chậm, như một phản xạ muộn, Dư buông tay ra. Không phải vì nó chọn. Mà như thể nó không đủ sức để chọn. Ngay lúc đó, một tiếng “rắc” vang lên. Không lớn.

Nhưng đủ để tất cả im. Một vết nứt xuất hiện ở chân khối đá khác trong xưởng, chạy dài như một đường chỉ đen.

Nhưng cái lạ không nằm ở vết nứt, mà nằm ở chỗ chẳng hề có tiếng nứt nào đi kèm. Ai nấy đều nghe một tiếng “rắc”, vậy mà ngay sau đó không còn chút dư âm nào sót lại. Âm thanh ấy vừa bật ra đã như bị giữ lại ở đâu đó, không lan đi xa mà cũng chẳng tan mất hẳn. Một khoảng lặng kéo dài phủ xuống, đặc quánh hơn thường ngày, đến mức người ta bắt đầu ngờ ngợ không biết mình có thật sự nghe thấy tiếng đó hay không.

Dư đứng sững tại chỗ, chậm rãi quay đầu nhìn pho tượng. Không ai để ý rằng ngay nơi khối tròn nằm trong tay người phụ nữ, vừa hiện ra một đường rất mảnh. Nó không phải vết nứt tách ra từ bên ngoài, mà giống như có thứ gì đó từ bên trong vừa khẽ đội lên, thử tìm đường bước ra rồi lại thôi. Không một ai chạm tới. Chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra. Ông Khoa quay người lại nhìn. Rồi nhìn sang Dư. Một thoáng gì đó lướt qua trong mắt ông, không phải sợ hãi, giận dữ. Nó giống như... một ký ức vừa bất chợt quay về.

*

Đêm đó, ông Khoa không về. Ông ngồi một mình trong xưởng, trước pho tượng của Dư. Không ai biết ông thấy gì. Chỉ có mấy thợ bảo, họ nghe ông nói chuyện một mình. Lúc thì ông cười. Khi ông lại im rất lâu. Sáng hôm sau, ông không có trong xưởng. Thợ bảo thấy xe ông vẫn đậu ngoài cổng đến gần trưa, rồi mất lúc nào không hay. Chiều đó có người gặp ông ở bến đò Mân Quang, ngồi một mình, nhìn ra sông. Hỏi thì ông chỉ nói mệt, muốn ngồi chút. Người ta để ý, tay ông đặt lên đùi, ngón tay gõ nhẹ xuống,

rất chậm. Như đang thử nghe lại một thứ gì đó. Không ai biết ông nghe thấy không.

Cái ghế trong xưởng còn nguyên chỗ cũ. Và một vết lõm rất nhẹ trên mặt đá, như có ai đặt tay lên đó suốt một đêm.

Dư không hỏi. Nó tiếp tục làm.

Chậm.

Ít nói.

Những khối đá trong xưởng, từ đó, ít nứt hơn. Không phải không nứt. Nhưng mỗi lần nứt, Dư đều đứng lại, nghe rất lâu, rồi mới đục tiếp. Có người hỏi nó:

“Mày tin mấy chuyện đó thiệt hả?”

Dư không trả lời ngay.

Nó gõ nhẹ vào khối đá mới.

“Cốc.”

Âm thanh vang lên, sâu, kéo dài hơn bình thường. Nó nghiêng đầu, như nghe.

Một lần rất khuya chỉ còn một mình, Dư thử áp tai vào khối đá đang làm dở. Nó không nghe tiếng đục. Không nghe tiếng gió. Có một thứ rất nhỏ, rất sâu. Không phải tiếng. Mà giống như cảm giác của một tiếng sắp phát ra, nhưng bị chặn lại ngay cổ họng. Nó đứng đó rất lâu. Lâu đến mức nó không còn chắc cái cổ họng đó là của ai. Rồi nó lùi lại, không làm nữa. Nó nhìn khối đá. Rồi đưa tay lên cổ mình, chạm rất nhẹ, như kiểm tra.

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

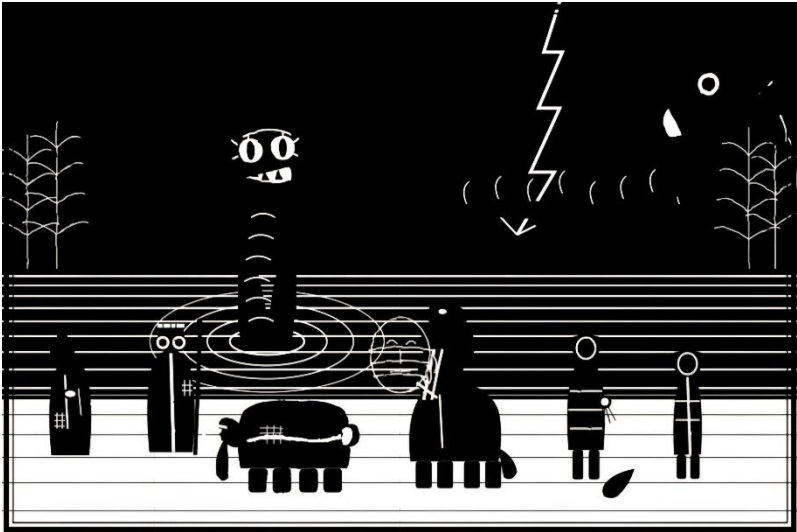
Một lúc sau, nó nói. Rất khẽ. Nhưng lần này, không rõ đang nói cho ai nghe:

“Không phải đá có tiếng...”

Nó ngừng lại.

Tay nó đưa lên cổ, chạm nhẹ.

Rồi buông.



7. Truyện ngắn

MẮC CẠN

Mưa Huế có cái kiểu lạ đời lắm. Nó không dữ dằn như mưa núi. Nó cứ lất phất, dai dẳng, như có ai ngồi trên trời rỉ rả nhớ chuyện cũ hoài không chịu dứt. Những ngày cuối năm, đồi Thiên An chìm trong thứ sương mù trắng đục. Nhìn xa cứ tưởng cả khu rừng thông đang bị một bàn tay âm phủ vuốt ve chầm chậm.

Chiều đó, ông Phan Hữu Trí chạy chiếc Dream cũ lên hồ Thủy Tiên. Ông sáu mươi tám tuổi, người cao gầy, mắt sâu, tóc bạc như muối rang. Dân Huế cũ nhiều người còn nhớ ông hồi trẻ nổi tiếng lanh lợi, nói chuyện có duyên, viết báo sắc như dao cạo. Hồi sinh viên Văn khoa Sài Gòn trước bảy lăm, ông từng xuống đường, hô khẩu hiệu, tưởng rằng mình đang cứu một đất nước. Rồi ông có vô bưng học chính trị mấy tháng, viết báo tuyên truyền. Sau năm 1975, ông về Huế làm bên văn hóa.

Người ta từng nghĩ ông sẽ lên nữa. Ông cũng từng nghĩ vậy. Lúc trẻ, ai không từng nghĩ mình đúng. Cái nguy hiểm của tuổi trẻ là tin mình đúng tới mức không còn biết sợ.

Con đường lên đồi Thiên An bữa đó ướt nhẹp. Hai bên thông đứng đen sì. Gió lùa qua rừng nghe như tiếng ai thở dài. Ông Trí dừng xe kế bên cái cổng công viên cũ, chỗ lối nhỏ đi vào, có dựng cái bảng: “Công trình Cải tạo Công viên nước Hồ Thủy Tiên”. Bảng mới tinh. Nhưng bên trong

thì vẫn còn đầy mùi mực, xi măng ẩm, rong rêu và thời gian chết.

Ông Trí nhớ hồi sáng có đọc trên mạng, mấy tờ báo địa phương đăng tin công trình hồ Thủy Tiên bắt đầu đào móng giai đoạn hai từ hôm nay. Bên dưới bài báo, ai đó để lại bình luận: "Đêm nay họp hiện trường lúc mười một giờ, mấy ông lớn vô xem tiến độ." Người ta hay làm vậy, họp đêm để tránh báo chí, tránh dân tụ tập.

Ông đứng nhìn tượng rồng giữa hồ. Nó vẫn còn đó. Đầu ngẩng cao, mắt trợn ngược. Hai cái nanh cong trắng hếu chìa ra khỏi mép như muốn cắn ai. Người ta mới trám lại mấy vết nứt bằng xi măng. Nhìn giống cái xác chết được vá mặt.

Ông Trí cười nhạt.

— Rứa là tụi bây cũng bị trùng tu như cán bộ hưu trí tụi tao hè...

Gió thổi mạnh hơn. Từ trong miệng rồng tối om, có tiếng nước nhỏ tong tong.

Ông bước vô. Cầu thang xoắn ốc bên trong thân rồng vẫn còn. Rong phủ xanh lét. Những bể cá bỏ hoang đầy chai bìa, đầu lọc thuốc lá, mấy hình graffiti tục tĩu của đám trẻ.

Mùi bên trong thân rồng ngai ngái như bùn sông để lâu ngày trong hủ kín, lạnh tanh pha mùi sắt gỉ. Trên vách xi măng, những chỗ trám vá mới còn loang màu xám nhạt. Giữa các đường nứt nhỏ li ti, lâu lâu lại rịn xuống vài giọt nước đục vàng khè, bò chậm dọc thân tường rồi đọng dưới nền.

Ông Trí đứng nhìn một hồi lâu, tự nhiên nhớ tới mấy pho tượng quan đá ở lăng Gia Long hồi còn nguyên chức vụ, hôm đó ông dẫn đoàn khảo sát vô coi trùng tu, trời cũng lâm râm mưa kiêu này. Một ông thợ già người Phú Vang lúc đó ngồi hút thuốc dưới chân tượng quan võ bị mất nửa vành tai, bỗng nói tỉnh queo rằng ban đêm đừng nhìn mặt tượng lâu quá, vì có những pho tới gần sáng mắt nó đổi hướng theo người đứng coi. Hồi đó ông cười, nghĩ dân gian hù nhau. Giờ tự nhiên không cười nổi nữa.

Ngay dưới chân cầu thang xoắn, một mảng xi măng mới trám bỗng bong ra lật xuống nền nghe “bẹp” một tiếng nhỏ, lớp mặt ngoài rơi trước, còn phần bên trong đen nhầy như thịt mục ngâm nước lâu ngày. Nhưng giữa những nét vẽ đó, có một hàng chữ đỏ sậm ai đó nguệch ngoạc:

“Rồng Không Chết. Chỉ Bị Nhốt.”

Ông Trí đứng khựng, tự nhiên bỗng thấy rợn gáy. Hồi còn làm phó phụ trách văn xã thành phố, ông từng ký vô mấy hồ sơ giải tỏa quanh Thiên An. Không phải ông muốn, nhưng guồng máy nó vậy.

Ông nhớ rất rõ bữa họp hôm đó. Vị lãnh đạo Thành phố hút thuốc liên tục. Ông phó kinh tế tên Lâm ngồi rung đùi, nói giọng nhẹ hều:

— Phải làm du lịch. Muốn phát triển thì phải hy sinh chút ít.

Ông Trí hỏi:

— Hy sinh ai?

Lâm cười:

— Dân.

Cả phòng cười theo. Riêng ông không cười nổi. Lúc đó, lần đầu tiên trong đời ông thấy chữ “nhân dân” bị nói nhẹ như cọng rác.

Sau này, ông mới hiểu. Khi người ta còn hô hào lý tưởng, nghĩa là người ta chưa có quyền lực. Hồi chưa có quyền lực, người ta hay nói chuyện lý tưởng. Tới lúc ngồi được vô ghế rồi, câu chuyện trên bàn rượu chỉ còn đất, dự án, phần trăm.

Nhưng ông Trí cũng không ghét ông Lâm hoàn toàn, bởi có những bữa ngồi uống rượu khuya ở quán thịt dê dưới chân cầu Bạch Hổ, nghe Lâm nói chuyện đời mình, ông lại thấy cái ác nhiều khi không phải từ bản chất con người, mà từ sợ nghèo, sợ bị người ta đìm xuống. Một ngày nào đó mình sẽ biến mất khỏi cuộc chơi này như cục đá chìm dưới đáy sông Hương không ai buồn nhớ tới.

Bữa đó, Lâm ngồi rót rượu, mắt đỏ ké. Tay ông cầm chai rượu run nhẹ, không phải vì say. Kiểu run của người đã giữ thứ gì nặng quá lâu trong lòng bàn tay tới mức cơ thịt không còn nhớ cách buông. Lâm nhìn xuống ly rượu một hồi rồi mới nói, giọng khàn như người vừa ngủ dậy giữa chừng:

— Anh Trí biết không, hồi tui mới vô cơ quan, tui có viết một cái đề án. Đề án hỗ trợ dân vùng giải tỏa. Tui thức mấy đêm liền. Giờ không còn nhớ để ở đâu nữa.

Ông Trí nhìn Lâm. Nhìn bàn tay đó, ngón tay to bè, khớp đốt nổi cao, thứ bàn tay không phải của người lớn lên trong nhung lụa.

Lâm rót rượu, lòi lại ra theo.

— Anh Trí à, tụi mình giờ đâu còn sống cho mình nữa.

Ông Trí không nói gì.

Lâm cười, cái cười méo xẹo như người nuốt không trôi miếng đắng:

— Anh còn đường lui. Chớ tui mà ngừng lại, tui nó đập tui chết liền.

Nói rồi Lâm ngửa mặt uống cạn ly rượu. Bên ngoài mưa Huế lác rác đổ xuống mái tôn, như tiếng ai cào móng tay lên mặt gỗ mục.

Đêm đó về nhà, ông thức trắng. Ngoài hiên, mưa lất phất quẹt qua hàng bông giấy nghe sột soạt như có ai đứng nép ngoài sân mà thở dài hoài không dứt. Thành Phong, con trai ông, mới du học về chưa bao lâu, tóc chải bóng, áo sơ mi trắng thẳng nếp, cặp kính gọng vàng hắt ánh đèn lạnh tanh trên sống mũi. Nó vừa bấm điện thoại vừa cười nhạt, cái kiểu cười tỉnh queo của lớp người trẻ bây giờ, chuyện gì cũng quen đem ra cân bằng lời lẽ.

— Ba nghĩ nặng lòng quá. Thời buổi này, người ta sống phải biết thực tế.

Ông Trí ngồi im một hồi rồi mới ngước lên:

— Thực tế kiểu chi?

Phong nhún vai, giọng nhẹ mà nghe lạnh:

— Đắt bỏ không thì đem làm ra tiền. Chớ giữ đó cho mấy cái bóng dưới mồ ở hoài sao được.

Ông Trí nhìn con mình, nhìn gương mặt còn rất trẻ mà ánh mắt đã ráo khô tới mức, không còn chỗ cho một điều gì mơ hồ hay kính sợ. Tự nhiên trong lòng ông dội lên cảm giác lạ lẫm, như giữa cha con vừa có một quãng nước sâu âm thầm, mở ra từ lúc nào mà không ai hay.

Hồi nhỏ, thằng này từng ngồi trên vai ông coi thả đèn hoa đăng sông Hương. Ông Trí chợt nhớ hồi mười hai tuổi, có lần thằng Phong đi ngang nghĩa địa gần lăng Tự Đức, tự nhiên nó níu chặt tay ông hỏi nhỏ: “Người chết nằm dưới đó có nghe tiếng mình nói không ba?” Hồi đó ông chỉ cười xòa. Giờ nghĩ lại, tự nhiên ông không biết ai mới là người thay đổi trước. Nó từng khóc khi thấy người bán vé số bị đuổi. Mà giờ nó nói chuyện bằng giọng của một nhà đầu tư. Ông bỗng thấy có thứ gì trong mình đã không còn nằm bên phía thằng Phong nữa.

Ông Trí nhìn thằng con một lúc rồi tự nhiên nhớ lại hồi Phong mười lăm tuổi, có lần hai cha con ngồi coi tivi, trên màn hình chiếu lại cảnh người ta xếp hàng mua gạo thời bao cấp. Phong hỏi, giọng tò mò thật sự chứ không phải hỏi cho có:

— Sao hồi đó người ta không ra chợ mua cho rồi ba?

Ông Trí không biết giải thích từ đâu. Nói về tem phiếu, về ngăn sông cấm chợ, những thứ đó với thằng nhỏ lớn lên trong nhà có tủ lạnh, có wifi, còn xa hơn chuyện cổ tích. Ông chỉ ừ một tiếng rồi thôi. Bây giờ đứng nhìn Phong trong ánh đèn lạnh, ông mới hiểu cái ừ đó của mình đã để lại khoảng trống nào.

Một lần hai cha con cãi nhau tới khuya, Phong đứng ngoài ban công nhìn xuống sông Hương, giọng mệt mỏi:

— Ba cứ muốn giữ mọi thứ nguyên vẹn như hồi xưa, nhưng nếu ai cũng giữ kiểu đó thì Huế sống bằng cái gì?

Ông Trí gằn giọng:

— Không lẽ bán hết?

Phong quay lại nhìn cha mình, mắt nó đỏ lên hồi nào không hay:

— Chớ hồi trước ba có bán đời mình cho lý tưởng không? Khác gì tụi con đâu.

Câu nói đó làm ông Trí chết lặng.

Ngoài trời, một chiếc thuyền du lịch thả đèn chạy chậm trên sông, tiếng ca Huế theo gió bay lơ mờ như tiếng người xưa than thở. Ông ngồi im rất lâu, tự nhiên thấy giữa mình với con trai không phải chỉ cách nhau một thế hệ, mà cách nhau nguyên một dòng nước lớn, bên nào cũng nghĩ mình đang cứu lấy điều đúng đắn nhất.

Mưa lớn hơn, ông Trí leo lên tầng cao nhất trong thân rồng. Từ miệng rồng nhìn ra, hồ nước đen như mực tàu. Xa xa là rừng thông Thiên An. Xa nữa là hướng sông Hương.

Bất chợt, ông nghe tiếng gì đó sau lưng. Ông Trí đứng im. Mồ hôi lạnh rịn sau gáy.

— Ai?

Tiếng cười khô khốc vang lên trong bụng tượng rồng. Ông nghe tim mình đập mạnh. Ngoài hồ, gió bỗng nổi

cuồn cuộn. Mặt nước dềnh lên. Và từ dưới hồ, có cái gì đó đang chuyển động. Một cái đầu dài đen ngòm từ từ nhô lên giữa mặt nước.

Không phải cá, chẳng phải rắn. Nó giống một con thằn lằn khổng lồ. Hai mắt đỏ như than cháy. Nó ngẩng đầu nhìn tượng rồng. Rồi nhìn ông. Ông Trí không chạy. Lạ lùng thiệt. Người già nhiều khi hết sợ. Sợ hết một đời rồi.

Thuồng luồng há miệng. Giọng nó như tiếng nước xiết trong cống đá.

— Người trở lại rồi à?

Ông Trí đứng im. Mồ hôi lạnh rịn sau gáy.

— Người cũng giống họ thôi.

Ông Trí không nói được gì. Cái lạnh từ bụng tượng rồng như thấm ngược vô xương. Trong đầu ông bỗng dội lên cái cảnh bữa họp năm đó. Bàn tay ông Lâm rung đùi, điều thuốc cháy dở trên gạt tàn, tờ hồ sơ giải tỏa nằm chờ chữ ký. Và tay ông đã ký. Không ai cầm tay ông. Không ai ép ông. Tay ông đã ký.

Con thuồng luồng không nói thêm gì. Nó chỉ nằm đó, nhìn ông bằng hai mắt đỏ sâu như cái giếng cũ bỏ hoang giữa đồng. Thứ giếng không phản chiếu bầu trời mà chỉ phản chiếu mặt người đang nhìn xuống.

Ông Trí bỗng thấy trong gương mặt mình phản lại dưới đó không phải ông bây giờ, mà là ông hồi bốn mươi tuổi, ngồi trong phòng họp máy lạnh, tay cầm bút, mắt nhìn ra cửa sổ, và ngoài cửa sổ là một dãy nhà dân đang chờ giải tỏa, mà ông đã cố tình không nhìn kỹ.

Ngoài chớp lóe. Ông nhìn thấy phía bên kia hồ, những pho tượng quan văn, quan võ, voi đá, ngựa đá đứng lố nhố trong sương như một triều đình bị bỏ quên giữa cõi âm. Pho nào pho nấy đen sạm, vai áo đóng đầy rêu, tượng thì mất đầu, tượng nứt dọc sống lưng, mấy vết hàn trám cũ hiện lên ngoằn ngoèo dưới ánh chớp, giống đường chỉ may trên một thân xác từng bị chặt ra rồi ráp lại. Kỳ lạ nhất là gương mặt mấy pho tượng. Ban đầu nhìn chỉ thấy lạnh và vô hồn, nhưng đứng lâu thêm chút nữa lại thấy như mỗi tượng đang mang một vẻ riêng. Tượng quan văn cúi mặt. Quan võ trợn mắt. Còn con ngựa đá bên trái hồ không hiểu sao dưới hốc mắt đọng hai vệt nước bùn chảy dài xuống tận mép.

Gió thổi qua rừng thông. Một tiếng "cộp" khô khốc vang lên đâu đó. Ông Trí giật mình nhìn sang thì thấy cánh tay của pho tượng lính túc vệ gần mép hồ vừa rơi xuống nền đá, phần lõi bên trong không phải màu trắng của xi măng mà đen sì như gỗ cháy, lũng lảng vài sợi rễ cây nhỏ li ti đâm xuyên qua thân tượng, như thể rừng già đã âm thầm mọc vào trong đá tự bao giờ.

Một pho tượng quan võ mất nửa đầu đứng chơ vơ dưới mưa. Con voi đá gần mép hồ nứt ngang bụng, rêu đen ăn sâu vào những đường rạn. Mấy pho lính túc vệ thì lờ mờ mất mặt, chỉ còn những hốc tối lạng thình nhìn ra màn sương đặc quánh. Gần hai trăm năm đứng dầm mưa dãi nắng, đám thạch tượng vẫn im ru. Mà đêm ni, không hiểu rằng ông Trí cứ thấy chúng như đang lắng nghe thứ gì rất sâu dưới lòng đất.

Gió bỗng thốc qua rừng thông. Trong khoảnh khắc, ông Trí nghe quanh mình dậy lên vô số âm thanh chùng lấp.

Tiếng mái chèo khua lóc cóc trong sương. Tiếng cuốc bở xuống nền đất mềm nghe hộc hộc dưới mưa dầm. Rồi đầu đó, tiếng máy ủi nghiền qua nền lạnh ngắt. Giữa đám âm thanh lẫn lộn ấy còn chen vô tiếng đàn bà khóc nghẹn, tiếng người gọi nhau thất thanh lúc nhà cửa, mồ mả bị dời đi. Chúng quấn riết lấy nhau như một dòng nước đục đã ngâm quá nhiều oan khuất dưới đáy hồ, tới lúc trời lên thì chẳng còn ai phân biệt nổi đâu là tiếng người đang sống, đâu là tiếng của kẻ đã chìm mất từ đời nào.

Ông Trí ôm đầu, giọng lạc đi:

— Đủ rồi...

Thuồng luồng khẽ động mình dưới nước, nó nhìn ông rất lâu. Hai con mắt đỏ không dử, mà sâu hun hút như thứ gì đã nhìn người đời mục rã quá nhiều nên không còn buồn nổi nữa.

Tiếng cười trâm đục nổi lên, nghe như bọt khí vỡ đầu dưới đáy hồ lâu năm không ai khuấy.

— Còn người?

Lần này ông Trí không cần nó nói tiếp. Ông biết câu hỏi đó hỏi gì rồi.

Từ trong miệng rỗng tối om vọng xuống tiếng nước nhỏ tong tong chậm rãi. Âm thanh đó nhỏ lắm. Nhỏ tới mức nghe như tiếng ai đang đếm, đếm rất chậm, không biết đang đếm gì, mà nghe tới rợn gáy.

Ông Trí đứng im. Mưa quất vô mặt lạnh buốt. Một hồi lâu sau, ông mới cười, cái cười mỏng dính như hơi khói.

— Hồi trẻ ta cứ tưởng mình khác.

Ông nuốt chậm một hơi nghẹn trong cổ.

— Sau mới hay, hễ đã ngồi cao rồi... người ta dễ quên dưới chân mình có ai.

Ngoài kia, đám tượng đá vẫn đứng bất động giữa màn mưa trắng đục. Nhưng không hiểu sao ông Trí cứ có cảm giác, chúng không nhìn ông bằng oán giận, mà bằng một thứ buồn bã rất cũ, rất xa, như người chết đã thấy chuyện đó lặp đi lặp lại qua quá nhiều đời rồi nên chẳng còn sức để trách thêm ai nữa.

Ông Trí chợt nhớ hồi nhỏ mình từng theo cha chèo đò ngang lảng Minh Mạng vào những bữa sương xuống dày đặc mặt sông. Mỗi lần đi tới khúc đó, ông già đều tự nhiên hạ giọng, bắt ông ngồi im thin thít, không được cười lớn, không hát nghêu ngao, càng không được buông một câu tục tằn nào dù chỉ cho vui miệng. Hồi còn nhỏ, ông thấy vậy là mê tín, là kiểu kính sợ của người xưa trước vua chúa đã chết từ đời nào, nhưng tới tuổi này rồi ông mới thấm. Thứ người ta sợ chưa chắc là uy quyền, mà là khoảng im lặng phủ lên những nơi từng chứa quá nhiều quyền lực. Cần im lặng thì người ta mới nghe được tiếng mực ruỗng đang âm thầm rã ra từ bên trong, những thứ tưởng là vững bền.

Gần nửa đêm, tiếng động cơ xe rò lên dưới dốc. Rồi ánh đèn pha quét qua hàng thông, trắng lạnh. Một đoàn xe hơi đậu lại trước cổng. Ông Lâm bước xuống trước, áo mưa khoác vội, tay cầm điện thoại còn sáng màn hình. Theo sau là mấy người đàn ông mặc vest, giày da dính bùn đỏ, ai cũng cúi đầu che mưa mà bước nhanh vô. Một người trong nhóm chỉ lên tượng rồng, nói gì đó. Người kia gật đầu, bấm điện thoại chụp ảnh. Ánh flash lóe lên trắng bệch giữa màn

đêm. Phong đi sau cùng. Thằng con ông giờ là giám đốc dự án.

Ông Trí mặc mưa. Ướt sũng. Giờ đang đứng trong bóng tối dưới mái hiên cũ, nhìn ra. Lâm chưa thấy ông. Đám người kia cũng chưa thấy. Họ đang bàn tán gì đó, giọng người Bắc, người Nam lẫn lộn, tiếng số liệu, tiếng tên khu đất, tiếng cười ngẩn.

Ông đứng thêm một lúc. Rồi bước ra. Phong nhìn cha mình:

— Ba làm gì ở đây?

— Tao chờ tụi bây.

Lâm cười nhếch mép:

— Anh Trí nghỉ hưu rồi còn thích lo chuyện thiên hạ.

Nhưng ông không bước tới. Đứng nguyên chỗ đó, tay vẫn cầm điện thoại mà không nhìn vô màn hình nữa. Như người vừa thấy thứ gì quen mà không muốn nhận ra.

Ông Trí nhìn quanh.

Đồi Thiên An chìm trong sương trắng. Mấy pho tượng đá thấp thoáng sau rừng cây như một triều đình đã chết.

Ông nói nhỏ:

— Mấy người không thấy à?

— Thấy gì?

— Ròng đang nổi giận.

Phong bực mình:

— Ba thôi đi. Toàn nói chuyện không có.

Ông Trí cười.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, ông Trí bỗng thấy trong ngực mình nhẹ bẫng. Cái thứ nhẹ lạnh lẽo của một người vừa thôi chống cự với điều gì đó đã đeo bám quá lâu. Ông cười nhạt, giọng khàn đi giữa hơi đất ẩm:

— Ờ... chắc tao già rồi nên đâm ra lú lẫn, nói chuyện không giống ai.

Nói rồi ông chậm rãi đưa tay chỉ xuống mặt hồ phía dưới chân đồi.

Nước đang động, không phải kiểu gợn vì gió. Từng vòng nước đen sì âm thầm nổi lên từ đáy sâu, loang rộng ra như có thứ gì đang trở mình bên dưới lớp bùn đã nằm im mấy chục năm. Xa xa, đèn mấy chiếc xe công trình bỗng chớp tắt liên hồi, ánh sáng giựt từng cơn yếu ớt, như mí mắt người hấp hối, soi thoáng qua mặt nước đang sôi lục bục.

Một tiếng động khủng khiếp vang lên trong thân tượng rồng.

Rắc.

Rồi một tiếng “rắc” nữa khô khốc bật ra từ cổ tượng, nghe không giống tiếng đá nứt mà giống tiếng xương người già bị bẻ mạnh. Một đường rạn đen từ hốc mắt con rồng chậm chậm chạy xuống cần cổ, mấy lớp xi măng vá vữa bao năm nay tự nhiên bong lên từng mảng, để lộ bên dưới lớp bê tông cũ đen ngòm, ẩm ướt.

Rắc.

Rắc.

Mỗi lần thân tượng rung lên, từ hai hốc mắt rồng lại trào ra thứ nước đục màu bùn non, đặc quánh, kéo thành sợi lòng thòng xuống mép nanh trắng hếu. Xa xa dưới hồ, mặt nước cuộn lên từng vòng lớn như có con vật khổng lồ đang trở mình dưới đáy. Còn đám tượng đá bên rừng thông thì không biết do chớp nháy, hay do mắt ông Trí đã già, mà hình như đều vừa nhích tới trước một chút. Một chút thôi, nhưng đủ làm mọi sống lưng lạnh cứng. Từng mảng xi măng rơi xuống hồ. Trong khoảnh khắc chớp lóe, ông Trí thấy con thuồng luồng khổng lồ quẫy mình dưới nước như muốn lao lên trời. Mấy nhà đầu tư hoảng loạn bỏ chạy. Phong đứng chết trân.

Ông Trí quay lưng, làm lủi đi xuống dốc đồi trong màn sương đang trườn dần qua những gốc thông già.

Phong bỗng gọi giật:

— Ba!

Ông Trí dừng lại nhưng không quay đầu.

Một hồi lâu sau, Phong mới nói rất nhỏ, nhỏ tới mức gần như tan vô tiếng mưa:

— Hồi đó... ba có từng sợ không?

Ông Trí đứng im.

Rồi ông bước tiếp xuống dốc.

— Có chứ. Nhưng hồi trẻ, người ta thường sợ trẻ hơn lúc đáng lẽ phải sợ.

Không ai lên tiếng gọi theo ông nữa, chẳng ai bước tới níu lại. Gió rít từng cơn dài xuyên qua rừng cây nghe như tiếng sáo bị ai bẻ gãy giữa chừng.

Đúng lúc bóng ông gần khuất hẳn dưới triền dốc, từ phía hồ Thủy Tiên phía sau bỗng bật lên một tiếng gầm đục nghẹn, kéo dài và nặng trĩu như có thứ gì bị chôn ép dưới bùn non suốt gần hai trăm năm nay, vừa cựa mình đội đất để thở. Tiếng động ấy chẳng giống thú kêu, cũng không giống tiếng máy móc sập đổ, nó nghe như hơi thở mục ruỗng của cả một triều đại, tới bữa đó mới chịu trôi lên khỏi đáy tối.

*

Chiều cuối năm, mưa Huế không còn xối xả mà rả rích như khói nước. Mông tới mức nhìn xa tượng sương đang chảy xuống từ những ngọn thông già trên đồi Thiên An. Người ta nói từ sau bữa đào móng cuối cùng, trên khu đất để hoang bên tu viện xa xa, chỗ địa phương tiếp quản năm xưa, luôn có mùi đất ướt ngai ngái như chiếu cũ lâu ngày bị thấm nước sông, dù nắng chang chang vẫn không tan hết.

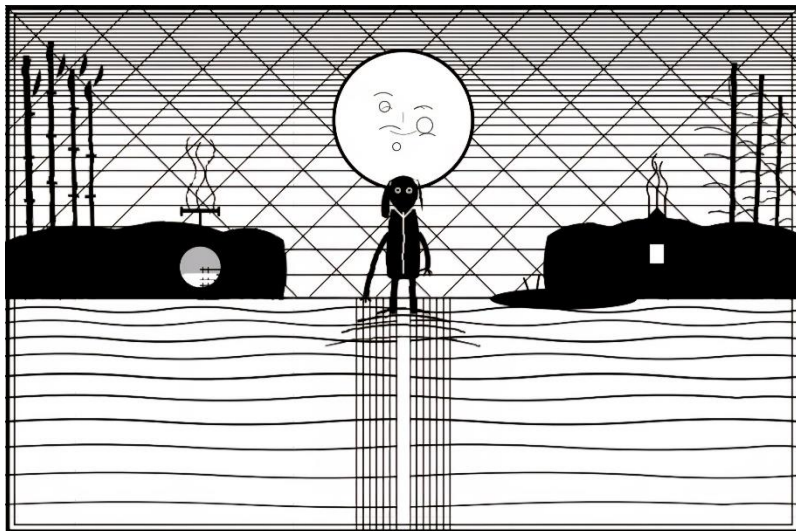
Công trình nghỉ dưỡng rồi cũng dừng ngang. Mấy tấm tôn chắn quanh khu đất dần dần rồi cũng sét đỏ, nhiều chỗ tụt bong lớp xi măng như da người bị mục lâu ngày dưới nước. Mấy người thợ còn nói tượng đá đặt tạm gần đó sáng nào cũng đọng hai vệt nước mưa mông chạy dài dưới mắt, dù hôm trước trời không hề có mưa. Lâu dần, người ta cũng thôi nhắc. Huế nhiều khi lạ vậy. Những chuyện càng nằm sâu thì người ta càng nói nhỏ đi.

Ông Lâm sau đó bán căn nhà dưới phố, dọn đi đâu không rõ. Người ta nói đêm trước khi đi, ông ngồi rất lâu ngoài hiên, hút hết gần nửa bao thuốc, mắt nhìn về phía đồi thông tối đen bên kia sông. Như nhìn một thứ gì còn mắc lại mà cả đời mình không gỡ nổi. Người ta kể lúc đứng lên, ông đã già sạm đi.

Còn Phong thì không quay lại Thiên An thêm lần nào nữa. Nghe đâu cậu ra Đà Nẵng làm cho một tập đoàn lớn. Vest giày vẫn chỉnh tề. Giọng nói dục án vẫn ráo hoảnh.

Chỉ có một chuyện lạ. Hễ chiều xuống mà trời mưa lâm râm kiểu Huế, hoặc tình cờ nghe tiếng mái chèo khua lóc cóc ở một quán ven sông, Phong thường khựng lại giữa câu nói, không xong. Ánh mắt trôi đi đâu đó rất xa. Rồi cậu lặng lẽ châm một điếu thuốc, đứng im rất lâu ngoài hiên. Người quen thấy vậy hay hỏi nghĩ gì. Phong bao giờ cũng cười, lắc đầu: không có gì. Cái dáng đứng đó của Phong, không ai nhận ra, trừ những người từng biết ông Trí hồi trẻ.

Mùa mưa năm sau, mấy người chèo đò trên sông Hương bắt đầu truyền nhau một chuyện lạ. Hễ đưa khách ngang đoạn nhìn lên rừng thông Thiên An lúc trời sập tối, họ thường chống sào đi chậm lại, rồi tự động nói nhỏ đi, như sợ động giấc ai đó đang nằm sâu dưới đất. Không ai biểu họ làm vậy hết. Chỉ là lâu dần, thành lệ. Rồi từ đó, mỗi khi qua khúc sông ấy vào những đêm có sương, gần như chẳng còn người chèo đò nào dám huýt sáo nữa.



8. Truyện ngắn

NGƯỜI KHÔNG CHỊU CHẾT LẦN NỮA

*T*rời Bà Nà buổi sớm mù như một giấc mơ chưa kịp tỉnh. Sương đổ xuống từng lớp, mềm như khói mà lạnh như tay người chết, quán lấy những vòm cầu, những mái ngói kiểu Tây, rồi chảy chậm chậm xuống những bậc đá ướt rêu. Ở trên cao đó, người ta gọi là tiên cảnh. Ở dưới kia, nơi sông Hàn lặng lẽ chảy qua thành phố, là đời sống. Ở giữa, chỗ lưng chừng giữa mây và nước, là chỗ của những kẻ như Hân. Người ta vẫn gọi Hân là “con Hân”. Bây giờ nó đã là một người đàn bà, tóc dài, mắt đậm, môi son, dáng đi

mềm mại đến mức mấy đứa khách Tây cứ tưởng nó sinh ra đã là vậy. Nhưng không. Nó đã chết một lần rồi.

Người ta nghĩ đổi tên là đổi đời. Thiệt ra không phải. Nhiều đêm Hân nằm trong phòng trọ rẻ tiền dưới chân đèo Hải Vân. Nghe tiếng xe chạy ngoài quốc lộ. Tụp hỏi sáng mai thức dậy mình sẽ là ai. Nhiều lần nó nhìn vô gương. Nhìn lâu tới mức không nhận ra người trong đó. Không phải Hưng. Cũng chưa phải Hân. Chỉ là một người đang cố đi qua cây cầu hẹp nhất đời mình.

Nhưng đúng là nó đã chết một lần, khi còn là thằng Hưng, con trai của một gia đình làm mắm ven biển Đà Nẵng, lớn lên với mùi cá, mùi muối, mùi nắng và tiếng sóng vỗ đêm ngày không dứt. Hưng hồi nhỏ hiền, hiền tới mức bị người ta giỡn hoài, giỡn riết thành khinh. Nó không đánh lại, chỉ cười, cười rồi về ôm má nó mà hỏi nhỏ:

– Má, sao con thấy mình giống con gái hơn con trai?

Lúc ấy, má nó im lặng. Im lặng như biển lúc trước bão. Sau này, nó hiểu. Một ít câu hỏi không phải để trả lời. Mà để sống với nó, cho tới khi không chịu nổi nữa thì thay da.

Năm đó Hưng mới chín tuổi. Bữa trường diễn văn nghệ. Nó lén lấy cái kẹp tóc bằng nhựa của con em họ bỏ vô túi. Chưa kịp mang lên đầu thì bị mấy đứa cùng lớp thấy. Tụi nó cười. Cười tới mức cô giáo phải bước ra. Chiều về, nó ngồi ngoài mé biển tới tối. Má nó đi tìm. Bà ngồi xuống kế bên nó. Hai má con nhìn sóng. Từ đó tới nhiều năm sau, Hưng không dám đụng vô bất cứ món đồ nào của con gái nữa. Năm mười bảy tuổi. Hưng từng bỏ nhà đi một lần. Một đêm thôi. Nó theo xe tải đi Huế. Trong túi có chưa tới hai

trăm ngàn. Sáng hôm sau lại quay về. Không phải vì hết tiền. Mà vì nhớ má.

Lúc bước vô sân, thấy má đang ngồi lựa cá. Bà không hỏi đi đâu. Chỉ nói:

– Vô ăn cơm.

Hưng vô bếp. Vừa ăn vừa khóc. Mà không dám khóc thành tiếng.

Rồi nó nhớ tới ba. Ba nó ít nói. Một lần thấy Hưng lén bôi son, ông không đánh mà bỏ đi. Từ đó tới lúc mất, ông không nhắc chuyện đó lần nào nữa. Nhưng cũng không nhìn thẳng vào mặt nó lâu được. Nhiều năm sau, Hân mới hiểu. Ba không đủ tàn nhẫn để chối bỏ. Nhưng cũng không đủ can đảm để chấp nhận.

*

Hân bây giờ làm hướng dẫn viên trên Bà Nà. Nó thuộc từng lối mòn. Nó còn nhắc người khác, một khúc đường gần mép núi bị sạt từ mùa mưa trước. Người ta đã căng dây cảnh báo. Nhưng sương xuống dày quá, nhiều khi đứng cách vài bước cũng không thấy. Nó biết những câu chuyện người ta kể về núi này. Từ chuyện người Pháp lên xây biệt thự rồi bỏ hoang, cho tới chuyện “bà” trên đỉnh núi. Bà linh tới mức người quanh vùng, không dám gọi tên lớn.

Một hôm, nó dẫn đoàn khách lên đền Linh Chúa. Hân gặp một bà cụ bán nhang dưới chân đền. Bà già lắm. Già tới mức Hân không đoán nổi tuổi. Bữa đó lúc khách đang chụp hình, bà cụ nhìn nó hồi lâu rồi hỏi:

– Con đổi tên lâu chưa?

Hân giật mình.

– Dạ?

Bà cụ cười, lấy trong rổ ra một sợi chỉ xanh đã bạc màu.

– Có người đang đợi con trên núi.

Rồi bà quay đi. Như chưa từng nói gì.

Leo tới đèo, mấy bà khách trung niên cứ xì xụp khấn, còn mấy đứa trẻ thì chụp hình cười nói. Hân đứng ngoài, nhìn vô, tự nhiên lạnh sống lưng. Nó nghe. Không phải nghe bằng tai. Mà nghe bằng cái phần nào đó trong người, mà nó tưởng đã chết theo thằng Hưng năm nào. Một giọng đàn bà, mềm mà sắc:

– Mà ý tưởng mà đổi được xác là đổi luôn nợ hả?

Hân cắn môi, quay đi. Khách gọi nó, nó cười lại, giọng vẫn tròn, vẫn ấm như không có gì. Nhưng từ bữa đó, nó bắt đầu mơ. Mơ thấy rừng. Không phải rừng xanh mát như người ta quảng cáo. Mà là rừng tối, ẩm, đầy hơi thở. Trong rừng đó, có một người đàn bà mặc áo xanh, tóc dài, mặt không rõ, chỉ thấy đôi mắt nhìn xuyên qua da thịt.

– Là ai? Hân hỏi.

– Là thứ nuôi mày. Bà ngẩng đầu, nói tiếp.

– Hồi tám tuổi, mày lấy khăn của má quấn lên đầu rồi đứng trước gương.

Tim Hân đập mạnh.

– Ai nói?

– Hồi mười hai tuổi, mày đốt cái thư đầu tiên mày viết cho một thằng bạn học.

Hân lùì lại.

– Bà là ai?

Bà lặp lại:

- Là thứ nuôi mày. Cũng là thứ giết mày, nếu mày không biết mình là ai.

Hân cười nhạt:

– Tôi biết tôi là ai. Tôi là đàn bà.

Người kia cười. Tiếng cười như lá mục bị giẫm.

– Mày là thứ đang trốn.

*

Ngoài đời đã có người không cho nó trốn. Thiệt ra hồi mới lên Bà Nà làm ăn, ông Phúc, ông chủ khu dịch vụ du lịch nơi Hân làm việc, không phải dạng người ta sợ như bây giờ.

Mấy người làm lâu năm kể hồi đó ông cực dữ lắm. Tự lái xe chở vật liệu. Tự leo núi coi công trình. Cái năm bão đánh sập một khu nhà gỗ, ông ở lại ba đêm liền với công nhân. Người ta còn nhớ ông từng bỏ tiền đưa một thằng phụ hồ bị tai nạn đi bệnh viện. Hồi đó, ai gặp cũng khen ông tử tế. Rồi tiền bạc kéo tới, quyền lực kéo tới. Người ta nói ông đổi. Nhưng biết đâu ông không đổi gì hết. Chỉ là khi trong tay chưa có gì, cái tốt và cái xấu đều phải nằm yên. Tới lúc có đủ tiền đủ quyền, thứ nào mạnh hơn thì nó bước ra trước.

Ông Phúc của bây giờ bắt đầu để ý tới nó. Ông giàu, kiêu giàu có mùi. Mùi tiền lẫn mùi quyền. Ông hay gọi Hân lên phòng riêng, nói chuyện công việc mà mắt thì không ở chỗ công việc.

– Em đẹp dữ ha.

Hân cười, kiêu cười nghề nghiệp:

– Dạ, nhờ khách thương.

– Anh thương hơn khách.

Nói xong, ông không cười. Lại nhìn ra ngoài cửa kính. Xa xa là những mái nhà kiêu Pháp chìm trong sương.

Hân nghe người ta đồn vợ ông Phúc bỏ đi từ lâu. Người nói chết. Người lại nói theo người khác. Không ai biết chắc. Nhưng thấy căn biệt thự dưới chân núi rộng dữ lắm mà tối nào cũng chỉ sáng một ngọn đèn. Câu đó, ông nói nhỏ, nhưng đủ để Hân biết. Nó đã đi qua không biết bao nhiêu ánh nhìn. Những ánh nhìn tò mò, rẻ tiền, thương hại, thèm khát. Nhưng ánh nhìn của ông Phúc thì khác. Nó không dừng lại ở da thịt. Nó như đang đo đạc, ước thử, tính toán xem có thể đặt cái gì của mình lên con người này, và giữ lại bao nhiêu. Ông không vội vấp. Không thô. Là một thứ chậm rãi, kiên nhẫn. Giống như người ta chọn một món đồ đắt tiền.

– Em làm ở đây lâu rồi.

Ông rót trà, giọng đều đều, như nói một chuyện không liên quan gì tới nó.

– Anh đang thiếu người đứng quản lý. Nếu em chịu, anh sắp xếp được. Lương gấp ba, chưa kể mấy khoản khác.

Hân cười nhẹ:

– Dạ, em quen dẫn khách đi rồi.

Ông Phúc không nhìn nó ngay. Ông xoay nhẹ cái tách trong tay, mắt dừng đâu đó ngoài cửa kính, nơi sương đang phủ xuống từng lớp.

– Quen rồi thì người ta mới dễ chấp nhận thay đổi.

Một thoáng im.

– Ở đây ai cũng bắt đầu từ chỗ giống nhau thôi. Khác nhau là biết nắm cái gì lại.

Hân không trả lời liền. Nó nhìn cái tay ông. Bàn tay dày, móng cắt gọn, sạch sẽ quá mức so với cái mùi quyền lực mà ông mang theo.

- Em nghĩ, có những thứ giữ được, có những thứ giữ lại thì nặng.

Ông Phúc cười, lần này có tiếng:

– Nặng nhẹ là do mình chọn thôi.

Ông ngẩng lên, nhìn thẳng vào nó:

– Mà thường, người ta chỉ thấy nặng khi trong tay không có gì đáng giá hơn để đổi.

Hân im. Nó thấy câu đó không mới. Nhưng cách ông nói, làm nó có cảm giác như đang bị đặt lên một cái cân vô hình.

– Anh không ép.

Ông đặt tách trà xuống, rất nhẹ.

– Nhưng cơ hội thì không đứng chờ ai lâu.

Ông dừng lại một chút, rồi tiếp:

– Nhất là với những người không có nhiều lựa chọn.

Câu đó rơi xuống, không lớn, nhưng đủ sâu. Hân ngược lên. Lần này, nó nhìn thẳng.

– Không phải ít lựa chọn.

Nó nói chậm.

– Là tôi từ chối những lựa chọn đó.

Ông Phúc hơi nghiêng đầu, như vừa nghe một thứ gì đó thú vị hơn mong đợi.

– Em nghĩ mình khác?

Ông ngả người ra sau. Một lúc lâu mới nói:

– Hồi bằng tuổi em, anh cũng từng nghĩ mình khác.

Hân nhìn lên.

– Khác sao?

Ông Phúc cười.

Lần đầu tiên nụ cười đó không có vẻ gì của quyền lực.

– Nghèo.

Ông ngừng lại một chút rồi nói tiếp:

– Nghèo tới mức tưởng chỉ cần sống đàng hoàng là đủ.

Ông nhìn bàn tay mình.

– Sau này mới biết, có lúc muốn sống được thì phải nuốt nhiều thứ lắm.

Hân không nói.

Nó chợt thấy trong mắt ông già đó có một thứ gì rất mệt. Không phải giọng chế giễu. Cũng không hẳn là tò mò. Mà giống như một người đang thử chạm vào một giới hạn. Hân không trả lời ngay. Nó biết câu hỏi đó không cần câu trả lời.

Ngoài kia, sương vẫn đổ xuống, bò qua từng bậc đá, nuốt dần lối đi. Ông Phúc nhìn nó lâu lâu, rồi khẽ cười. Một nụ cười không rõ là chấp nhận hay chờ đợi.

– Ủ. Lúc đầu ai cũng nghĩ vậy.

Câu nói không nặng. Nhưng nó bám. Lặng lẽ, dai dẳng. Và như mọi lần, nó chạm đúng chỗ. Cái chỗ không ai thấy, nhưng vẫn đau.

Đêm đó, Hân lại mơ. Lần này, không phải rừng. Mà là cầu. Cầu vàng, hai bàn tay đá nâng lên giữa trời. Nhưng bàn tay đó rỉ máu. Máu chảy xuống, thành sông. Trong sông, có người. Những người đàn bà. Những người không được gọi tên. Có người bị trôi, có người bị kéo xuống, có người cười như điên. Một người quay lại, nhìn thẳng vào Hân:

– Màyl tưởng màyl đứng ngoài tụi tao hả?

– Tao không thuộc về tụi bây.

Người kia cười khế:

– Không. Mày ở trong đó rồi. Chỉ là mày chưa chịu nhận thôi.

Người đàn bà áo xanh đứng phía sau. Lần đầu tiên Hân thấy rõ hơn khuôn mặt đó. Không già. Không trẻ. Chỉ buồn. Một nỗi buồn cũ kỹ như đã đi qua nhiều đời người.

Bà nhìn đám đàn bà dưới sông. Khẽ nói:

– Tụi nó chết lâu rồi.

Mà tới giờ vẫn chưa được nghe ai gọi tên. Không biết bà đang nói với Hân. Hay đang nói với chính mình.

*

Một hôm, Hân đi ngang phòng bảo vệ. Nó nghe người ta nói nhỏ. Con của một nhân viên vệ sinh trong khu bị bệnh tim. Ông Phúc vừa chuyển tiền viện phí. Không ký tên. Không cho ai biết. Hân đứng lại một chút. Rồi bước tiếp. Lần đầu tiên nó thấy khó ghét một người như vậy.

Vậy mà sáng hôm sau lại có chuyện. Con người ấy lại khác hẳn. Một cô gái phục vụ trong khu du lịch bị phát hiện ngất trong phòng riêng của ông Phúc. Cô chỉ lắp bắp, nói không rõ ràng.

Chiều hôm đó, chuyện bắt đầu lan. Không ai nói lớn. Nhưng ai cũng biết. Mấy chị phục vụ nhìn nhau rồi im. Mấy anh bảo vệ hút thuốc nhiều hơn thường lệ. Người quản lý nhân sự đi qua đi lại mấy lần trước văn phòng ông Phúc. Có thứ gì đó đang rạn. Nhỏ thôi, nhưng nghe được. Giống như tiếng nứt trong một tấm kính dày.

Hân đứng nhìn cô gái bị hại. Nó thấy trong mắt cô, có cái ánh nhìn của mình hồi xưa. Cái ánh nhìn của một

người bị lấy mất quyền định nghĩa chính mình. Tự nhiên Hân nhớ tới ngày nó nộp hồ sơ xin việc đầu tiên. Người đàn ông ngồi sau bàn nhìn giấy tờ rồi nhìn mặt nó. Nhìn mặt rồi nhìn giấy. Nhìn vậy tới ba lần.

Cuối cùng hỏi:

– Rốt cuộc cô là ai?

Hôm đó Hân cười. Ra khỏi cửa mới khóc. Khóc trong nhà vệ sinh của bến xe. Một mình.

Tự nhiên Hân thấy thật giận, nó đi thẳng lên phòng ông Phúc.

– Anh vừa làm cái gì?

Ông vẫn ngồi đó, thản nhiên:

– Em nên lựa lời.

– Tôi hỏi anh đã làm gì.

– Ở đây ai cũng muốn đi lên.

Ông nói tiếp, chậm.

– Nhưng không phải ai cũng chịu trả giá giống nhau.

Hân cười. Lần đầu tiên, nó cười mà không cần giữ hình tượng:

– Anh nghĩ anh là ai?

– Người trả lương cho em.

– Không. Anh là thằng đang tưởng mình là trời.

Không khí đặc lại.

– Em đừng quên em là cái gì.

Hân bước tới, chậm rãi:

– Tôi là người. Anh mới quên.

Lần đầu tiên Hân thấy mặt ông Phúc đổi sắc. Không nhiều. Chỉ một thoáng. Nhưng đủ. Giống như người ta vừa chạm nhầm vào một cái đinh nằm sâu dưới da. Ông quay mặt đi. Rót thêm trà. Tay hơi run. Rất nhẹ. Nếu không nhìn kỹ sẽ không thấy.

Đêm đó, mưa. Mưa trên Bà Nà rơi như trút, kéo theo sương, kéo theo tiếng gió hú trong rừng. Cùng lúc đó, dưới màn mưa đặc quánh của Bà Nà, ông Phúc đi một mình. Không đem theo ai. Không mang dù. Ông đi dọc theo con đường dẫn ra cầu. Gió quất vô mặt. Sương phủ kín mắt. Rồi ông tưởng mình nghe tiếng người gọi phía sau. Quay lại. Không có ai. Chỉ có mưa. Và tiếng nước từ đâu đó trong rừng đang đổ xuống không ngừng. Ông đứng yên rất lâu. Lâu tới mức nước mưa chảy thành dòng trên mặt. Mà không biết đó là nước mưa hay thứ gì khác.

Hân mơ lại. Người đàn bà áo xanh đứng đó.

– Mà chọn chưa?

– Chọn gì?

– Sống thật. Hay sống sót.

– Khác nhau hả?

– Khác. Sống thật thì có thể chết. Sống sót thì phải nuốt hết mọi thứ.

Hân im lặng.

– Mà y mang trong người hai cái chết. Một của thằng con trai bị chối bỏ. Một của con đàn bà bị thèm khát. Mà y chọn cái nào?

Hân nhắm mắt. Nó nhớ từng khuôn mặt. Mấy đứa bạn từng cười. Người đàn ông từng từ chối tuyển dụng. Những ánh mắt trên xe khách. Ngoài chợ. Trong quán ăn. Trong nhà trọ. Có những người nó không còn nhớ tên. Nhưng vẫn nhớ cách họ nhìn mình.

Gió thổi qua rừng. Tự nhiên Hân lại nghe mùi dầu dứa. Mùi tóc của má nó hồi còn sống. Nó đứng sững. Người đàn bà áo xanh không nhìn nó, chỉ nói:

– Có những người thương mình mà không biết cách giữ mình lại.

Giọng nói đó. Trong một thoáng. Giống má nó đến kỳ lạ.

Hân ngẩng lên:

– Tôi chọn không chết nữa.

Người kia nhìn nó. Lần đầu tiên, đôi mắt đó dịu lại.

*

Sáng hôm sau, ông Phúc mất tích.

Người ta tìm thấy ông dưới chân núi, gần một con suối nhỏ. Không ai biết ông rớt xuống kiểu gì. Chỉ có điều, mặt ông như đang cười. Không phải cười vui. Mà cười như bị ai đó bóp méo.

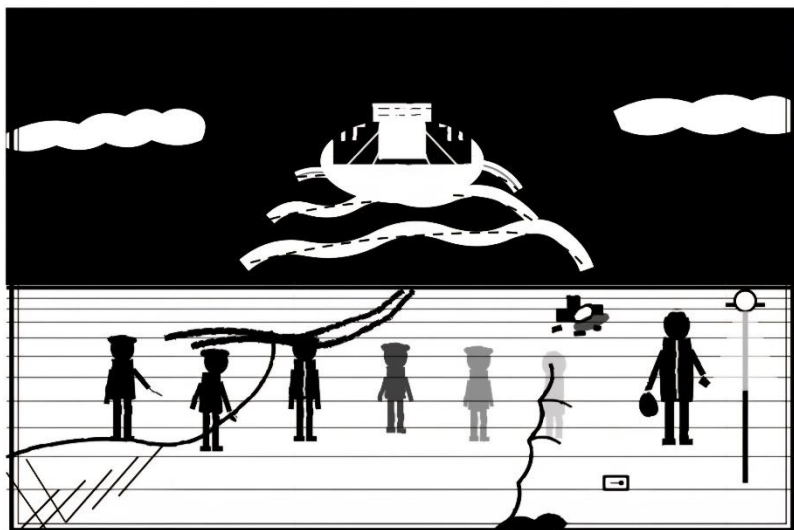
Người ta nói do tai nạn. Người lại nói ông uống rượu. Người không nói gì. Hân đứng trên cầu, nhìn xuống.

Sương bay qua tay nó, lạnh mà nhẹ. Nó không biết mình có làm gì không. Nó không biết ông Phúc ngã xuống vì điều gì. Vì mưa. Vì rượu. Vì một bước chân lạc. Hay vì có những thứ trong đời, tới lúc nào đó, tự tìm đường đòi lại phần nợ của mình.

Đến chiều, nó nghỉ việc. Không ồn ào. Không giải thích. Nó xuống lại thành phố, đứng bên sông Hàn, nhìn nước chảy. Nước không hỏi nó là ai. Nước chỉ chảy. Hân cười nhẹ. Tự nhiên thấy lòng mình trống mà không rỗng. Khi quay lưng đi khỏi Bà Nà, Hân chợt nhớ tới sợi chỉ xanh. Nó thò tay vào túi áo. Sợi chỉ vẫn còn đó. Ấm như vừa đi qua mưa. Nó không nhớ mình đã cầm nó từ lúc nào.

Người ta sau này vẫn kể, có một hướng dẫn viên tên Hân biến mất sau vụ đó. Người ta nói nó đi nước ngoài. Người thì nói nó đổi tên, đổi đời. Người lại nói, đêm mưa trên Bà Nà, vẫn thấy một người đàn bà đứng dưới hai bàn tay đá, nói chuyện với ai đó không thấy được.

Còn Hân, nếu có ai hỏi nó là ai, chắc nó sẽ trả lời đơn giản thôi: “Tôi là người đã không chịu chết thêm lần nữa.”



9. Truyện ngắn

NHỮNG NGƯỜI CHỜ XE

*N*gười ta nói đèo là chỗ trời đất va nhau. Nhưng không ai nói, khi va mạnh quá, có thứ sẽ vỡ ra. Ông Sáu Kinh không gọi Đèo Hải Vân là đèo. Ông gọi nó là miệng. Một cái miệng không có môi. Chỉ có mép đá, mòn dần vì gió, há ra từ đời này sang đời khác. Ông không sinh ra trên đèo. Ông sinh dưới chân đèo, phía Lăng Cô. Nơi nước mặn trườn vào ruộng, nơi người ta quen với việc nhìn biển như nhìn một con vật lớn, ngủ mà vẫn thờ.

Đêm xuống, vùng nước ấy không còn là mặt biển, mà như một lớp da đang co giãn chậm rãi. Gió từ phía đèo trườn xuống, mang theo mùi đá lạnh và rêu mục, quán lấy những mái nhà thấp như một thứ hơi thở lạ. Những bụi phi lao đứng im, không xào xạc, rung nhẹ như có ai vừa lướt qua mà không chạm đất. Xa hơn, đường đèo vắt ngang sườn núi hiện ra lờ mờ, uốn cong như một vết cắt chưa lành. Những khúc cua tối hơn phần còn lại, dường như ánh sáng đến đó thì dừng lại, không đi tiếp. Người trong xóm quen nhìn lên đèo vào ban đêm, nhưng ít ai nhìn lâu. Vì càng nhìn, càng có cảm giác con đường ấy không nằm yên, mà đang dịch chuyển, rất chậm, như một cái miệng khổng lồ khép mở trong bóng tối.

Cha ông Sáu Kinh là thầy địa lý. Không nổi tiếng, và không giàu. Nhưng trong nhà lúc nào cũng có mùi đất ẩm và giấy cũ. Góc bếp nhà ông Sáu, sát chân tường phía đông, có một chỗ đất không bao giờ được đặt gì lên. Không phải vì ai cấm. Mà vì cha ông, mỗi lần ông vô tình bước qua, đều khẽ kéo ông lại, không nói gì, chỉ lắc đầu. Đứa trẻ học điều đó nhanh hơn người lớn tưởng. Ông Sáu học được, có những chỗ không phải để dùng. Chỉ để giữ.

Sau này lớn, ông hỏi. Cha ông chỉ nói: "Đất đó nội mang từ trên xuống. Khi nào cần, mày biết." Ông không hỏi thêm. Vì giọng cha ông khi nói câu đó không phải giọng của người đang giải thích. Là giọng của người đang trao lại một thứ đã giữ quá lâu, mà chưa tới lúc buông.

Ông nhớ có lần, cha dẫn ông lên đèo, đứng rất lâu ở một khúc cua. Không nói gì. Chỉ chống gậy, nhìn xuống vực như nhìn vào một cái giếng.

Lúc xuống, ông Sáu hỏi:

“Ờ đó có gì?”

Cha ông đáp:

“Có cái chưa được đóng lại.”

Ông không hiểu. Đến khi lớn, ông mới biết, có những chỗ không phải để hiểu.

Ông Sáu đi biển, như bao người đàn ông khác trong xóm. Sóng từng quật ông vào đá ở khúc Hang Dơi. Nơi người ta bảo có thứ gì đó dưới nước, không bao giờ nổi lên, nhưng luôn ở đó. Ông sống sót. Không phải vì khỏe. Mà vì ông biết lúc nào nên buông.

Sau này, ông Sáu bỏ biển. Lên làm bảo vệ cho Hải Vân Quan. Ngày đầu lên nhận việc, ông mang theo một thứ trong túi vải cũ. Không nặng. Nhưng ông không đặt xuống đất suốt cả buổi. Đến khi đứng trước cổng ải lần đầu, nhìn lên hai chữ đá mòn, ông đưa tay vào túi, chạm vào miệng hũ, rồi rút tay ra.

Chưa phải lúc.

Ông không biết tại sao mình biết điều đó. Nhưng cái biết đó chắc như biết thủy triều, không cần giải thích, chỉ cần đứng gần biển đủ lâu.

Cái cổng đá cũ kỹ nằm giữa trời, nơi người xưa dựng lên để canh một thứ không nhìn thấy. Người ta chụp hình. Cười. Đứng vào đúng cái chỗ xưa lính chết, mà không biết. Ông không cần. Ông chỉ nhìn.

Ban ngày, đèo đổi giọng. Xe máy, ô tô, tiếng nhạc rĩ ra từ loa bluetooth đặt trên bàn nhựa. Người ta chụp hình, xoay ngang xoay dọc, lùi ra mép vực tìm góc. Một đứa nhỏ

chạy qua chỗ tường đá cũ, vấp ngã, bật khóc, rồi thôi. Người lớn cười nói, không ai nhìn xuống dưới chân quá một giây. Ông Sáu đứng nhìn. Không phán xét. Ông biết cái nhìn đó từ đâu. Hồi còn đi biển, mỗi lần có người từ trên bờ chỉ tay ra khơi, nói biển đẹp quá, ông cũng nhìn họ kiêu đó. Không giận. Chỉ thấy một khoảng cách không đo được bằng mét. Ban đêm, đèo trả lại giọng thật. Không phải tối. Mà là đặc. Sương không bay mà chúng bò. Từng lớp từng lớp, như da trườn lên mặt đường. Gió đi qua khe đá, không hú. Mà rít. Như có răng.

Đêm trên đèo hôm đó không giống những đêm trước. Không có sương dày, nhưng không khí như bị nén lại, thấp hơn bình thường, khiến người ta có cảm giác chỉ cần đưa tay lên là chạm phải một thứ gì đó vô hình. Những bóng đèn vàng dọc đường không soi sáng, mà chỉ khoét từng khoảng tối sâu hơn giữa chúng. Mặt đường khô, nhưng có những vệt dài như dầu bánh xe cũ, đen hơn phần còn lại, kéo ngoằn ngoèo qua khúc cua rồi biến mất đột ngột giữa lưng chừng dốc. Gió không thổi liên tục, mà dừng, rồi đi, rồi dừng, như có ai đó đang bước, rất đều, dọc theo sườn núi. Trong những khoảng lặng ấy, nếu đứng yên đủ lâu, sẽ nghe thấy một thứ âm thanh rất mảnh, không rõ từ đâu. Như tiếng kim loại bị kéo căng đến giới hạn, chờ đứt.

Đêm thứ ba ông trực, ông nghe tiếng thắng xe. Không phải tiếng của một chiếc xe đang chạy rồi dừng. Mà là tiếng thắng bật ra giữa khoảng không, như phần còn sót lại của một chuyển động đã bị xóa mất. Một vệt âm thanh bị cắt khỏi thân nó.

Rít.

Đứt.

Im.

Ông quay lại.

Đường trống.

Nhưng mùi cao su cháy thì còn. Nó không tan. Nó bám vào cổ họng, như một thứ vừa mới xảy ra, mà không chịu thành quá khứ. Ông bước ra mép vực nhìn xuống. Bóng tối không sâu. Nó dày. Rồi ông thấy. Không phải một chiếc xe. Là một cú rơi bị giữ lại. Một thân xe cong, treo giữa không, như bị ai đó nắm lại ngay khoảnh khắc gãy. Bên trong, người ngồi yên. Không nghe tiếng. Không thấy máu. Một cái đầu, quay lên chậm. Rất chậm. Nó không nhìn ông, mà nhìn qua ông. Từ đêm đó, âm thanh luôn quay lại. Đúng giờ. Như một vết thương không chịu khép.

*

Công ty Đại Phong lên đèo vào đầu mùa nắng. Họ mang theo máy xúc, thép, bê tông, bản vẽ. Và tập hồ sơ dày, đóng dấu đỏ, có chữ ký của những người chưa bao giờ đặt chân lên đây. Người đầu tiên bước ra khỏi xe nhìn quanh một lượt, gạt đầu, rồi hỏi: "Đường vào công trình đi lối nào?" Không hỏi gì khác.

Chỗ họ chọn san bằng là một khoảng đất gần công ải. Ở đó từng có một cái miếu nhỏ. Không ai nhớ rõ thờ ai. Người ta chỉ gọi là miếu "ông giữ đèo". Không có tượng nào hết, vách miếu đổ, còn một bát hương cũ, tro không bao giờ hết. Họ đập nó trong một buổi chiều. Chiều đó, nắng không vàng mà trắng bạch, phủ lên ngôi miếu sụp một lớp sáng lạnh như vôi. Không có chim chóc. Không có tiếng côn trùng. Lặng im kéo dài. Dày tới mức mỗi nhát búa giơ lên đều như chậm lại giữa không trung. Khi lưỡi búa chạm vào

mảnh tường, không có cảm giác đập vào vật cứng, mà như lún vào một thứ đã mục từ bên trong. Bụi không bay lên ngay. Nó treo lơ lửng, tụ lại thành từng vệt mỏng, rồi từ từ hạ xuống, như tro. Một công nhân dừng tay, quay đầu lại phía sau, nơi không có gì ngoài sườn núi và khoảng không, rồi tiếp tục làm. Nhưng nhịp tay lệch đi, như vừa quên mất mình đang phá cái gì. Cái nền đá lộ ra dần, tối hơn phần đất xung quanh, ẩm ướt dù không có nước. Và ở giữa nền, chỗ đặt bát hương, đất lổm xổm, như dấu một bàn chân đã đứng đó quá lâu. Gạch vỡ không kêu. Một tiếng rỗng, rất nhẹ. Như ai đó vừa bị lấy đi chỗ đứng.

Chiều đó, Hùng đứng nhìn đống gạch vụn một lúc lâu. Không ai để ý, vì mọi người đang dọn. Anh cúi xuống, nhặt mảnh tường vỡ lên, lật qua lật lại. Đất bám vào lòng bàn tay, ẩm và lạnh hơn anh nghĩ. Anh nhớ ra, hồi nhỏ, bà nội anh cũng có một cái bát hương như vậy, đặt góc nhà, không ai dám đụng vào. Bà nói đó là chỗ của người đã đi. Cần để họ biết đường về. Anh đặt mảnh gạch xuống. Rồi đứng dậy, phủi tay, bước đi như người vừa kiểm tra xong một hạng mục. Nhưng bàn tay phải anh không sạch. Đất còn dính ở kẽ ngón, và anh không đưa lên nhìn nữa.

Ông Sáu hỏi:

“Miếu đó ai cho đập?”

Một thằng kỹ sư trả lời, mắt không rời điện thoại:

“Miếu hoang mà chú.”

Ông không nói nữa. Đêm đó, ông mơ. Không phải mơ thấy cha. Mà là đứng ở chỗ cha từng đứng. Trước mặt ông là một cái hố. Không sâu. Trong đó có nước. Nước không chảy. Nhưng nghe như tiếng sóng.

Ông thức dậy giữa đêm, không mở đèn. Ngồi trên sàn gỗ, tay đặt xuống đất. Ông nhớ ra. Cái hố trong mơ, ông đã thấy nó một lần, bằng mắt thật. Hồi cha ông mất, trước khi chôn cất, ông tìm trong nhà và thấy một cái hũ nhỏ chôn dưới góc bếp. Trong đó là đất. Đất mang từ Hải Vân Quan về, theo lời cha kể lại của ông nội, đất từ chỗ đứng của người lính cuối cùng giữ ải, ngày thành vỡ. Cha nói: "Đất đó không phải để thờ. Là để nhớ chỗ mình thuộc về."

Ông còn nhớ đất trong hũ nhỏ đó là đất khô, sẫm màu, mịn hơn đất vườn. Hũ nhỏ không có ghi chú. Không có lời dặn nào thêm ngoài câu cha nói năm xưa: "Khi nào cần, mày biết." Ông đã không biết suốt bao nhiêu năm. Ông đã để cái hũ lại dưới đất, lấp lại y chỗ cũ, như người ta lấp một điều chưa đến lúc mở ra. Bây giờ ông hiểu. Không phải vì ông khôn hơn. Mà vì có những thứ chỉ hiểu được khi mọi sự đã gần dứt. Ông không thể ngủ lại. Ông ngồi đến sáng. Trên tay, túi vải cũ bên trong cái hũ nhỏ, chưa mở.

Sáng hôm sau, ông lên gặp Hùng. Hai người đứng dưới tám biển đá khắc "Thiên hạ đệ nhất hùng quan". Chữ đã mòn, nhưng nét vẫn còn sắc. Ông Sáu nói:

"Dừng lại đi."

Hùng liếc ông, ánh nhìn lướt qua như kiểm tra một thứ đã cũ mà chưa kịp bỏ:

"Chú đang giữ cái gì ở đây?"

"Giữ cái chưa kịp sập."

Hùng nhếch môi:

"Chưa sập thì càng phải xây. Để nó thành của mình."

Ông Sáu nhìn thẳng vào tấm biển đá, giọng hạ xuống:

“Thứ đứng đó không phải để ai nhận.”

Hùng cười khế, lần này không giấu:

“Không nhận thì lấy. Không lấy thì mất.”

Ông Sáu đáp, chậm mà dứt:

“Có thứ mất rồi vẫn không thuộc về mình.”

Hùng rút điện thoại ra, mở một file ảnh, đưa về phía ông Sáu. Bản đồ quy hoạch. Ranh đờ kẻ rõ ràng.

“Chú thấy không. Ranh này nhà nước ký. Đây này.” Ngón tay anh chỉ vào một điểm trên màn hình. “Chỗ đó là của tụi tôi.”

Ông Sáu không nhìn vào điện thoại. Ông nhìn vào tay Hùng. Hùng rút điện thoại lại, bỏ vào túi, giọng bằng phẳng hơn:

“Chú không chịu nhìn thì thôi.”

Khi máy xúc đào sâu, nó chạm vào một lớp đá đen không giống đá. Giống thứ gì đó đã cháy. Khi vỡ ra, bên dưới không phải đất. Mà toàn xương không còn nguyên. Chúng như bị trộn vào nhau. Một số mảnh kim loại và vãi mục hiện ra. Cái gì đó giống tay áo lính, nhưng không còn tay.

Một công nhân nói nhỏ:

“Anh, mình nên cúng.”

Hùng không nhìn xuống:

“Dọn.”

Đêm đó, không có gió. Im đến mức nghe được tiếng đất co lại. Ông Sáu ngồi trong chòi, nghe tiếng bước chân từ chỗ miếu cũ. Những bóng người đi ra. Ông Sáu không thấy họ rõ. Ông thấy chỗ không khí đặc lại, thành hình, rồi không thành hình nữa. Như khi nhìn vào bóng tối lâu quá, mắt bắt đầu tự vẽ ra thứ mình sợ. Nhưng mùi thì có thật. Mùi sắt gỉ. Mùi dầu máy. Mùi của thứ gì đó đã bị bỏ lại rất lâu ngoài trời. Họ đứng thành hàng. Không nhìn ông mà nhìn xuống công trường.

Một trong số họ đang cầm điều thuốc. Không cháy. Kẹp giữa hai ngón tay, như người đang chờ ai châm lửa. Ông Sáu nhìn cái điều thuốc đó lâu hơn tất cả những thứ còn lại. Không hiểu sao. Có lẽ vì nó quá bình thường. Quá người. Giữa tất cả những thứ không thuộc về ban đêm này, một điều thuốc chưa cháy lại là thứ làm ông muốn bước lùi nhất. Ông không bước lùi. Nhưng tay ông tìm vào túi áo, nơi ông vẫn để hộp quẹt. Rồi dừng lại.

Ông Sáu nhìn họ một lúc. Rồi ông nhận ra, họ không đứng thẳng hàng. Họ đứng theo hướng mà trước đây từng có con đường. Không phải con đường đang có. Mà một con đường cũ hơn, đã bị lấp từ lâu, giờ không còn ai nhớ nó ở đâu. Họ đứng theo con đường đó như những người đang chờ xe. Như họ vẫn nghĩ xe sẽ đến. Và ông Sáu hiểu ra một thứ mà ông không biết nói sao, hình như những người này không biết mình đã chết. Không phải tất cả. Chỉ một số. Họ vẫn đứng gác. Vẫn chờ. Vẫn nghĩ mình đang làm nhiệm vụ. Cái đó còn đáng sợ hơn oán thù.

Một giọng cất lên. Ông Sáu không biết từ đâu, vì nó không đi theo hướng. Nó ở khắp nơi, như mùi.

"Chỗ này tụi tao giữ."

Ông Sáu hỏi:

"Muốn gì?"

Không ai trả lời ngay. Một khoảng lặng dài đến mức ông nghe được tiếng máu chạy trong tai mình. Rồi một giọng khác trầm hơn, như nói từ dưới đất lên chen vào, nhưng không trả lời câu ông hỏi:

"Hỏi đó tụi tao cũng hỏi câu đó."

Ông Sáu im.

"Hỏi ông trời muốn gì. Ông trời không trả lời. Tụi tao chết rồi mới hiểu, ông không muốn gì hết. Ông chỉ nhớ."

Một bóng bước ra. Cái đầu lệch sang một bên, như từ lúc chết đến giờ chưa ai đặt lại cho ngay.

"Mày có nhớ không?"

Ông Sáu hỏi lại:

"Nhớ thì sao?"

Bóng đó không đáp. Nó nhìn xuống bàn tay mình. Bàn tay không còn đủ ngón. Nhìn một lúc, như vừa nhớ ra mình đang thiếu thứ gì, rồi ngược lên:

"Thì đừng làm tụi tao phải nhớ mày."

Ông Sáu hiểu. Không phải lời đe dọa. Là lời van.

Rồi tất cả im lại. Không ai nói thêm. Không ai đi. Họ chỉ đứng, nhìn xuống công trường, như những người đứng

nhìn mộ phần của chính mình bị san bằng, mà không còn miệng để khóc.

Ông Sáu nói:

“Tụi nó không nghe.”

Bóng đó đứng yên, rồi hỏi lại, rất chậm:

“Không nghe hay không muốn nghe?”

Ông không đáp.

“VẬY, ĐỂ TỤI TAO NÓI.”

Họ không biến mất. Họ chỉ không còn ở đó nữa. Hai thứ đó khác nhau, và ông Sáu mất một lúc mới hiểu ra sự khác biệt.

Ông ngồi xuống mép đường. Không phải vì mệt. Mà vì đứng thêm thì không biết đứng để làm gì. Trong túi áo, hộp quẹt vẫn còn đó. Ông lấy ra. Nhìn. Rồi đặt xuống mặt đường, để nguyên, không cầm lại. Gió thổi qua. Hộp quẹt không động. Ông không hiểu tại sao mình làm vậy. Nhưng có những lúc tay người ta biết trước cái đầu.

*

Ba ngày sau. Một đoàn xe leo đèo lúc gần sáng. Ở khúc cua mới đắp, chiếc đầu tiên thắng gấp. Tài xế nói có người đứng giữa đường. Không ai thấy. Nhưng tất cả đều thắng. Một chiếc trượt ra khỏi đường. Nó không rơi ngay. Nó dừng lại như bị giữ. Rồi mới lủi tiếp xuống đèo. Tài xế kịp nhảy ra khỏi xe. Không ai chết. Nhưng từ hôm đó, những người sống sót không còn lái xe ban đêm nữa. Một người bỏ nghề. Một người nói, mỗi lần đạp thắng, anh nghe tiếng

kim loại không phải của xe mình. Công nhân rút đi dần. Quán vẫn mở. Đèn vẫn sáng. Nhưng không ai ngồi lâu. Khách bước vào rồi vội bước ra, không hiểu vì sao.

Đêm đó Hùng không ngủ ở lán. Anh ngồi trong xe, máy nổ, điều hòa bật, nhưng không đi. Cửa kính mờ dần vì hơi nước. Anh không lau. Anh gọi về cho vợ. Vợ hỏi sao giờ này mới gọi. Anh nói bận. Vợ hỏi dự án ổn không. Anh nói ổn. Có ba chữ “em ở nhà”, anh định nói thêm nhưng không nói. Nếu như nói ra thì thành một lời dận dò, mà anh không muốn nghe tiếng mình dận dò ai lúc này. Sau khi cúp máy, anh ngồi yên một lúc. Nhìn lên kính trước, nơi sương đã phủ kín, không thấy gì ngoài một lớp trắng đục. Trong một khoảnh khắc rất ngắn, anh muốn lau kính đi xem phía bên ngoài có gì. Nhưng anh không lau. Anh tắt máy xe, kéo ghế ngã ra, nhắm mắt. Trong bóng tối sau mí mắt, anh thấy lại khuôn mặt người tài xế lúc chiều, khi vừa nhảy khỏi xe, đứng ở mép đường nhìn xuống vực. Không khóc. Không la. Chỉ đứng. Như một người vừa bị lấy đi thứ gì đó mà không là gì.

Sáng ra, anh dậy sớm. Đi thẳng tìm ông Sáu. Hùng quay lại, ánh mắt sầm xuống:

“Chú đứng sau chuyện này à?”

Ông Sáu lắc đầu, chậm rãi:

“Tôi không làm gì cả.”

Hùng nhíu mày:

“Không làm mà nó vẫn xảy ra?”

Ông Sáu im lặng, rồi nhìn xuống con đèo đang nằm dài dưới chân như một vết nứt:

“Không phải tôi làm. Mà là cái còn sót lại ở đây.”

Hùng hỏi dồn:

“Cái gì còn sót lại?”

Ông đáp, rất thấp:

“Cái mà người ta tưởng đã xóa đi rồi.”

*

Đêm cuối. Mây xuống thấp chạm cả vào mặt. Ông Sáu đứng giữa cổng ải. Ông lấy ra túi vải cũ. Mở ra. Trong lòng bàn tay, một nắm đất sẫm màu, mịn, mát hơn không khí xung quanh. Ông không nói gì thêm với đất. Đất đã nghe đủ rồi, từ trước khi ông sinh ra. Ông rải xuống, lòng tự nhủ:

“Con không giữ nổi. Thì để đất giữ.”

Gió đến. Không từ một phía mà hai phía. Một bên mặn. Một bên lạnh. Chúng đập vào nhau ngay cửa ải. Dưới công trường, đất nứt. Không nhanh, nhưng không dừng. Cả mảng đất trượt xuống. Không ầm ào. Như một tiếng dài. Như ai đó thở ra sau khi giữ quá lâu.

Sáng hôm sau, Hùng đứng yên rất lâu ở mép công trường. Không nói gì ngay. Mắt anh nhìn xuống lớp đất vừa sụp, như đang cố tìm lại một đường ranh nào đó từng tin là chắc chắn. Gió thổi qua áo, làm anh khẽ siết hàm lại. Rồi anh hỏi, giọng khô:

“Xong chưa?”

Ông Sáu không nhìn lên, chỉ đáp, chậm như đặt xuống một thứ đã mang quá lâu:

“Chưa xong.”

Ông dừng lại, rồi nói tiếp.

“Nhưng vậy là đủ rồi.”

Hùng không trả lời ngay. Một khoảnh khắc rất ngắn, ánh mắt anh thoáng chao đi, như vừa định phản bác, lại thôi. Bàn tay anh siết nhẹ lại, rồi buông ra. Cuối cùng, anh chỉ đứng im. Lần đầu tiên, anh không chắc mình đang đứng trên phần đất nào nữa.

*

Vài năm sau, người ta vẫn hỏi ông, như hỏi một chuyện đã cũ nhưng chưa từng thật sự nguôi:

“Ông tin mấy chuyện đó là thật sao?”

Ông Sáu không trả lời ngay. Ông nhìn con đường đèo uốn qua tầng mây, nơi sương lúc dày lúc mỏng, như có thứ gì đó vẫn đang thờ dười lớp đá.

Một lúc lâu, ông mới nói:

“Tôi không tin ma.”

Ông ngừng nói. Gió lướt qua vai áo, mỏng đến mức như không hề chạm vào da thịt, chỉ đi xuyên qua một khoảng trống nào đó trong ông. Ông nói tiếp, chậm và rành từng chữ:

“Có nơi con người có thể bước lên, nhưng không bao giờ có quyền xem đó là của mình.”

Ông im một chút. Ánh mắt không rời con đèo. Rồi ông nói tiếp, thấp hơn, như thể không còn nói với người đối diện nữa:

“Và cũng có chỗ, không cần ai tin hay không tin. Nó vẫn đứng đó. Nguyên vậy.”

Trên đèo, đêm vẫn trôi như cũ. Gió vẫn đi qua khe núi, không hình bóng, không tiếng rõ ràng. Nhưng nếu đứng đúng một điểm nào đó. Vào đúng khoảnh khắc nào đó, rất hiếm, người ta sẽ nghe thấy một âm thanh rất nhỏ.

Không phải tiếng xe thẳng.

Cũng không phải tiếng người.

Mà như có ai đó vừa đặt chân xuống mặt đất, rất nhẹ, như sợ làm kinh động đến điều gì đã ngủ quá lâu.

Rồi bước đi tiếp.

Không rời đi.

Chỉ là... quay về.



10. Truyện ngắn

NGƯỜI VIẾT XUỐNG CÁT

Chiều Long Hải có một thứ ánh sáng lạ lắm. Nó không vàng óng như nắng Sài Gòn, cũng chẳng đỏ quạch như nắng miền Trung những ngày gió Lào quất cát mù trời, mà cứ lung chùng, bàng lảng, như thể mặt biển đang âm thầm giữ lại cho riêng mình một phần ánh mặt trời. Ngoài bãi, mấy con sóng cứ nổi nhau xô vào rồi lùi ra, để lại trên cát những vết bọt trắng ngoằn ngoèo, trông như nét chữ ai vừa viết vội rồi bỏ quên.

Người ta thường nói biển biết nhớ. Còn Nhi thì tin biển biết nhìn.

Nhi gốc Phan Rang. Năm mười bảy tuổi, cô theo một chuyến xe khách cũ kỹ vào Nam. Đến năm hai mươi tám tuổi, cô đã thuộc từng gốc dương, từng quán cháo lòng, từng lối nhỏ dẫn xuống biển ở Long Hải, quen thuộc như chính lòng bàn tay mình.

Ngày nào cũng vậy. Từ lúc trời còn lờ mờ sáng, Nhi đã gánh hai sọt khóm ra bãi. Khóm được gọt sạch mắt, vàng ruộm, thơm lừng. Khách du lịch thích mua vì tiện, chỉ cần cầm cây tăm tre xiên vô là có thể ăn ngay.

Người ta nhớ Nhi không chỉ vì khóm ngọt. Mà còn vì cô đẹp. Không phải cái đẹp kiểu tiểu thư thành phố. Đó là vẻ đẹp mặn mà của người vùng biển. Da ngăm khỏe khoắn, bờ vai rắn rỏi, đôi mắt dài như nước triều chiều đang lên đang xuống, còn dáng đi thì lúc nào cũng phảng phất vẻ tự do của một người không thuộc về ai.

Nhi hay ngồi uống rượu đế với đám dân biển. Khi thì ngồi chung với mấy ông ngư phủ già, bừa lại lai rai cùng mấy cô bán mực nướng, hôm khác lại nhập hội với đám thanh niên chạy ghe câu. Bởi vậy, người ta mới đồn cô sống phóng khoáng.

Cô nghe rồi cười.

— Đời tui nghèo chớ đâu có nợ ai mà phải sống theo ý người ta.

Nói xong lại cụng ly.

Ở Long Hải, người ta hơi ngại nhưng nể cô.

*

Năm đó, Long Hải đổi thay nhanh như con nước lớn ngoài khơi. Homestay mở ra ngày một nhiều. Khách sạn lớn nhỏ nối nhau mọc lên. Từng khoảnh bãi biển bị khoanh lại để làm resort. Giá đất nhích lên từng ngày, từng bữa. Từ Phước Hải tới Vũng Tàu, những mảnh đất ven biển bỗng trở thành miếng thịt tươi đặt giữa bầy sói đang đói khát.

Và người đứng ngay giữa cơn lốc ấy là Trần Quang Kính. Dân địa phương quen miệng gọi ông ta là Kính Biển.

Hồi còn trẻ, Kính từng sống bằng nghề lượm ve chai. Một đầu gánh đồng nát oằn trên vai. Đêm ngủ dưới mái chợ, ngày ăn những phần cơm thừa người ta bỏ lại. Rồi ông ta làm cò đất, làm môi giới, nhận thầu dự án, từng bước leo lên hàng đại gia. Con đường đó chẳng khác mấy câu chuyện về chú Hỏa năm xưa mà dân miền Nam vẫn thường truyền miệng với nhau.

Kính rất thích nhắc lại chuyện đời mình.

— Tao đi lên bằng hai bàn tay trắng. Ai cản tao làm giàu là người ích kỷ.

Một lần Kính đứng trên sân thượng khách sạn nhìn xuống bãi biển đông nghịt khách. Gió biển thổi phần phật vào mặt. Dưới kia là những dãy ghế thuê, những quầy hàng, những chiếc dù đủ màu trải dài tới tận mép sóng.

Ông nhớ tới đêm mưa năm mười hai tuổi. Đêm đó mẹ ông chết trong căn chòi lá đột nát ngoài mé sông. Trong nhà không còn một đồng bạc. Người ta bảo nghèo thì phải chịu. Kính ghét hai chữ đó từ ngày ấy. Nhiều năm sau, mỗi lần ký thêm một hợp đồng đất đai, ông vẫn tự nhủ mình chỉ đang làm điều mà người khác có cơ hội cũng sẽ làm.

Ai mới nghe qua Kinh nói thì thấy cũng có lý. Ngay cả Nhi, nhiều lúc cũng nghĩ lời đó không sai. Nếu nghèo là một cái hổ sâu thì có ai lại không muốn tìm cách trèo lên. Nhưng rồi Kinh bắt đầu mua đất. Ông ta mua luôn cả những thứ, vốn chẳng ai nghĩ tới chuyện mua bán. Mua lối xuống biển. Mua bãi giữ ghe. Mua chỗ buôn bán của dân nghèo. Và mua cả những khoảng trời mà bao đời nay người ta vẫn mặc nhiên xem là của chung.

Đêm nọ ông lái xe một mình dọc bờ biển. Những xóm chài tối om nằm nép sau hàng dương. Vài căn nhà xiêu vẹo hắt ra thứ ánh đèn vàng đục. Thoáng chốc, ông thấy mình của hai mươi năm trước. Nhưng cảm giác ấy chỉ tồn tại rất ngắn. Ông tăng ga, ce lao đi. Trong đầu ông chỉ còn những con số.

*

Chú Hòa là người đầu tiên đứng ra phản đối. Thật ra tên ông chẳng phải Hòa, nhưng dân trong vùng gọi riết rồi thành quen, thành ra chẳng mấy ai còn nhớ tên thật nữa. Ông già đã gần bảy mươi tuổi, sống bằng nghề lượm ve chai. Tấm lưng cong oằn như lưỡi câu cũ. Ngày nào cũng vậy, ông đẩy chiếc xe sắt ọp ẹp lên lối qua hết con hẻm này tới con hẻm khác. Ông sống cùng đứa con gái tên Liên. Liên bị câm từ thuở nhỏ. Cô đẹp. Một vẻ đẹp khiến người ta vừa nhìn đã khó quên, nhưng cũng khiến nhiều người lặng lẽ quay mặt đi nơi khác. Bởi trong cái đẹp ấy có một nỗi buồn sâu thẳm, buồn đến se lòng. Liên thích ngồi trên mỏm đá gần Dinh Cô. Ngày nào cũng nhìn ra biển.

Lần nọ Nhi hỏi:

— Chị nhìn gì hoài vậy?

Liên lấy ngón tay viết lên cát.

"Tìm người."

— Ai?

Liên lắc đầu.

Liên ngược nhìn ra biển. Trong mắt cô thoáng hiện một vẻ hoảng hốt rất nhanh, như thể người cô tìm không ở nơi nào khác ngoài mặt nước kia. Rồi cô cúi đầu.

Sóng tràn vào xóa mất dòng chữ.

Hồi dự án mới công bố, chính Chú Hòa là người đầu tiên đi từng nhà trong xóm. Ông gõ cửa từng căn, không phải để kêu gọi, hô hào. Ông chỉ đặt lên bàn mỗi nhà một tờ giấy học trò loại giấy ông mua ở tiệm tạp hóa cuối hẻm. Trên đó ông tự tay chép lại toàn bộ ranh giới đất, lối đi, bến ghe, chỗ phơi lưới mà bao đời nay xóm này vẫn dùng chung. Chữ ông run run, nét mực loang ra như mực tàu gặp nước. Nhưng đủ đọc được.

Nhi hỏi ông làm vậy để làm gì.

Ông nói:

— Để người ta biết mình đang mất cái gì.

*

Đêm tháng Hai âm lịch, lễ hội Dinh Cô diễn ra trong ánh sáng rực rỡ khắp một vùng biển. Hàng trăm chiếc ghe, chiếc thuyền treo đèn đủ màu nối nhau trên mặt nước. Tiếng chiêng, tiếng trống từ chân núi Minh Đạm vọng ra, hòa lẫn với tiếng người nói cười náo nhiệt. Dân từ Phước Tỉnh,

Phước Hải, Vũng Tàu kéo về đông nghịt, chen kín cả những lối đi ven biển.

Nhi len giữa dòng người, mắt dõi theo đoàn ghe Nghinh Bà đang chầm chậm lướt ngoài khơi. Rồi bất chợt, cô nhìn thấy một chiếc ghe cũ kỹ. Trên ghe không treo đèn. Cũng chẳng có bóng người nào. Vậy mà nó vẫn lặng lẽ lướt giữa đoàn ghe như thể đang có ai đó cầm lái. Trên mũi ghe là một cô gái mặc áo dài trắng. Mái tóc dài bị gió biển cuốn bay phía sau. Gương mặt cô hướng về phía Dinh Cô. Nhi đưa tay dụi mắt, cố nhìn cho rõ hơn. Nhưng khi nhìn lại, chiếc ghe đã biến mất. Trên mặt biển chỉ còn sóng nước nhấp nhô.

*

Đêm đó, Nhi nằm mơ.

Trong giấc mơ, cô thấy mình đứng trước tòa lâu đài bỏ hoang trên ngọn đồi của Chú Hỏa. Những khung cửa trống đen ngòm hiện ra như những hốc mắt sâu hun hút. Gió biển luồn qua các dãy hành lang, phát ra những âm thanh rền rĩ lạnh người. Bên khung cửa sổ cũ, một cô gái mặc áo dài trắng đang ngồi lặng lẽ. Làn da tái nhợt. Đôi mắt chất đầy nỗi buồn.

— Đừng để họ lấy hết.

Nhi nhìn cô gái.

— Ai?

Người con gái khẽ đáp:

— Những người tưởng biển là đất.

Nhi giật mình tỉnh giấc. Mồ hôi đã thấm ướt cả lưng áo. Ngoài kia, biển vẫn đang cát lên những âm thanh miên man trong đêm tối. Không phải tiếng sóng. Mà là tiếng khóc. Một tiếng khóc vọng từ rất xa, nhưng chân thật đến rợn người.

*

Một tháng sau. Dự án mới được công bố. Một quần thể nghỉ dưỡng khổng lồ. Hàng trăm hộ dân phải dời đi. Chợ nhỏ ven biển bị giải tỏa. Bãi bán hàng rong bị dẹp. Ghe cá bị ép chuyển bến.

Người ta họp dân. Kính đứng trên sân khấu. Ông mặc áo sơ mi trắng, bỏ vào quần cằn thặn, tay áo xắn lên tới khuỷu. Kiểu ăn mặc của người muốn trông như vừa rời công trường. Nhưng đôi giày ông vẫn bóng loáng không một hạt cát. Kính nói về tầm nhìn, về cơ hội, về làn sóng du lịch đang đổ vào vùng này như nước triều lên. Giọng ông đều đặn, không ca không thấp, kiểu giọng của người đã trình bày bản thuyết trình này nhiều lần đến mức không còn cần nghĩ.

Rồi một giọng phụ nữ cất lên từ giữa hội trường:

— Ông có nhớ hồi nhỏ ông ngủ ở đâu không?

Cả phòng im.

Là Nhi.

Kính nhìn cô. Lần đầu tiên trong buổi tối đó, ông dừng lại thật sự.

— Tui hỏi thiệt. Hồi ông còn lượm ve chai, ông ngủ ở đâu?

— Không liên quan.

— Liên quan lắm. Vì tui đang hỏi ông có hiểu cái cảm giác không có chỗ để về không.

Kính nhìn cô một lúc. Rồi ông nói, chậm hơn lần trước:

— Tôi hiểu hơn cô tưởng.

— Vậy thì ông biết. Mà vẫn làm.

Không ai vỗ tay. Không ai la ó. Hội trường chỉ lặng đi theo cái cách mà người ta lặng khi chạm vào thứ gì đó không ai muốn nói thẳng ra.

Đêm đó Kính khó ngủ. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, mấy câu nói của một người bán hàng rong cứ lờn vờn trong đầu ông. Ông bước ra ban công. Ngoài xa, biển đen đặc. Ông chợt nghĩ biết đâu mình đã đi quá xa. Nhưng rồi điện thoại rung lên liên tục. Tin nhắn đối tác. Tin nhắn ngân hàng. Tin nhắn cổ đông. Ông tắt điếu thuốc vừa châm. Ý nghĩ ấy cũng tắt theo.

*

Từ sau hôm đó, Nhi trở thành cái gai trong mắt không ít người. Chỗ bán hàng của cô bị cắt. Khách quen bị xua đuổi. Những lời hăm dọa cũng bắt đầu xuất hiện ngày một nhiều.

Chưa đầy hai tuần sau, Nhi mất chỗ bán. Tám bạt che nắng bị người ta tháo mất trong đêm. Xe đẩy bị tịch thu với lý do lấn chiếm lòng lề đường. Một số quán ven biển vốn quen lấy khóm của cô cũng đột ngột ngưng mua. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Nhi phải gánh hàng đi xa hơn cả cây số

mới tìm được chỗ ngồi. Những buổi chiều khóm còn nguyên một nửa. Nước ngọt chảy xuống cát.

Chú Hòa cũng không tránh khỏi. Chiếc xe ve chai của ông nhiều lần bị hất đổ giữa đường. Người ta nói khu đất căn nhà ông đang ở nằm trong diện quy hoạch mới. Người tới trả giá đòi mua. Kẻ lạ bỗng tới dọa dẫm. Buổi sáng, Nhi nhìn thấy ông già ngồi lặng trước sân. Trên đầu gối ông là xấp giấy học trò, những tờ giấy ông đã đi phát khắp xóm, giờ bị ai đó ném trả về, vò nhàu, ướt đẫm sương đêm. Ông không nhìn vào đó. Ông nhìn ra phía biển. Lưng ông dờn như còng xuống thêm một chút.

Rồi lại một đêm, trên đoạn đường vắng, Nhi lại bị ba gã đàn ông chặn lại. Trong không khí nồng nặc mùi bia, mùi thuốc lá và cả cái mùi quyền lực của đồng tiền. Nhưng Nhi không chạy. Cô siết chặt cây đòn gánh trong tay rồi đứng chắn giữa con đường cát. Đôi mắt cô sáng quắc dưới đêm tối, sắc lạnh như lưỡi câu vừa bắt nằng.

Trên đường về, Nhi thấy mệt. Cô ngồi xuống bãi cát, mở chai rượu để còn sót lại trong giỏ rồi uống một ngụm dài. Biển vẫn tối đen trước mặt. Bất giác cô nghĩ tới lời Kinh. Biết đâu ông ta nói đúng một phần. Rồi mai này nơi đây sẽ có thêm việc làm, thêm đường sá, thêm khách du lịch. Nhưng nếu mọi thứ đều đổi lấy bằng cách đẩy những người đang sống ở đây đi chỗ khác, thì cái giá đó ai sẽ trả. Nhi ngồi rất lâu, tới khi nước triều bò tới tận mũi chân.

Đêm đó không ai phải nhập viện. Ba gã đàn ông bỏ đi sau một hồi giằng co. Nhưng sáng hôm sau, người ta phát hiện toàn bộ hai sốt khóm của Nhi bị đổ xuống mương nước phía sau chợ. Khóm nổi lên bênh. Vàng rực. Như

những mảnh nắng chết. Nhi đứng nhìn rất lâu. Lần đầu trong nhiều năm, cô không mang hàng ra biển.

*

Sau chuyện ấy, những điều kỳ lạ bắt đầu xảy ra. Người đầu tiên là Tư Minh, tay quản lý công trình của Kính, người hay nhất mực nói rằng đất là đất, ma là chuyện của người rảnh rỗi. Đêm đó ông đang nằm ngủ trong phòng khách sạn thì bỗng ngồi bật dậy. Vợ ông, người duy nhất chứng kiến kể lại rằng, mắt ông mở to nhưng không nhìn bà. Ông đi thẳng ra cửa, xuống cầu thang, qua sảnh khách sạn rồi băng ngang bãi đậu xe, không mang dép, không nói một lời. Bà chạy theo gọi thì thấy ông đã ra tới mép sóng. Ông quỳ xuống cát. Hai tay úp mặt. Khóc. Không phải tiếng khóc của người lớn. Là tiếng khóc của một đứa trẻ đang tìm mẹ trong bóng tối.

Bà vợ lay ông. Hỏi ông thấy gì. Ông chỉ nói được một câu rồi thôi: "Cô ấy đứng ngay đó. Nhìn tui." Sáng hôm sau Tư Minh nộp đơn nghỉ việc. Ông không nói lý do. Không nhận tháng lương cuối.

Người ta bắt đầu đồn. Kể nói Thần Nữ nổi giận. Người bảo cô gái chết trẻ dưới Hòn Hang đang đòi lại thứ bị cướp mất. Biển thì không nói gì.

*

Đến ngày khởi công, bầu trời bỗng đổi sắc. Những đám mây đen từ đâu kéo tới, phủ kín cả mặt biển. Một cơn giông trái mùa bất ngờ tràn xuống. Sóng nổi lên dữ dội, gào thét ngoài khơi. Chiếc máy xúc đầu tiên vừa vào công trường đã bị hất lật. Không có ai thiệt mạng, nhưng cả khu vực lập tức rơi vào cảnh hỗn loạn.

Kính đứng giữa màn mưa xối xả, lặng người nhìn ra biển. Lần đầu tiên trong suốt cuộc đời mình, người đàn ông ấy cảm nhận được nỗi sợ.

Và cũng ngay khoảnh khắc đó, ông nhìn thấy Liên.

Cô gái cầm đứng lặng trên bờ cát. Sau lưng cô là hàng trăm người dân đang dõi mắt nhìn về phía biển. Xa hơn nữa là sóng nước mênh mông trải dài đến tận chân trời.

Liên từ từ đưa tay lên.

Ngón tay cô lướt trong không khí như đang viết từng nét chữ lên cát.

Chỉ một chữ duy nhất.

"Đủ."

Trước đó, không ai để ý rằng Liên đã từng ngồi rất lâu ở mỏm đá Dinh Cô suốt nhiều đêm liền. Cô đặt tay xuống nước, như đang nghe thứ gì đó bên dưới mặt biển. Người già nói cô không phải đang nhìn biển. Mà đang "đợi biển trả lời".

Khi cơn giông bắt đầu dục xuống, một vài người trong đám đông nói họ nhìn thấy Liên. Cô vẫn đứng ở chỗ cũ, nhưng không còn nhìn về phía biển nữa. Ánh mắt cô nhìn thẳng vào khu công trường vừa bị sóng đánh tan.

Rồi cô quay lưng đi. Không ai thấy cô rời khỏi bãi biển như thế nào. Dấu chân in trên cát kéo dài một đoạn ngắn rồi bị sóng xóa sạch.

*

Nhiều năm trôi qua. Vào một buổi chiều, không ai biết đó là buổi chiều nào, nghe người gác bãi kể lại, Kính một mình lái xe tới Long Hải. Ông đậu xe ở đầu con đường cát dẫn xuống biển, rồi đi bộ ra bãi. Dép da. Vest. Giữa buổi chiều gió.

Ông ngồi xuống cát.

Người gác bãi tưởng ông say. Định lại hỏi nhưng thôi, vì thấy ông chỉ ngồi nhìn ra biển, hai tay đặt trên đầu gối, lặng im như người đang chờ ai. Chiều xuống. Nước triều bò vào tới mũi giày ông. Ông vẫn không nhúc nhích. Mãi tới khi trời gần tối, ông mới đứng dậy. Bước đi một đoạn. Rồi dừng lại. Ông cúi xuống. Dùng ngón tay viết lên cát. Người gác bãi không kịp nhìn ông viết gì. Ông đứng thẳng dậy, phúi tay, đi thẳng về phía xe không ngoái lại. Sóng tràn vào ngay sau đó. Cát phẳng lì như chưa có gì.

Dự án bị đình lại vào mùa mưa năm ấy. Lý do chính thức không ai nhớ rõ. Cũng không quan trọng nữa.

Nhi vẫn sống bằng nghề bán khóm như trước.

Chú Hỏa mất vào mùa mưa năm sau. Người ta nói ông mất trong lúc ngủ, êm thắm. Liên ngồi bên giường ông suốt một đêm trước khi gọi ai khác vào. Trong căn nhà, người ta tìm thấy một xấp giấy học trò mới chưa viết gì, còn nguyên trong túi ni lông buộc kỹ. Không ai biết ông định dùng chúng để làm gì nữa.

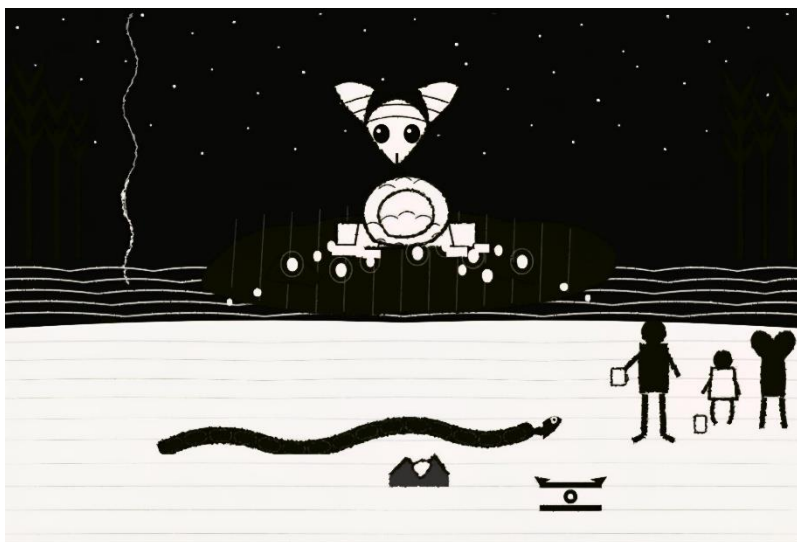
Liên cũng biến mất vào một ngày chẳng ai hay biết. Người ta nói cô theo chồng đi nơi khác. Người khác lại quả quyết rằng Liên chưa từng tồn tại, như thể cô chỉ là một cái bóng đi ngang qua đời người rồi tan mất.

Nhưng vào đúng đêm dự án bị đình lại, người gác biển ở mũi tàu Phước Tĩnh nói rằng có một cô gái đứng trên bãi cát rất lâu. Không ai dám lại gần. Sáng ra chỉ còn lại một vệt nước dài như ai vừa bước từ biển lên.

*

Một buổi chiều, Nhi ngồi trước biển. Cô lặng lẽ nhìn những con sóng nối nhau tràn vào bờ, từng đợt một xóa đi dấu chân còn in trên cát.

Rồi bất chợt, cô hiểu ra điều mà suốt cả cuộc đời, Kính chưa bao giờ hiểu được. Đất có thể thuộc về một người. Nhưng con đường dẫn về phía biển thì không thuộc về riêng ai. Và trên đời này có những thứ rất lạ. Càng cố giữ chặt trong tay, càng muốn biến nó thành của riêng mình, thì chính nó lại là thứ biến mất trước tiên.



11. Truyện ngắn

NÉN NHANG CHO BIỂN

*G*ió biển đêm đó không thổi, nó quàn quật. Quàn như có ai cột lại, bắt nó xoay vòng trên cái bãi cát dài hun hút ven Phan Thiết, nơi rừng dương đứng im như những cây cột trời, thân đen sì, lá rì rào nghe như tiếng thở dài. Mùi muối mặn mặn, ngai ngái, trộn với mùi tanh cá, mùi bùn, mùi cái nghèo. Dính vô da, vô tóc, vô cả ý nghĩ của con người.

Tư Tâm ngồi trên cái thùng chai úp ngược, tay cầm điếu thuốc lá vắn, đầu lửa đỏ lừ trong gió mà không tắt. Ông hút một hơi, khói phun ra mỏng như tơ, rồi cười khẩy:

"Trời đất, nghèo riết rồi, gió nó cũng coi thường mình."

Mà mắt ông vẫn nhìn ra ngoài khơi, chỗ cái đảo nhỏ cách bờ hơn trăm mét, lô nhô mấy phiến đá đen như lưng con thú nằm phục. Dân chài gọi là "Đảo Rắn Mất Đầu." Hồi trước có tên là Hòn Rùa, nhưng tên đó mất tiêu từ lâu. Giờ ai cũng né, cũng sợ. Người ta nói trên đó có rắn. Không phải rắn thường.

Rắn thần.

Tư Tâm nghèo. Nghèo kiểu không có đường lui. Cả đời chỉ có cái thùng chai, cái lưới rách vá mấy chục lần, với cái lưng đen nhem như than, nứt nẻ vì nắng. Hồi trước còn đánh cá gần bờ, giờ cá cạn, biển bị hút cát, xả thải, ghe lớn càn quét. Cá cũng trốn biệt.

Nên ông chuyển qua bắt đèn. Đèn là rần biển. Nguy hiểm, độc, nhưng bán được giá. Một ký đèn đổi ngang cả yến cá, có khi hơn.

"Con người ta ham của lạ, cái gì cũng dám ăn." Ông lăm bằm một mình, bàn tay vô thức sờ lên vết sẹo dài nơi cổ tay. Hồi đó bị con đèn quẹt ngang, may mà nó chưa kịp ngoạm.

Nhưng không phải ai cũng cho ông sống.

Hải, chủ vựa thu mua hải sản lớn nhất vùng, nói thẳng: "Ông không được ra đảo nữa."

"Tao ra đó bắt đèn, bán cho mày, có gì mà không được?"

"Đảo đó sắp làm du lịch. Người ta mua rồi."

"Người ta nào?"

"Người có tiền."

Tư Tâm cười. Cái cười khô, không tiếng.

"Ờ. Người có tiền thì muốn gì cũng được hả?"

Hải nhún vai. "Không muốn, mà là được."

*

Đêm hôm sau, Tư Tâm vẫn chèo thúng ra đảo.

Gió im. Biển im. Im đến mức nghe rõ tiếng mái chèo quạt nước "tôm... tôm..." như từng giọt thời gian rơi xuống. Cái đảo hiện ra gần dần. Đá đen, cây dại, cát trắng. Và cái nền của một ngôi đền cũ đổ nát, nằm chỏng chơ trên đỉnh.

Ông lên đảo, cắm cây đèn dầu nhỏ. Ánh sáng vàng vọt, run rẩy. Rồi một đốm xanh lập lòe. Ngay bên mép đèn. Rồi hai đốm. Rồi ba. Chúng nhảy tại chỗ, rồi tiến lại gần nhau, rồi tách ra, rồi nhập lại. Y như điệu nhảy mà hồi nhỏ ông nghe người già kể về ma trơi.

Tư Tâm đứng im.

"Ờ, photpho chứ gì." Ông lẩm bẩm. "Xương cốt phân hủy, rồi cháy lên."

Chân ông không bước nổi. Mấy đốm lửa đó quay qua nhìn ông. Chúng không có mắt. Nhưng ông biết.

"Người biết, mà vẫn sợ?"

Giọng nói không phát ra từ miệng ai. Nó từ trong đầu. Tư Tâm giật mình quay lại. Không có ai.

Cái nền đèn vỡ vẫn nằm giữa đám cỏ dại và đá lở. Mấy viên gạch cổ loang lổ, rạn nứt như da người già, có chỗ còn dính rong biển khô queo. Và ngay giữa nền đó là một đoạn tượng đá trôi lên, nửa chìm nửa nổi. Như cổ thờ qua lớp đất đã chôn vùi nó từ một thời xa lắc.

Đầu rần. Không. Tượng không có đầu. Một cái thân cuộn tròn, từng khoanh vặn siết như một cơn đau bị nén lâu năm. Lốp vảy đá chạm trở tinh vi đến mức ngọn đèn dầu run rẩy cũng đủ làm chúng ánh lên lò mờ, như đang chuyển động. Đầu thì gãy mất. Vết gãy nham nhở, lạnh lẽo, như có ai cố tình chặt đứt điều gì thiêng liêng rồi bỏ mặc.

Tư Tâm nuốt khan, cổ họng khô róc. Ông thì thào, giọng thấp mà đứt quãng.

"Rần... Naga..."

"Người gọi đúng tên rồi đó."

Giọng nói lại vang lên, không gần không xa, không từ ngoài mà như từ trong đầu, trong ngực, hay sâu hơn, một chỗ nào đó mà con người ít khi dám nhìn tới.

"Người bắt con cháu của ta đem bán cho kẻ tham lam."

Tư Tâm đứng khựng, rồi bật lại:

"Ờ, tui nghèo." Giọng gắt mà nghe ra có chút gì đó lạc đi. "Không bắt thì ăn gì? Biển giờ còn cái gì đâu mà sống?"

"Người nghèo...", giọng kia chậm rãi, từng chữ như rơi xuống đất nặng trĩu, "nhưng lòng người... chưa chắc nghèo."

Câu đó lại làm Tư Tâm khựng lại. Như có ai nắm cổ áo kéo ngược về phía sau, mà ổng không chịu.

"Còn tui nó?" Giọng gần hẳn, mắt đổ lên trong ánh đèn chập chờn. "Tui giàu đó, tui nó bắt gấp trăm lần tui! Tui nó phá biển, hút cát, giết cá, giết luôn cái đường sống của tui tui! Sao không hỏi tui nó? Sao chỉ hỏi tui?"

Im lặng.

Im tới mức nghe rõ tiếng tim đập, và tiếng gió vừa mới nhen lên đâu đó trong đêm.

Rồi một giọng khác nổi lên. Khàn. Già. Không phải từ không khí mà như bò lên từ lòng đất, từ dưới những viên gạch cổ, từ những lớp xương mục chưa ai đào lên.

"Ta hỏi rồi, nhưng tui nó không nghe."

*

Ngay lúc đó, những đóm lửa xanh bắt đầu chuyển động.

Lững lờ. Như mấy con đom đóm lạc mùa. Rồi xoay quanh Tư Tâm. Chậm. Rồi nhanh hơn. Nhanh dần. Nhanh nữa. Như một vòng xoáy khép lại, siết chặt, không khí đặc quánh, mùi tanh của đất, của xương, của biển dâng lên nghèn nghẹn trong cổ họng.

Gió nổi lên. Không phải từ biển. Không từ rừng dương. Mà như từ chính cái khoảng trống giữa sống và chết. Nó thổi bật mọi thứ lên, cuốn theo tiếng thở, tiếng lòng, và một thứ gì đó không còn thuộc về con người nữa.

"Ông Tâm!"

Tiếng người bật lên, xé ngang cái khoảng không đang đặc như bùn. Mấy đóm lửa xanh khựng lại một nhịp, rồi tản ra lờ đờ. Một vệt sáng trắng lạnh của đèn pin quét ngang nền đèn, lia trúng mặt Tư Tâm. Ông nheo mắt lại.

Hải đứng đó, cùng hai thằng nữa. Áo phao màu cam lờ lợt, chân còn dính nước biển. Thằng đứng bên phải cao, vai rộng, tóc húi cua. Mắt nó lướt qua nền đèn, qua tượng rắn, qua mấy đóm lửa xanh, rồi dừng lại ở Tư Tâm. Kiểu mắt của người coi mọi thứ đều có thể quy ra tiền nếu biết cách. Nó không sợ. Thằng đứng sau, nhỏ con hơn, tóc dài buộc túm, cầm điện thoại đang quay. Miệng cười toe, kiểu cười hồn nhiên của người chưa từng ở đâu đủ lâu để hiểu nơi đó.

Hải bước lên trước. "Ông ra đây làm gì?"

Tư Tâm quệt ngang mặt, cười nhạt. "Bắt đèn."

"Cấm rồi!"

"Cấm hồi nào?"

"Từ khi tui mua đảo này!"

Tư Tâm bật cười, tiếng cười ngấn mà chát. "Đảo của trời đất, mà mua hồi nào?"

Hải không cười theo, chỉ nhếch môi. Ánh đèn pin hắt lên làm nửa mặt nó sáng, nửa còn lại chìm trong bóng tối, nhìn như hai người đứng chổng lên nhau.

"Có giấy."

"Giấy của ai?"

"Người có quyền."

Ba chữ rơi ra nhẹ, mà nặng như đá.

*

Gió lại rít lên đầu đó. Thằng nhỏ con hạ điện thoại xuống. Lần đầu tiên từ lúc lên đảo. Nó nhìn quanh, nhìn mấy đốm lửa xanh đứng yên không chớp, rồi nhìn Tư Tâm. Giọng khác đi, không còn háo hức.

"Chú ơi, ở đây có... có gì không chú?"

Nó không dám nói chữ "ma." Như thể nói ra thì thật.

Thằng vai rộng khịt mũi. Tao nói rồi, "Photpho. Đất ẩm, xương cốt phân hủy, cháy lên. Khoa học đã chứng minh. Mà coi ít phim ma thôi."

Tư Tâm quay qua nhìn nó. Chậm. Mắt đỏ, không biết vì gió, vì muối, hay vì cái gì đang dâng lên từ bên trong không tìm lại được.

"Có."

Thằng kia nuốt nước bọt. Ánh đèn pin run nhẹ.
"Đâu?"

Tư Tâm nhìn thẳng vô tụi nó, ánh nhìn không còn né.

"Trong tụi bây."

*

Đúng lúc đó, gió tắt. Không phải yếu dần rồi tắt. Tắt liền, như có bàn tay bóp họng nó lại. Mấy đốm lửa xanh không lập lòe nữa. Chúng đứng yên. Sáng đều. Sáng lạnh. Như mấy cái mắt không chớp đang nhìn xuống bãi cát.

Hải quét đèn pin một vòng. Ánh sáng lia qua nền đèn, qua cỏ dại, qua Tư Tâm, rồi dừng lại. Giữa kẽ đá, một con đèn. Minh vằn đen trắng, nằm im như sợi dây bị bỏ quên. Dài. Rất dài. Đầu góc lên, nó không hung hăng, không sợ hãi. Nó chỉ nhìn. Cái nhìn không có mắt mà người ta vẫn biết là đang bị nhìn.

Hải nói khẽ: "Bắt nó."

Thằng Quang to con, thằng hay cười nhất trong đám. Kiểu cười của người không tin vào thứ gì ngoài tay mình. Nó cười, cầm cây kẹp sắt bước lên.

Con đèn không động đậy. Quang tiến thêm một bước. Con đèn vẫn không động. Rồi một thứ gì đó xảy ra

mà sau này không ai tả được rõ ràng. Không phải con đèn cấn. Không phải Quang vấp. Nó đứng đó, rồi nó không đứng nữa. Cây kẹ rơi xuống cát, tiếng kêu nhỏ như tiếng thờ. Quang ngồi thụp xuống, hai tay ôm đầu, mặt tái đi.

Hải hỏi: "Mày sao vậy?"

Quang không trả lời. Nó nhìn lên trời. Miệng mấp máy, không ra tiếng.

Không ai thấy con đèn đi đâu.

Thằng nhỏ con lùi lại, lưng chạm vào tảng đá. Điện thoại rơi xuống. Nó không cúi nhặt. Nhìn Quang, nhìn kẻ đá trống, nhìn mấy đốm lửa xanh, và cái cười tắt hắt trên mặt nó.

"Minh... về được không?" Nó hỏi, hỏi vào không khí. Không hỏi ai cụ thể.

Hải đứng im. Từ đầu tới giờ, ông không ra lệnh được. Kẻ đá thì trống, và cái lạnh bắt đầu lan từ dưới đất lên, chậm chậm, qua đế dép, qua bàn chân, lên tới xương ống.

Tư Tâm đứng nhìn. Không nói.

Ông biết. Không phải con đèn vừa ra tay. Cái gì đó lớn hơn, cũ hơn, kiên nhẫn hơn rất nhiều vừa nhắc nhở. Nhẹ thôi. Như người già gõ ngón tay xuống bàn một cái, không nói gì, mà cả nhà im re.

Gió nổi lên, không mạnh. Đủ làm ngọn đèn dầu của Tư Tâm chao qua một bên. Mấy đốm lửa xanh sáng thêm một chút.

Rồi một giọng nói không vang.

"Các người biết rồi đó."

Đó là một câu xác nhận, lạnh và bằng phẳng như mặt biển trước bão.

Hải run. "Tụi tôi chỉ làm ăn."

"Làm ăn trên xương cốt người khác."

Mặt đất rung. Một lần. Không mạnh. Như cái thở dài của ai đó nằm rất sâu bên dưới, lâu lắm rồi chưa được ai nghe. Mấy viên gạch cổ tách ra, lật nghiêng. Đất hở ra, bên dưới đen hơn, ướt hơn, mang mùi của thứ đã nằm yên quá lâu đến mức không còn muốn được tìm thấy nữa.

Tư Tâm nhìn xuống. Cái thứ lộ ra dưới lớp đất đó. Nhỏ. Cong. Trắng ngà. Một mảnh thôi. Nhưng đủ để người ta hiểu.

Hải quay mặt đi. Mấy thằng kia lùì lại, không ai bảo ai. Gió không thổi mà ngọn đèn dầu lại tắt. Tối sẫm. Và trong màu đen đó, những đốm lửa xanh sáng lên. Không phải hai, ba nữa, nhiều hơn, nhiều hơn rất nhiều. Chúng đứng yên, rải rác trên mặt đất lộ thiên, như những ngọn nến ai thắp mà không có tay người. Như những cái tên không ai còn nhớ, lặng lẽ trở về đúng chỗ của mình.

Tư Tâm hiểu. Không phải vì ai nói. Mà vì có những thứ, khi nhìn thấy, người ta biết ngay, bằng cái phần sâu nhất trong người, cái phần không cần học mới biết đau.

Mồ hôi chảy nhỏ giọt ướt cả mặt ửng.

"Vậy tụi tui phải làm sao?"

Không ai trả lời. Không tiếng nói nào vang lên nữa. Chỉ có gió thổi qua kẽ đá, qua nền đèn vỡ, qua đoạn tượng rắn gãy đầu nằm đó từ thuở nào. Và từ lớp đất hở ra, một mùi gì đó dâng lên. Không phải mùi bùn, không phải mùi xương. Mà là mùi của điều đã bị chôn quá lâu đến mức chính nó cũng quên mình từng tồn tại.

Tư Tâm nhìn mảnh xương nhỏ trắng ngà. Nhìn Hải. Nhìn mấy đóm lửa xanh đứng yên không chớp. Ông không hỏi nữa. Vì ông biết rồi, không phải bằng tai, bằng lời. Mà bằng cái chỗ trong người mà lâu nay ông tự bịt lại, vì bịt mới sống được. Cái chỗ đó giờ mở ra, đau âm ỉ như vết thương lâu ngày gặp muối.

Ông nhìn ra biển. Tối. Không trăng. Không sao. Tiếng sóng thở đều như một sinh vật lớn đang nằm ngủ mà không bao giờ chết hẳn.

*

Sáng hôm sau, trời không trong hẳn mà cũng không đục. Một thứ ánh sáng lờng chùng như còn sót lại của đêm, phủ lên bãi cát một lớp mỏng mờ, khiến mọi thứ nhìn đâu cũng vừa thật vừa như giả.

Người ta thấy cái thúng của Tư Tâm trôi dạt vô bờ. Nằm nghiêng, nửa úp nửa ngửa, mép thúng sứt một đường dài, dính rong rêu và cát ướt. Như vừa đi qua đoạn nước dữ mà không còn sức quay lại. Mái chèo vẫn còn đó, kẹt ngang thân thúng. Nhưng người thì không. Không ai thấy ông. Không ai nghe tiếng gọi.

Ngoài kia, cái đảo nhỏ nằm im re, lặng đến mức nghe như chưa từng có người đặt chân lên. Cái nền đèn vỡ lộ ra dưới nắng sớm như vết thương chưa kịp liền da. Và

ngay chính giữa, nơi tối qua còn ngổn ngang gạch đá và đoạn tượng gãy vỡ, bây giờ là một pho tượng rắn còn nguyên vẹn. Thân cuộn tròn, vẩy nổi rõ từng lớp, ánh lên sắc xám lạnh dưới nắng. Và phần đầu đã mọc lại, ngẩng lên, bạnh ra, nhìn ra biển. Không dữ mà cũng không hiền. Như đang chờ ai đó đủ can đảm để nhìn lại.

Không ai dám lại gần.

Thằng nhỏ con, người ta sau này kể lại, về tới bờ là xin nghỉ việc ngay. Không giải thích. Nó chỉ nói không làm cái nghề này nữa. Còn Quang thì không ai hỏi, vì Quang cũng không còn ở đó để hỏi. Người ta chỉ thấy, sáng hôm đó, trên bãi cát phía nam đảo, có một cây kẹp sắt nằm chổng chơ, rỉ sét. Giống như nó đã nằm đó từ lâu lắm rồi chứ không phải từ đêm qua.

Chiều hôm đó, Hải sang đất đảo lại cho chủ khác. Nhanh gọn. Không mặc cả. Người ta hỏi sao bán rẻ vậy, ổng không trả lời. ổng ngồi nhìn ra phía biển, tay cầm ly cà phê đã nguội từ lâu mà không uống. Mắt ổng không nhìn cái đảo. ổng cố tình không nhìn. Nhưng ai cũng thấy cái chỗ ổng ngồi quay mặt đúng hướng đó. Người ta nói ổng sợ. Người nói ổng hối hận. Hai cái đó, nhiều khi, nhìn giống nhau lắm.

*

Từ đó, cái đảo trở về cái dáng cũ của nó. Xa, hoang. Và hơi lệch khỏi đời sống của người đang sống một chút, như đứng lạc ra ngoài lề của thời gian.

Người ta nói, đêm đêm vẫn thấy một cái thúng chai chèo quanh đảo. Không tiếng máy. Không đèn. Một bóng người ngồi trên đó, lưng rộng, da đen, vai trần, mái chèo

quạt nước đều đều, không vội, không chậm. Giống như không còn bị ràng buộc bởi chuyện mưu sinh nữa. Người đó không bắt đèn, không thả lưới. Chỉ ghé lên đảo, cắm nhang.

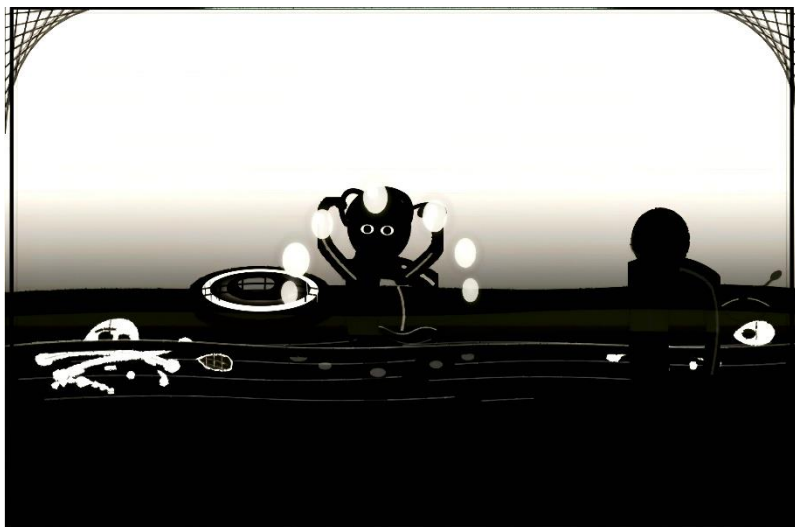
Một nén. Rồi đi.

Mấy đóm lửa xanh từ đó cũng đổi khác. Không nhảy múa, không đuổi theo ai, không trêu chọc hay hù dọa nữa. Chúng đứng yên. Lập lòe. Như mấy con mắt nhỏ không chớp. Như đang chờ.

Chờ ai, hay chờ cái gì, không ai biết.

...

Người ta nói Tư Tâm chết rồi. Nhưng biển không nói gì cả.



12. Truyện ngắn

NƠI NƯỚC KHÔNG QUÊN

Người ta nói nước có trí nhớ. Không phải thứ trí nhớ rõ ràng như người ta nhớ tên, nhớ mặt, mà là thứ nhớ âm ỉ, chảy ngầm, lắng xuống. Rồi bất ngờ trồi lên ở một khúc quanh không ai ngờ tới. Như con sông Hoài kia, hiền lành vậy mà có những đêm nước đứng im, đen kịt, không chảy, cứ như đang nghe lại chuyện cũ của chính nó.

Ở đoạn giáp cồn Dài, nơi người ta vừa san đất để chuẩn bị làm khu nghỉ dưỡng sinh thái, có một cái giếng cổ. Giếng không sâu, nhưng nước lúc nào cũng đục. Người già trong vùng gọi đó là mắt sông. Hỏi vì sao gọi vậy thì mỗi người nói một kiểu. Người bảo dưới đó có mạch nước ngầm. Người nói ngày xưa ghe Chấm từng neo ở đây. Một bà lão lại quả quyết rằng đêm khuya nghe tiếng người nói vọng lên từ lòng giếng. Không ai biết đâu là thật. Nhưng người ta biết cái giếng nằm đó đã lâu tới mức không ai nhớ nó có từ đời nào.

Tư Hén sống ở đây. Tên trong giấy tờ vẫn là Tư Hén, nhưng thiên hạ quen miệng gọi là cô Tư, gọi riết thành tự nhiên. Dường như cái tên đó sinh ra để dành cho con người này. Cái thân xác cô Tư vốn là đàn ông, mà đời sống thì không chịu đi theo chữ ghi trên giấy, nó rẽ ngang, rẽ xiên, rồi đứng lại ở một chỗ lưng chừng, nơi người ta không biết xếp vào đâu cho trọn.

Tư người nhỏ thó, vai gầy như lúc nào cũng mang một thứ gì đó vô hình mà nặng. Nước da sạm nắng sông,

rám đi theo năm tháng, không còn phân biệt nổi là màu trời hay màu đời. Nhưng cái làm người ta ngại nhất không phải dáng vóc, mà là đôi mắt. Đôi mắt sâu, lặng, ít khi chớp. Nhìn thẳng mà như không nhìn, như muốn đi xuyên qua lớp da thịt trước mặt, chạm tới một chỗ nào đó phía sau, phía trong, nơi người ta giấu kín nhất. Một ít người vì vậy mà bực, thấy khó chịu vì như bị lộ trần. Người ta sợ cái cảm giác bị thấy rõ quá mức. Số ít người khác thì lại tin.

Ban ngày, Tư lội bãi bắt hến, bắt cua, còng, bán cho mấy quán ăn phục vụ khách du lịch. Bữa trúng thì đủ ăn, hôm nước đục cá tảo thì đói. Đêm về, Tư mở cái am nhỏ dựng bằng gỗ mục bên mé sông, đốt trầm, gõ phách, hầu đồng. Không phải kiểu múa may rình rang. Mà là thứ hầu lặng. Ngồi im. Thờ. Rồi nói. Nói như thể có ai khác đang mượn cổ họng mình.

Người ta đồn Tư có căn nặng. Bị “bắt lính” từ nhỏ, số không thoát được. Một bữa nọ đang lội nước bắt hến, tự nhiên đứng sững giữa sông, mắt trợn lên, nói tiếng lạ như tiếng Chăm cổ, rồi khóc. Người trong làng sợ, nhưng vẫn tìm tới. Bởi cái nghèo khiến người ta tin vào những thứ không nhìn thấy.

Nhưng cũng có người nói Tư đoán trệt. Năm kia, Tư từng quả quyết mùa lũ sẽ lớn. Cuối cùng nước chỉ lên ngang mé bãi. Một lần, Tư bảo một người đàn bà mất tích còn sống. Ba ngày sau người ta tìm thấy xác dưới chân cầu Cẩm Nam. Từ đó, người tin vẫn tin. Người không tin càng không tin.

Riêng Tư thì không cãi. Ai hỏi đúng sai, Tư chỉ nói:

– Tôi đâu có thấy hết.

Một đại gia đến từ Đà Nẵng, ông Vĩnh Khang. Một người đàn ông cỡ năm mươi, mặt vuông, mắt nhỏ, giọng nói lúc nào cũng như đang ra lệnh, dù miệng cười. Ít ai biết Dũng Khang sinh ra trong một căn nhà lá sát mé sông Thu Bồn. Rồi ông ghét sự bất định. Ghét những thứ không đo đếm được. Ông học, làm ăn, tích cóp. Rồi giàu. Rất giàu. Nhưng càng giàu, ông càng muốn mọi thứ nằm trong tầm kiểm soát.

Ông là chủ dự án “Hội An Riverside Heritage Resort”. Ông ta không phải dạng giàu xổi. Là kiểu giàu có tính toán, biết cách biến đất thành tiền, biến ký ức thành sản phẩm, biến cả nghèo khổ thành “trải nghiệm bản địa”.

Cũng hiếm người biết hồi nhỏ Dũng Khang từng sống trong một căn nhà thấp sát mé sông. Mỗi mùa nước lên là mỗi lần cả nhà thức trắng. Cha ông làm nghề chở cát. Mẹ bán bánh ít ngoài chợ. Năm nọ, lũ đến nước lớn quá, chiếc ghe lật giữa đêm. Cha ông đi luôn từ đó. Người ta vớt được ghe. Không vớt được người. Từ ngày ấy, Dũng Khang không còn tin vào lòng thương của trời đất. Ông chỉ tin vào những thứ có thể giữ được bằng tay.

Tiền.

Đất.

Giấy tờ.

Và những con số.

Ông mua gần hết đất ven sông. Khu này, chỉ còn sót lại một mảnh: cái am của Tư và cái giếng cổ. Một hôm, ông ta đến. Không kêu người đập, không hăm dọa. Ông đứng nhìn, rồi nói nhẹ như gió:

— Cái này để giữa khu resort không đẹp.

Tư đang ngồi rửa hén, nước sông lăn tăn ánh chiều.

— Cái chi không đẹp?

— Máy thứ này, ông chỉ cái am, cái giếng, làm khách nghĩ nơi này còn lạc hậu.

Tư không ngẩng đầu.

— Lạc hậu là cái gì?

Ông ta cười:

— Là tin vào thứ không có thật.

Tư ngừng tay. Nước từ rỏ hén chảy xuống đất, nhỏ từng giọt như đang đếm thời gian.

— Vậy ông tin cái gì là thật?

Dũng Khang nhìn mặt sông một lúc rồi mới đáp:

— Tôi tin cái người ta làm được.

— Làm được cái chi?

— Đường sá. Trường học. Việc làm.

Ông ngừng một chút.

— Hồi tôi còn nhỏ, chỗ này nghèo lắm. Mùa mưa bùn ngập tới gối. Thanh niên bỏ xứ đi hết. Tôi không muốn nó nghèo hoài.

Tư ngược lên nhìn ông.

– Rồi muốn hết nghèo thì phải lấp hết mấy thứ cũ hả?

Dũng Khang không trả lời ngay.

– Có khi phải vậy.

Tư cười khẽ.

— Ừ, mấy thứ đó thật. Thiệt như lúc người ta chết mà không có chỗ nằm.

*

Sau đó, mọi thứ bắt đầu rạn. Giếng cổ bị lấp. Họ đổ đất đá xuống, rồi đổ bê tông lên. Ngày lấp giếng, trời nắng chang chang mà tự nhiên nổi gió lạnh. Một công nhân đứng gần miệng giếng bỗng la lên. Nói rằng nghe tiếng người gọi dưới đó. Không ai tin, họ làm tiếp.

Mọi chuyện sau đó diễn ra bình thường. Một tuần. Hai tuần. Ba tuần. Không ai chết. Hoặc phát điên. Cái giếng biến mất như chưa từng tồn tại.

Người trong làng bắt đầu cười. Người thì bảo:

– Thấy chưa. Giếng vơi mất gì.

Ngay cả Tư cũng thôi nhắc tới nó. Chính lúc người ta quên đi, những chuyện lạ mới bắt đầu xuất hiện.

Tư bắt đầu mơ. Những giấc mơ không có đầu đuôi. Chỉ có nước. Nước đen và những khuôn mặt không rõ. Trong giấc mơ, Tư chỉ thấy những khuôn mặt không rõ nét. Kẻ không có mắt. Không có miệng. Người chỉ còn một khoảng tối. Họ nhìn Tư rất lâu. Như muốn nhớ lại một điều gì đó. Nhưng chính họ cũng không nhớ nổi.

Tự tỉnh dậy, người ướt đẫm mồ hôi. Ngoài sông, ma trơi bắt đầu xuất hiện. Không phải vài đốm. Mà hàng chục. Chúng không bay lè. Mà tụ lại thành một vòng tròn, xoay chậm, ngay trên chỗ giếng đã bị lấp. Người làng kéo ra coi. Nhiều người run. Nhưng cũng có người chụp hình, hoặc còn livestream. Người ta bình luận: “Hiện tượng hóa học thôi.” Nhưng đêm đó, ba người quay video đều bị sốt mê man. Trong cơn sốt, họ nói cùng một câu:

— Nó không phải lửa.

— Nó là mắt.

Mâu thuẫn bắt đầu bùng. Khách du lịch vẫn đến, nhưng nhiều người phản ánh ban đêm nghe tiếng nước chảy trong phòng, dù phòng trên cao. Người thấy ướt chân khi ngủ dậy.

Dù nhiều người trong làng không ưa Dũng Khang, họ vẫn phải thừa nhận một chuyện. Từ ngày resort mọc lên, quán ăn đông hơn. Máy đũa nhỏ có chỗ làm. Đường vào còn Dài được trải nhựa. Đèn đường sáng tới tận mé sông. Một ít người kiếm được số tiền bằng cả mùa bắt hến. Bởi vậy khi những chuyện lạ bắt đầu xuất hiện, dân làng cũng chia làm hai phía. Một phía muốn giữ đất cũ. Phía còn lại sợ mọi thứ quay trở lại những ngày nghèo khó.

Một đoàn kỹ sư từ Đà Nẵng xuống kiểm tra. Họ tìm ra một đường ống ngầm bị nứt. Nước rò rỉ tạo ra âm thanh cộng hưởng trong hệ thống thông gió. Báo cáo kỹ thuật dài hơn trăm trang. Mọi thứ đều có lời giải thích. Người ta thở phào. Dũng Khang thắng. Ít nhất là trong vài tuần.

Ban đầu, Dũng Khang cười. Ông ta quen với mấy thứ “sự cố vận hành” kiểu đó. Resort nào mới mở cũng có

chuyện: rò ống nước, sai kỹ thuật, khách làm quá lên để đòi giảm giá. Ông đã từng xử lý hàng chục trường hợp như vậy, chưa lần nào thấy cần phải bận tâm quá mức. Nhưng rồi số lượng phản ánh lại tăng lên. Không phải một phòng. Không phải một tầng. Những người chưa từng gặp nhau lại mô tả cùng một thứ: tiếng nước. Không phải nước rỉ, mà là nước chảy. Có nhịp. Có hướng. Như đang tìm đường.

Ông bắt đầu khó chịu. Không phải vì sợ, mà vì có thứ gì đó nằm ngoài dự tính. Dũng Khang là người quen kiểm soát. Mỗi mét đất, mỗi đồng tiền đổ vào đây đều được tính toán. Ông không tin vào sự trùng hợp kéo dài. Mà thứ này thì đang kéo dài dai dẳng. Như một lỗi hệ thống không chịu lộ nguyên nhân. Ông tự đi kiểm tra không báo trước. Hành lang vắng. Đèn vàng. Sàn khô. Nhưng khi đứng yên, ông ta cũng nghe rất khế. Như có ai đó đang dội nước từ một nơi rất sâu.

Ông đứng im lâu hơn cần thiết. Rồi bước đi nhanh hơn bình thường. Sáng hôm sau, ông ta họp kỹ thuật. Giọng vẫn bình thản, nhưng ngắn hơn. Gắt hơn. Những câu hỏi không còn để tìm hiểu, mà để ép trả lời. Không ai đưa ra được lý do hợp lý. Từ lúc đó, trong ông bắt đầu có một khe nứt nhỏ. Rất nhỏ. Nhưng không khép lại. Người ta không thấy khe nứt đó. Họ chỉ thấy ông ta bực. Dũng Khang bực.

Đêm trước khi ký lệnh tháo dỡ, Dũng Khang ngồi một mình trong phòng làm việc. Bản thiết kế trải kín mặt bàn. Ở góc bản vẽ, cái am nhỏ hiện lên như một chấm mực. Ông nhìn nó rất lâu. Lâu hơn mức cần thiết. Rồi bất giác nhớ tới cái miếu nhỏ nơi cha ông từng thắp nhang trước mỗi chuyến ghe. Nghĩ tới đó, ông bật cười. Một nụ cười ngắn và khô. Người chết rồi, miếu còn thì được gì. Ông ký

tên. Ông cho người phá luôn cái am của Tư. Không phải quyết định bộc phát. Ít nhất, ông tự nói với mình như vậy. Cái am nằm đó như một cái gai. Không sinh lợi. Không nằm trong bản thiết kế. Không kiểm soát được. Và tệ hơn, nó là thứ duy nhất mà ông ta không thể “giải thích” bằng số liệu. Ông cần dọn sạch. Không chỉ để đẹp. Mà để yên.

Lần này không nói nữa. Đập. Tiếng gỗ gãy khô khốc giữa trưa nắng. Khi thanh xà đầu tiên rơi xuống, bụi bay lên, Dũng Khang bỗng có cảm giác rất lạ: như vừa làm đúng một việc cần làm, đồng thời lại chạm vào thứ gì đó không nên chạm. Ông lập tức gạt đi. Cảm giác không phải là dữ kiện. Mà ông chỉ tin dữ kiện.

Tư đứng nhìn, không can, chỉ hỏi:

— Ông có biết cái gì là thứ khó lấp nhất không?

Dũng Khang không thèm trả lời. Không phải vì ông ta không muốn. Mà vì, trong một thoáng rất nhanh, ông chợt nghĩ đến một câu trả lời. Một câu trả lời không nằm trong bất kỳ hợp đồng nào, không đo đếm được, không định giá được. Và ông không thích những thứ như vậy.

*

Tư ngồi rất lâu bên mé nước. Lần đầu tiên trong nhiều năm, Tư thấy sợ. Không phải sợ ma, sợ căn, mà sợ chính mình. Tư nhớ hồi còn nhỏ. Nhớ những lần bị người ta xua khỏi đám giỗ. Nhớ những tiếng cười sau lưng. Nhớ những bữa đói. Nhớ cái cảm giác sống cả đời ở giữa hai bờ mà không thuộc về bờ nào.

Tư nhìn mặt sông, khẽ nói:

– Tao mệt rồi.

Không biết đang nói với nước. Hay với chính mình.

Đêm đó, nước sông Hoài dâng. Không mưa, không bão. Nhưng nước dâng. Chậm. Đều. Như có ai đang đổ thêm nước từ dưới lòng đất lên. Resort mới xây chưa xong đã ngập tới bậc thềm. Nước không đục mà đen như mực. Đen như mắt người chết. Tư ngồi bên bờ, một mình. Không am. Không nhang. Không phách. Chỉ có gió. Tư nói một mình, mà như nói với ai đó:

— Tao không giữ nổi.

— Người sống đông quá.

— Họ không nghe.

Một giọng khác vang lên. Không từ ngoài, mà từ trong đầu Tư. Nghe trầm, nặng, như nước sâu:

— Không cần giữ.

— Chỉ cần gọi.

Tư đứng dậy. Nhưng chưa bước xuống nước ngay. Tư nhìn về phía xóm nhỏ. Mấy mái nhà tối om. Căn nhà của bà Sáu bán bánh. Căn nhà của thằng Hậu làm bảo vệ resort. Căn nhà từng cho Tư bát cơm lúc đói. Bất chợt Tư hiểu. Nếu nước nổi thật. Những người đó sẽ lãnh đủ trước. Ý nghĩ ấy làm chân Tư nặng đi. Rất lâu sau mới bước nổi. Tư nhắm mắt hít thật sâu, cuối cùng cũng bước xuống nước.

Sáng hôm sau, người ta thấy Tư đứng giữa sông, nước tới ngực. Xung quanh là những đóm lửa xanh. Nhưng

không bay, mà đứng yên. Như đang nghe. Tư mở mắt. Giọng không còn là giọng Tư nữa.

— Đất này không phải của tụi bây.

— Nước này không phải của tụi bây.

— Tụi bây chỉ mượn.

Dũng Khang đứng trên bờ, mặt tái.

— Cô đẹp cái trò này đi!

Tư nhìn thẳng.

— Ông nghĩ mình đang nói chuyện với tôi?

Gió nổi lên. Nước xoáy. Những đóm lửa xanh bồng chìm xuống, biến mất. Trong tích tắc, mặt sông phẳng lì. Rồi nước bắt đầu rút nhanh một cách không tự nhiên.

Để lộ ra...

Không phải bùn, mà là xương. Hàng trăm mảnh xương trắng lẫn trong đất. Mảnh còn nguyên hình người. Mảnh vỡ vụn. Mảnh đeo vòng cổ bằng đá. Mảnh còn dính mảnh vải mục. Khách du lịch hét lên.

Một bà lão trong đám đông bồng quy xuống. Bà bò tới mé bùn. Run run nhặt lên một chiếc vòng đá đã sứt mất phân nửa. Bà nhìn rất lâu, rồi bật khóc. Không ai hiểu vì sao bà khóc. Chính bà cũng không hiểu. Có thể thấy trong lòng mình đau như vừa gặp lại một người thân thất lạc từ rất xa.

Công nhân bỏ chạy. Dũng Khang đứng chết lặng. Giữa đám xương trắng ấy, Dũng Khang bỗng nhớ tới cha. Đã hơn ba mươi năm rồi, ông tưởng mình quên. Bỗng trong

khoảnh khắc ấy, ông lại thấy rõ chiếc áo bạc màu cha mặc hôm ra sông. Thấy bàn tay chai sần. Thấy bóng lưng nhỏ dần trong mưa. Ông quay mặt đi thật nhanh, như sợ ai đó nhìn thấy.

Tư nói, giọng mệt mỏi như vừa đi qua một cơn bệnh dài:

— Ông xây trên cái này, rồi kêu là di sản hả?

Nhưng không phải ai cũng nhìn đồng xương đó theo cùng một cách. Chiều hôm ấy, chính quyền xã cho căng dây quanh khu vực.

Một cán bộ bước xuống xem rồi nói:

- Chưa kết luận được gì.
- Có thể là mộ cũ.
- Cũng có thể là xương động vật bị nước cuốn.

Người dân xôn xao. Kẻ thì chửi. Người thì gật gù. Một đám đông đứng quanh mé sông tới khuya không chịu về.

Mấy người làm trong resort là những người phản ứng dữ nhất. Một thanh niên nói lớn:

- Xương với cốt thì đã sao?
- Người sống còn chưa có cơm ăn.
- Đóng cửa resort rồi tui sống bằng gì?

Một bà lão đứng gần đó quát mắng:

- Sống trên đầu người chết hả?

Hai bên cãi nhau. Tiếng người chông lên tiếng nước. Không ai nhường ai.

Dũng Khang thuê chuyên gia riêng. Ông yêu cầu giám định lại. Yêu cầu đo đạc và khoanh vùng lại. Ông nói:

- Nếu dưới đất có xương thì khai quật.
- Nhưng đừng vội biến mọi thứ thành truyền thuyết.

Lần đầu tiên người ta thấy ông mệt. Không phải mệt vì tiền. Mà mệt vì một thứ gì đó đang trượt khỏi tầm tay.

*

Dự án bị đình. Báo chí vào cuộc. Phóng viên kéo tới. Nhà nghiên cứu kéo tới. Người nào cũng mang theo một cách giải thích riêng. Người cho rằng đây là nghĩa địa Chăm. Người lại nói là hố chôn thời chiến. Một vị giáo sư còn khẳng định số xương này không cùng niên đại. Mỗi người đưa ra một giả thuyết. Không ai chứng minh được ngay. Những cuộc tranh luận kéo dài nhiều tháng.

Mãi gần nửa năm sau, kết quả cuối cùng mới được công bố. Dưới lớp đất ấy không phải một nghĩa địa. Mà là nhiều nghĩa địa. Nhiều thời kỳ. Nhiều lớp người. Người Chăm. Người Việt. Những người chết trong chiến tranh. Những người chết vì nước. Những người không còn ai nhớ tên. Họ nằm chông lên nhau như những lớp phù sa bị thời gian nén, lại. Lúc ấy người ta mới hiểu vì sao cái giếng được gọi là mắt sông. Không phải vì nó nhìn người sống. Mà vì nó chưa từng quên người chết.

Một nhóm nhà khảo cổ lại cho rằng nước rút chỉ là hiện tượng thủy văn hiếm gặp. Người ta lại nói đốm lửa

xanh là khí phosphine. Kẻ nói đã nhìn thấy Tư đứng giữa vòng lửa. Rốt cuộc thì người ta nói điều gì, cố chứng minh cho được điều gì.

*

Tư biến mất. Không ai biết đi đâu. Người ta nói thấy Tư chèo thúng ra cửa Đại, rồi mất hút. Người lại nói Tư bị “gọi đi”. Trước khi đi, có người nói đã thấy Tư ghé nhà bà Sáu. Tư gửi lại một bao hén khô. Và ít tiền. Không nhiều. Chỉ vừa đủ sửa mái nhà dột.

Bà Sáu hỏi:

– Đi đâu vậy Tư?

Tư cười.

– Đi chỗ nào không ai hỏi tui là đàn ông hay đàn bà.

Rồi Tư đi. Không ai gặp lại nữa.

Còn Dũng Khang, nghe đâu vài năm sau, Dũng Khang vẫn tiếp tục làm du lịch ở nơi khác. Nhưng ông không còn nhận dự án nào có di tích hay nghĩa địa cũ.

Một người quen hỏi vì sao. Ông chỉ đáp:

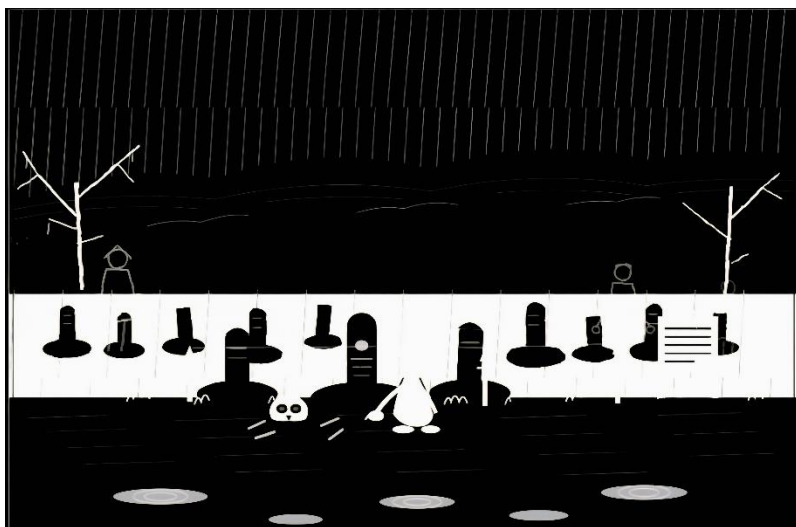
– Đất nào cũng có người nằm trước mình.

Rồi thôi.

Nhiều năm sau, nơi ấy không còn bóng dáng resort. Chỉ còn lại một bãi cỏ hoang, lặng lẽ trải dài như chưa từng bị con người chạm đến. Đêm xuống, ma trời vẫn hiện về: những đốm sáng chập chờn trong gió, nhưng không còn rượt đuổi ai nữa. Chúng đứng im, lặng lẽ, như những kẻ

canh giữ một điều gì đó. Về sau, dân làng truyền miệng nhau mấy câu, chẳng ai nhớ người đầu tiên nói ra là ai, chỉ biết nghe mãi thành quen: “Người ta cứ tưởng mình là chủ đất. Nhưng thật ra, mình chỉ đứng tạm trên phần đất của người khác, những người chưa bao giờ chịu nằm yên.”

Người ta rồi cũng quên dần chuyện ma trời. Quên những đêm nước đen. Quên cả cuộc khai quật. Nhưng những người từng gặp Tư thì không quên. Mỗi lần đi ngang bãi cỏ ấy, họ vẫn nhớ tới một người gầy gò, mắt sâu, ít nói. Một người suốt đời sống bên lề. Vậy mà đến cuối cùng lại là người đứng giữa ký ức của cả vùng đất.



13. Truyện ngắn

TIẾNG NÓI DƯỚI ĐÁT

Chiều Huế thường xuống rất chậm, như thể có ai đó cố tình níu ánh sáng lại trên những mái nhà rêu phong. Sông Hương hôm đó đục ngầu, nước lặng, thỉnh thoảng dềnh lên từng lớp sóng nhỏ như có thứ gì vừa trở mình dưới đáy. Gió từ phía núi Ngự Bình thổi xuống, không mạnh mà lạnh. Cái lạnh thấm qua da chứ không chỉ lướt ngoài thịt. Ở những bãi đất thấp ven chân núi, nơi cỏ mọc xen giữa những ngôi mộ cũ, có cảm giác như đất không nằm yên, như dưới lớp bùn kia vẫn còn thứ gì đó chưa chịu mục. Đứng lâu một chút, người ta dễ nghe lẫn vào tiếng mưa là những âm thanh không rõ hình, nửa như tiếng người, nửa như tiếng đất thở. Người ta nói ở Huế, có những thứ không bao giờ chịu chết. Ở đây người ta quen sống cạnh lặng, cạnh mộ hơn cạnh chợ. Đi học ngang mộ. Đi làm ngang mộ. Nhiều khi mở cửa sổ ra là thấy bia đá cũ nằm giữa đám cỏ. Sống riết rồi không còn sợ nữa. Chỉ thấy buồn.

Tui quen ông Tư Lành cũng cỡ chục năm, từ hồi ông còn đạp xích lô lượn vòng vòng bên bờ sông, chỗ cầu Trường Tiền. Người ông nhỏ thó, da sạm, cặp mắt lúc nào cũng sâu như có nước đọng bên trong. Dân Huế nghèo thì nhiều, mà nghèo kiểu ông, không cúi đầu, thì hiếm.

Nhà ông trước ở trong Thành Nội. Bị giải tỏa. Không được đền bù và không được giúp tái định cư. Nói gọn một câu là “không nằm trong diện”. Ông dọn ra chân núi Ngự. Dựng tạm cái chòi. Ở gần mấy ngôi mộ cổ của dòng họ.

Nghe đâu tổ tiên ông có người từng làm quan triều Nguyễn, được ban đất, chôn dưới chân núi như một thứ “ân điển cuối cùng”. Mỗi năm tới ngày giỗ, dù nghèo cỡ nào, ông cũng bày cái mâm nhỏ ngoài mộ. Chén cơm trắng. Dĩa muối. Bình trà nguội. Người Huế nhiều khi sống kham khổ, nhưng chuyện cúng kiếng người khuất mặt thì ít ai dám sơ sài. Ông nói đất mất còn kiếm lại được. Mả mất rồi, biết kiếm ở đâu. Nhưng đất đó giờ không còn giáy. Mộ thì còn. Mà mộ thì không biết thuộc về ai nữa.

Ông bỏ xích lô, chuyển qua làm nghề dọn mộ. Ai thuê thì dọn. Cỏ mọc um tùm thì phát. Đêm ông ngủ ngay giữa nghĩa địa. Ban đầu tui tưởng ông liều. Sau mới biết ông không có chọn lựa.

Ban đêm ở chân núi Ngự không giống ban ngày. Không phải tối hơn, mà là sâu hơn. Trăng có khi sáng, mà ánh sáng lại bị đất hút xuống, chỉ còn lờ mờ trên mặt cỏ. Những ngôi mộ nằm im, nhưng cái im ấy không hề phẳng lặng.

Mà cũng từ đó, chuyện bắt đầu lệch đi. Mùa mưa năm đó, nước sông dâng lên, ngập trắng một vùng thấp dưới chân núi. Mấy ngôi mộ cũ lộ ra. Đất trôi, lộ xương người. Mưa dầm nhiều ngày làm đất mềm ra như thịt. Những khúc xương trôi lên không trắng mà ngả màu vàng đục. Chúng dính bùn, nằm chéo nhau như chưa kịp yên vị. Có cái sọ còn nguyên, mắt trống hoác, húng đầy nước mưa, nhìn xa như có ai đang ngước lên từ dưới đất. Gió thổi qua, nước trong hốc mắt lay nhẹ, tạo thành những gợn nhỏ, giống như cái chớp mắt rất chậm của một người đã quên cách nhắm mắt. Đứng gần đó, khó mà biết được cái nào là đất, cái nào là xương người.

Sáng hôm sau, có người xã lên coi. Họ căng dây quanh mấy chỗ lộ hài cốt, chụp hình, ghi chép qua loa rồi đi. Chiều tới lại có mấy người lạ chạy xe bán tải vô. Họ đứng chỉ trở một hồi, đóng mấy cây cọc sơn đỏ quanh khu đất.

Ông Tư nhìn mấy cây cọc, hỏi:

“Làm chi đó?”

Một người đáp cụt ngắn:

“Chuẩn bị đo đạc.”

“Tính dòi mộ hả?”

Người kia nhún vai:

“Trên nói sao làm vậy.”

Tối hôm đó ông Tư mới nghe tiếng nói đầu tiên từ dưới đất. Ông Tư kể, đêm đó ông nghe tiếng người nói chuyện. Không phải tiếng gió. Cũng không phải tiếng chó. Mà là tiếng người rõ ràng, rành mạch. Nhìn quanh thì không thấy ai.

“Người giữ đất này làm chi?”

Giọng lạ. Trầm. Khô. Như tiếng đá cọ nhau.

Ông không trả lời.

Một giọng khác cắt ngang, cao và sắc:

“Đất này là của triều đình, là án phong của kinh thành. Không đến lượt dân đen các người nắm giữ.”

Rồi giọng đó chậm lại.

“Ngày ta chôn cha dưới chân núi này, kinh thành còn chưa mất.”

Một khoảng im kéo dài.

“Ta tưởng con cháu sẽ còn nhớ chỗ đó lâu hơn triều đại.”

Ông Tư kể tới đây thì ngưng. Ông ngồi rất lâu. Rồi mới nói:

“Lúc đó tui không còn nghe giọng quan nữa.”

“Tui nghe giọng một người con.”

Ông Tư ngồi lại im một lúc. Rồi như vừa nhìn thấy cái gì đó, ông cúi xuống nhặt khúc xương vừa lộ khỏi bùn. Ông lấy tay phủ đất lại. Như người ta đắp mền cho một đứa nhỏ.

Làm xong, ông mới nói:

“Người nằm đây còn chưa yên mà.”

Tui nghe mà nổi da gà. Không phải vì ma. Vì cái giọng ông lúc đó, nó bình thản tới mức bất cần.

*

Từ hôm đó, ông bắt đầu “nói chuyện” với họ thường xuyên hơn. Khi là quan triều Nguyễn. Lúc với lính Tây Sơn. Hai bên chửi nhau. Cãi nhau. Cãi luôn với ông.

Bên Nguyễn viện lẽ “bình phong thiên tử”, nhất quyết không cho đục tới.

Tây Sơn cười khẩy: “Bình phong nào che nổi cái bụng đói của dân.”

“Ngày tụi ta kéo quân qua đây, có thằng nhỏ mới mười sáu tuổi.”

Giọng nói hạ xuống.

“Nó chết vì đói trước khi chết vì gươm.”

Rồi một đêm khác. Im hơn. Tĩnh lặng hơn. Một giọng lạ, không giống người Việt lắm.

Giọng nói chậm, đứt quãng, nhưng nặng.

“Các người... chôn... quá nhiều...”

Ông Tư nói đó là người Chăm. Không hiểu ông biết bằng cách nào. Nhưng ông chắc như đinh đóng cột.

Giọng đó rơi xuống, nặng và đứt quãng:

“Xương không cháy... thì linh hồn không đi...”

Rồi im. Một cái im khô, như tro đã nguội từ lâu nhưng chưa tan. Tui nghe mà rối. Ông Tư thì không. Ông chỉ nhìn xuống đất rất lâu, rồi nói khẽ, không biết nói với tui hay với ai ở dưới đó:

“Họ gửi người chết cho lửa để nhẹ. Còn mình thì giữ lại cho gần.”

Ông Tư nói nhỏ hơn:

“Đất ni nặng, không phải vì nhiều xương, mà vì có quá nhiều thứ chưa chịu rời đi.”

*

Cùng lúc đó, ngoài đời cũng bắt đầu dậy sóng. Dự án di dời nghĩa địa để làm “không gian văn hóa”. Nghe hay đó. Nhưng ai cũng biết phía sau là đất, là tiền.

Một ông tên Khải là chủ doanh nghiệp bất động sản, đứng ra làm bên đầu tư. Người ta nói Khải không phải dân gốc Huế. Ông từ ngoài vô, đi lên từ tay trắng, quen sống với những con số hơn là ký ức. Hồi nhỏ từng ở nhà thuê, dọn đi dọn lại hoài, nên ông có cái ám ảnh rất rõ về “đất”. Không phải đất để chôn, mà là có đất để đứng cho vững. Người ta nói, ông là người không tin vào những thứ không đo đếm được. Ông tìm gặp ông Tư. Nói chuyện nhẹ nhàng trước.

“Chú Tư, đất này sắp giải tỏa. MỘ phải dời. Tôi lo chi phí. Chú hợp tác, tôi cho chú một suất tái định cư.”

Ông Tư chỉ cười:

“Đất không phải của tui. Hợp tác cái gì.”

Khải cười lại.

“Đất của toàn dân.”

Ông nói câu đó nhẹ như gió, mà sắc như dao. Ông Tư im một lúc. Rồi hỏi lại:

“Vậy dân nào?”

Khải không trả lời. Chỉ cười.

Đêm đó, ông Tư ngồi một mình trước máy ngòi mộ cũ. Mưa lất phất. Lần đầu tiên, ông không nói chuyện với ai dưới đất. Ông chỉ nhìn đám cỏ ướt rất lâu. Một hồi, ông lấy trong túi ra tờ giấy Khải đưa hồi chiều. Tờ giấy hứa lo chỗ ở mới. Có tiền. Có nhà. Không phải ngủ giữa nghĩa địa nữa.

Ông ngồi nhìn tờ giấy tới khuya. Rồi gấp lại. Nhét vô túi. Nhưng không quăng. Cho tới sáng.

*

Tin giải tỏa lan nhanh hơn gió mùa. Trong xóm bắt đầu chia làm hai.

Người nói nên dòi.

“Người chết nằm đâu mà chẳng được.”

Có người cãi lại:

“Ông bà mình nằm đây cả trăm năm rồi.”

Buổi chiều, tui thấy hai anh em ruột đứng giữa đường cãi nhau đỏ mặt vì một ngôi mộ. Người em muốn nhận tiền. Người anh không muốn dòi. Chuyện đất chưa lầy. Mà người sống đã tranh cãi với nhau rồi. Từ đó, mâu thuẫn bắt đầu căng. Ban ngày là người sống. Ban đêm là người chết. Hai bên đều đòi đất.

Khải cho người tới đo đạc, đào móng thử. Sáng đó, có chiếc xe tải chở theo mấy cuộn dây và cọc bê tông chạy vô nghĩa địa. Người ta bắt đầu đóng mốc. Tiếng búa nện xuống đất nghe khô và chát. Mấy người sống quanh đó kéo ra coi. Một bà già chỉ vô mấy cây cọc rồi hỏi:

“Cắm tới đây luôn hả?”

Người đo đạc gạt đầu.

“Rứa là ăn vô phần mộ nhà tui rồi.”

Không ai trả lời.

Bà đứng nhìn một lúc, rồi lấy chân đá ngã một cây cọc mới đóng. Chiều hôm đó người ta đóng lại. Tối tới lại có người nhổ lên. Sáng hôm sau, cả bãi đất đầy những lỗ cọc dang dở.

Đêm đó, một công nhân bị té từ trên dốc xuống gãy chân. Anh nói thấy “người mặc áo xưa đứng chắn”. Nhiều người không tin, vẫn tiếp tục làm.

Ba ngày sau, người ta đem theo máy xúc nhỏ vô bãi đất phía dưới. Đầu tiên là một ngôi mộ vô danh, bia đã mờ chữ. Ông Tư đứng chắn trước mộ.

“Đợi thân nhân người ta tới đã.”

Người chỉ huy công trình nói:

“Không có hồ sơ. Không có thân nhân.”

“Không có giấy đâu có nghĩa là không có người.”

Hai bên đứng nhìn nhau. Cuối cùng công nhân vẫn làm. Gàu máy vừa hạ xuống thì va trúng thứ gì cứng bên dưới. Một tiếng "cốp" vang lên khô khốc. Không ai biết đó là đá hay quan tài. Nhưng từ hôm đó, tin đồn bắt đầu lan khắp xóm.

Đêm đến, Khải không ngủ. Không phải vì sợ, mà vì khó chịu, một cảm giác là lạ không quen. Ông nói với người thân là do áp lực công việc. Nhưng khi nằm một mình, ông cứ thấy như có ai đó đang đứng ngoài cửa, không gõ, không gọi, chỉ chờ. Ông bật dậy, mở cửa bước ra nhìn, ngoài kia chỉ có gió và bóng tối. Nhưng cái cảm giác “có người” thì không mất. Sáng hôm sau, ông tới chỗ công trình sớm hơn thường lệ, đứng ở đó rất lâu. Chỉ đứng, vậy thôi.

Hôm qua, Khải tìm tới tận nơi gặp ông Tư, chỉ tay vô ông:

“Chú sống bằng mấy cái mộ này bao lâu nữa? Đất này phải phát triển. Không thể để hoang.”

Ông Tư nhìn thẳng:

“Anh phát triển cho ai?”

“Cho thành phố.”

Ông Tư nhìn về phía đám cọc bê tông mới đóng. Nhìn một hồi. Rồi hỏi:

“Chừng nào làm xong?”

“Khoảng hai năm.”

“Lúc đó mấy ngôi mộ ni nằm đâu?”

Khải không trả lời ngay.

Rồi Khải cười, lần này không nhẹ nữa:

“Chú đừng có nói chuyện đạo đức. Thời này ai cũng phải sống.”

Nói xong, Khải im một chút, như chính ông cũng nghe thấy câu đó vang lại trong đầu mình. Rồi ông nói thêm, giọng chậm hơn:

“Tôi cũng từng mất chỗ để về. Không ai giữ giùm tôi cái gì hết.”

Khải nhìn ra phía chân núi. Một lúc sau ông mới nói tiếp:

“Hồi nhỏ, nhà tui ở ven sông. Mỗi năm nước ăn một chút. Tường nứt một chút. Tới năm cuối, nguyên cái nền nhà trôi luôn xuống nước.”

Ông cười. Nụ cười không vui.

“Lúc đó tui mới hiểu. Đất không phải thứ mình có. Đất là thứ mình phải giành lấy. Không giành thì mất.”

Nói xong, Khải im.

Mấy câu đó nói ra không lớn, nhưng đủ để lọt qua khoảng lặng giữa hai người. Ông Tư không đáp liền. Nhìn Khải, lâu hơn lúc này.

Ông Tư gạt đầu.

“Tui cũng đang sống.”

Rồi ông nói thêm, chậm rãi:

“Sống đâu phải là giẫm lên người chết.”

Đêm đó, không gian như bị kéo căng ra đến mức chỉ cần một tiếng động nhỏ cũng đủ làm nó rách. Gió không còn thổi theo hướng nào nữa. Gió quẩn sát mặt đất. Đứng giữa nghĩa địa, người ta có cảm giác dưới chân mình đang có rất nhiều thứ thức dậy cùng lúc.

Chiều hôm đó, bảng thông báo giải tỏa chính thức được dựng lên ngay đầu đường đất. Nhiều người kéo tới coi. Người ta im. Nhưng cũng có người chửi. Một bà già ngồi thụp xuống ngay bên mép đường, nhìn tấm bảng rất lâu rồi khóc. Không ai biết trong nghĩa địa còn người thân bà hay không. Nhưng ai cũng biết từ ngày mai, nơi này sẽ

không còn như cũ nữa. Ông Tư đứng phía sau đám đông. Tui thấy ông cúi đầu.

*

Chuyện đã lên tới đỉnh. Ông Tư nói ông thấy đủ hết. Quan Nguyễn đứng một bên. Lính Tây Sơn đứng một bên. Người Chăm đứng xa xa, không tham gia, chỉ nhìn.

Họ không còn cãi nhau. Họ quay qua nhìn ông. Một giọng hỏi:

“Người chọn ai?”

Ông Tư nhìn qua phía những ngôi mộ. Tui thấy ông có vẻ mệt.

Ông Tư cười, lần đầu tiên cười trong mấy ngày.

“Tui không chọn.”

“Vậy người giữ cái gì?”

Ông Tư nhìn xuống đám cỏ.

“Có người sống không yên.”

Ông ngừng một chút.

“Ít ra cũng nên để người chết yên.”

Mọi thứ lặng đi. Rồi một luồng gió lướt qua, không mang hơi lạnh, cũng chẳng chút ẩm áp, chỉ để lại một khoảng trống hun hút như vừa cuốn mất thứ gì đó khỏi cõi này. Sáng hôm sau, người ta thấy ông Tư nằm trước mộ tổ. Ông không chết. Chỉ là từ đó, không còn nói được nữa. Như thể trong đêm, đất đã âm thầm nhận lấy tiếng nói của ông, khóa chặt lại ở một nơi nào đó sâu lắm, không ai với tới.

*

Dự án vẫn tiếp tục. Mộ vẫn dờn. Đất vẫn bán. Một lần, Khải đứng một mình ở rìa công trình, lúc trời gần tối. Công nhân đã về hết, máy móc tắt, chỉ còn tiếng gió lùa qua bãi đất trống. Ông đứng yên khá lâu, như đang đợi ai đó, hay đợi một thứ gì đó xảy ra. Rồi cái tiếng đó tới. Không lớn. Không rõ. Nhưng đủ gần để biết là không phải từ ngoài vào. Khải không cúi xuống. Ông cũng không quay đầu lại.

Trong túi áo khoác của ông vẫn còn tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất mới ký tuần trước. Không hiểu sao lúc đó, lần đầu tiên, ông thấy nó nặng.

Ông đứng im một hồi nữa, hai tay bỏ túi, mắt nhìn thẳng về phía trước, như chưa từng nghe thấy gì. Rõ ông bước đi chậm chậm. Từ hôm đó, người ta không thấy ông đứng lại lâu ở chỗ nào nữa.

*

Những tấm bảng quy hoạch dựng lên ngay ngắn, che hết tầm nhìn xuống chân núi. Ban ngày, người ta nói cười, đo đạc, ký giấy. Mọi thứ diễn ra trơn tru, như thể nơi đó chưa từng có ai nằm lại. Chỉ có một chuyện không ai giải thích được. Về sau, ở khu đó không ai ngủ được trọn đêm. Không phải vì sợ. Mà bởi nhắm mắt lại là nghe tiếng người. Không rõ mặt, không rõ lời. Chỉ là những câu nói đứt đoạn, chồng lên nhau. Như một cuộc trò chuyện chưa bao giờ kết thúc.

Tui có quay lại chỗ đó vào một chiều mưa Huế. Mưa rơi đều, nhỏ, lâu. Mưa Huế lạ lắm. Không ào xuống như trong Nam. Nó cứ rỉ rả, kéo dài, như thể có ai đó ngồi nhớ một chuyện cũ mà nhớ hoài không chịu dứt. Đất đã được

san bằng, cỏ mới trồng còn non, xanh mà lạnh. Nhìn qua thì không còn dấu gì của mộ. Nhưng đứng yên một lúc, vẫn có cảm giác như dưới lớp đất mỏng đó, mọi thứ vẫn còn nguyên.

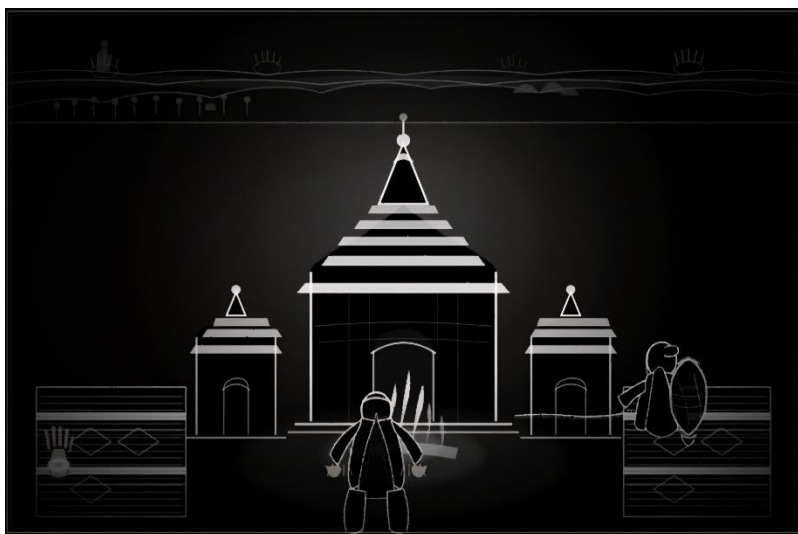
Người ta hỏi tui có tin chuyện ông Tư không? Tui không trả lời. Không phải vì không biết tin hay không, mà vì có những chuyện, hễ nói ra thành lời là tự nhiên thấy nó nhẹ đi, mà chuyện này thì không nên nhẹ. Tui chỉ nhớ trước khi im hẳn, ông Tư nhìn đám mộ một hồi lâu rồi nói:

“Mai một tới lượt mình nằm xuống, chắc cũng ở đâu đó dưới chân người khác thôi.”

Hồi đó tui nghe, hiểu lừng chừng. Nghĩ là ông nói chuyện đạo lý, kiểu người già hay nói. Nhưng đứng ở đây, giữa cơn mưa Huế rơi dài không dứt, tui mới thấy câu đó không phải để hiểu, mà để nghe.

Mưa rơi xuống đất, mà nghe như dội ngược lên. Một khoảnh khắc rất ngắn, ngắn tới mức nếu chớp mắt là mất. Tui thấy rõ một điều, mình không đứng một mình. Dường như ngay dưới chân, có ai đó vẫn còn đó chờ mình nói tiếp một lời còn dang dở.

Mấy tháng sau, người ta dựng xong tấm bia giới thiệu khu văn hóa mới. Trên đó có ghi lịch sử vùng đất. Người Chăm có. Triều Nguyễn có. Những đợt di dân... Nhưng không có tên ông Tư. Tui đứng đọc rất lâu. Rồi mới hiểu. Thứ biến mất đầu tiên khỏi một vùng đất không phải mồ mả. Mà là người từng sống trên đó.



14. Truyện ngắn

VƯƠNG QUỐC KHÔNG CHỊU CHẾT

*N*gười già trong làng Bàu Trúc kể rằng đất sét bên sông Quao không phải đất bình thường. Đó là thứ đất đã từng nằm dưới chân những thành quách Champa đổ nát. Từng hứng máu chiến binh, từng giữ tro cốt của những người chết không chịu rời quê hương mình. Bởi vậy, mỗi lần nhồi đất làm gốm, phải nói chuyện với đất. Nếu không, đất sẽ nhớ. Thứ gì biết nhớ thì sớm muộn cũng biết đòi lại.

Thuở nhỏ, Acar Harei thường nghe mẹ nói như vậy. Mẹ anh là nghệ nhân làm gốm ở Bàu Trúc. Một người đàn

bà nhỏ thó, da đen sạm vì nắng, quanh năm ngồi giữa đất sét, rơm khô và khói lửa. Những buổi chiều mùa hạn, khi gió từ đồng cát thổi về trắng trời, Harei ngồi phụ mẹ gánh đất từ bờ sông Quao. Mẹ anh kể chuyện Po Klong Garai, chuyện Po Rome, chuyện những vị vua đã mất nước mà vẫn còn đi lại trong gió. Lúc ấy anh cười. Trẻ con thường tin vào tương lai hơn là tin vào hồn ma.

Sau này lớn lên, học đại học ngành văn hóa ở Sài Gòn, đọc sử, đọc khảo cổ, đọc nhân học, anh lại càng ít tin hơn. Lịch sử trong sách khác hẳn lịch sử trong lời kể của mẹ. Một bên đầy số liệu. Một bên đầy linh hồn. Ra trường, Harei trở về Phan Rang.

Người ta giới thiệu anh vào Phòng Văn hóa. Lương không cao. Đủ sống.

Đủ để anh và Jaya lấy nhau, cô gái làng Mỹ Nghiệp ấy cưới anh, nổi tiếng dệt hoa văn đẹp nhất trong nhóm thợ trẻ. Jaya có đôi bàn tay nhỏ. Mỗi lần ngồi bên khung cửi, những sợi chỉ nhiều màu chạy qua tay cô mềm như nước. Harei thường ngồi nhuộm sợi giúp vợ. Những tối mất điện, hai vợ chồng đốt đèn dầu, tiếng baoh karang lanh canh vang lên giữa sân, hòa cùng tiếng chó sủa xa xa ngoài đồng. Lúc ấy, anh cảm thấy đời sống giống một tấm thổ cẩm. Những đường chỉ đỏ, chỉ đen, những nút thắt rất khó nhìn thấy. Chúng đều đang âm thầm giữ lấy nhau. Anh không biết rằng một ngày nào đó, chính mình sẽ trở thành một nút thắt.

*

Năm ấy, Ninh Thuận bắt đầu bước vào cơn sốt du lịch. Những đoàn xe sang nối đuôi nhau đổ về phía biển.

Những khoảnh đất trước kia chỉ dùng để chăn dê bỗng tăng giá từng ngày. Những người chưa từng nghe tới Bà Trúc hay Mỹ Nghiệp nay cũng bắt đầu biết đến hai vùng đất ấy khi chúng xuất hiện trên bản đồ quy hoạch. Giới đầu tư liên tục nhắc về chúng, nhắc về tương lai, về những khoản vốn hàng ngàn tỷ đồng, về các khu nghỉ dưỡng đạt chuẩn quốc tế. Họ nói bằng một sự tự tin gần như tuyệt đối, cứ như tương lai đã nằm sẵn trong tay từ rất lâu rồi.

Người đứng đầu dự án là Phạm Khắc Thành, một doanh nhân có tiếng tăm. Ông ta không sinh ra trong giàu có, mà ngược lại. Thuở nhỏ, ông từng là đứa trẻ bán bánh mì ở ga Tháp Chàm, từng ngủ dưới gầm xe tải, từng đi phụ hồ, từng trải qua những ngày đói khát đến cùng cực. Chính vì đã quá hiểu cái đói nên ông ta đặt niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh của đồng tiền.

Thành có một câu chuyện chưa từng nhắc đến trong bất kỳ cuộc phỏng vấn nào. Năm mười hai tuổi, mẹ ông qua đời giữa một mùa hạn khắc nghiệt. Hôm đó, trong nhà không còn nổi một lon gạo. Người đàn bà gầy guộc đến mức hai cổ tay chỉ còn như những nhánh củi khô. Buổi sáng bà vẫn còn ngồi vá áo cho con, vậy mà đến chiều đã lặng lẽ nằm xuống.

Trước khi nhắm mắt, bà lấy từ trong túi áo ra một đồng tiền cũ đã mòn gần hết hình.

Bà đặt vào tay Thành.

— Giữ lấy.

Đó là tài sản cuối cùng của bà.

Nhiều năm sau, khi đã sở hữu hàng ngàn tỷ đồng, ông vẫn giữ đồng tiền ấy trong ngăn kéo bàn làm việc. Mỗi lần nhìn nó, ông lại nhớ rằng trên đời này có những người chết không phải vì chiến tranh, không phải vì bệnh tật. Mà vì nghèo.

Trong một buổi họp dân, Thành đứng trước đám đông và nói:

— Người nghèo thường thích nói về truyền thống vì họ không có gì khác để giữ.

Cả hội trường im lặng.

Ông ta tiếp:

— Tôi không phá văn hóa. Tôi đang biến văn hóa thành tiền. Có tiền rồi mới giữ được văn hóa.

Nhiều người vỗ tay. Một số người cúi đầu. Harei ngồi cuối hội trường. Anh không ghét ông ta. Thậm chí anh còn hiểu ông ta. Đó mới là điều khiến anh khó chịu.

*

Ít lâu sau, bản quy hoạch chính thức được công bố. Một tuyến đường ven biển mới sẽ cắt ngang khu Kut cổ của ba dòng họ Chăm. Một quảng trường lớn dự kiến dựng lên ngay trên nền nghĩa địa xưa. Còn một phần đất bao quanh đền thờ Po Inư Nưgar của địa phương sẽ được chuyển thành khu dịch vụ.

Người dân phản đối. Đơn thư liên tiếp được gửi đi. Những cuộc họp diễn ra hết lần này tới lần khác. Mỗi bên

đều đưa ra những lý lẽ riêng, nghe qua ai cũng thấy có phần đúng.

Suốt ba tuần liền, Harei gần như chẳng mấy khi có mặt ở nhà. Ban ngày, anh chạy xe máy từ làng này sang làng khác, mang theo xấp hồ sơ dày cộm để vận động chữ ký. Những người ký tên nhiều nhất lại là các cụ già. Một cụ mắt đã mờ, phải lần từng nét bút trên giấy. Một người khác run tay tới mức ký xong mực lem thành một vệt dài.

Chiều hôm ấy, một bà cụ gần chín mươi tuổi gọi anh vào nhà. Bà lấy từ chiếc rương gỗ cũ ra một bọc vải bạc màu. Bên trong vài mẫu xương nhỏ đã ngả vàng.

Bà nói:

— Ông nội tôi.

Harei giật mình.

Bà cụ cười buồn.

— Hồi chiến tranh, mộ bị bom đánh trúng. Nhà nghèo quá, không cải táng được. Tôi giữ lại chừng này thôi.

Bà đặt mấy mẫu xương vào tay anh.

Nhẹ đến mức tưởng như không có trọng lượng.

— Mấy người trên tỉnh nói đất này chỉ là đất. Cậu học nhiều. Cậu nói giùm tôi coi. Nếu đây chỉ là đất, vậy thứ tôi giữ tám chục năm nay là gì?

Suốt quãng đường về, Harei không nói một lời. Bàn tay cầm tay lái của anh vẫn còn cảm giác khô nhẹ của những mẫu xương già hơn cả tuổi đời mình.

Buổi chiều nọ, Harei tìm gặp Thành. Hai người ngồi trong văn phòng tầng mười sáu nhìn xuống biển Ninh Chữ.

Biển xanh tới mức tưởng như vô tội.

Thành rót trà.

— Cậu học văn hóa. Tôi học cuộc đời. Hai đứa mình khác nhau ở đó.

Harei cười.

— Chúng giống nhau hơn ông nghĩ.

— Vậy cậu nói thử coi.

— Tôi cũng muốn dân mình khá lên.

— Tốt.

— Nhưng tôi không muốn phải đào ông bà lên để đổi lấy khách sạn.

Thành đặt chén trà xuống.

Ánh mắt ông ta chợt sắc lại.

— Người chết không ăn cơm.

Thành ngừng một lúc.

Rồi nói tiếp bằng giọng rất thấp.

— Tôi đã từng nhìn người sống chết vì không có cơm ăn.

Căn phòng im bật.

Ngoài cửa kính, một đàn chim biển bay ngang. Bóng chúng lướt qua mặt hai người như những vết mực đen.

*

Mùa Katê năm ấy đến trong gió lớn. Người Raglai từ núi xuống mang lễ vật. Trống Ginăng vang lên dưới chân tháp Po Klong Garai. Những điệu múa xoay tròn trong nắng. Khách du lịch chen kín. Điện thoại giơ lên khắp nơi.

Giữa tiếng trống đang dồn lên cao, Harei bắt chợt nhận ra có gì sai. Tay người nghệ nhân đập trống vẫn nhịp nhàng, nhanh, dồn theo điệu múa đang xoay trên sân. Nhưng âm thanh phát ra từ mặt trống lại đi một nhịp khác, chậm hơn, trầm hơn, như tiếng trống của một đám rước nào đó từ rất lâu, bị kẹt lại trong chính mặt da trống này. Harei nhìn quanh. Không ai khác có vẻ nghe thấy điều đó. Người ta vẫn múa theo nhịp tay, nhịp mà chính tai anh không còn nghe ra nữa.

Anh hỏi người đứng cạnh:

— Anh có thấy trống bị lệch nhịp không?

Người ấy lắc đầu, cười:

— Trống hay vậy mà, lệch gì.

Tối hôm ấy, Harei mở điện thoại, bật lại đoạn video mình quay lúc làm lễ. Trên màn hình, tay người nghệ nhân gõ trống đúng nhịp như mọi năm. Nhưng khi vặn âm lượng lớn nhất, dưới tiếng trống quen thuộc, vẫn còn một tiếng trống khác, rất nhỏ, gõ chậm hơn, đều đặn, như từ dưới đất vọng lên.

Đêm đó, Harei mơ thấy một đoàn người đang chạy. Đoàn bà cõng con. Đoàn ông mang kiếm gãy. Những chiếc xe bò chất đầy tượng thần và hộp gỗ. Đoàn người đi về phía núi. Phía sau là lửa đỏ kín chân trời.

Một người quay lại nhìn anh. Khuôn mặt ấy quen đến lạ lùng. Giống tượng Po Rome trong đền tháp. Lúc lại giống người cha đã mất của Jaya. Rồi chỉ trong nháy mắt, nó trở thành khuôn mặt của chính anh.

Ông hỏi:

— Con nghĩ mắt nước đau hơn hay mắt ký ức đau hơn?

Harei chưa kịp trả lời. Cả giấc mơ đã vỡ tan.

*

Một tháng sau, máy xúc bắt đầu tiến vào khu Kut. Dân làng nghe tin kéo tới đông nghịt. Từ sáng sớm, tiếng ðôi co ðã vang lên khắp nơi, người nói qua kẻ nói lại không ai chịu nhường ai. Đến gần trưa thì tình hình căng thẳng hơn, xảy ra xô ðẩy giữa hai bên, một cụ già bị hất ngã xuống ðất, còn mấy người phụ nữ vì quá hoảng loạn mà ngắt lịm giữa ðám ðông.

Khi chiếc máy xúc ðầu tiên tiến đến mép khu Kut, Harei bắt ðờ bước ra chắn phía trước. Không ai nghĩ anh sẽ làm vậy.

Một cán bộ huyện nhận ra anh.

— Anh Harei, tránh ra.

Anh ðứng yên.

— Cho tôi một ngày.

— Không thể.

— Một ngày thôi. Để người dân đòi những gì còn lại.

Người kia lắc đầu.

— Quyết định đã ký rồi.

Gió thổi qua bãi đất. Trong đám đông, không ai nói gì.

Harei nhìn những ngôi mộ thấp lùn trong cỏ dại. Anh biết mình không thể ngăn nổi dự án. Anh cũng biết mình đang đứng trước một cỗ máy lớn hơn rất nhiều so với bản thân. Nhưng nếu ngay cả việc đứng lại một lần anh cũng không làm, thì suốt phần đời còn lại, anh sẽ không biết phải trả lời tổ tiên thế nào.

Trong đám đông phía sau, Jaya đứng lặng giữa những người phụ nữ đang khóc. Cô không gọi tên anh. Tay cô siết chặt một cuộn chỉ đỏ mang theo từ khung cửa, thứ duy nhất cô vô tình cầm theo khi nghe tin rồi chạy ra khỏi nhà. Mãi sau cô mới nhận ra mình đã siết đến mức sợi chỉ cắt vào lòng bàn tay. Cuối cùng lực lượng bảo vệ bước tới đưa anh sang một bên. Anh không chống cự. Từ lúc ấy, anh biết mình đã mất con đường quay lại.

Rồi một chiếc máy xúc từ từ hạ gầu xuống, bắt đầu đào sâu vào lòng đất. Gầu sắt vừa cắm mạnh xuống lớp đất bên dưới.

Bất chợt, một luồng gió lạ nổi lên. Gió không dữ dội, cũng chẳng cuốn bụi mù trời, nhưng lạnh ngắt như hơi lạnh

từ nghĩa địa thối về. Ngay lúc đó, phần đất dưới hố đào đột nhiên sụp xuống.

Từ khoảng đất vừa sạt lở, hàng trăm vật thể nhỏ trắng nhợt ào ra như dòng nước vỡ bờ. Chúng vừa giống cát, vừa giống những mảnh xương vụn. Tất cả mọi người đứng sững, không ai nói nổi một lời. Những mẫu xương bé bằng đồng xu lăn lóc khắp mặt đất.

Lách cách.

Lách cách.

Lách cách.

Âm thanh khô khốc ấy vang lên giữa không gian im phăng phắc, khiến cả đám đông lạnh buốt sống lưng.

Một bà lão bật khóc. Bà quỳ xuống nhặt từng mảnh.

Miệng run run:

— Người nhà tôi...

— Người nhà tôi...

Jaya cũng cúi xuống giữa đám đông. Cô không nhặt cho riêng mình một mẫu xương nào. Cô chỉ lặng lẽ xin lại sọt chỉ đồ đã dính bụi trắng rơi ra từ hố đất, thứ bụi mà không ai khác để ý tới. Đêm đó, cô ngồi một mình bên khung cửi rất lâu, dệt thêm một đường chỉ trắng đục, mờ như sương, len giữa hai đường chỉ đỏ quen thuộc. Cô không nói cho ai biết vì sao.

*

Kể từ sau hôm đó, những chuyện kỳ lạ bắt đầu liên tiếp xảy ra. Vào ban đêm, không ít công nhân quả quyết rằng họ nghe thấy tiếng đàn Kanhi văng vẳng vọng về từ bãi đất trống, âm thanh lúc gần lúc xa như có ai đang ngồi kéo đàn giữa màn đêm. Buổi sáng, vài công nhân ra công trường sớm còn bắt gặp những vật nhỏ rải trên nền đất mới đổ. Những hình tượng bé bằng ngón cái nắn từ đất sét chưa nung: thần Siva gãy tay, rùa đá đội bia, chum gốm nứt miệng, đúng hình những phế tích từng nằm rải quanh khu Kut. Không ai mang đất sét vào công trường bao giờ. Vậy mà những hình ấy còn mềm, còn ẩm, như vừa được nắn xong chỉ vài giờ trước.

Một công nhân đang ngủ say giữa đêm bỗng choàng tỉnh vì ngực lạnh buốt, như có ai vừa áp một bàn tay ướt lên đó. Anh bật đèn điện thoại soi lên áo mình. Giữa ngực qua lớp áo, hiện rõ một dấu bàn tay người lớn, năm ngón xò rộng, màu đỏ sậm như đất sét pha máu, ướt và lạnh. Anh giặt áo cả buổi sáng hôm sau. Dấu tay mờ đi nhưng không biến mất hẳn, ngả màu nâu đỏ rất nhạt, y hệt màu đất bãi Kut. Tin đồn theo đó lan đi khắp nơi, nhanh chằng khác gì gió cuốn qua đồng trống. Người ta bắt đầu e dè, lo sợ và bàn tán không ngớt, nhưng nỗi sợ cuối cùng vẫn không thắng nổi sức hút của đồng tiền. Công trình vì vậy vẫn tiếp tục được triển khai như chưa hề có chuyện gì xảy ra.

Đêm ấy, Thành ở lại văn phòng rất muộn. Ngoài cửa kính, biển Ninh Chữ đen đặc. Ông mở ngăn kéo. Đồng tiền cũ vẫn nằm đó. Theo thói quen, ông cầm nó lên. Bất chợt ông nhận ra mặt đồng tiền đã đổi màu. Một lớp bụi trắng mỏng bám quanh mép. Thành cau mày, lấy khăn lau. Lớp bụi không mất đi. Nó giống hệt màu của những mẫu xương vừa đào lên khỏi khu Kut. Lần đầu tiên sau nhiều năm, tay

ông run nhẹ. Ông lập tức đặt đồng tiền trở lại ngăn kéo rồi đóng sập lại. Nhưng suốt đêm hôm ấy, ông không mở ra thêm lần nào nữa.

Sáng hôm sau, ông vẫn ký phê duyệt tiến độ thi công như không có gì xảy ra. Có điều, từ ngày đó, ông không còn ngồi quay mặt ra biển Ninh Chữ nữa. Bàn làm việc được xoay sang một góc khác, dù không ai trong công ty hiểu vì sao.

*

Riêng Harei thì không ngủ được. Anh bắt đầu nghe tiếng nói. Chắc là không phải tiếng người sống. Tiếng họ tranh cãi vọng lên từ rất sâu. Tiếng nói vọng lên từ rất sâu. Giống tiếng người già. Lúc là tiếng trẻ con. Lại như tiếng chính anh đang nói trong một căn phòng trống rỗng nào đó. Anh không biết chúng từ đâu tới. Họ cãi nhau dữ dội.

Một giọng già nua quát:

— Vì các người yếu nên mới mất nước.

Một giọng khác bật lại:

— Vì các người tham quyền nên mới mất nước.

Một giọng thứ ba cười nhạt:

— Đừng đổ lỗi nữa. Người chết thích đổ lỗi nhất.

Rồi tất cả quay sang Harei.

— Còn người?

— Người đứng về phía nào?

Anh không trả lời được. Bởi lần đầu tiên trong đời, anh nhận ra mình đang bị xé làm đôi. Một nửa muốn bảo vệ quá khứ. Một nửa hiểu rằng người trẻ cần tương lai.

*

Bi kịch rồi cũng bất ngờ ập xuống gia đình anh. Một cơn đột quy đến quá nhanh đã cướp mất mẹ anh chỉ trong khoảnh khắc, nhanh đến mức bà không kịp để lại cho con cháu một lời dặn dò hay trăng trối cuối cùng nào.

Lễ hỏa táng được tổ chức trên bãi đất đã gắn bó với gia đình từ bao năm nay. Ngọn lửa chậm rãi bốc cao giữa tiếng tụng kinh trầm đều vang vọng. Những làn khói mỏng lặng lẽ cuộn lên, rồi tan dần vào khoảng trời chiều đang chuyển sang sắc tím sẫm.

Trước khi ngọn lửa được nhóm lên, Jaya mang tới một tấm vải mới dệt, gấp gọn gàng và cẩn thận. Trên nền vải, đường chỉ trắng đục nằm lặng giữa hai vệt đỏ như một dấu ấn âm thầm. Cô nhẹ nhàng phủ tấm vải lên người mẹ chồng mà không nói một lời nào. Harei nhìn thấy, liền nhận ra đó chính là đường chỉ cô đã lặng lẽ thêm vào từ đêm bãi đất bị đào xới.

Đến khi vị chủ lễ dùng dụng cụ gấp phần xương sọ còn lại ra khỏi lò lửa để chuẩn bị cho những nghi thức kế tiếp, Harei bỗng bật khóc. Nước mắt cứ vậy trào ra, không thể kìm lại được.

*

Đêm về anh lại mơ. Trên cánh đồng cát rộng vô tận, những vị vua Chăm, những người thợ gốm, những người

dệt vải, những chiến binh, những đứa trẻ, tất cả đứng thành một hàng dài nhìn về phía biển.

Một người đứng ở đầu hàng. Harei không nhìn rõ mặt.

Ông hỏi:

— Người có biết vì sao một dân tộc còn tồn tại không?

Harei lắc đầu.

Người ấy không đáp. Ông quỳ xuống, úp hai tay vào cát ẩm, nắn thành hình một chiếc nồi nhỏ, giống hệt những chiếc nồi mẹ Harei vẫn nắn bên sông Quao. Một con sóng tràn lên, cuốn phẳng hình chiếc nồi trong tức khắc. Ông không cau mày. Ông cúi xuống, nắn tiếp một chiếc khác, ngay tại chỗ cũ. Phía sau ông, cả hàng người dài cũng lặng lẽ cúi xuống, mỗi người vạch một dấu gì đó xuống cát bằng đầu ngón tay, ngay trước mép sóng sắp tới. Sóng tràn lên. Mọi dấu vạch biến mất. Tất cả lại cúi xuống, vạch tiếp, không một ai dừng lại, không một ai than.

Harei đứng nhìn, hai tay tự nhiên nắm chặt, như thể đang giữ một thứ gì đó đang chảy ra khỏi kẽ tay.

*

Nửa năm sau, Harei xin thôi việc. Anh dành toàn bộ thời gian để mở một trung tâm nhỏ, nơi dạy chữ viết, lịch sử và văn hóa Chăm cho đám trẻ trong vùng.

Jaya vẫn đều đặn ngồi bên khung cửi mỗi ngày. Trong mỗi tấm thổ cẩm mới, luôn có một đường chỉ trắng đục chạy lạng giữa những đường chỉ đỏ, đen. Không ai hỏi.

Cô cũng không giải thích. Nhưng riêng cô biết mình đang dệt ai vào trong đó. Harei thì tiếp tục làm gổm đem bán như trước. Thu nhập chẳng còn được bao nhiêu so với những ngày cũ, ít đi thấy rõ, đổi lại những giấc ngủ ban đêm trở nên yên ổn hơn.

Một buổi sáng, Harei tình cờ gặp lại Châu, bạn học cũ ở Bàu Trúc, giờ mặc đồng phục bảo vệ đứng gác cổng khu nghỉ dưỡng xây ngay trên nền khu Kut năm nào. Châu cười gượng, hỏi thăm vài câu rồi vội cúi đầu chào một đoàn khách đang bước ra. Lúc quay lại, Châu nói nhỏ, như sợ ai nghe thấy:

— Mẹ tao chạy thận. Tao không có quyền chọn như mày.

Harei không biết trả lời sao. Anh chỉ gật đầu, rồi dắt xe đi, trong lòng nặng hơn cả lúc bước ra từ đám tang mẹ mình.

Nhiều người nhìn vào rồi lắc đầu, bảo anh dại. Họ không hoàn toàn sai. Harei biết rõ hơn ai hết: anh giữ được là vì anh còn có những gì, để mất ít hơn người khác. Một người vợ dệt giỏi, một nghề gổm còn bán được, một căn nhà chưa phải mang đi cầm cố. Khôn hay dại, suy cho cùng, đôi khi chỉ là cách gọi khác của ai còn đủ sức để chọn, và ai thì không.

*

Mười năm sau.

Khu nghỉ dưỡng ven biển vẫn đông khách. Những tòa nhà mới vẫn mọc lên. Nhiều con đường mới xuất hiện.

Phạm Khắc Thành vẫn là một trong những người giàu nhất vùng. Nhưng đã mười năm nay, không ai còn thấy ông bước vào căn phòng tầng mười sáu nhìn ra biển Ninh Chữ. Người ta nói ông chuyển văn phòng sang một tòa nhà khác, quay lưng hẳn về phía khu Kut cũ. Trong ngăn kéo bàn làm việc mới của ông, không ai biết có còn đồng tiền ấy hay không.

Một buổi chiều, khi dẫn đám trẻ lên tháp Po Klong Garai, Harei nhìn thấy một cậu bé đang cúi xuống nhặt vật gì đó trong cỏ. Nó chạy lại. Mở bàn tay ra. Một mảnh xương nhỏ bằng đồng xu nằm giữa lòng bàn tay non nớt.

Cậu bé hỏi:

— Thầy ơi, cái này là tiền hả?

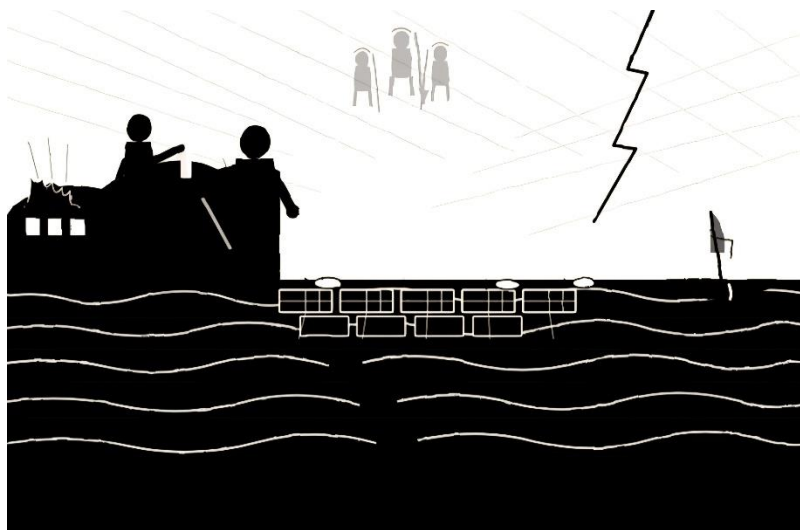
Harei nhìn rất lâu.

Rồi anh lắc đầu.

— Không.

— Đây là thứ đắt hơn tiền nhiều.

Cậu bé chưa kịp hỏi tiếp thì gió từ biển đã thổi lên đòi. Mang theo tiếng cát chạy rào rào giữa những khe đá, nghe như có ai đó đang cười, cũng giống như đang khóc.



15. Truyện vừa KIẾP THỦY BINH

Vũng Tàu sáng sớm. Trời mờ mờ. Sóng đánh vô bờ nghe ào ào, như tiếng trống trận, như tiếng ai gọi từ ngàn đời trước. Gió biển lùa qua từng mái nhà tôn, từng hàng dừa, mần mẩn, ngai ngái. Mùi cá khô phơi lẫn chung với mùi xăng dầu từ ghe cá về bến. Xứ biển mà. Thứ chi cũng có mùi riêng, đậm đà, khó quên.

Ở dưới chân Núi Nhỏ, chỗ Cầu Đá, có cái ghé đá cũ kỹ lắm rêu. Lão Dinh, ông già tóc bạc như sợi cước, ngồi đó mỗi sáng. Ông hút thuốc lào, tiếng rít kêu ròn, khói trắng

cuộn lên mù mịt. Mắt ông lim dim, giọng chậm rãi, cứ thế mà kể. Lời kể của lão Dinh không giống chuyện vui ba xu, mà nghe như có sóng, có gió, có cả linh hồn người xưa len vô. Người nghe ít, nhưng đã ngồi nghe rồi thì dính chặt, không rời.

“Ngày xưa,” lão bắt đầu, “có ba đạo thủy binh. Ba ông đội. Ông Thắng Nhất, ông Thắng Nhì, ông Thắng Tam. Họ giữ cửa biển, giữ ghe tàu, giữ cho dân yên. Ai giữ chắc thì mang phước. Ai lỏng tay thì bị gọi về, không thoát.”

Tiếng kể lửng lơ, như tiếng lưới chạm nước.

Hai thằng nhỏ ngồi gần đó, mắt mờ tròn, tai lắng nghe. Thằng Huyền, da đen bóng, dáng nhỏ con nhưng lanh lẹ như cá quẫy đuôi. Thằng Lộc, người to bè, vai ngang, lưng rộng, hai bàn tay dày như miếng gỗ chẻ. Nghe chuyện, hai đứa không cười, không nhúc nhích, chỉ ngó nhau, ánh mắt sáng như có lửa. Tò mò. Tin. Rồi khắc vô trong máu. Từ bữa đó, tụi nó như bị ám bởi câu chuyện “ba ông đội giữ bờ” của lão Dinh.

1.

Thằng Huyền ở góc đường Xóm Lưới, nhà nhỏ xíu, vách ván xiêu vẹo, mái tôn mục lỗ chỗ. Nhưng cửa sổ mờ ra là thấy liền trời biển xanh ngắt xa xa.

Sáng nào cũng vậy, trời vừa hửng, nó đã mặc cái quần đùi bạc phếch, chạy ào ra mé Cầu Đá. Biển ôm nó, sóng quất vô người nó, mặn chát mà cũng ngọt lịm. Nó bơi như con cá, lặn một hơi cả phút, nổi lên cười ha hả. Cát, gió, nước mặn, mùi rong biển thành da thịt, hơi thở.

Hồi còn nhỏ, Huyền đã theo thầy Tám học võ Thiếu Lâm ở dưới chân Núi Nhỏ. Thầy chắc người, mặt sạm nắng, ánh mắt sáng lạnh như lưỡi dao bén. Roi mây thầy quất vù vù trên không, đưa nào học sai thế là bị quất, nhưng thương học trò hết mực. Huyền học nhanh, đứng tấn chắc, cú đâm mạnh, hơi thở đều. Nhỏ con mà lì lợm, chịu đòn giỏi, càng bị quất càng rắn. Mười bốn tuổi, bọn trai lớn trong xóm thách bơi từ mỏm Cầu Đá ra tận phao nổi ngoài xa. Đám đông cười hề hề: “Thằng nhỏ này coi bộ liều.” Huyền không nói, chỉ nhảy ùm xuống nước. Nó bơi, lặn, vút đi. Khi mấy thằng lớn còn loay hoay, nó đã quay vô bờ. Mấy người đứng coi trở mắt. Từ bữa đó, cả xóm biết: thằng Huyền là “cá con” của Cầu Đá. Vài năm sau, nó còn giật giải quán quân bơi biển của thành phố. Tám huy chương nhỏ, nhưng trong mắt nó, đó là cánh cửa mở ra cả một đời khác.

Còn thằng Lộc thì lớn lên ở Xóm Lãng, Bến Đình. Chỗ đó suốt ngày ồn ã tiếng máy tàu, tiếng cá đổ ào ào, tiếng máy bà máy cô rao cá vang dội. Mùi xăng, mùi dầu, mùi cá ươn hòa trộn thành cái mùi riêng, ám cả tóc cả áo. Lộc quen với mùi đó từ nhỏ. Nó theo cha ra bến, học vác cá, bung đá. Mười ba tuổi, nó đã vác được thùng cá gần trăm ký, đi như không. Lưng rộng, tay chai, da sạm, mặt lúc nào cũng bóng dầu. Chiều chiều, nó theo thầy Hùng học Thái cực đạo ở sân chơi trường học, sau lại học thêm Nhu đạo. Thân hình to bè nhưng động tác mềm dẻo lạ thường. Đến mười tám tuổi, nó quần đai đen quanh bụng, siết chặt như sợi dây số phận. Tánh Lộc bộc trực, nóng nảy, đùng chuyện là xông, ít khi nhịn. Nhưng đã thương ai thì thương tới bến.

Ở bến cá, người ta quen mặt Lộc. Ghe nào về, cần người khuôn, gọi Lộc. Nó vác thùng cá nặng trịch lên bờ,

mồ hôi nhễ nhại, mà miệng vẫn cười hề hề. Mấy ông chủ tàu khen: “Thằng nhỏ này mạnh, làm ăn coi bộ nên cơm.”

Hai thằng con trai, một ở Cầu Đá, một ở Bến Đình. Một nhỏ con, nhanh nhẹn, bơi giỏi, võ giỏi. Một to lớn, chắc nịch, vóc khỏe, đánh đấm dữ. Cùng tuổi, cùng lớn lên bên sóng, cùng nghe chuyện về “ba ông đội giữ biển”. Sóng và gió khắc vô da thịt tụi nó cái chất lì lợm, gan dạ, như được chọn sẵn cho một đoạn đời nhiều bão tố.

2.

Năm tụi nó vừa tròn mười tám thì có chiến tranh ở biên giới. Người ta nói lính Pôn Pốt lén vượt qua giết dân mình, người Campuchia bị diệt chủng. Lính tình nguyện Việt Nam kéo qua, xóm nào cũng có trai trẻ ra đi. Lộc với Huyền không ngoại lệ. Cái xứ biển vốn quen sóng gió, giờ lại thấy trai tráng vô chỗ chôn lửa chiến tranh.

Ngày nhập ngũ, trời Vũng Tàu u ám. Sóng biển Bãi Trước dội vô bờ nghe âm ì, như tiếng lòng xôn xao. Má Huyền dúm cho con gói bánh ít. Cha Lộc vỗ vai con trai, không nói gì, chỉ đưa ánh mắt sâu hoắm. Hai thằng mặc bộ quân phục rộng thùng thình, vai khoác ba lô. Cả hai nhìn nhau, cười gằn: “Tới đâu thì tới.”

Sau khi xong khóa huấn luyện, đêm đầu ở đơn vị, Huyền nằm bên Lộc. Ngoài kia tiếng côn trùng kêu ran. Huyền nói nhỏ:

– Ê, mai mốt tao có chết, mày nhớ đừng để tao nằm lại rừng nha. Tao sợ lạnh.

Lộc im một chút, rồi thở mạnh:

– Đồ quỷ, tao cũng sợ. Thôi thì, thằng nào còn sống thì cõng thằng kia về. Vậy đi.

Hai đứa cười khùng khục, mà mắt cay.

Đêm trên rừng Campuchia nhớ nhà, Lộc mơ thấy biển Vũng Tàu, sóng bạc trắng rọi, mỏm đá Núi Lớn in bóng. Một giọng nói từ đâu đó vang vọng:

“Lộc... Huyền... hai nhị thắng xưa, đã trở lại.”

Lộc giật mình. Cùng lúc, Huyền cũng mơ thấy biển, Cầu Đá, Xóm Lưới, và ba bóng người trong sắc phục thủy binh triều Nguyễn: Phạm Văn Dinh, Lê Văn Lộc, Ngô Văn Huyền. Họ đứng nhìn hai chàng trai, như thách thức, lại như nhắc nhở: “Các người phải giữ đất, giữ sóng, giữ quyền lực...”

Cả hai tỉnh dậy, mồ hôi đầm đìa, trái tim đập thình thịch. Huyền thầm nghĩ: Tiền kiếp? Hay linh hồn biển Vũng Tàu? Ta và Lộc...

Vào trận, cái gan lì xóm biển hiện rõ. Lần đầu chạm súng, đạn bay veo veo, đất nổ tung tóe. Nhiều đứa run, nhưng Huyền thì lao tới, mắt đỏ, hơi thở gấp gấp mà tay chắc như đá. Lộc đi sau, bắn từng loạt đạn, thân hình to bè che cho bạn. Họ kè vai, đụng lưng, sống chết có nhau.

Huyền cẩn trọng, tính toán từng bước chân, như khi bơi qua những luồng nước xoáy ở Bãi Sau. Lộc, nóng tính dữ dội, lao thẳng vào trận mạc, đôi mắt bùng lửa chiến đấu, tay nắm chặt khẩu súng.

“Lộc, chậm lại! Không phải lúc nào cũng lao lên!”
Huyền hét, giọng vang trong rừng già.

“Đừng lo, tao cũng có kế hoạch. Ngu sao, nhảy vào
bừa, để chết trước!” Lộc đáp.

Mỗi trận đánh, mỗi quyết định, đôi khi cả hai đều
thấy như có bàn tay vô hình dắt đi. Nhưng cũng lắm lúc, cái
tàng huyền ảo đó mâu thuẫn với lý trí, khiến hai thằng tranh
cãi, lúc với nhau, lúc như đang cãi với những linh hồn quá
khứ còn phảng phất quanh mình.

Những đêm rừng rậm, hai đứa nằm cạnh nhau,
nghe tiếng côn trùng rào rạo, tiếng nước suối vỡ từng đoạn.
Huyền lặng lẽ tự vấn bản thân: “Sao ta lại yêu biển đến thế?
Sao chiến tranh lại dẫn ta đến nơi này?” Lộc thì nghiêng rặng,
mắt mở trừng trừng: “Sống hay chết, tao không sợ!”

Sự khác biệt về tính cách khiến họ bổ sung cho
nhau: Huyền điềm tĩnh, Lộc dữ dội; Huyền toan tính, Lộc
liều lĩnh. Những trận đánh suýt chết, những lần phục kích,
khiến họ hiểu rằng chỉ có tin nhau tuyệt đối mới sống sót.

Chiến tranh cũng là lò rèn võ thuật, kỹ năng sinh tồn,
mưu trí. Mỗi bước đi, mỗi quyết định, đều là thử thách với
cả bản thân và đồng đội. Họ học cách cầm súng, cách tránh
bẫy, cách lội qua sông rừng, cách đọc dấu chân kẻ thù.

Một lần, cả đơn vị lọt vô ổ phục kích trong rừng thốt
nốt. Đạn xối xả. Huyền bị mảnh đạn sượt qua vai, máu chảy
ướt áo. Nó ngã xuống, cắn răng, lết vô hồn. Lộc quay lại, xốc
nó lên lưng, bắn rồi chạy. Mồ hôi hòa với máu, chảy ròng
ròng. Đêm đó, hai đứa nằm co ro trong bụi rậm, thở hổn
hển. Huyền lôi trong túi ra mảnh vải rách, xé buộc vết
thương. Nó nhìn Lộc, nói:

– Tao nợ mày một mạng.

Lộc trợn mắt:

– Nợ cái gì. Còn sống là được rồi.

Những ngày sau, tình anh em càng khăng khít. Có khi mấy tuần liền ăn cơm khô, uống nước đục, sốt rét run bần bật, nhưng hề thấy mặt nhau là cười, dần lòng mà qua. Họ chia nhau từng liều thuốc, từng lon gạo rang. Trong mắt đồng đội, Lộc với Huyền thành “cặp bài trùng”, nhỏ thì lanh, lớn thì lì. Đứa nào cũng liều, nhưng lại biết giữ lưng cho nhau.

Khi súng im, ngày về tới, hai thằng trở lại Vũng Tàu. Sóng biển vẫn dội như xưa, nhưng trong mắt tụi nó, sóng đã khác. Không còn là trò chơi con nít nhảy ùm xuống nước nữa, mà là một tiếng gọi, sâu và dữ, thúc vô lòng người.

3.

Trở về, cả hai nhìn nhau, cười mà méo xệch. Lưng đeo ba lô, tay ôm kỹ vật lính tráng, ruột gan còn vương khói súng. Nhưng Vũng Tàu thì khác rồi. Biển vẫn còn đó, sóng vẫn còn đó, mà đất liền thì rộn ràng nhà cửa, xe cộ, khách du lịch ào ạt.

Huyền về Xóm Lưới, Cầu Đá. Nhà cũ vẫn dựng vách gỗ tạm bợ, nhưng ba má đã yếu, ghe thì bán từ hồi hấn còn ngoài mặt trận. Đêm đầu nằm võng nghe sóng vỗ, hấn trở trần: Không lẽ đời mình cứ vậy, làm thằng dân thường ngồi mòn trên ghé nhựa nhìn biển sao?

Trong mơ chập chờn, hắn thấy Cầu Đá mù sương, ba bóng thủy binh áo giáp Nhà Nguyễn đứng chặn ngay đầu ngõ. Giọng trầm vọng xuống: “Biển đã nuôi mi, giờ tới lượt mi trả nợ cho biển.” Hắn giật mình tỉnh dậy, lòng bồn chồn, chưa biết đó là chiêm hay mộng.

Hắn đi lang thang khắp phố biển, rồi bén duyên với cà phê. Ban đầu chỉ mua hạt cà phê từ Châu Đức, về rang xay, đem bỏ mỗi mấy quán nhỏ. Mùi cà phê trộn bắp, pha hương liệu thơm hăng hắc nhưng rẻ, dễ bán. Cái tánh lạnh lẽ, khéo miệng giúp hắn nhanh có bạn hàng. Vài năm sau, hắn gom góp hùn mở quán cà phê trên sườn Núi Nhỏ, chỗ con đường lên ngọn Hải Đăng. Chiều xuống, khách nhâm nhi, có người đến chơi đàn guitar, khách tự hát, gió biển hây hây. Có lần, hắn đứng sau quầy nhìn khách đông ken, miệng cười, lòng thì nghĩ: Đây mới chỉ là khởi đầu...

Nhưng quán cũng chẳng bền. Hùn hạp thì phải cãi vã, rồi rã gánh. Huyền xoay qua đi làm “cứu hộ” ở Bãi Sau. Biển là máu thịt. Hắn bơi như cá. Khách du lịch la oai oái, hắn chạy nhanh, lao xuống nước, lôi từng người lên bờ, nổi danh đội trưởng cứu hộ.

Bọn nhỏ thương, đoàn thể cũng thương, đẩy hắn vô công tác thanh niên, rồi từ từ thành cán bộ phường. Hai nhiệm kỳ ghé chủ tịch, hắn xây được cả mô nhà trọ, khách sạn mini, đất đai phân lô khắp Thắng Tam. Hắn biết rõ, quyền lực cùng với đất mới là gốc làm giàu. Nhà hàng hải sản, quán nhậu, khách sạn lớn nhỏ lần lượt mọc lên. Cái danh “Huyền thành hoàng” lan khắp thành phố biển.

Một đêm, hắn ngồi một mình ở phòng làm việc, gió từ biển hất vô, nghe như có tiếng hò reo của đoàn lính thuờ nào, hòa lẫn với tiếng mái chèo của những đội thủy binh

xưa. Hấn rùng mình, tự hỏi: Mình đang sống đời mình, hay tiếp nối một ván cờ từ tiền kiếp?

Còn Lộc, về Bến Đình. Nhà nghèo rớt, má già ngồi bên thúng cá. Lộc thì ngựa chần, không chịu được cảnh ngồi không. Hấn làm “bạn chòi” ở hàng đày Bãi Dâu, sống quần quanh trên cái chòi nhỏ vắt vẻo trên biển. Nhưng cái máu liều lĩnh không chịu gò bó, hấn nhảy sang buôn lậu. Đêm tối, ghe máy làm lủi qua luồng lạch, chuyển thuốc lá, hàng tiêu dùng ngoại từ tàu lớn ngoài khơi vô bờ. Hấn thuộc nước, thuộc gió, rành từng bãi lau, khúc sông.

Nhưng một lần bị phục kích, hàng mất trắng, hấn chạy thực mạng, trốn cả ngày trong lau sậy ở mấy đụn cát hoang. Đêm nằm trong lau, hấn nghe văng vẳng như có tiếng trống trận vọng ra từ phía biển, rồi một bóng đen cưỡi sóng hiện lên, quát roi xuống mặt nước. Lộc cắn chặt răng, máu nóng sôi lên: Sống thì phải đứng, gục cũng gục trên sóng.

Lần đó, hấn trắng tay, nợ nần chồng chất. Đời dồn ép, hấn đành trở lại mưu sinh bằng cái cơ bắp: chõ cá, chõ hàng thuê ở cảng. Từ chiếc xe ba gác cọc cạch, hấn dần gom anh em, dựng nhóm bốc vác, rồi thành thủ lĩnh bến bãi. Võ nghệ, với những cú đá dững mãnh, kinh nghiệm lính trinh sát giúp hấn đứng vững. Bãng nhóm từ Sài Gòn xuống cũng bị hấn đánh bật. Người ta kêu hấn “ông trùm Bến Đình – Bến Đá”. Ngự dân nể, chính quyền cũng nể.

Đời hấn chỉ thật sự sang trang khi lấy vợ. Vợ là đầu nậu cá, lanh lợi, biết buôn bán. Vợ hấn tên Thảo. Người Bến Đình chính gốc, cha làm chủ vựa cá từ hồi Lộc còn mặc quần đùi chạy nhảy ngoài bến. Thảo nhỏ hơn Lộc hai tuổi,

mặt không đẹp theo kiểu son phấn, nhưng đôi mắt sắc như dao lột cá, nhìn ai là biết người đó đang nghĩ gì.

Ngày đám cưới, bà sui nhét vô tay Lộc một xấp giấy tờ vừa cá, nói gọn: "Tui giao con Thảo cho anh, anh giữ nó như giữ ghe. Ghe mà để úng nước thì đừng trách tui." Lộc cầm xấp giấy, ngó Thảo. Thảo cười, không phải cười e thẹn kiểu con gái mới lấy chồng, mà cười như người đã tính sẵn hết mọi nước cờ: "Anh lo ngoài bến, em lo trong nhà. Nhưng chuyện lớn thì hỏi em trước, đừng có tự làm rồi về kể."

Từ bữa đó, Lộc hiểu: hấn lấy được vợ, nhưng cũng lấy được một người thầy không cầm roi.

Hai vợ chồng nắm trong tay nguồn hàng từ tàu xa bờ, ứng vốn cho ngư dân, mua trọn sản lượng. Lộc thành cái tên không thể thiếu mỗi lần tàu về. Từ hai nhà máy nước đá tới xưởng đóng tàu, rồi xưởng chế biến hải sản... vợ chồng hấn mở rộng khắp.

Một bên là Huyền là "quan chức doanh nhân", đất đai khắp thành phố. Một bên là Lộc là "ông trùm cảng cá", hàng hóa, hải sản khắp tỉnh. Hai người bạn lính năm nào, giờ trở thành "nhị thần" của Vũng Tàu, mỗi người một kiểu. Nhưng tình bạn, tình huynh đệ vẫn ràng rịt như thuở ở rừng Campuchia. Nhưng phía sau cái bắt tay chan hòa kia, mầm mống đối kháng đã nhen nhóm. Và đâu đó, trong tiếng sóng vỗ đêm khuya, như có tiếng cười khan của những linh hồn thủy binh xưa, báo hiệu con đường phía trước chẳng hề yên ả.

Thời buổi đổi mới, Vũng Tàu phình ra như con cá gặp mùa nước béo. Đất đai bỗng hóa vàng. Biển bỗng hóa bạc. Ai nhanh tay, ai biết xoay thì giàu. Ai chậm thì ngồi ôm đầu tiếc.

Huyền với Lộc, cả hai đều nhanh. Nhanh mà khôn. Nhanh mà lì. Vậy nên, tên tuổi của cả hai nổi rần rần. Người ta nhắc “ông Huyền thành phố, ông Lộc cảng cá” như cặp đôi quyền lực. Nhậu bàn nào người ta cũng nói tới.

Nhưng đôi khi, trong men rượu và tiếng sóng, người ta nói vui: “Hai thằng này chẳng khác nào bóng dáng của mấy ông thủy binh xưa đội nón nỉ, cầm giáo.” Nói rồi cười, nhưng trong lòng nhiều kẻ lại rờn rợn: đời tụi nó coi bộ bị sóng dất đi chứ không phải tụi đi.

Nhưng cái giàu đâu chịu đứng yên. Càng giàu càng muốn hơn. Đất đai thì chông chéo, bến bãi thì giành giật, mối quan hệ thì đan xen. Mà càng dây dưa, càng dễ đứt.

Một chiều, quán nhậu bên đường Trần Phú. Biển dập dềnh ngoài kia, ráng chiều hắt vô, đỏ au. Huyền nâng ly, giọng nhừa nhựa:

– Ê Lộc, đất Long Sơn tao đang ôm, nghe nói mày cũng nhảy vô hả?

Lộc gác chân, cười khẩy:

– Đất ai chả mua được. Tao bỏ vốn, tao chơi, mắc mớ gì mày?

Ánh mắt hai thằng đụng nhau chan chát. Không còn cái ánh nhìn bĩ chiến trường, mà là ánh nhìn của hai con hổ trong cùng một cánh rừng. Trong khoảnh khắc, Huyền

thấy thấp thoáng phía sau lưng Lộc như có bóng người đội nón giáp, tay cầm mác, mắt rực lửa. Lộc cũng khựng lại, thoáng thấy trên vai Huyền là cái bóng mờ của một tay cầm cò xưa. Hai đứa thoáng rùng mình, rồi lại cụng ly, nuốt cục tức vô rượu. Nhậu xong, mỗi thằng về một hướng, lòng nặng như chì. Rồi tới chuyện cảng cá. Lộc vốn là vua Bến Đình. Nhưng thành phố mở dự án di dời cảng về Cát Lở. Lâu dài còn xóa tất tạt nhà sàn lụp xụp ven bờ từ Sao Mai đến Bến Đá, đến Bến Đình. Huyền đứng sau thúc đẩy. Lộc tức nổ đom đóm mắt:

– Thằng cha này muốn búng cả nồi cơm nhà tao.

Ngư dân xàm xì, phe thì theo Lộc, phe thì nghe lời Huyền. Không khí xóm chài rần rần, bữa chợ cá cũng xôn xao. Mấy bà bán cá vừa cân vừa bàn, có bà chép miệng: “Nghe biển đêm nay gầm gừ lạ lắm, như có ai kéo lưới oan hồn ngoài khơi.”

Những cuộc gặp gỡ giữa Huyền và Lộc ngày càng thưa. Có khi hàng tháng trời, chỉ nghe tin nhau qua báo chí địa phương hoặc mấy thằng em dưới tay. Mỗi lần chạm mặt ở hội nghị, hai bàn tay vẫn bắt, miệng vẫn cười. Nhưng mắt thì lạnh. Lạnh lắm. Một đêm, Lộc ngồi trên sân thượng nhà hàng, rót ly rượu mạnh. Gió biển ào ào, sóng vỗ ì ầm. Hắn nhớ lại câu hứa năm nào trong rừng thốt nốt: còn sống thì công thằng kia về. Rồi bật cười khan:

– Giờ công về đâu, Huyền? Công về đất vàng hay về cảng bạc?

Tiếng sóng bập bênh như đáp lại, vắng vô tai hần tiếng hô xung trận của những người đã chết, làm men rượu càng đắng chát.

Trong khi đó, Huyền thì đứng bên cửa sổ khách sạn cao tầng, nhìn xuống thành phố sáng rực. Hấn cũng nhớ. Nhớ vai thẳng bạn đỡ lưng mình dưới làn đạn. Nhưng giờ, vai ấy lại chặn đường hấn bước tới. Hấn cắn chặt môi, nghĩ thầm: Bạn thì bạn, nhưng tiền bạc, nhất là quyền lực thì không chia được. Đòi đây hai thằng, từ chung chiến hào, giờ thành hai chiến tuyến. Biển vẫn xanh. Sóng vẫn vỗ. Nhưng giữa lòng thành phố, sóng ngầm đã cuộn trào. Và hình như, những linh hồn từ biển sâu cũng đang nhao nhao đòi một trận quyết định.

5.

Thành phố biển càng phình to, cái bóng của Huyền với Lộc càng chạm nhau chan chát. Mà đã chạm thì phải xẹt lửa. Lửa âm ỉ dưới lớp tro, chỉ chờ gió.

Trong cái ngùn ngụt đó, đầu tiên là vụ đất Cát Lờ. Chính quyền công bố quy hoạch khu ven biển. Huyền đứng sau công ty bất động sản, gom trước hàng chục hecta. Tính toán hết rồi. Nào ngờ Lộc cũng tung tiền, nhảy vô mua lại cả chục lô gần cạnh cũ. Thằng này chơi kiểu búng gấc, khiến dự án của Huyền như gãy một chân. Huyền điên tiết, kêu đàn em bung hồ sơ ra hốp, gõ bàn rầm rầm. Còn Lộc thì cười cười:

– Đất của dân, ai có tiền thì mua. Luật mà.

Tiếng cười đó vang ra như tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá, bật lại thành muôn tiếng dội. Huyền điên tiết, biết rằng Lộc đang đúng. Mà thằng nào cũng biết thằng kia đang đúng, chỉ không chịu nói ra.

Chuyện chưa xong thì tới vụ cảng cá. Ngư dân theo Lộc đông, nhưng giấy tờ, nghị quyết lại nằm trong tay Huyền. Hấn thúc mau dời cảng, ép ngư dân phải bán đất cũ. Mấy người không chịu, bữa nọ có nhóm lạ mặt tới đập phá, quăng cá ươn đầy chợ. Người ta đồn là người của Huyền. Huyền thì chối. Nhưng Lộc nắm chắc, đứng trước hàng trăm ngư dân, hấn vỗ bàn, giọng rền như sóng:

– Ai dám đụng vô chợ cá này, phải bước qua xác tôi!

Câu nói như lệnh truyền của một viên tướng biển, cả trăm cái ghe rùng mình rẽ sóng. Mấy đứa nhỏ ngồi trên mạn thuyền kể lại: tụi nó thấy phía sau lưng Lộc, bóng đen một vị tướng thủy binh đội mào lông chim, tay cầm gươm, mắt sáng rực như lửa. Lời ông vọng xuống, hòa vô lời Lộc, làm chợ cá lặng đi rồi nổ òa thành tiếng hò hét ầm ì như bão biển.

Từ đó, hai phe coi nhau như kẻ thù. Thành phố thì xôn xao. Bà bán cá, ông xe ôm, cả mấy thằng nhậu dọc bờ kè cũng rỉ tai:

– Hồi xưa cõng nhau trong rừng, giờ cõng dao díp vô hông nhau. Thiệt đúng là đời!

Ngầm bên dưới, mưu mô càng ngày càng dày. Huyền vốn rành quan hệ, lui tới phòng lạnh, bắt tay mấy ông trên. Giấy tờ, dự án, ngân hàng... hấn vẽ như chơi. Nhưng hấn thiếu cái chân đứng ngoài chợ. Lộc thì ngược lại: dân tin, ngư dân theo, bến bãi như cái pháo đài. Hấn không có bằng cấp, không có chức, nhưng một cái gặt đầu là mấy trăm ghe tàu nằm im.

Rồi tới cú nổ lớn. Một tối, kho đông lạnh của Lộc bị cháy. Lửa đỏ rực cả góc trời. Cá mực hôi khét, ngư dân

khóc ròng. Người ta thì thào: “Có bàn tay Huyền.” Nhưng không bằng chứng. Lộc đứng trong đám cháy, mặt đen thui, mắt đỏ lờm. Hấn nói gần từng chữ:

– Huyền... mà chơi vậy hả?

Khói nghi ngút, lửa quét đỏ trời. Trong mớ tàn tro, hấn thoáng thấy bóng những chiếc ghe bầu cháy rục. Hấn siết chặt nắm tay. Không biết mình run vì tức hay vì sợ.

Đêm kho cháy, Thảo không khóc. Chị đứng nhìn lửa từ xa, mặt lặng như mặt biển trước bão. Chỉ khi Lộc về, mặt đen thui, mắt đỏ hoe, bà mới mở miệng:

— Anh biết ai đốt không?

— Biết. Lộc gần.*

— Biết mà chắc không, hay chỉ nghi?

Lộc im. Thảo rót ly nước lạnh, đặt trước mặt chồng:

— Anh nghi thằng Huyền. Tui nghi anh. Nghi rằng anh chơi quá tới, đến mức người ta phải đốt mới chịu. Tiền mình kiếm được, nhưng cái bóng mình đổ ra thì to quá rồi, anh Lộc ơi.

Lộc trợn mắt. Nhưng Thảo không lùi:

— Tui không nói anh sai. Tui nói anh coi chừng. Ghe to quá, sóng dễ lật hơn ghe nhỏ. Mà giờ anh còn đang nghĩ tới chuyện trả thù, tui thấy trên mặt anh rõ lắm.

Lộc cúi đầu. Lâu lắm hấn mới nói, giọng khàn:

— Vậy em biểu anh làm gì?

— Đừng làm gì hết. Chờ. Biển tự làm.

Thảo quay vô trong, tiếng dếp lệt xệt trên nền gạch. Lộc ngồi lại một mình với ly nước lạnh và đống tro tàn ngoài kia. Lần đầu tiên sau nhiều năm, hấn thấy mình nhỏ hơn vọt.

Đêm đó, hấn ngồi một mình trên ghe, khui rượu. Sóng dập dềnh, gió quất vô mặt. Nước mắt hấn rơi, lẫn vô mùi muối mặn. Nhưng trong lòng, lửa hận đã bùng. Nước mắt hấn nhỏ xuống mũi ghe, hòa vô sóng. Trong men rượu, hấn nghe rõ tiếng người bạn thuở nào gọi vọng từ đâu đó: “Lộc, đừng quên... còn sống thì cõng nhau về.” Nhưng tiếng gọi tan ra giữa gió, để lại trong lòng hấn vừa hận vừa thương, vừa đau vừa cứng cõi.

Còn Huyền, đứng trên ban công khách sạn, nhìn thành phố sáng loáng, nghe tin kho cá cháy, hấn im. Im lặng mà lòng run lên. Phải dứt khoát. Thằng này không quật thì nó sẽ quật lại mình. Không ai có thể giữ hai ngôi vua trong một thành phố.

Ngay lúc ấy, trong gió, hấn chỉ nghĩ một điều: Lộc cũng đang nhìn về phía biển, đang nghĩ về mình, và không ai trong số họ còn đủ can đảm để gọi điện trước.

Biển vẫn âm ào, sóng vẫn bạc đầu, nhưng bầu trời Vũng Tàu như hầm hập, nặng trĩu. Người ta bảo, hai con hổ đã bước vô thế cắn xé. Nhưng dưới chân chúng, biển thì vẫn ngân, bóng những cánh buồm ma cứ chập chờn, tiếng trống trận vọng về càng lúc càng rõ. Phải chăng, đây không còn là chuyện của riêng hai con người, mà là cuộc trả nợ giữa kiếp này với kiếp nào xa xăm?

Sau vụ kho đông lạnh cháy, không khí Vũng Tàu như bị đổ dầu lên than. Lửa thì đã tắt, tro thì còn bay, nhưng mấy cái mầm đã bén: mầm thù, mầm nghi, mầm lợi. Mầm ấy nở ra nhanh hơn ai tưởng.

Trước hết là chính quyền, cái thế giới lạnh như phòng máy lạnh, đặc quánh mùi dầu mộc, giấy tờ, hành lang khép kín. Huyền rành từng bậc: chỗ nào cần chữ ký, chỗ nào phải kèm phong bì, chỗ nào chỉ cần cười nói vài câu xã giao.

Hắn biết giờ nào nên đưa hồ sơ, khi nào gọi điện, khi nào ngồi trà dư tửu hậu mà thấy con số ra. Các “cụ” trong thành phố, trên tỉnh thì thành thơi lảm, ngồi ghế xoay, rót nước nhỏ giọt, miệng chậm rãi:

– “Chú coi, quy hoạch là quy hoạch. Mình phải nhìn xa trông rộng, tính đường dài, chớ đâu có tính ngắn hạn được.”

Huyền khẽ cười, đặt xấp giấy lên bàn, giọng nhỏ nhưng rõ:

– “Dạ, em biết. Đường dài thì phải có cái vốn liếng dài... Đây, con số cụ thể, để mấy anh khỏi lo.”

Vị quan chức liếc xuống, thấy số tiền gọn ghẽ trong hồ sơ, mắt chớp một cái rồi buông câu nhẹ hều:

– “Ừ... vậy thì dễ bàn. Miếng đất đó coi như được rồi.”

Trong mắt họ, cái gọi là “nhìn xa trông rộng” chỉ gói trong một con số. Huyền cho họ con số ấy. Họ gật. Họ ký.

Vậy mà, mỗi lần bước ra khỏi căn phòng lạnh, gió biển lại tạt vô mặt hán, và hán thường đứng thêm một lúc, không phải để nhìn biển mà để không phải nhìn mặt mình trong tấm kính cửa.

Còn Lộc thì khác. Hán cột người ta bằng xương bằng thịt. Một bữa cơm cá kho, vài ly đế cay xé họng, vòng vàng lấp lánh trên tay, trên cổ. Vậy là dân chài nể. Họ chờ tiền cho Lộc, không phải vì thương, mà vì cần gạo, cần xăng dầu, cần nước đá cho chuyến biển, cần chỗ học cho con. Lộc đứng chặn ngay cửa ngõ sinh nhai của hàng trăm gia đình. Một cái gạt hay lác của hán là hàng trăm mái nhà yên ổn hay bấp bênh.

Có lần, một ngư dân gầy nhom, áo còn mùi cá, run run đặt xấp tiền trước mặt:

– “Anh Lộc... tui tui góp hết rồi. Nhưng kỳ này biển xấu quá, ghe nằm bờ nhiều. Liệu anh... cho khát ít bữa?”

Lộc ngó thẳng, mắt nheo lại, giọng khô khốc:

– “Biển xấu thì càng phải ráng. Sóng có ngừng đâu. Ghe nằm bờ thì vợ con bớt ăn chén cơm hả? Đem thêm. Tôi không giữ thì ai giữ cho mấy người?”

Ngư dân cúi đầu, giọng như lạt:

– “Biết vậy, nhưng... khó lắm anh.”

Lộc cười nhạt, rót thêm ly đế, đẩy qua:

– “Khó thì uống. Uống vô, rồi ra biển. Đừng than nữa. Ở đất này, không ai gánh giùm cái khó cho ai đâu.”

Người ngư dân nắm ly, uống cạn. Trên khóe miệng, mùi muối mặn và mùi rượu hòa làm một.

Trước kia, một lần ở quán cóc ven biển, khi Huyền với Lộc còn thường ngồi chung bàn. Chai rượu đã vơi, sóng ngoài kia vẫn ì ầm.

Huyền gõ nhẹ xuống bàn, giọng khàn:

– Ở đời, ai cũng bán mua. Người bán chữ ký, kẻ bán bờ vai. Quan trọng là mình trả bằng gì, và có chịu được giá không.

Lộc nhếch mép, rót thêm rượu:

– Ờ, đúng. Nhưng nhớ nghen, gạo thì ăn hết, tiền thì xài hết. Chỉ còn cái tình, cái nghĩa, nó neo lại. Ghe không có neo, bão tới là lật. Người không có nghĩa, gió thổi bay liền.

Họ cụng chén, không ai cười. Ngoài kia, sóng vẫn vỗ đều, như gõ nhịp cho một bản nhạc chưa dứt.

Nhưng chính quyền đâu phải là thứ duy nhất. Một đêm, chiếc Mercedes đen dừng lạng trên đường Thùy Vân. Bước ra là ông giám đốc ngoại quốc, mặt trắng bệch, tay cầm xấp hợp đồng. Giọng Việt lơ lơ:

– Thuê đất dài hạn... đầu tư. Dự án ven biển Cát Lở: khách sạn, resort, bến du thuyền, nhảy dù biển...

Tiếng ông nghe như mồi lửa bén rơm. Huyền nhìn thẳng vô mắt ông, thấy hiện ra cả dải tiền uốn lượn trên nền cát vàng. Hấn mím cười, lòng nghĩ mình đã đặt chân vô một cái sòng lớn hơn, dữ dằn hơn.

Tên ông ta là Marco Fontana. Người Ý, nhưng sống ở Singapore hai mươi năm, nói tiếng Anh giỏi hơn tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt thì bập bẹ nhưng đủ để khen món ăn và hỏi đường. Ông ta năm mươi tuổi, tóc muối tiêu, kính gọng vàng, giày da bóng loáng. Thứ người mà nhìn vô là biết tiền không phải thứ họ lo.

Marco đến Vũng Tàu lần đầu mười lăm năm trước, chụp ảnh du lịch. Lần này ông ta đến để mua. Không phải mua kỷ niệm, mà mua bờ biển.

Tối ngồi với Huyền, ông ta mở laptop, chỉ vào bản đồ quy hoạch:

— Anh Huyền, tôi đã làm dự án tương tự ở Đà Nẵng, ở Phú Quốc, ở Hội An. Mô hình đã được kiểm chứng. Resort, bến du thuyền, nhảy dù biển, lặn san hô. Du khách châu Âu họ trả tiền rất tốt để có trải nghiệm "nguyên bản". Vũng Tàu có thứ đó.

— Vũng Tàu có ngư dân, Huyền nói.*

Marco gật, không chút lúng túng:

— Đúng. Và đó là một phần của "trải nghiệm nguyên bản". Chúng tôi sẽ giữ lại một khu chợ cá truyền thống, một vài chiếc ghe cũ làm điểm chụp ảnh. Du khách thích lắm.

Huyền nhìn ông ta. Cái cách Marco nói về ngư dân, về những người như cha Lộc, như mấy bà cần cá ngoài bến, như nói về đạo cụ sân khấu, về backdrop chụp hình, khiến trong lòng Huyền có cái gì đó nhúc nhích khó chịu. Nhưng hấn nuốt vô, vì tờ hợp đồng trên bàn có nhiều con số quá.

— Anh đã làm ở nhiều nơi, Huyền nói chậm, vậy anh thấy chỗ nào cũng giống nhau không?*

Marco cười, lần này cười thật:

— Không. Mỗi nơi có linh hồn riêng. Nhưng linh hồn thì không bán được. Còn đất thì bán được. Anh và tôi đang nói chuyện về đất.

Câu trả lời đó nghe lạnh như điều hòa trong phòng khách sạn. Huyền bắt tay Marco, mỉm cười. Nhưng bắt tay xong, hắn nhìn bàn tay mình lâu hơn thường lệ.

Nghe tin đó, Lộc trợn mắt:

— Ngoại quốc mà chen vô, thì tụi tao còn bầu vú vô đâu để gom lại một mối?

Lộc xoè tay ra. Giữa những kẽ tay là khoảng trống, y như tấm lưới rách: cá tuột hết, không giữ lại được gì. Hắn ngồi đó lâu, không nghĩ ra được gì hay hơn là: phải kéo thêm người về phía mình.

Người ngoại quốc bước vô là kéo theo luật lệ khác, dựa lưng ngân hàng, ôm theo xấp ngoại tệ. Họ đổ tiền vô đất đai, mà cũng gieo tiền vô lòng tham của mấy người có ghé. Cái đó mới thiệt là hiểm.

Rồi tới lượt đám giang hồ. Nguyên một băng lớn từ Sài Gòn mò xuống, rình rập như bầy cá mập người thấy mùi máu. Một thằng đầu gấu ghé tai Tú, một đàn em thân tín của Lộc thì thào:

— Anh em tụi tôi cần chỗ làm ăn.

Đổi lại, chúng hứa sẽ lo “bảo kê” cái bến, dẹp hết mấy phe lặt vặt khác.

Tú theo Lộc từ năm hai mươi tuổi. Hấn nhỏ con, tóc húi cua, miệng hay cười hở lợi. Lộc quý Tú vì cái tính siêng năng không kêu ca — sai gì làm nấy, không hỏi nhiều.

Nhưng Lộc không biết: Tú có một đứa con gái bị bệnh thận từ nhỏ. Thuốc mỗi tháng hết gần chục triệu. Vợ Tú làm công nhân, lương không đủ. Tú đã vay Lộc một lần, Lộc cho, không tính lãi. Nhưng bệnh không chừa.

Đêm băng Sài Gòn tới, người đàn ông tên Bảy Cò nhét vô tay Tú một phong bì:

— Mà chỉ cần nhắn tao một tin. Chuyển hàng nào, giờ nào, luồng nào. Vay thôi. Con Hà mà được chữa bệnh.

Tú cầm phong bì, mở ra. Trong đó là tờ hóa đơn bệnh viện và một số tiền đủ để đóng trọn. Hấn ngồi đó lâu lắm. Bên ngoài, tiếng máy tàu nổ ục ục, tiếng cá đờ ầm ầm. Tiếng của cái bến mà hấn theo Lộc gìn giữ mười mấy năm.

Cuối cùng, hấn bỏ phong bì vô túi. Không phải vì hấn không thương Lộc. Mà vì hấn thương con hấn hơn. Đó là cái khoảnh khắc mà một sự phản bội bắt đầu, không bằng lòng tham, mà bằng tình thương.

Lộc nhìn cái kiếu tụi giang hồ tới, cười khẩy, ánh mắt như đã sẵn sàng đếm tiền bỏ túi. Trước đây, mấy lần hấn cho băng Sài Gòn ném đòn, đuổi chúng chạy dài, nhờ vậy mà danh tiếng hấn càng dày thêm. Nhưng Lộc cũng hiểu: thể lực nào cũng có ngày mở màn, rồi cũng sẽ tới hồi tàn lụi, như sóng biển dâng cao rồi cũng rút xuống.

Mặt khác, biên phòng tỉnh bắt đầu siết chặt. Mấy luông lạch vốn nằm gọn trong tay Lộc giờ bị soi quét liên hồi. Một đêm, họ chặn được chiếc ghe chở lậu, trên ghe chất đầy thuốc lá ngoại. Tin lan nhanh như gió. Người ta đồn rần rần rằng Lộc dính dáng vô đường dây buôn lậu. Lộc bực bội, biết ngay có kẻ trong ngành an ninh đang dẫn mặt mình. Hắn cũng thừa hiểu: mấy người đó, nếu có tiền nhét vô, thì chuyện gì mà họ chẳng bán.

Rồi báo chí cũng ló mặt. Một cô phóng viên trẻ tới bến, dí máy quay, hỏi thẳng tưng:

– Ông Lộc, ông có liên quan tới buôn lậu không?

Lộc cười gằn:

– Tui buôn bán đàng hoàng, mấy thứ kia thiên hạ đặt điều thôi.

Nhưng mạng xã hội đâu có biết lọc. Clip vừa tung ra, lan khắp nơi, thiên hạ bàn tán. Hình ảnh một Lộc từng là người hùng, từng “cõng bạn qua chiến tranh”, giờ bị đặt cạnh tin buôn lậu, giang hồ, nhà máy cháy... Bóng dáng hai người bạn lính năm nào cứ thế nhạt dần trong mắt dân chúng.

Trong cơn xì xào đó, có bà già bán cá ngòi thờ dài: “Hai đứa nhỏ này, kiếp trước chắc là anh em chiến thuyền, nay đầu thai lại quên, nên mới cắn nhau.” Lời ấy bay đi như đùa, nhưng nhập vô sóng, vọng lại như tiếng chuông, khiến nhiều người thấy gai da gà.

Giữa cơn bão đời, cũng có mấy cuộc gặp giấu mặt. Một bận, Huyền kéo ông chủ tịch đầu tỉnh vô cái quán vắng tạnh Long Hải. Hắn hạ giọng, ngọt như mật ong rót vô tai:

– Chú Tư, tui cần bên chú chống lưng. Cái chỗ này dễ sắp xếp, đôi bên đều hưởng.

Ông Tư cười mỉm, mắt lim dim như kẻ cầm dao giấu trong tay áo:

– Anh đưa được thì tôi nhận. Anh mở đường thì tôi bước.

Ông Tư Minh năm nay sáu mươi hai. Tóc bạc hơn phân nửa, nhưng dáng vẫn thẳng, bước vẫn chắc, kiểu người quen ra lệnh từ lâu đến mức cái lưng không biết cong. Ông từng là lính, từng qua chiến trường Tây Nam, từng ăn cơm vắt ngủ rừng y chang Huyền với Lộc. Nhưng đó là chuyện của bốn mươi năm trước.

Huyền ngồi đối diện, rót trà. Ông Tư nhìn ra biển Long Hải, giọng nhẩn nha:

— Hồi tui còn trẻ, tui nghĩ làm quan là để giữ đất cho dân. Giờ già rồi mới hiểu: giữ đất thì phải có tiền, có tiền thì phải có người, có người thì phải có ơn nghĩa. Cái vòng đó nó chạy hoài, không ai thoát.

Huyền lặng nghe, không chen. Ông Tư mới chịu nói thật.

— Chú hỏi tui tại sao tui làm. Tui hỏi lại chú: chú nghĩ tui không biết chú đang làm gì sao? Tui biết hết. Biết chú mua đất Cát Lở, biết chú đẩy dự án di dời cảng, biết cả chuyện thằng Lộc tức chú muốn nổ đom đóm mắt. Tui biết hết mà tui vẫn ngồi đây. Vì sao?

Huyền chưa kịp đáp, ông Tư đã tiếp:

— Vì cái thành phố này nó cần ai đó làm. Không phải làm đẹp cho báo cáo. Mà làm thật. Chú có tiền, có gan, có mối quan hệ. Tui có chữ ký, có dấu mộc, có cái ghế. Hai bên bắt tay, thành phố mới chạy. Đó là thực tế. Không thích thì thôi, nhưng đừng giả vờ là mình không hiểu.

Huyền gật đầu chậm. Bên ngoài, sóng Long Hải vỗ đều. Ông Tư rót thêm trà, tay không run, mắt không né:

— Chỉ có một điều tui yêu cầu. Đừng để dân mất miếng ăn. Đất đai mua bán được, bến cảng quy hoạch được, nhưng nồi cơm của ngư dân thì không được đụng tới. Đó là ranh giới của tui. Qua ranh đó, tui không bảo vệ chú nữa.

Huyền nhìn ông lâu. Trong ánh mắt ông Tư, hấn thấy một thứ không phải tham lam, mà là mệt mỏi — cái mệt của người đã thỏa hiệp quá nhiều lần đến mức không còn nhớ lần đầu là vì lý do gì.

"Ông già này," Huyền thầm nghĩ, "còn nguy hiểm hơn thằng tham thuần túy. Vì ông ta tưởng mình vẫn còn lương tâm."

Nhưng chính trị với làm ăn, lúc cần thì bắt tay, lúc khác lại trở mặt như gió trở chiều. Bữa nay ngồi chung bàn, mai có khi xô nhau té sấp.

Và ngay khoảnh khắc ấy, Huyền nghe trong tiếng sóng xa xa như có lời nhắc: "Biển không hứa giữ ai lâu. Nước có thể dâng, cũng có thể chìm."

Lộc cũng âm thầm kéo về phe mình mấy ông cựu chiến binh, những người từng kề vai sát cánh trong rừng năm xưa. Họ đâu có chức quyền gì lớn, nhưng lời nói của

họ nặng như chì, dân chài nghe là tin. Lộc lấy nghĩa tình cũ làm tấm khiên che chở. Hắn nói, giọng rền như sóng vỗ:

– Đừng để người ta cướp bến của tụi mình. Đừng để nhà sàn ven bờ của bà con bỗng dưng bị mất.

Nhưng càng kéo thì càng rối. Có một lần, một nhóm thanh niên biểu tình lên bến, la ó đòi giữ đất công. Họ treo biểu ngữ, hô khẩu hiệu, đưa livestream lên mạng. Đám biểu tình ban đầu chỉ vài chục, rồi thu hút sinh viên, rồi lan ra cả mấy người dân địa phương. Hình ảnh này như gút thắt lên cuộc sống vốn đã mỏng manh.

Và ở phía sau mọi chuyện, có một bàn tay khác. Doanh nhân ngoại quốc kia không chỉ rút tiền: ông ta muốn quyền. Quyền quy hoạch, quyền sử dụng, quyền trao đổi. Trong một bữa tối, ông đưa cho Huyền một hồ sơ: “Anh chỉ cần mở cửa. Còn lại, chúng tôi làm.” Huyền nhìn cái hợp đồng, rồi nhìn ra ban công, thấy mấy bóng đèn đường ánh vàng loang. Lòng hắn chùng. Mở cửa hay giữ cửa?, câu hỏi tựa như con dao hai lưỡi.

Đối kháng lên tới đỉnh điểm khi một đêm, lại có tiếng súng bắn vỡ cửa kho lạnh của Lộc. Không ai chết, nhưng vết hằn thì còn. Lộc hiểu: đây không phải trò trẻ con. Người ta muốn cảnh cáo. Muốn đe dọa. Trong một thế giới mà mọi cánh cửa đều có thể đóng mở bằng một cuộc gọi, súng là tiếng nói cuối cùng của những ai không còn lòng tin.

Cả thành phố dậy sóng. Đình Thần, Miếu Bà, Lăng Ông bỗng chốc thành chỗ dân tìm về, thấp nhang quỳ lạy, mong sóng gió lắng xuống.

Khói nhang cuộn lên, có người thoáng thấy bóng hai thanh niên mặc áo lính cũ, vai kề vai, mắt nhìn thẳng ra

khơi. Không ai dám chắc đó là thực hay mộng, chỉ biết gió biển hôm đó dịu như bàn tay mẹ vỗ lên lưng con.

Những bà già ngồi nép bên miếu lắc đầu thờ dài:

– Thời dữ... người nhà mà quay qua đánh nhau.

Tiếng trống đình dội ra, hoà với tiếng sóng ngoài khơi, nghe như hai thế giới đối đáp: một bên khẩn cầu, một bên trả lời.

Đêm xuống. Huyền nằm yên trong phòng, nghe tiếng xe xé gió ngoài phố. Hấn nhớ về mảnh vải rách buộc máu ngày xưa, nhớ câu nói với Lộc trong bụi rậm Campuchia. Muốn giữ nhà, phải đánh đổi. Muốn giữ bến, phải chống lại những bàn tay ngoài tỉnh. Hấn tự nhủ: "Phải làm thôi." Nhưng ngay lúc đó, gió ngoài cửa sổ thì thào: "Làm để giữ, chớ không phải làm để mất nhau." Huyền lặng đi.

Đêm ấy, Huyền ngồi lại một mình trong quán, không bật đèn. Ngoài cửa, đường Thùy Vân vẫn có người qua lại, tiếng xe máy, tiếng nhạc từ quán nhậu kể bên. Thành phố không ngủ, mà hấn thì không biết mình đang thức hay đang mơ.

Trên bàn còn ly cà phê nguội. Hấn nhìn vào đó, thấy mặt mình in ngược, méo mó trong đáy ly. Nhớ hồi nhỏ, hai đứa hay chạy ra Cầu Đá nhìn mặt mình trong nước, thằng Lộc hay nhăn nhó: "Mặt mày trông như con cá đuối." Hấn cũng cười lại: "Còn mày trông như con cá mú, bự mà ngu." Bữa đó, cả hai cười ngặt nghẽo tới bị bà bán cá kể bên mắng.

Giờ thì không còn kiêu cưỡi đó nữa. Hấn đứng dậy, ra cửa sổ. Biển xa xa chỉ là một dải tối. Hấn tự hỏi Lộc đang đứng ở đâu, đang nghĩ gì. Rồi tự cắt câu hỏi đó đi, vì biết rằng hễ còn hỏi kiêu đó là còn mềm lòng, mà mềm lòng thì thua. Nhưng hấn không đi ngủ được.

Ở bến, Lộc đứng nhìn mặt nước loang ánh trăng. Gió lạnh, mặn. Hấn nhớ bữa cơm rừng, nhớ hơi ẩm đồng đội, rồi lại nhớ tiếng con trai nhỏ: “Ba ơi, cho con tiền đi học.” Nỗi sợ lẫn quyết tâm dồn lại một chỗ. Giang hồ đã tới, chính quyền đã nhúng tay, mạng xã hội loang hình, chỉ còn một con đường: bước tới mà đương đầu. Có lẽ, cái hấn đang bảo vệ đâu chỉ là bến cá, mà còn là sợi dây vô hình kéo dài từ kiếp trước tới kiếp này.

Một đêm nữa, hai người ngồi riêng một mình, ở hai góc thành phố. Họ đều nghe cùng một thứ: tiếng tiền đang gọi, tiếng đình miếu đang quan sát, tiếng sóng đang ghi chép.

Nhưng chen giữa ba thứ ấy, có một tiếng nhỏ mà rõ: tiếng gọi của tình bạn. Như một sợi dây dài từ đáy biển kéo lên, quấn vô chân hai người, giữ họ khỏi lao vào nhau mà tan xác. Họ không nói ra, nhưng đều cảm được: nếu còn một lần để buông dao, thì chính là lần này.

Họ đều hiểu: trận này không còn là chuyện riêng giữa hai người nữa. Nó đã lan ra cả thành phố, lớn hơn, rắc rối hơn, và xem ra khó có điểm dừng.

Mọi thế lực ập lên chiếc bàn mỏng manh: quyền lực, tiền bạc, danh tiếng, giang hồ, báo chí, đến cả dân đen. Một nước cờ lỡ tay, cả bàn sập. Một nước cờ đúng, bộ mặt thành phố thay đổi ngay lập tức. Và đâu đó trong bóng tối,

có tiếng thì thầm lạnh lẽo: ai đó đang giật dây... chờ phút bấm nút.

Đêm ấy, mưa lất phất như rút cát. Một bóng đen ghé Lăng Ông, lặng lẽ nhét mảnh giấy vào khe đá rồi biến mất. Trên giấy, hai chữ nguệch ngoạc: “Tự xử.” Sáng ra, xóm thôn xao: ai bỏ giấy? Ai ra lệnh bắn kho? Ai chống lưng cho tay doanh nhân ngoại quốc? Câu hỏi nhiều, câu trả lời ít. Mà nếu lộ ra, có kẻ ngẩng mặt, có kẻ ê chề mắt mặt.

Phần mâu thuẫn chưa kết. Nó như con lươn còn quẫy, chưa chịu nằm yên. Những mắt xích đầu đá, tiền bạc, quyền lực vẫn xoay chuyển. Tiếng gọi từ đình, miếu, từ tiền nhân như nhắc: “Con người quên được, đất không quên. Biển có cho, nhưng cũng đòi lại.”

Và biển đòi nợ theo cách khôn ngoan nhất: không cho ai thắng tuyệt đối, mà buộc họ gặp nhau, ngồi lại. Như hai làn sóng trái chiều, cuối cùng cũng hòa nhịp, để ghe thuyền vượt qua an toàn.

7.

Trời Vũng Tàu tối sầm, gió rít ngang qua Núi Nhỏ. Sóng biển nổi lên như hàng trăm con trâu gầm, đập vào bờ kè, bắn tung bọt trắng xóa, nước tràn lên mặt đường lênh láng. Huyền đứng trên ban công quán, nhìn bãi biển mà lòng rối như rừng rậm. Hấn cảm nhận từng nhịp gió, từng tiếng rít, từng ánh chớp phản chiếu trên mặt nước. Bão. Bão không chỉ ngoài trời mà trong lòng hấn.

Trong cơn gió ấy, có tiếng thờ dài tựa từ ngàn năm trước, từ những người chết trận ngoài khơi, xác chìm dưới

mạn tàu gỗ. Huyền rùng mình, như thấy bóng mình từng trôi trong một kiếp khác, tay còn cầm thanh gươm rỉ sét, mắt nhìn đồng đội ngã xuống. Sóng như vỗ thẳng vô ký ức, nhắc hấn: bão đâu phải chỉ hôm nay.

Bên kia Núi Lớn, Lộc đứng ở cảng Bến Đá, cầm chắc tay lái chiếc thuyền. Nước dâng lên đến ngực, từng con sóng đập mạnh vào mạn ghe. Hấn quát lớn, lệnh cho đàn em neo ghe, kéo lưới, bảo vệ hàng hóa. Nhưng giữa cơn bão, ai nghe ai?

Tiếng gió lẫn với tiếng người la, tiếng vật dụng rơi lộp độp, đồ đạc trôi lộn nhốn. Hấn loạn.

Trong tiếng gào áy, Lộc nghe thoáng tiếng khóc trẻ thơ, tiếng vọng từ những bà mẹ từng mất chồng ngoài khơi, từ những xác ghe trôi vô cửa sông Dinh mấy chục năm trước. Có giọng cười khanh khách như giỡn cợt: “Mày giữ được ghe hôm nay, nhưng có giữ nổi linh hồn biển không?” Hấn siết tay lái, mắt lóe lửa, mà lòng lại chới với như muốn buông xuôi.

Dạo gần đây, đám phản bội nổi lên như triều ngược. Mấy người từng là bạn chiến hữu, vài ông quyền địa phương từng bắt tay Lộc, bỗng trở mặt. Họ ăn tiền của doanh nhân ngoại quốc, giảng bầy chờ hấn sập. Có phe còn thì thảo chuyện thủ tiêu.

Một đêm, Lộc chờ hàng ra bến Cát Lở, ghe gần cặp đã bị chặn. Hấn liếc mình lặn xuống nước, men theo rừng lau thoát thân, bỏ lại cả hàng hóa, mấy trăm triệu vốn liếng. Số tiền không lớn, nhưng đủ làm máu hấn sôi lên vì tức.

Trong tiếng gió biển, hấn nghe vắng vắng: “Có kẻ kiếp trước từng phản bội mày, giờ trở lại. Máu xưa chưa

khô, nay hóa thành sóng.” Lộc ngập lặn dưới nước, thấy thoáng qua một bóng trắng trôi bên cạnh, đôi mắt lấp lánh như cá đã trảng, đôi môi mấp máy mà không thành tiếng. Hấn muốn hỏi: bạn hay thù? Nhưng sóng đã nuốt trọn câu trả lời.

Huyền cũng không yên. Một clip lén quay cảnh quán cà phê của hấn, ghi lại cảnh Huyền nói chuyện với “ông tây” doanh nhân, được đăng lên mạng. Người dân, ngư dân, du khách — ai cũng thấy. Bình luận tràn lan: “thành hoàng hay gian hùng?” Huyền ngồi im, mắt dán vào màn hình. Hấn tự hỏi: Mình giữ nhà hay giữ uy danh?

Nhưng chưa hết. Bão trời đánh trúng lúc bão người. Một bày giang hồ từ Sài Gòn tràn xuống, tưởng lúc hỗn loạn này là cơ hội. Chúng vác dao dài, thủ súng ngắn, quây nát bến. Huyền buộc phải kéo đội cứu hộ ra đường, vừa chống bão, vừa xua đuổi giang hồ. Lộc cũng gào thét, dẫn đàn em chặn ngang, có lúc phải ném cả thùng đá, dây thừng ra mà đánh bật.

Dân phòng, Phường đội lực tục có mặt, súng ống mang theo, nhưng chỉ đứng vòng ngoài giữ trật tự, đuổi người lạ. Không ai dám nhảy vô giữa. Trên núi, đơn vị bộ đội bạn của Lộc vũ trang tận răng, nghe tin cũng hò hét tràn xuống. Nhưng tới nơi, họ cũng chỉ dừng lại — không thuộc chức trách. Chỉ khi tan cuộc, lực lượng cơ động của Tỉnh mới rẽ nước mà tới, xe hú còi inh ỏi, đèn chớp loang loáng. Người ta đồn, có bàn tay ông Tư đứng sau điều động để “ghi nhận” cảnh hỗn loạn.

Trên cao, chớp xé trời như nét bút thần linh vạch xuống mặt biển. Mỗi cú dao, cú súng, tựa nhát chém vô da thịt một linh hồn biển già nua. Gió hú dài, nghe như tiếng

trống trận vọng về. Trong cơn hỗn chiến, một tràng liên thanh nổ xé bão, quét ngay vô kho hàng của Lộc. Người trúng đạn ngã xuống, máu hòa sóng, la hét chìm trong nước. Lộc cắn răng, như muốn lao xuống biển, nhưng sóng dữ hất ngược. Trong tiếng bão rền, hắn nghe như có lời phán: “Đây là giá của quyền lực, của tham vọng.”

Và trong lớp sóng dựng đứng, giọng khàn từ đáy sâu vọng lên: “Biển từng nuôi tụi bây, giờ biển đòi lại. Không có bữa ăn nào mà không trả.” Lộc nhìn vô con sóng, thấy hàng trăm gương mặt chập chờn: người sống, kẻ chết, ân nghĩa, thù hận — tất cả xoáy vô đời mắt hắn.

Giữa lúc trời đất nghiêng ngửa, Huyền lao tới bên, đụng mặt Lộc. Hai người đứng đối diện, mưa xối trắng trời, gió quất rát da. Không cần mở miệng, ánh mắt cũng đã nói thay: tình đồng đội ngày nào, nay phải thử lửa luật đời. Ai mạnh hơn? Ai sống sót? Ai chịu bị bão tố nhận chìm?

Trong khoảnh khắc gió lặng một nhịp, Lộc nghe thì thào từ bóng tối: “Đừng để lòng tham che mắt. Sóng sẽ trả lời.” Huyền cũng nghe, giọng vọng lên từ Đỉnh thần: “Thần không quên. Biển không quên.”

Một tia chớp cắt ngang bầu trời. Cả hai như thấy mình trở lại rừng già, bên đống lửa ẩm khói, tay còn ôm khẩu súng gỗ, lưng tựa lưng. Ký ức ấy bị linh hồn biển kéo ra, như nhắc rằng: tình đồng đội không mất, chỉ bị bão đời vùi lấp.

Rồi mưa ngừng. Sóng rút dần. Thành phố tan hoang: bến cảng nát vụn, mái nhà bay sạch. Nhưng giữa đống hỗn tạp, Huyền đứng lặng trên đồi cát, Lộc lộ chậm

trong bùn. Họ nhìn nhau, hiểu ra: bão không quật ngã được ai, trừ khi chính người đó sợ hãi cái bóng của mình.

Và rồi, cái cú đĩnh điểm bất ngờ xảy ra: một trong những người quan trọng, Huyền tin nhất, lại là kẻ đặt bẫy anh em Lộc, bị chính cơn bão quật chết, sóng cuốn mất xác. Không ai ngờ. Không ai chuẩn bị. Sự trừng phạt tự nhiên hay của số mệnh dường như nói lên: Mọi tham vọng đều phải trả giá. Mọi mưu mô đều bị lật tẩy.

Người ta bảo, hồn kẻ phản bội bị biển giữ lại. Từ đó, mỗi khi gió nam lên, bến Cát Lở lại có tiếng gọi u u, như ai đó còn chìm chưa yên. Huyền và Lộc cùng rùng mình, trong lòng dâng một cảm giác vừa thương vừa sợ.

Lộc nắm tay Huyền. Rồi buông ra. Không phải vì không muốn giữ. Mà vì còn một thằng đàn em đang nằm dưới tấm bạt xanh, chân thò ra ngoài, dép còn dính bùn. Thằng Tư Lùn, theo Lộc từ năm mười chín tuổi, vác cá thuê ở Bến Đình, học theo Lộc cách cột ghe, cách đọc gió. Tối qua, nó chạy ra che cho mấy bà ngư dân khỏi mảnh kính vỡ, rồi bị cột sắt bay trúng đầu.

Lộc đứng nhìn tấm bạt xanh.

Huyền cũng nhìn.

"Tao cần mày giải thích một chuyện." Lộc nói, giọng không còn hận, chỉ mệt. "Cái dự án di dời cảng, mày biết nó sẽ đẩy bao nhiêu người ra đường không? Mày tính rồi chứ. Mày tính hết mà vẫn làm."

Huyền không trả lời ngay. Gió biển thổi qua, mùi muối lẫn mùi khói.

"Tao biết," hắn nói. "Tao tính rồi."

"Vậy mày tính thẳng Tư Lùn vô đâu trong cái bảng tính đó?"

Không ai trả lời được câu đó. Cả Huyền lẫn cơn gió.

Họ đứng đó lâu, không nói thêm. Bên cảng tan hoang. Ngươi dân run rẩy. Đứa con nít khóc ré trong tay bà nội. Những thứ đó không cần tâm linh mới thấy, chỉ cần mở mắt ra. Một ánh nắng yếu ớt ló rạng, chiếu lên bãi cát và sóng lặng. Thành phố Vũng Tàu vẫn còn đó, bên bờ, mặt trời, và đầy rẫy những mối hiểm nguy, những cơ hội, những con người mạnh mẽ, liều lĩnh, tiếp tục sống, tiếp tục đứng lên giữa bão tố.

Phía xa, trên mặt nước còn lặn tẩn, có tiếng gió nhẹ như tiếng thở: "Chưa hết đâu... biển còn thử nữa." Huyền và Lộc cùng nghe, nhưng không ngoái đầu. Họ biết: tiền kiếp, hiện tại, tương lai. Giống như sóng, khi rút, khi dồn, không bao giờ dừng.

8.

Thành phố sau bão còn tanh mùi muối và khói. Vũng Tàu lổm ngổm như một người vừa bị đánh hội đồng, mặt mày bầm dập, gạch vụn văng đầy, ghe thì trơ gỗ, lưới thì rách, chợ búa im như chùa. Người dân lục tục quét dọn, nhưng ánh mắt ai cũng còn hằn vết hoảng sợ.

Ba ngày sau bão, Huyền nhận được điện thoại từ Marco Fontana.

Giọng người Ý nghe vẫn bình thản, như thể đêm bão vừa rồi chỉ là thời tiết xấu bình thường:

— Anh Huyền, tôi đã xem lại hồ sơ. Tình hình sau bão, đất Cát Lở định giá lại thấp hơn. Đây là cơ hội tốt để chốt nhanh. Tôi cần anh ký trước cuối tuần.

Huyền cầm điện thoại, nhìn ra cửa sổ. Ngoài đó, mấy ngư dân đang kéo xác ghe lên bờ, ghe bị sóng đánh vỡ đôi, gỗ tơi ra từng mảnh. Người đàn ông đứng nhìn chiếc ghe, mặt không còn biểu cảm gì nữa, cái mặt của người đã khóc hết nước mắt.

— Cuối tuần tôi gọi lại cho anh, Huyền nói rồi cúp máy.

Hắn ngồi xuống. Xấp hợp đồng còn trên bàn, con số vẫn nguyên đó, nhiều số không vẫn xếp hàng ngay ngắn. Hắn nhìn xấp giấy, rồi nhìn ra người đàn ông bên xác chiếc ghe. Hai thứ đó, đặt cạnh nhau trong cùng một tầm mắt, tự nhiên hắn thấy mình muốn nôn.

Hắn chưa làm gì với xấp giấy đó. Chưa ký. Chưa xé. Chỉ để đó.

Nhưng việc để đó, với Huyền, đã là một quyết định.

Huyền đứng ở quán, mặt không còn sắc máu. Điện chưa sửa, chỉ có đèn dầu leo lét, hắt bóng hắn lên tường. Hắn giật mình, tưởng cái bóng đang cười nhạo hắn. Từ sau cái clip lộ chuyện làm ăn, dân coi hắn như một kẻ bán đứng. “Thằng Huyền ăn cơm nhà, rước voi ngoài vô giày mà tổ”, lời xì xào đó nghe mà xót.

Nhưng trong tiếng xì xào, hắn lại nghe xen một giọng khác, như từ sâu trong vách đá Núi Nhỏ vọng ra: “Mày từng hứa giữ đất, giữ dân. Lời hứa đó biển còn nhớ, miếu còn ghi. Đừng để lòng tham phá nát sợi dây máu xương.” Huyền quay phắt, chỉ thấy ngọn đèn dầu chập chờn, bóng mình méo mó như một hồn ma xưa trở lại.

Bên kia, Lộc ngồi bên xác một thằng đàn em chết trong đêm bão. Xác nó chưa kịp khâm liệm, người nhà còn khóc ròn. Lộc cắn môi đến bật máu, trong lòng nặng như đá. Bến Đình, Bến Đá giờ tiêu điều, tàu bè tả tơi, lòng người rối ren. Đàn em bắt đầu nghi hoặc, mấy thằng thì thào: “Anh Lộc còn giữ nổi nữa không?”

Thảo mang cơm ra bến cho chồng. Không phải cơm nhà hàng, không phải cơm đặt, mà cơm chị nấu, cá kho mặn, canh rau muống. Thứ cơm ngày nghèo.

Lộc nhìn tô cơm, mắt cay:

— Em nấu làm gì, giờ này.

— Nấu vì anh chưa ăn từ sáng. Nấu vì con Bi hỏi ba sao chưa về. Nấu vì tui cũng cần làm gì đó, không thì tui điên.

Chị ngồi xuống cạnh chồng, nhìn ra bến tối:

— Anh Lộc, mình có đủ rồi. Hai cái nhà máy nước đá, cái xưởng tàu, vựa cá của tui... đủ cho con mình học tới đại học, đủ cho má già yên thân. Cần gì phải giữ thêm cái bến này bằng mọi giá?

— Không phải chuyện giá trị, Thảo. Là chuyện ai thắng.

Thảo lặng một hồi. Rồi chị nói, giọng mềm mà nặng:

— Anh với ông Huyền cứ lo ai thắng ai thua. Mà hỏi thật, thắng rồi thì sao? Thắng để làm gì khi thằng bạn cũ không còn là bạn nữa?

Lộc không đáp. Tô cơm nguội dần. Tiếng sóng ngoài bến vẫn đều đều, không hỏi, không trách, chỉ vỗ.

*

Tối hôm đó, Lộc đang ngồi một mình trên ghe thì nghe tiếng bước chân quen trên cầu gỗ.

Hắn không quay lại. Biết ngay.

Huyền ngồi xuống mạn ghe bên kia, không xin phép, không chào, như hồi hai đứa còn nhỏ hay leo lên ghe ông già Tư ngồi câu cá trộm. Ghe chòng chành nhẹ.

Một lúc, Huyền mới lên tiếng:

— Tao vừa gọi cho thằng Marco. Nói với nó là tao cần thêm thời gian xem xét lại hợp đồng.

Lộc không nói gì.

— Không phải vì mày. Tao làm vì tao thấy mình sắp làm một thứ mà sau này tao không nhìn mặt mình được trong gương.

— Vậy thì làm vì mày, Lộc nói, giọng phẳng. Đừng nói làm vì tao.

— Ừ. Vì tao.

Sóng vỗ vào mạn ghe, đều đều. Xa xa, đèn trên mấy chiếc ghe neo ngoài khơi nhấp nháy.

— Thằng Tú, Lộc nói sau một hồi lâu. Mà biết chuyện thằng Tú chưa?

— Biết.

— Nó bán tao vì con nó bệnh. Vì nó không có tiền chữa bệnh cho con.

Huyền im.

— Tao đang ngồi đây tự hỏi, Lộc tiếp, nếu hồi đó tao chịu cho nó vay thêm, không tính lãi, thì có phải nó không bán tao không. Tao không biết. Tao không có câu trả lời. Nhưng tao cứ nghĩ hoài.

Huyền không nói gì được. Câu chuyện về thằng Tú chạm vào một chỗ trong lòng hắn mà hắn không đặt tên được.

— Mà tính sao với Marco? Lộc hỏi.

— Chưa biết. Nhưng tao nghĩ mình cần ngồi lại với nhau trước khi tao tính tiếp.

Lộc nhìn hắn lần đầu tiên từ đầu cuộc nói chuyện. Ánh mắt không còn lạnh như mấy tháng trước. Cũng không ám lại ngay. Chỉ là ánh mắt của người đang cân nhắc xem có nên tin hay không.

— Sáng mai, Lộc nói. Mà ra đây. Tao với mày ngồi tính.

Huyền gật đầu, đứng dậy. Ghe chòng chành lại.

— Ê, Lộc gọi khi Huyền bước lên cầu gỗ.

— Gì?

— Lần này mà mày lật tao nữa, tao không tha đâu.

— Tao biết.

— Mày nói tao biết là tao biết mày không tha, hay tao biết mày sẽ không lật?

Huyền quay lại, lần đầu tiên trong nhiều tháng, cười thật:

— Tao biết cả hai.

Lộc nhìn theo bóng hấn khuất vào bóng tối. Rồi rót thêm ly rượu, uống một mình. Lần này, mùi rượu không đắng như mấy tháng trước.

*

Trong giấc mơ chập chờn giữa đêm, Lộc thấy mình mặc áo lính cũ, vai còn đeo ba lô rách, đi qua cánh rừng mưa dầm. Đồng đội té xuống bên đường, gọi hấn, “Đừng bỏ tao!” Hấn giật mình, tỉnh dậy, mồ hôi lạnh rịn. Gió biển ngoài kia hú lên như tiếng đồng đội năm xưa, như muốn hỏi: “Lộc, mày còn giữ được cái nghĩa không?”

Cái nghĩa ấy nay bị chà đạp bởi những cú phản bội trắng trợn. Một tay đàn em của Lộc, thằng Tú lén móc nối với giang hồ Sài Gòn, bán đứng đường hàng. Chỉ một cái tin nhắn, một cái định vị, bao nhiêu hàng hóa, máu mồ hôi của ngư dân trôi theo nước.

Huyền biết chuyện, nhưng thay vì dằn mặt, hấn ngòì thờ nhìn sóng. Trong tiếng sóng, có cái gì như mĩa mai: “Mày và Lộc từng là một. Giờ thành hai con cá tranh mồi trong cái ao nhỏ. Biển rộng ngoài kia đâu cần ai giữ, nhưng cũng chẳng tha ai bội thề.”

Thành phố bắt đầu xuất hiện những người lạ: luật sư mặc áo trắng, nói tiếng Bắc, đi cùng bọn doanh nhân ngoại quốc. Họ cầm hồ sơ dày cộp, gập chính quyền, hứa “đầu tư, giải quyết công ăn việc làm”. Nhưng dân chài thì nghe đồn một chữ: “Chiếm đất.” Mấy bà bán cá rĩ tai: “Tụi nó mà làm resort thì bển mình coi như tiêu.”

Đêm đó, trong Miếu Bà, hương khói cuộn cuộn. Một bà già lên đồng, mắt trợn trắng, giọng vang: “Có máu đỏ, có linh hồn chưa siêu. Biển kêu trả nghĩa. Ai trái nghĩa sẽ mất.” Dân nghe, run rẩy, nhiều người tin là hồn lính cũ, hồn ngư phủ chết đuối trở lại cảnh báo.

Giữa những tiếng mơ hồ ấy, Lộc với Huyền lại ngồi với nhau, lần đầu sau bão. Không còn cái cười gằn, cái nhìn nghiêng răng. Chỉ có im lặng. Rượu trên bàn run run theo gió.

“Bây giờ tao không biết tin ai,” Lộc nói, giọng khàn.

Huyền châm điều thuốc, rít một hơi: “Tụi nó coi mình như cá nằm thớt. Nhưng tao thấy... cái thớt này còn máu xưa của tụi mình.”

Gió thổi mạnh làm ngọn đèn vụt tắt. Trong bóng tối, cả hai cùng nghe tiếng sóng vỗ. Tiếng đó biến thành giọng ai quen lắm: “Đừng phản nhau nữa. Hai đứa bây mà phản, biển sẽ phản luôn.” Cả Huyền lẫn Lộc đều tái mặt. Họ không dám hỏi: giọng đó của ai, đồng đội xưa hay linh hồn biển?

*

Ngày hôm sau, một tin như dao cứa: một trong những mối hàng lớn nhất của Lộc bị biên phòng bắt gọn, hàng hóa bị tịch thu. Tin đồn dậy lên: chính tay trong của Lộc chỉ điểm. Lộc nghiêng răng, mắt đỏ hoe.

Còn Huyền thì bị báo chí chữa mũi dùi, đăng loạt bài “Đại gia đất Vũng Tàu bắt tay ngoại quốc, đầu tôm bến cảng.” Cái tên Huyền giờ bị gọi kèm theo chữ “bán đất”.

Trong cơn đường cùng, Huyền lại mơ thấy mình ngồi trên một chiếc thuyền độc mộc, chèo giữa biển đen. Trên ghe, có Lộc, có đồng đội cũ, có cả những bóng người không mặt. Tiếng họ vang: “Một thuyền hai mái chèo. Nếu chẻ đôi, ghe chìm.” Hấn choàng tỉnh, tim đập thình thịch.

Thành phố rung động bởi tin tức, bởi bàn tay ngầm. Người ta không biết rốt cuộc ai mới là kẻ địch thật sự. Doanh nhân ngoại quốc? Chính quyền? Giang hồ? Hay chính Huyền và Lộc, tự đấu với nhau, tự xé nát bến cảng?

Và trong cơn hỗn mang ấy, linh hồn biển cười dài: “Cuộc chơi chưa xong. Máu còn chảy, nghĩa còn thử. Ai đứng vững, ai chìm sâu, biển sẽ định.”

*

Hai ngày sau, Huyền gọi cho Marco Fontana.

— Tôi không ký hợp đồng đó.

Đầu dây kia im một giây. Rồi giọng người Ý đổi khác, không còn lịch sự:

— Anh biết anh đang từ chối bao nhiêu không?

— Biết.

— Anh biết tôi đã chuẩn bị bao lâu cho dự án này không?

— Biết. Nhưng tôi cũng biết cái bến cá đó nuôi mấy trăm gia đình. Tôi không thể đổi thứ đó lấy thứ anh đang trả.

Marco im thêm một chút. Rồi nói, giọng lạnh:

— Tôi sẽ tìm người khác. Vũng Tàu không thiếu người muốn làm.

— Anh cứ tìm. Nhưng không phải tôi.

Huyền cúp máy. Ngồi yên.

Số tiền đó lớn cỡ nào, hần biết rõ. Mất cơ hội đó, hần cũng biết mình sẽ mất thêm vài thứ khác, mấy mối quan hệ đã nương theo dự án đó mà sắp xếp. Dây chuyền. Mỗi thứ kéo một thứ khác theo.

Hần ngồi nhìn bàn tay mình. Lần này không tự hỏi gì thêm. Chỉ thấy tay mình, bình thường, như tay bất cứ ai. Hần nghĩ đến thằng Tư Lùn nằm dưới tấm bạt xanh. Rồi hần mở ngăn kéo, lấy xấp hợp đồng ra, xé đôi. Không phải cử chỉ anh hùng. Chỉ là hần không còn chỗ nào để cất xấp giấy đó mà không thấy bất ổn.

9.

Sáng hôm Huyền ra bến theo lời hẹn, Lộc đã ở đó từ sớm. Hai người ngồi trên cái thùng xốp lật ngược, ăn bánh mì mua từ xe đẩy đầu ngõ, uống cà phê bạch. Không có bàn hợp. Không có hồ sơ. Chỉ có bánh mì và tiếng sóng.

Lộc nói trước:

— Tao muốn hỏi thật một câu. Hồi kho tao cháy, mày có liên quan không?

Huyền nhìn thẳng:

— Không. Tao thề.

Lộc nhìn lại. Lâu.

— Tao tin mày.

— Mày tin thật hay tin vì giờ không còn lựa chọn nào khác?

— Tin thật. Vì nếu mày làm, mày đã không ngồi đây. Mày đã đi xa rồi.

Huyền gật.

— Còn tao, Huyền nói. Tao muốn hỏi mày: mày có bao giờ định thật sự phá tao không? Không phải cạnh tranh mà phá. Kiểu phá để tao không đứng dậy được.

Lộc suy nghĩ thật, không trả lời ngay:

— Có. Một lần. Đêm tao ngồi trên ghe sau khi kho cháy. Tao đã tính tới mức đó.

— Rồi sao mày không làm?

— Vì Thảo nói với tao một câu. Bà nói: "Thắng rồi thì sao, khi thắng bạn cũ không còn là bạn nữa?" Tao ngồi với câu đó cả đêm. Sáng ra, tao không còn muốn phá mày nữa. Không phải vì tao thương mày, lúc đó tao còn tức lắm. Mà vì tao chợt thấy mình sẽ thành thứ gì nếu làm vậy.

Huyền im. Nghe câu đó, hẳn nghĩ đến xấp hợp đồng đã xé. Nghĩ đến Marco. Nghĩ đến người đàn ông đứng bên xác chiếc ghe vỡ đôi.

— Tao cũng có một đêm như vậy, hẳn nói. Đêm tao ngồi nhìn xấp hợp đồng.

— Mày xé rồi hả?

— Xé rồi.

Lộc không nói gì. Nhìn ra biển. Rồi hỏi:

— Tiếc không?

— Tiếc. Nhưng ít hơn tao tưởng.

Họ ngồi thêm một lúc. Ăn hết bánh mì. Uống hết cà phê. Sóng vẫn vỗ, không thêm không bớt.

Lộc đứng dậy trước, phủ tay:

— Thôi. Còn đồng ghe hư kia, tao cần mày một tay.

— Mày cần tao làm gì? Tao có biết sửa ghe đâu.

— Thì đứng đó cho có người. Tao làm, mày đứng coi, như hồi còn nhỏ mày hay đứng coi tao vác cá vậy.

Huyền bật cười. Tiếng cười không giòn tan kiểu hồi hai mươi tuổi, nhưng thật.

— Ừ. Được.

Vũng Tàu như vừa thở dài. Biển phẳng lặng, sóng chỉ khe liếm vào bờ, mềm như bàn tay mẹ đỡ dành. Ghe cá ngoài khơi chập chờn, ngư dân đốt nhang trước mũi thuyền, khăn tổ tiên và khăn biển đã cho họ qua khỏi một đêm dữ. Thành phố bề ngoài bình thản, nhưng trong lòng người, một vết rạn đã ăn sâu, thứ vết nứt chẳng dễ lành.

Huyền đứng trên đồi cát, tay nắm khúc gỗ mục còn sót lại từ quán xưa. Lộc đi kế bên, vai còn rỉ máu lẫn mùi muối. Cả hai im lặng, chỉ nghe tiếng gió rì rầm như muôn ngàn giọng nói:

“Đất này không của riêng ai. Biển này không của riêng ai. Người nào giữ nghĩa thì còn, kẻ nào quên nghĩa thì mất. Ba ông đội vẫn đứng đó, tay cầm gương sáng, mắt dõi về bến quê, chở che dân, giữ đất, giữ biển.”

Mây trên trời mở ra, nắng đầu ngày loé xuống, phủ bờ cát màu vàng như lửa. Khúc gỗ mục bất ngờ bị gió hất tung, lăn xoáy rồi rớt xuống thủy triều. Huyền nhìn theo, khóe miệng nhếch lên, nụ cười nửa buồn xuôi, nửa cay đắng:

– “Đời... là sóng. Nó dập dờn, nó lặng im. Nhưng sóng dữ nhất... vẫn là cái sóng trong lòng người.”

Lộc nghe, bật cười khàn khàn, mặn chát như gió muối:

– “Ừ, đã là sóng trong lòng thì đâu ai dập được. Chỉ tới hồi chính mình buông... mới thôi.”

Câu nói vừa dứt, sóng biển vỗ rì rào như phụ họa. Ngoài chân trời, thoáng hiện ba bóng lính trận, vai kề vai, mặt hướng vào bến. Sóng bạc đầu xô phủ, họ vẫn đứng. Rồi bóng dần tan vô ánh bình minh, chỉ còn biển xanh mênh mông.

Huyền và Lộc nhìn nhau. Không cần thêm một lời. Họ quay xuống bến, nơi đàn em và ngư dân đang vá lưới, sửa ghe. Nhịp sóng lặng lẽ trở lại, như chưa từng ngưng.

Và biển, vẫn thì thầm câu của muôn đời:

“Người đi, sóng tới. Bao qua, người còn. Nghĩa còn, đất còn. Biển... còn.”

...

SAU CÂU CHUYỆN

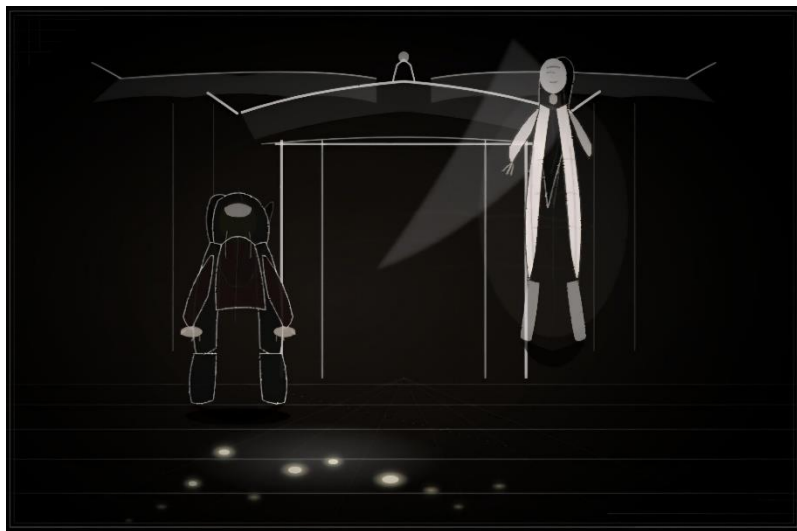
Người ta bảo, bão chỉ là gió và mưa. Nhưng với dân miền biển, bão còn là cái gương. Nó soi ra bộ mặt thật của con người. Đem bão qua, sóng xóa sạch dấu chân trên cát, nhưng không xóa được dấu vết trong lòng.

Huyền với Lộc, hai thằng con trai của biển, một thời cõng nhau giữa rừng đạn, rồi quay ra cắn nhau giữa sóng đời. Cuối cùng, khi bão dập vùi, họ mới nghe được tiếng thầm thì từ đất, từ biển, từ hồn xưa: tất cả đều không của riêng ai.

Ba ông đội, đó là bóng người thần thoại hay chỉ là ảo ảnh trong trí nhớ? Không ai chắc. Nhưng dân chài vẫn tin: hễ biển còn dậy sóng, hễ đất còn người, thì ba ông vẫn đứng đó. Đứng để nhắc rằng, quyền lực nào cũng tạm, giàu sang nào cũng qua, chỉ có nghĩa khí và bản ngã mới còn lại.

Mà bản ngã là gì? Là cái phần sâu nhất, ẩn dưới cả tham vọng lẫn sợ hãi, cái phần mà khi bão cuốn sạch hết, nó mới lộ ra. Người nào giữ được thì đứng thẳng, người nào mất thì trôi dạt như gỗ mục ngoài khơi. Có lẽ câu chuyện này đâu chỉ của Vũng Tàu, đâu chỉ của hai con người tên Huyền, tên Lộc. Nó là của bất cứ ai từng đi qua giông tố, từng thềm quyền lực, từng sợ mất mát, từng tự hỏi: mình là ai giữa biển đời dập dờn.

Sóng sẽ còn vỗ. Bão sẽ còn tới. Người sẽ còn ngã rồi đứng dậy. Nhưng câu hỏi cuối cùng thì muôn đời vẫn vậy: mình có còn nghe được tiếng thì thầm của biển trong lòng mình hay không?



16. Truyện vừa

TIẾNG GUỐC TRONG ĐÊM SƠN TRÀ

1.

Đêm đó, Sơn Trà có mưa. Không phải thứ mưa trắng trời trắng đất của miền Trung mỗi khi bão kéo về. Mà chỉ là một màn bụi nước lất phất, bay xiên xiên qua mặt biển, dai dẳng như thể có ai ngồi tận trên lưng núi, nhả nạt rắc từng nắm nước mỏng xuống nhân gian. Con đường lên Bãi Bụt vắng hoe, đen thẫm, chỉ thỉnh thoảng loé lên ánh đèn vàng nhợt từ một chiếc xe nào đó đi xa tít. Phía dưới

chân núi, Đà Nẵng sáng rực, nằm cong theo bờ biển như một cái mâm vàng úp hờ bên mép nước. Còn dãy khách sạn năm sao chạy dọc bờ cát thì nom giống như hàng rặng bằng thủy tinh đang lạng lẽ cần sâu vô bóng tối.

Diễm Thư ngồi sau tay lái chiếc Range Rover màu đen, cho xe bò chậm theo từng khúc cua còn đọng nước. Mưa quét ngang mặt kính, để lại những vệt dài nhòe nhoẹt như nét cọ ai vừa kéo vội. Nàng bốn mươi tám tuổi, đẹp theo kiểu của một người đàn bà đã đi qua quá nhiều đàn ông. Đêm trắng và nhiều lần tưởng mình ngã quy mà rốt cuộc vẫn đứng dậy được. Cái đẹp ấy không còn nằm ở làn da hay đường cong thân thể nữa, mà nằm trong cách nàng nhìn người đối diện. Một ánh mắt thôi cũng đủ làm đàn ông muốn bước lại gần. Còn đàn bà thì vừa ghét vừa ngán, như thể trước mặt họ là một tấm gương phản chiếu điều họ không dám sống thật. Nàng châm một điếu thuốc. Trong ánh lửa đỏ lập lòe, những ngón tay vẫn dài, trắng và mềm như tay một người chưa từng phải bươn chải. Nhưng nếu nhìn kỹ, sẽ thấy nơi đầu móng có một chút run rất nhẹ, mỏng như đường chỉ nhưng không giấu được.

Chiều nay, đoàn Thanh tra Trung ương xuống Đà Nẵng. Tin tức lan đi nhanh như gió mùa, rằng toàn bộ các dự án ven Sơn Trà bị rà soát lại từ đầu. Trong danh sách đó có khu nghỉ dưỡng Thiên Sa của nàng, một cơ nghiệp mà chỉ cần nhắm mắt lại, Diễm Thư vẫn có thể đọc vanh vách từng con số như đọc kinh. Ba mươi bảy hecta đất, mười lăm căn villa hướng biển, một bãi tắm riêng, hai nhà hàng hải sản, một khu thiền dưỡng sinh dành cho giới siêu giàu.

Và ở giữa tất cả sự hào nhoáng ấy là một cái miếu nhỏ nép mình dưới tán rừng già. Thứ mà suốt mười năm

nay nàng vẫn chưa tài nào đụng tới được. Không phải vì luật pháp. Không hẳn vì lòng tin. Mà vì hễ mỗi lần chuẩn bị cho máy xúc tiến vào thì y như rằng lại xảy ra chuyện. Khi thì một công nhân bị phát hiện treo cổ trong lán trại, thân người đong đưa giữa đêm như một dấu hỏi. Lúc thì chiếc xe ủi đang đậu yên tự nhiên trôi tuột xuống vực. Lại bữa nọ, một kỹ sư trẻ đang ngủ bỗng bật dậy giữa khuya, mắt trợn ngược, chạy rồi gào thét thanh trong mưa gió:

— Đừng đóng cửa! Đừng nhốt tui vô đó!

Rồi hấn lao từ tầng ba xuống đất. Mạng thì còn. Nhưng đôi chân thì không bao giờ đứng dậy nổi nữa.

Từ dạo đó, cái miếu nhỏ nằm lọt thỏm giữa khu resort sang trọng giống hệt một cục xương mắc ngang cổ họng. Nuốt không trôi mà nhả ra cũng không được. Ban ngày, khách vẫn tắm biển, ăn hải sản, nâng ly rượu vang dưới ánh đèn vàng dịu như không có chuyện gì. Nhưng cứ đêm xuống, nhìn cái mái ngói rêu phong nép dưới mấy gốc cây cổ thụ, Diễm Thư lại thấy trong lòng cộm lên một cảm giác khó chịu. Hình như giữa đồng tiền bạc, đất đai và tham vọng chất cao kia, vẫn còn một thứ nhỏ bé mà nàng không tài nào khuất phục nổi.

Mưa bắt đầu nặng hạt hơn. Từng giọt nước đập lên nắp xe lộp bộp, nghe như có ai đang gõ nhịp trên một chiếc trống da cũ. Diễm Thư rẽ tay lái vào con đường đất dẫn lên khu villa VIP. Hai bên đường, cây rừng sẫm đen, đứng im thin thít như những bóng người đang nép trong mưa. Đèn pha lia tới đâu, lá cây sáng lên tới đó, rồi vụt tắt, để lại những khoảng tối sâu hun hút.

Bất thần, Diễm Thư đạp mạnh thắng xe. Giữa màn mưa xám xịt đang giăng nghiêng trên con đường vắng hiện ra một người đàn bà lạ. Nói cho đúng, bà không đứng hẳn trên mặt đất, chỉ lơ lửng cách mặt đường chừng vài tấc, như một bóng hình vừa tách ra từ lớp sương núi. Bà mặc áo ngũ thân màu xanh sẫm, thứ màu xanh của rêu phong bám trên mái ngói cung thành cũ, tóc vấn cao gọn ghẽ. Những hạt mưa thì cứ xuyên qua thân ảnh ấy nhẹ như xuyên qua một làn khói mỏng.

Diễm Thư ngồi chết lặng sau vô lăng. Đầu điều thuốc giữa hai ngón tay âm ỉ một chấm đỏ nhỏ, soi thấy bàn tay nàng đang siết lại đến trắng bệch. Ngoài kia, người đàn bà chậm rãi xoay mặt về phía xe. Khuôn mặt trắng nhợt như tờ giấy bản ngâm nước lâu ngày, đôi môi đỏ thẫm như dấu son còn sót lại, sau một đêm khóc cạn nước mắt. Nhưng điều khiến sống lưng Diễm Thư lạnh buốt lại là đôi mắt ấy. Chúng sâu, buồn, nhẫn nhịn, giống hệt ánh mắt nàng từng bắt gặp trong những bức chân dung thờ ở Huế. Nơi vẻ cam chịu luôn đi cùng một thứ kiêu hãnh âm thầm và nổi oán hờn chưa bao giờ tan hết.

Người đàn bà khẽ động môi. Giọng nói cất lên không lớn, nhưng như đi xuyên qua tiếng mưa và đâm thẳng vào ngực người đối diện:

— Mi lấy đất của tụi ta, rồi dựng lên chỗ cho thiên hạ ăn chơi đó hả?

Âm giọng ấy nghe rất lạ, như đã đi qua nhiều đời người. Có cái mềm và sâu của nước sông Hương, nhưng cũng có cái rắn rỏi, sắc lạnh của gió biển Sơn Trà. Diễm Thư tắt máy xe, đẩy cửa bước xuống. Gió từ phía biển thốc tới, quất mái tóc nàng rối tung, tà áo mỏng dính sát vào

người. Nàng vẫn đứng thẳng, ngược nhìn bóng người trước mặt bằng ánh mắt không chịu cúi đầu.

— Nếu là ma thật, thì hiện rõ ra cho tôi coi.

Người đàn bà khẽ cười. Tiếng cười nhỏ đến mức tưởng chỉ là tiếng mưa rơi lã trên những tàu lá ướt, vậy mà vẫn đủ làm một luồng lạnh mỏng manh, bò dọc theo sống lưng Diễm Thu, như có ai vừa ghé sát tai nhắc lại một điều nàng đã quên từ rất lâu.

— Mi gan hơn bà tổ mi nhiều.

Câu nói ấy khiến Diễm Thu đứng sững giữa con đường mưa tối, cảm giác như vừa có một bàn tay vô hình chạm đúng vào lớp ký ức nằm sâu tận đáy lòng. Nơi nàng tưởng bao năm nay đã phủ kín bụi thời gian.

Ngày còn nhỏ, trong căn nhà cũ ở Kim Long nép bên bờ sông Hương, những đêm mưa Huế thường dai dẳng từ đầu hôm tới sáng. Những đêm như vậy, bà ngoại hay ngồi bên ngọn đèn dầu, bà têm trầu kể chuyện người xưa. Trong dòng họ, bà nói, từng có một cô gái đẹp đến mức người trong vùng đi ngang qua cổng cũng phải ngoái đầu nhìn lại. Về sau cô được tuyển vào nội cung triều Minh Mạng, sống giữa lầu son gác tía, giữa gấm vóc và trầm hương. Nhưng rốt cuộc cả tuổi xuân chỉ thu lại trong vài lời kể của giòng họ. Được vua đoái hoài ít bữa, rồi chìm khuất như một cánh hoa rơi xuống hồ, mặt nước khép lại mà không để lại tiếng động nào.

Mỗi lần nhắc tới người đàn bà ấy, bà ngoại thường nhìn ra màn mưa mờ đục ngoài hiên, giọng chùng xuống:

— Đàn bà đẹp quá, nhiều khi không phải là phước.

Thuở đó Diễm Thu nghe xong chỉ cười. Trong suy nghĩ của cô gái còn đầy háo thắng ngày ấy, nhan sắc là thứ vốn liếng trời cho. Nếu không biết dùng nó để đổi lấy một đời sống tốt hơn, thì chẳng khác nào ôm thỏi vàng mà tự tay chôn xuống đất. Nàng không tin vào số, càng không tin những lời than thở của đàn bà thời trước. Nàng chỉ tin rằng, đời này ai mạnh thì người đó có quyền bước tới.

Giữa cơn mưa Sơn Trà đêm nay, khi nghe người đàn bà áo xanh nhắc tới hai tiếng “bà tổ”, Diễm Thu mới thấy trong lòng mình chợt dậy lên một cảm giác rất lạ. Như sợi chỉ vô hình nối từ căn nhà cũ bên dòng Hương Giang năm nào, lặng lẽ kéo dài qua bao thế hệ, xuyên qua những cuộc đổi đời. Để cuối cùng dẫn nàng đến đứng ở đây, giữa núi rừng và bóng tối. Đối diện với một gương mặt tưởng như đã bước ra từ chính câu chuyện bà ngoại kể thuở nào.

Một cơn gió lạnh bất thần quất ngang mặt khiến nàng khẽ chớp mắt. Khi mở mắt ra, người đàn bà áo xanh đã biến mất tự lúc nào, chỉ còn lẫn khuất trong không khí mùi trầm hương rất cũ, ngai ngái, ẩm và buồn. Diễm Thu đứng trơ trọi giữa con đường mưa, rừng Sơn Trà tối thăm quanh mình như đang khép lại. Những tán cây chao nghiêng trong gió cứ xào xạc như đang thì thầm một điều gì đó mà người sống không được phép nghe cho trọn.

Rồi từ sâu trong rừng vọng ra tiếng guốc.

Lộc cộc.

Lộc cộc.

Nhịp guốc đều đặn, khoan thai, không gấp không chậm, như có cả một đoàn đàn bà từ những năm tháng cũ

đang lặng lẽ bước dưới tán cây, mang theo tuổi xuân chưa kịp sống hết.

*

Diễm Thư tới Đà Nẵng năm hai mươi tuổi. Cái tuổi mà người ta còn tin đời mình có thể đổi hướng chỉ nhờ một chuyến xe đò và một chút gan lì. Khi đó nàng nghèo thiệt nghèo. Cha mất sớm, mẹ ngày ngày gánh nôi chè ra ngồi ở chợ Đông Ba. Mùa hè thì mồ hôi nhỏ xuống nôi đậu xanh, mùa đông thì đôi bàn tay nứt nẻ vì nước lạnh. Thư học trung cấp du lịch được mấy học kỳ rồi bỏ ngang. Không phải vì học không nổi, mà vì nghèo quá. Tiền học khi ấy giống như một con dốc cao, càng leo càng hụt hơi, ngược lên chỉ thấy mây mù. Những ngày đầu vô Đà Nẵng, nàng thuê một căn phòng trọ thấp lè tè gần biển Mỹ Khê. Đêm nằm nghe sóng vỗ đều ngoài xa, tiếng nước lên xuống như một người đàn bà trở mình trong giấc ngủ dài, dịu dàng lại bất an. Ban ngày nàng phụ quán nhậu hải sản, tay lúc nào cũng nồng mùi mực tươi và nước mắm. Tối đến thay bộ đồ khác, đánh thêm chút son, chạy bàn ở quán karaoke có ánh đèn tím đỏ.

Hồi đó, Đà Nẵng đang lớn lên từng ngày, giống một cô gái mới dậy thì. Thân thể chưa kịp ổn định mà lòng đã nôn nao muốn thành đàn bà. Khắp nơi người ta đào xới. Tiếng máy xúc gầm lên từ sáng tới tối. Chỗ nào cũng thấy bảng quy hoạch, dự án, rao bán đất. Không khí của thành phố khi ấy có một mùi rất lạ. Mùi tanh của biển, mùi ngai ngái của đất mới lật và thoang thoang cái mùi kim tiền lạnh lùng.

Diễm Thư nhìn ra điều đó sớm hơn nhiều người. Nàng hiểu Đà Nẵng rồi sẽ là một cái túi tiền khổng lồ treo lơ lửng trước mặt thiên hạ. Ai chui vô sớm thì lấy được phần

mình. Ai cứ giữ khư khư đạo đức như giữ một món đồ gia bảo, thì chỉ đứng ngoài nhìn người khác ăn no mà thôi. Nàng quen đàn ông từ rất sớm, nhưng không phải vì mộng mơ hay tin vào những lời hứa ngọt như đường thắng. Nàng chỉ hiểu đơn giản. Đàn bà đẹp mà nghèo, còn khổ hơn con chó nằm dưới gầm bàn. Nhìn người ta ăn mà không dám ngẩng đầu.

Một lần, một tay chủ tàu cá bụng phệ, cổ đeo sợi dây chuyền vàng dày như sợi xích, vòng tay qua eo nàng trong quán nhậu cười khà khà hỏi:

— Em muốn gì?

Thư không né tránh, cũng không làm bộ e thẹn. Nàng nhìn thẳng vô mắt hắn, đôi mắt tinh queo như mặt nước lúc không có gió.

— Tiền.

Hắn cười sặc sụa, tưởng đó là câu nói đùa thú vị nhất trong đêm. Nhưng về sau, chính hắn ngồi nhậu với đám bạn rồi lắc đầu nói:

— Con Thư đáng ngại ở chỗ nó nói thiệt. Đàn bà nói thiệt thường dữ hơn mấy đứa cứ giả bộ nai tơ.

Từ đó, nàng lao vào đời như người biết bơi giữa dòng nước xiết. Nàng mua cá lúc trời còn chưa sáng, bán mực khi chợ vừa tan, dẫn khách Tây đi lặn ngắm san hô, mở homestay bằng mấy căn nhà cũ thuê lại, dần dần nhảy sang đất đai. Những miếng đất nàng mua trước khi quy hoạch được công bố, rẻ như cho. Nàng biết rất rõ rằng không phải đồng tiền nào cũng sạch. Đồng tiền dính nước mắt. Đồng tiền còn âm ỉ hơi người vừa bị dồn vô đường

cùng. Nhưng tiền, một khi đã nằm yên trong tài khoản, thì nó không còn kể cho ai nghe nó đến từ đâu.

Một buổi chiều xám đục, gió biển thổi cát bay mù mịt dưới chân Sơn Trà, một bà già tóc bạc ôm lấy chân nàng mà khóc. Căn nhà lụp xụp sát mép nước của bà là nơi bà lập bàn thờ cho người chồng mất ngoài biển gần Hoàng Sa, chỉ có tấm ảnh cũ và cây nhang cháy quanh năm.

Bà run giọng:

— Cô đừng lấy chỗ ni. Ông chết rồi, tui còn mỗi cái bàn thờ cho ông về.

Diễm Thư ngồi xồm xuống, nhìn thật lâu khuôn mặt nhăn nheo đầy muối gió của bà. Giọng nàng nhỏ, nhưng chắc nịch:

— Má giữ miếng đất ni thì má nghèo tới cuối đời. Con lấy, má có tiền cho con cháu đi học, không biết chừng tụi nhỏ đổi được số.

Bà già ngẩng lên, mắt đỏ hoe, nghiến răng:

— Đồ thất đức.

Thư cười nhạt, nụ cười không hẳn kiêu ngạo, không hẳn tự vệ.

— Thất đức mà giàu còn hơn có đức mà để con cháu mình nghèo hoài.

Nói xong, nàng đứng dậy bước đi. Cát lạo xạo dưới gót giày, gió biển thổi ngược mái tóc ra sau. Nhưng đêm đó, nàng không ngủ được. Trong căn phòng nhìn ra biển, tiếng sóng cứ dội vô ghèn đá từng đợt nặng nề. Nghe như

tiếng một người nào đó đang nghiêng rặng trong bóng tối, cảm giận, mà bắt lặc.

*

Ba giờ sáng, Diễm Thư bước vô căn villa số 9, căn biệt thự nàng giữ lại cho riêng mình, không tiếp khách, không cho thuê, như người ta chừa trong lòng một góc kín đáo, để chứa những điều không muốn ai nhìn thấy. Căn phòng rộng thênh, một mặt kính lớn mở thẳng ra biển đêm. Sau cơn mưa, mặt nước nằm im, phẳng lặng như một tấm gương khổng lồ, đen thẫm mà sâu hun hút. Tưởng như chỉ cần nhìn lâu thêm chút nữa là sẽ thấy cả đời mình chìm xuống dưới đó. Nàng rót một ly whisky. Chất rượu màu hổ phách rung nhẹ trong đáy ly, sóng sánh như thứ ánh sáng cuối cùng còn sót lại của một ngày đã tắt.

Rồi nàng nhìn thấy dưới bãi cát loang loáng nước trước mặt. Ngay nơi sóng vừa trườn lên rồi rút xuống để lại một vệt bọt trắng mỏng như ren cũ, có rất nhiều người đàn bà đang đứng thành một hàng dài. Họ đều mặc áo ngũ thân, tóc vấn cao, dáng người thanh mảnh và tĩnh lặng, như những chiếc bóng bước ra từ một triều đại đã lùi xa vào sử sách. Không ai cử động, không ai cất tiếng. Họ chỉ đứng đó, mặt hướng về phía căn villa của nàng trên triền núi. Như những người đã chờ rất lâu và giờ muốn nhìn cho rõ người đàn bà đang sống trên phần đất từng thuộc về ký ức của họ. Diễm Thư nâng ly whisky lên uống cạn một hơi. Nàng không hét thất thanh, hoặc bỏ chạy như những người yếu bóng vía trong phim ảnh. Nhưng từ tận đáy bụng, nàng vẫn cảm thấy một luồng lạnh mỏng như lưỡi dao lạnh lẽo rọc dần lên ngực, khiến đầu ngón tay cầm ly rượu khẽ run.

Đúng lúc ấy, phía sau lưng nàng vang lên một giọng nói rất nhỏ, mỏng như hơi thở lướt qua gáy, gợi cảm giác như đang nghe một lời tâm sự bị giữ kín suốt mấy trăm năm.

— Hồi đó, tụi ta cũng từng đứng nhìn biển như ri.

Diễm Thư quay phắt lại.

Trong tấm gương lớn cuối phòng, không biết từ lúc nào hiện ra bóng một người đàn bà đang ngồi trên mép giường của nàng. Bà không còn mặc áo xanh như lần đầu nàng gặp giữa đường mưa, mà khoác chiếc áo ngũ thân màu ngà cũ. Màu của lụa đã qua nhiều mùa nhang khói. Trên mái tóc vấn cao cài một cây trâm ngọc đã sứt mất một góc nhỏ, như dấu tích của một đời từng rất đẹp. Khuôn mặt ấy đẹp đến nao lòng. Chiếc cổ cao trắng như men sứ, đôi môi đỏ sẫm, còn đôi mắt dài và sâu, như lúc nào cũng chứa sẵn một lớp nước chưa kịp rơi.

Người đàn bà chậm rãi vuốt tóc. Cử chỉ khoan thai tới mức tưởng như thời gian đã trôi chảy đối với người đã chết từ lâu.

— Trong cung, đàn bà tụi ta chỉ có một việc để làm, là chờ. Chờ một lần được gọi tên, chờ tuổi xuân lặng lẽ tàn đi sau bức rèm son.

Bà ngẩng lên nhìn Diễm Thư. Trong ánh mắt ấy vẫn có nỗi buồn muôn thuở của người đàn bà. Nhưng lần này đã lẫn thêm một chút tò mò, ngậm ngùi. Như thể bà đang nhìn một hậu thân của chính mình trong một thời đại khác.

— Còn mi, mi được quyền chọn đàn ông. Sương hí?

Diễm Thư bật cười. Tiếng cười mỏng và khô, nghe như tro thuốc vừa rơi xuống đáy ly.

— Sướng cái gì. Đàn bà thời nào rồi cũng phải đem đời mình ra đổi chác.

Người đàn bà nghiêng đầu, đôi mắt sâu thêm một chút.

— Mi đổi lấy cái chi?

Diễm Thư tựa lưng vào quày rượu, ánh đèn hắt lên gương mặt đã quá quen với thắng thua. Nhưng trong khoảnh khắc ấy lại hiện rõ vẻ mệt mỏi của một người đàn bà nói thật với chính mình.

— Khi cần thì bán thân xác. Khi có giá thì bán đầu óc. Bán tuổi trẻ. Rồi lúc nào không hay, bán luôn cả cái phần tử tế cuối cùng còn sót lại của mình.

Người đàn bà trong gương khẽ cúi đầu. Nụ cười trên môi bà không còn mang ý cảnh báo như lần đầu. Mà buồn đến mức tưởng chỉ cần chạm nhẹ là sẽ tan ra như khói.

— Vậy thì mi với tụi ta có khác gì đâu.

Ngoài khơi, gió bắt đầu nổi trở lại. Sóng dồn vô bờ từng lớp một, tiếng nước đập vào ghềnh đá nghe trầm và sâu như có ai đang kiên nhẫn gõ cửa giữa đêm. Những người đàn bà dưới bãi cát vẫn đứng yên, tà áo lay rất nhẹ theo gió, giống như cả một hàng linh hồn đang lặng lẽ lắng nghe câu chuyện của hai người đàn bà cách nhau mấy trăm năm mà chung một nỗi niềm.

Diễm Thư nhìn vào gương. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, nàng không còn thấy ở đó vẻ sắc lạnh của một

người luôn phải thắng. Mà chỉ thấy một người đàn bà đã leo lên quá cao, đứng giữa bao nhiêu ánh đèn mà trong lòng vẫn trống trải, như đứng một mình trước biển đêm.

Người đàn bà trong gương nhìn nàng thật lâu. Giọng bà cất lên nhẹ như một tiếng thở dài.

— Tụi ta chưa bao giờ được sống như mi.

Bà ngừng lại một chút, ánh mắt sâu thẳm như mặt nước sông Hương lúc khuya.

— Nhưng chưa chắc người được quyền chọn lựa, sống nhẹ lòng hơn người chỉ biết cúi đầu chờ đợi.

Trong khoảnh khắc ấy, Diễm Thư chợt hiểu ra một điều mà bao năm nàng cố tình không chịu hiểu. Những người đàn bà trong cung ngày trước tưởng như chỉ biết ngồi sau lớp rèm son, chờ một tiếng gọi của nhà vua. Nhưng thật ra điều họ chờ, không chỉ là một đêm được sủng ái. Họ chờ để biết mình còn được nhớ tới hay đã bị quên lãng.

Nghĩ đến đó, Diễm Thư bỗng thấy tim mình se lại như vừa chạm phải một vết thương cũ. Nàng nhớ tới những đêm dài trong căn hộ sang trọng nhìn ra biển, điện thoại đặt trên bàn, màn hình tối đen như một con mắt khép kín. Bên ngoài nàng có thể ký những hợp đồng hàng trăm tỷ, khiến bao nhiêu người phải cúi đầu. Nhưng trong sâu thẳm, nàng vẫn từng ngồi đó, ly rượu trên tay, lặng lẽ chờ một cuộc gọi từ một người đàn ông nào đó. Chờ một tin nhắn cụt ngủn. Chờ vài chữ quan tâm ít ỏi. Để tự nhủ rằng mình không chỉ là một cái tên trên thương trường. Mà vẫn là một người đàn bà còn được thương, được nhớ, được giữ lại trong lòng ai đó.

Càng nghĩ, nàng càng thấy giữa mình với những cung phi năm nào, không có khoảng cách nào thật sự lớn. Người xưa gửi tuổi xuân cho một tiếng guốc dừng ngoài cửa điện. Nàng đem những năm tháng đẹp nhất của đời mình đánh đổi lấy tiếng chuông điện thọa sáng lên giữa đêm khuya. Một bên sống sau rèm son, một bên sống giữa kính, thép và những bản hợp đồng dày cộp. Rồi cuộc đời đặt niềm vui nỗi buồn của mình vào tay người khác, đều chờ một sự lựa chọn mà quyền quyết định chưa bao giờ thuộc về mình.

Diễm Thư nhìn người đàn bà trong gương, và lần đầu tiên nàng không còn thấy đó là một bóng ma từ quá khứ. Mà giống như tấm gương soi ngược lại số phận của biết bao người đàn bà ở mọi thời. Thời đại có thể thay đổi, áo ngũ thân có thể nhường chỗ cho váy dạ hội, tiếng guốc gỗ có thể hóa thành tiếng chuông điện thọa. Nhưng nỗi cô độc thì vẫn vậy. Nó âm thầm nằm trong lòng mỗi người đàn bà, khiến họ dù đứng giữa nhung lụa hay giữa ánh đèn thành phố, vẫn có lúc chỉ mong được một người thật lòng gọi tên mình.

Ngoài kia, sóng vẫn đều đặn xô vào bờ cát. Hàng người đàn bà dưới mép nước đứng lặng như cũ, không oán trách, không đòi hỏi. Chỉ hiện diện như một lời nhắc rằng, qua bao nhiêu triều đại, hàng trăm năm, đàn bà rồi cuộc vẫn thường là những người phải trả giá nhiều nhất cho những cuộc đổi chác của đời mình.

Trong đầu nàng lại chợt hiện lên những năm tháng tuổi trẻ nóng hổi như cát mùa hè. Những người đàn ông đi ngang đời nàng đông như tàu ghé ga. Người nàng thương thật, người thì chỉ là một cuộc trao đổi, và cũng có người

tưởng bị nàng lợi dụng, nhưng rốt cuộc chính họ, mới là kẻ rút sạch thứ gì đó trong lòng nàng. Nàng nhớ một đêm nằm cạnh một gã quan chức cấp tỉnh. Ban ngày hắn đứng trên diển đàn nói đạo đức, nói trách nhiệm, vì dân. Đêm xuống, trong căn phòng khách sạn thơm mùi máy lạnh và nước hoa ngoại, hắn ôm eo nàng, thở dốc bên tai:

— Em làm anh mất kiểm soát.

Diễm Thư khi ấy chỉ cười trong bóng tối. Đàn ông càng nhiều quyền lực càng thích nói như vậy, để cho ham muốn của họ đều do đàn bà gây ra, còn họ thì vô tội như trẻ con.

Nàng châm thêm điếu thuốc khác. Đầu lửa lóe lên, đỏ như một con mắt nhỏ giữa căn phòng mênh mông.

— Các người trách tui tham tiền?

Người đàn bà trong gương lác đầu.

— Không.

— Vậy trách gì?

Ngoài biển, từ đâu vọng lại tiếng chuông mơ hồ. Leng keng. Leng keng. Nhỏ xíu mà sắc lạnh, giống như tiếng chuông bạc buộc nơi cổ chân trẻ con. Người đàn bà không trả lời ngay. Bà chỉ chậm rãi đưa mắt nhìn xuống bụng Diễm Thư. Ánh mắt ấy lạnh đến mức Diễm Thư phải quay mặt đi. Rồi giọng nói kia cất lên, rất khẽ, nhưng từng chữ rơi xuống như giọt nước đá.

— Mi đã bỏ bao nhiêu đứa rồi?

Cả căn phòng lặng ngắt. Điều thuốc trên tay Diễm Thư cháy thành một đoạn tàn dài mà nàng không hay biết. Và lần đầu tiên sau nhiều năm, người đàn bà từng bước qua biết bao cuộc đổi chác, biết bao trận tranh giành, bỗng thấy bàn tay mình run lên thật sự.

2.

Diễm Thư bước ra ban công khi trời còn lửng chừng giữa đêm và sáng. Biển Sơn Trà lúc gần rạng đông mang một màu chì xám đục, lặng như tờ, nhìn riết thấy lòng người cũng bị kéo xuống theo. Xa ngoài khơi, mấy chiếc tàu câu mực còn treo đèn vàng leo lét, trôi lững lờ giữa mặt nước tối đen, nom như những đốm lửa nhỏ lạc giữa cõi âm u không bờ không bến.

Gió biển thổi qua vai nàng, lạnh không buốt gắt mà cứ thấm dần vô da thịt, giống thứ nỗi buồn của đàn bà khi đã đi qua cái tuổi đẹp nhất của đời mình. Không ồn ào, không dữ dội, mà âm ỉ, dai dẳng, ngấm tới tận xương. Đứng giữa khoảng trời mênh mông đó, Diễm Thư chợt nhớ tới lần đầu tiên mình phá thai.

Năm đó nàng mới hai mươi hai tuổi. Một phòng khám nhỏ nép sau chợ Cồn, tường quét vôi đã ố vàng. Trong căn phòng hẹp ám mùi thuốc sát trùng, mùi máu tanh nhè nhẹ hòa với hơi mưa tháng chạp ẩm mốc, khiến người ta vừa bước vô đã thấy tức ngực. Người đàn ông ngồi ngoài hành lang hút thuốc là một cán bộ địa chính quận Sơn Trà. Hẳn hơn nàng gần hai chục tuổi, bụng đã phệ, giọng nói lúc nào cũng chậm rãi, đạo mạo như thể chưa từng làm điều gì khuất tất. Chính hắn là người đầu tiên chỉ cho nàng cách

mua đất của dân nghèo trước khi công bố quy hoạch. Hồi đó, Diễm Thư mê hẳn lắm. Không phải mê vì tình. Mà mê cái cảm giác lần đầu tiên được hé nhìn phía sau tấm màn quyền lực. Nơi vài câu nói nhỏ có thể biến bãi cát thành vàng, biến nhà tranh thành biệt thự. Và biến một con nhỏ nghèo xơ xác thành người đàn bà có cơ hội đổi đời.

Sau lần đó, nàng nằm liệt gần một tuần trong căn phòng trọ chật chội. Máu ra hoài không dứt. Đêm nào cũng nghe như có tiếng trẻ con khóc ngoài cửa sổ. Tiếng khóc mỏng và dai như gió lùa qua khe cửa. Con nhỏ ở chung phòng bực mình, ngồi bật dậy chửi:

— Bộ mày tính hù tao hả Thư?

Nàng chỉ kéo mền trùm kín đầu, cắn răng chịu đựng. Từ dạo đó, Diễm Thư không còn biết sợ nữa. Người đàn bà nào đã từng bước qua máu của chính mình mà vẫn đứng dậy được, thường lì đi rất nhanh. Lì như cỏ dại mọc trên đất cằn, càng bị giẫm đạp càng bám rễ sâu hơn.

*

Bảy giờ sáng, bốn chiếc xe biển xanh nối đuôi nhau chạy qua cổng khu nghỉ dưỡng Thiên Sa. Bầu trời sau cơn mưa vẫn còn nặng mây, những hàng dừa ven biển nghiêng mình trong gió, tàu lá va vào nhau rì rít như đang thì thầm điều gì đó. Nhân viên đứng dọc hai bên sảnh cúi đầu chào khách, nhưng ai nấy đều tái mặt. Không khí căng như sợi dây đàn kéo hết mức.

Diễm Thư từ cầu thang lớn bước xuống. Nàng mặc áo sơ mi trắng, quần đen, tóc búi gọn sau gáy. Không còn vẻ mơ hồ ma mị của người đàn bà đứng trước biển đêm qua. Giờ đây, nàng giống một nữ doanh nhân thành đạt.

Chần chu, bình tĩnh và lạnh như mặt kính. Quách Thành Luân đã ngồi đó tự lúc nào. Ông ta năm mươi sáu tuổi, tóc đã lấm tấm bạc. Gương mặt của kiểu đàn ông từng lăn lộn qua đủ thứ quyền lực, nên da mặt dường như dày hơn người khác một lớp. Dầu vậy, phải công nhận Luân vẫn còn phong độ. Càng lớn tuổi, ông ta càng có cái vẻ điềm đạm khiến phụ nữ dễ lầm tưởng rằng mình đang đứng trước một người đáng tin. Luân nhìn Thư, đôi mắt thoáng chút lo âu.

— Em thức trắng hả?

Diễm Thư kéo ghế ngồi xuống, nhếch môi cười nhẹ.

— Anh cũng có ngủ đâu.

Luân cười nhạt.

— Chắc phen ni căng rồi.

— Anh sợ?

Ông ta thờ ra, giọng thấp xuống.

— Anh chưa ngu tới mức không biết sợ.

Giữa hai người là một khoảng lặng ngắn mà đặc quánh. Bao năm nay, thiên hạ nhìn vô đều nghĩ họ là đồng minh. Mà đúng là đồng minh thật. Họ cùng ăn với nhau quá nhiều thứ. Đất đai, dự án, bệnh viện, thiết bị y tế, khu nghỉ dưỡng, và cả những khoản tiền không bao giờ được ghi trên giấy. Nhưng cả hai đều hiểu rất rõ rằng, nếu một ngày sóng gió nổi lên, người kia sẵn sàng đạp mình xuống trước để tự cứu lấy mình. Quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, nghĩ cho cùng, đôi khi cũng giống thương trường. Ôm nhau riết rồi không biết là đang vuốt ve hay đang siết cổ nhau nữa.

Luân cúi người về phía trước.

— Cái miếu trong rừng, bên thanh tra muốn lật lại hồ sơ.

Diễm Thư nhìn thẳng vô mắt ông ta.

— Rồi sao?

— Hồi trước mình lấp chuyện đó chưa sạch.

Nàng khế cười.

— Trên đời nì, có cái gì sạch đâu anh.

Luân hạ giọng hơn nữa, như sợ bức tường chung quanh cũng biết nghe.

— Anh nói thiệt. Có người muốn đập em trước.

— Ai?

Luân không trả lời.

Luân đưa mắt nhìn theo đoàn thanh tra vừa bước xuống xe, rồi quay sang Diễm Thư, vẻ mặt đăm chiêu như người đang tính nhẩm một nước cờ, mà chính ông cũng không chắc nên đi tới hay lùi lại. Bao năm nay, Luân vẫn tin thứ người ta gọi là phát triển. Ông xuất thân từ một bác sĩ tỉnh lẻ, từng chứng kiến bệnh viện thiếu máy móc, bệnh nhân nằm chen chúc ngoài hành lang. Nên đã có lúc thật lòng tin rằng, nếu muốn thay đổi đời sống thì phải chấp nhận đi chung với quyền lực và tiền bạc. Theo cách nghĩ của ông, miễn sau cùng bệnh viện thì được xây, đường được mở, thành phố sáng hơn. Thì dù những thỏa hiệp dọc đường có dơ một chút, cũng chưa hẳn là điều không thể chấp nhận.

Nhưng càng đi sâu vào đó, Luân càng hiểu cả hệ thống này giống một dòng nước xoáy. Lúc mới bước xuống, ai cũng nghĩ mình còn tỉnh táo, còn biết mình đang đi đâu. Người ta tin rằng chỉ mượn sức nước để trôi nhanh hơn một đoạn. Đến khi ngoảnh đầu nhìn lại, mới hay chân mình đã rời đáy từ lúc nào. Ranh giới giữa cái có ích cho xã hội và cái có lợi cho bản thân cứ nhòe dần, như vệt mực tan trong nước, muốn phân cũng không còn phân nổi.

Luân không vô tội. Ông hiểu điều đó hơn ai hết. Những hợp đồng thiết bị y tế ông đặt bút ký đều đã được đẩy giá lên. Những khu đất ông nhắm mắt cho qua cũng không phải vì thiếu hiểu biết. Mà ông tự nhủ rằng sau ngàn ấy năm lặn lội, mình cũng xứng đáng được lấy một phần cho riêng mình.

Ông nhìn Diễm Thư, trong lòng thoáng qua một ý nghĩ mà chính ông cũng thấy khó chịu. Nếu lần này Thư ngã thiệt, có lẽ ông vẫn còn đường lùi. Mấy mối quan hệ của ông chưa đứt hẳn. Một vài người trên kia vẫn còn nể. Thương trường vốn không có chỗ cho lòng trung thành tuyệt đối. Người ta đi cùng nhau chừng nào còn chung lợi ích, tới lúc con thuyền nghiêng quá mạnh, ai cũng tìm lấy một miếng ván cho riêng mình.

Diễm Thư cũng đọc được ý nghĩ ấy trong mắt ông, nên nàng nghiêng đầu cười, nụ cười mệt mà sắc.

— Nếu có chuyện, anh tính nhảy trước phải không?

Luân im lặng một chút rồi nhếch môi, không phủ nhận mà cũng không thú nhận.

— Anh không muốn chìm theo bất kỳ ai. Kể cả em.

Câu trả lời nghe phũ phàng, nhưng lại thật đến mức Diễm Thư không giận. Nàng chỉ gật đầu rất nhẹ, như người đã quá hiểu quy luật của những kẻ sống lâu trong vùng giao nhau giữa quyền lực và lợi ích.

— Vậy là anh còn tỉnh.

Luân dựa lưng vào ghế, ánh mắt thoáng buồn.

— Còn em, anh sợ em bắt đầu không muốn chơi theo luật cũ nữa.

Diễm Thư không đáp ngay. Nàng nhìn ra khoảng biển xám phía sau lớp kính, nơi những con sóng vẫn đều đặn xô vào bờ như thể chưa từng biết tới chuyện thắng thua của con người.

— Có khi không phải tôi đổi luật.

Nàng nói chậm rãi, giọng nhẹ mà nghe như có gì vừa rạn ra bên trong.

— Chỉ là tới giờ tôi mới thấy cái luật mình theo bấy lâu nay, chưa chắc đã dẫn tới chỗ mình tưởng.

Luân nhìn nàng rất lâu. Lần đầu tiên sau nhiều năm, ông thấy người đàn bà ngồi trước mặt, không còn chỉ là một đối tác đáng gờm hay một đồng minh nguy hiểm. Nàng giống như một người đang đứng ở ngã rẽ thật sự. Và ông hiểu, đôi khi điều đáng sợ nhất không phải là bị thanh tra hay mất tiền. Mà là khoảnh khắc một người bắt đầu nghi ngờ toàn bộ hệ thống đã từng giúp mình tồn tại.

Đúng lúc đó, ngoài sảnh vang lên tiếng kéo ghế loạt xoạt. Đoàn thanh tra bước vô. Diễm Thư đứng dậy ngay, nở một nụ cười đẹp đến mức, không ai đoán được trong lòng

nàng đang nghĩ gì. Cái cười mềm như nước. Mà nước nhiều khi mới là thứ nhấn chìm người ta sâu nhất.

*

Đêm hôm đó, mưa lại đổ xuống nặng hệt hơn. Gió từ biển thổi thốc vô rừng, làm những tán cây cỏ thụ trên sườn Sơn Trà chao qua chao lại, đen đặc như một biển sóng khác đang dập dềnh trên núi.

Một công nhân mất tích. Người cuối cùng gặp hẳn kể rằng hẳn đi về phía ngôi miếu cũ giữa rừng. Đội bảo vệ cầm đèn pin tỏa ra tìm kiếm. Gần nửa đêm mới phát hiện hẳn nằm bất tỉnh trên nền đất nhão nước. Miệng sùi bọt mép, hai mắt trợn ngược, mười đầu ngón tay cào nát cả đất bùn như thể đã cố vùng thoát khỏi một thứ gì đó vô hình. Khi người ta kéo áo hẳn lên, ai nấy đều đứng chết lặng. Từ cổ xuống bụng hẳn chỉ chít những đường chỉ đỏ ngoằn ngoèo, giống hệt dấu kim vừa khâu trên da thịt người sống. Trong cơn mê, hẳn cứ lẩm nhảm:

— Đừng may miệng tui... đừng may...

Rồi ngất đi.

Tin đồn lan khắp khu nghỉ dưỡng nhanh như gió lùa qua rừng. Người nói xưa kia những cung nữ chết oan, thường bị khâu miệng để không tố cáo chuyện trong nội cung. Kể lại đồn dưới nền miếu là mộ chung của những người đàn bà triều Nguyễn bị thủ tiêu. Nhân viên bắt đầu xin nghỉ hàng loạt. Thiên Sa, vốn từng là niềm kiêu hãnh của Diễm Thư, bỗng trở thành nơi ai cũng tránh xa như tránh một vùng đất có lời nguyền. Riêng nàng vẫn im lặng. Đêm nào nàng cũng lên villa số 9, ngồi bên ô cửa nhìn ra

biển. Không ai biết nàng đang chờ ai. Hay thật ra, nàng đang chờ một phần đời nào đó của chính mình trở về.

3.

Ba ngày sau, bà lão giữ miếu tới tìm nàng. Bà mặc áo nâu sòng bạc màu, lưng còng như dấu hỏi, đôi mắt đục mờ. Nhưng sâu hoắm như nước giếng làng lâu năm không ai dò được đáy. Bà ngồi xuống trước mặt Thư, bồm bồm nhai trầu.

— Cô đào lên rồi hả?

Diễm Thư tựa lưng vào ghế.

— Đào cái gì?

Bà già nhìn nàng, chậm rãi đáp:

— Mò đàn bà.

Thư nhếch môi.

— Bà tin ma thiệt sao?

Bà lão cười, để lộ hàm răng đỏ quạch.

— Người sống mới đáng sợ chớ ma quỷ làm được cái gì.

Rồi bà nhìn thẳng vô mặt nàng. Ánh mắt già nua mà bén ngót như lưỡi dao mỏng.

— Nhưng đàn bà chết oan thì khác.

Ngoài trời, gió biển rít qua hàng dừa nghe rin rít như tiếng ai nghiến răng trong đêm. Bà lão kể rằng vào đời Minh

Mạng, có một nhóm phi tằm bị đưa khỏi kinh thành bằng đường biển. Người bị thất sủng. Người dính vô chuyện tranh quyền trong nội cung. Người thì mang thai mà không ai dám nói giọt máu trong bụng là của ai.

Thuyền gặp bão gần bán đảo Sơn Trà. Nhiều người chết. Những người còn sống được đưa vào một biệt viện bí mật tựa lưng vào núi. Rồi từ đó biến mất không dấu vết. Bà già hạ giọng, gần như chỉ còn là tiếng thì thầm.

— Đàn bà chết vì bị nhốt, hồn khó tan lắm cô à.

Diễm Thư cười khế.

— Còn tui? Tui đâu có bị nhốt.

Bà lão nhìn nàng thật lâu, rồi đáp bằng giọng bình thản:

— Có chứ.

— Ai nhốt?

— Lòng tham.

Câu nói đó khiến Diễm Thư bật cười thành tiếng. Nàng cười lớn đến chảy nước mắt.

— Không tham tiền thì chết đói hả bà? Đàn bà đẹp mà nghèo mới là địa ngục. Hồi xưa mấy bà trong cung sống nhờ vua. Còn tui tui bây giờ sống nhờ tiền. Khác gì nhau đâu.

Bà lão vẫn ngồi yên. Diễm Thư chòm người tới, đôi mắt đỏ lên.

— Đàn ông ngủ với mười người thì được khen phong lưu. Đàn bà qua vài cuộc tình đã bị chê dơ dáy. Đàn ông tham quyền thì gọi là bản lĩnh. Đàn bà mê tiền lại thành vô liêm sỉ. Tại sao?

Mưa ngoài hiên bắt thần đổ xuống ào ạt. Diễm Thư ngẩng đầu:

— Ủ, tui đi lên bằng thân xác của tui, chuyện đó tui không chối. Nhưng còn mấy thằng đàn ông leo tới chức tới quyền thì bằng cái gì? Bằng tài năng thiệt, hay cũng bằng những cuộc đổi chác dơ dáy. Chỉ khác là họ biết giấu bàn tay mình trong túi áo nên thiên hạ tưởng họ sạch?

Căn phòng lặng ngắt. Chỉ còn tiếng mưa và tiếng sóng vọng từ xa vào, dập dềnh như hơi thở nặng nề của biển đêm. Một lúc sau, ánh mắt bà lão dịu xuống.

— Tui đâu có nói cô sai.

Bà chậm rãi đứng dậy. Trước khi đi, bà đặt lên bàn một chuỗi chuông bạc nhỏ đã xỉn màu.

— Đeo cái ni vô. Đêm mô nghe chuông reo thì đừng ra biển.

Diễm Thư cúi xuống nhìn. Sóng lưng nàng lạnh buốt. Bởi nàng nhận ra những chiếc chuông nhỏ xíu ấy giống hệt thứ nàng từng thấy lấp lánh dưới đáy nước, trong một đêm rất xa mà nàng tưởng mình đã quên.

*

Đêm đó, Diễm Thư không sao chợp mắt được. Chuỗi chuông bạc bà lão để lại nằm lặng trên mặt bàn kính ngoài ban công. Gió biển thổi qua, mấy hạt chuông khẽ

chạm vào nhau, phát ra thứ âm thanh rất nhỏ, đục và nghèn nghèn. Dường như bên trong mỗi chiếc chuông đều còn đọng lại một giọt nước mắt từ đời nào.

Nàng ngồi bó gối trên chiếc ghế mây, chỉ khoác độc một chiếc áo ngủ lụa đen mỏng như khói. Ở tuổi bốn mươi tám, thân thể người đàn bà không còn cái vẻ căng đầy, rục rờ như thuở đôi mươi. Nhưng lại mang một thứ quyến rũ sâu và tối hơn, giống như ly rượu mạnh cất lâu năm, càng nếm càng thấy nồng, càng uống càng thấy cay nơi cuống họng. Những người đàn ông trẻ bị hút về phía nàng nhiều khi không hẳn vì nhan sắc. Mà vì có cái cảm giác người đàn bà này hiểu quá rõ về cuộc đời. Hiểu đàn ông nghĩ gì sau ánh mắt tưởng chừng đang hoang. Hiểu đồng tiền có thể khiến gương mặt tử tế nhất bỗng trở nên xa lạ ra sao. Và hiểu lúc nào cần mềm như nước, lúc nào phải cắn răng mà sống.

Điện thoại chợt rung. Quách Thành Luân gọi tới. Diễm Thư nhìn màn hình rất lâu, như cân nhắc giữa việc nghe hay không nghe, rồi mới nhấc máy.

— Gì anh?

Giọng Luân khàn đặc, nghe như vừa thức suốt nhiều giờ.

— Xuống đây đi.

— Khuya rồi.

— Có chuyện.

Mười phút sau, Diễm Thư lái xe tới khu miếu cũ. Mưa đã tạnh, nhưng rừng Sơn Trà sau cơn mưa vẫn còn

ngai ngái mùi lá mục và đất ướt. Hơi nước đọng trên tán cây rơi xuống lộp bộp. Đèn công trình hắt lên những thân cỏ thụ loang lổ sáng tối, làm cả khu rừng trông như đang thờ. Xa ngoài kia, sóng biển đập vào ghềnh đá từng chập nặng nề, nghe giống tiếng một người đang cố nén cơn đau trong lồng ngực.

Luân đứng trước ngôi miếu. Áo sơ mi của ông ta ướt một mảng sau lưng. Khuôn mặt tái xanh. Từ ngày quen nhau tới giờ, đây là lần đầu tiên Diễm Thư thấy người đàn ông từng xem trời đất nhẹ như không, lại lộ vẻ hoảng hốt như vậy.

— Chuyện gì?

Luân không đáp. Ông chỉ lặng lẽ đưa tay chỉ về khoảng đất phía sau miếu. Người ta vừa đào một hố nhỏ lên. Dưới ánh đèn vàng nhợt nhạt hiện ra một lớp gỗ mục. Một chiếc quan tài cũ. Không lớn. Không chôn sâu. Như ai đó năm xưa chỉ kịp vùi xuống đất trong vội vã, sợ trời sáng hay sợ lương tâm mình kịp thức dậy. Diễm Thư bước lại gần. Từ lòng huyết bốc lên một mùi rất lạ. Không phải mùi tử khí. Mà là mùi son phấn cũ bị nhốt lâu năm trong chiếc hộp kín, ngọt ngào mà lạnh lẽo đến rợn người.

Một anh bảo vệ run giọng:

— Tụi em chưa dám mở.

Luân quay sang Thư.

— Em quyết đi.

Diễm Thư châm một điếu thuốc. Ngọn lửa từ chiếc bật lửa phụt lên giữa màn đêm đặc quánh. Hắt vào đôi mắt

nàng một thứ ánh đỏ rực, âm ỉ. Như hai hòn than đang được ai đó khơi lại từ lớp tro tưởng đã nguội từ lâu. Nàng rít một hơi thật sâu, để khói thuốc chạy dọc xuống lồng ngực đang căng cứng. Rồi cất giọng ngắn gọn, lạnh và dứt khoát:

— Mở.

Tiếng xà beng nện vào nắp quan tài vang lên khô khốc giữa khu rừng đang nín thở. Từng mảnh gỗ mục bật ra răng rắc. Nghe như tiếng xương cốt lâu năm vừa trở mình sau một giấc ngủ quá dài. Mấy người đàn ông đứng quanh đều nín thở. Cả gió cũng như chùng lại.

Khi nắp quan tài được cạy bật lên, tất cả đều sửng sờ. Bên trong không có lấy một mẩu xương tàn. Mà lại là một bộ áo ngũ thân màu đỏ sậm mục gần hết, lớp vải cũ quá queo như vẫn giữ hơi ấm của người từng mặc nó. Bên cạnh là đôi hài thêu nhỏ xíu, mũi cong thanh mảnh. Thứ hài chỉ dành cho những bước chân chưa bao giờ được phép đi tới nơi mình muốn. Và phủ kín đáy áo quan là một lớp tóc đen dày, dài và óng mượt. Cuộn lại như dòng nước tối, vẫn còn vẻ mềm mại đến rợn người. Tưởng chừng như người đàn bà ấy chỉ vừa nằm xuống từ đêm qua.

Đúng lúc đó, một cơn gió từ phía biển bất thần thốc qua rừng. Quạt mạnh vào những tấm bạt công trình khiến chúng phành phạch như cánh buồm gặp giông. Ngọn đèn cao áp gần miếu chớp tắt liên hồi. Ánh sáng lúc tỏ lúc mờ hắt lên lớp tóc đen trong quan tài lạnh lẽo đến lạ. Từ mép hố đào, một người công nhân bỗng la lên rồi lùi giật về sau. Ngay dưới chân anh ta, nền đất vừa hiện ra một đường nứt nhỏ, mảnh như sợi tóc, nhưng chạy ngoằn ngoèo rất nhanh về phía chân miếu. Từ khe nứt ấy, nước bất thần rịn lên,

lạnh ngắt, rồi cũng rút xuống tức thì, giống như lòng đất chỉ hé mắt nhìn người sống một thoáng, rồi lại lặng lẽ khép vào.

Bà lão giữ miếu đứng phía sau, chắp tay trước ngực. Giữa khu rừng lặng ngắt, bà cất giọng nhỏ nhưng rõ:

— Đất cũng như người. Bề ngoài yên ổn vậy thôi, chớ chuyện gì xảy ra, nó nhớ hết.

Bà chống gậy xuống lớp bùn ướt:

— Máu đổ ở đâu, nước mắt thấm ở đâu, đất nhớ chỗ đó.

Rồi bà nhìn chiếc quan tài vừa lộ ra khỏi lòng đất:

— Nhiều chuyện tưởng chôn rồi là hết, mà đâu có. Nó chỉ nằm im, chờ đúng lúc trời lên hỏi người sống cho ra lẽ.

Lời bà nhẹ như khói nhang, nhưng khiến lòng người nghe nặng xuống.

Diễm Thư đứng nhìn chiếc quan tài rất lâu. Điều thuốc trên tay vẫn âm ỉ cháy, nhưng đầu ngón tay nàng đã lạnh từ lúc nào không hay. Lần đầu tiên, nàng không còn thấy mảnh đất dưới chân là thứ để đo đạc, phân lô hay quy thành những con số lợi nhuận. Nó giống một thân thể đang nằm yên, bề ngoài tưởng cảm lạnh, nhưng sâu trong từng lớp đất vẫn giữ lại dấu chân người cũ, tiếng khóc của những kẻ đã khuất và cả những điều con người ngỡ đã chôn vùi từ lâu.

Bất giác, nàng hiểu ra rằng có những món nợ chẳng hề nằm trên sổ sách, không ghi thành điều khoản, cũng chẳng ai gửi giấy đòi. Vậy mà đất nhớ rất dai. Người ta có

thể ký tên rồi quay lưng bước đi, có thể phủ lên mọi thứ bằng bê tông, quy hoạch hay những mỹ từ đẹp đẽ, nhưng chuyện đã xảy ra vẫn nằm đó, lặng lẽ chờ ngày bị chạm tới để trở mình.

Từ phía biển, một luồng gió lạnh bất ngờ lùa qua rừng già, làm những tán cây nghiêng ngả. Lá cọ vào nhau xào xạc như có vô số tiếng thì thầm cùng lúc nổi lên. Mấy ngọn đèn công trình lại chớp tắt liên hồi. Rồi từ đâu đó rất gần, gần đến mức tưởng như ngay sau lưng, bỗng vọng lại tiếng cười khe khẽ của đàn bà. Nhiều giọng chồng lên nhau, mỏng như tơ mà lạnh như hơi nước, nghe như một đám cung nữ đang ngồi sau bức rèm cũ, đưa tay che miệng cười về một bí mật chỉ những người chưa từng được sống cho mình mới hiểu thấu.

Một tên bảo vệ mặt cắt không còn giọt máu, quăng luôn cây đèn pin rồi cắm đầu bỏ chạy. Những người còn lại cũng bắt đầu nhón nháo.

Riêng Diễm Thư vẫn đứng yên. Nàng nhìn đăm đăm mái tóc đen trong quan tài, lâu đến nỗi tưởng như từng sợi tóc đang lần ngược vào ký ức của chính mình. Trong đầu nàng hiện lên hình ảnh những người đàn bà trẻ nơi hoàng cung năm cũ, ngày ngày ngồi trước gương chải tóc, lắng nghe tiếng trâm cài khẽ chạm vào nhau trong căn phòng kín, rồi lặng lẽ đợi một bước chân có thể đi ngang đời mình mà mãi mãi không dừng lại.

Một nỗi ghen tức dâng lên nơi lồng ngực. Diễm Thư bật cười nhạt, tiếng cười mỏng và chát như đầu lưỡi vừa chạm phải vị máu. Nàng cúi nhìn bộ áo đỏ trong quan tài, giọng khàn đi nhưng từng chữ rơi xuống sắc ngọt như lưỡi dao.

— Hồi đó đẹp để chờ được gọi tên.

Nàng ngẩng lên, mắt vẫn không rời người đàn bà nằm dưới đáy huyết.

— Còn bây giờ, đẹp để được trả giá cao hơn.

Một thoáng im lặng lướt qua gương mặt nàng, ngắn thôi nhưng đủ để nghe rõ sự mỗi một của một người vừa nhìn thấu đời mình.

— Tường khác nhau lắm. Nghĩ cho cùng, cũng chỉ là đem chính mình đổi lấy quyền được tồn tại.

Luân cau mày, gương mặt vốn rần rở giờ trắng bệch dưới ánh đèn chập chờn.

— Em còn nói được mấy câu đó sao?

Diễm Thư quay sang nhìn ông ta. Khóe môi vẫn nhếch lên, nhưng trong mắt không còn vẻ đắc thắng mà chỉ còn một thứ tỉnh táo lạnh buốt.

— Không nói vậy, chắc tôi phải giả bộ tin rằng mình khác họ.

Luân đứng lặng, môi khẽ động đậy như muốn nói điều gì đó, nhưng cuối cùng vẫn không thốt nên lời. Trong khoảnh khắc ấy, giữa khu rừng tối mịt và chiếc quan tài vừa bị đào lên khỏi lòng đất. Chính ông ta cũng nhận ra rằng thứ khiến người ta sợ nhất chưa bao giờ là người chết, mà là lúc bất ngờ thấy rõ gương mặt của mình trong số phận của họ.

Gió nổi lên dữ dội hơn. Những tàng cây cao va vào nhau rào rạt như sóng biển đang tràn vào tận rừng sâu. Và từ phía sau ngôi miếu, tiếng guốc lạch vang lên.

Lộc cộc.

Lộc cộc.

Lần này âm thanh ấy không còn mơ hồ ở tận đâu xa, mà đã tiến tới rất gần, rõ mồn một như có người đang thông thả bước quanh họ trên nền đất ướt. Mỗi tiếng guốc nện xuống đều đặn, khoan thai, nhưng chắc nịch đến mức nghe như bước chân của những người đàn bà đã đi suốt mấy trăm năm mà vẫn chưa tìm được nơi để dừng lại.

Diễm Thư chưa kịp cử động thì trong túi áo, chiếc chuông bạc bà giữ miếu đưa cho nằm trong túi bỗng rung lên dữ dội.

Leng keng.

Leng keng.

Tiếng kim loại nhỏ mà sắc, lạnh lạnh như tiếng trâm cài khẽ chạm vào nhau nơi hậu cung năm cũ. Nó như lời báo trước, như một dấu hiệu rằng những gì hiện ra trong đêm nay không còn là ảo giác của riêng nàng nữa.

Sống lưng Diễm Thư lạnh buốt. Và đúng lúc đó, sát bên tai nàng, rõ ràng như có ai ghé môi vào tóc mà thì thầm, giọng dịu dàng nhưng lạnh tới tận xương:

— Mi cũng giống tụi ta thôi.

Đó không phải lời đe dọa. Cũng chẳng hẳn là oán trách. Nó giống một câu nói thật lòng đến tận nhũn của

người đã đi hết một kiếp người và nhìn thấu mọi cuộc đổi chác, mà đàn bà ở thời nào rồi cũng phải trải qua.

Diễm Thư quay phắt lại.

Không có ai cả.

Một mùi trầm hương rất cũ thoảng ngang trong gió, ngai ngái và buồn như khói nhang trong một ngôi từ đường lâu năm.

Nàng cúi xuống.

Trên nền đất ướt, dưới ánh đèn chập chờn, hiện ra những dấu chân đàn bà nhỏ nhắn, thanh mảnh như dấu hài thêu. Chúng nối nhau thành một hàng dài, dẫn sâu vào khu rừng tối om, nơi tiếng guốc vẫn còn lộc cộc vọng lại. Trong khi đó, chiếc chuông bạc trong túi nàng vẫn khe khẽ ngân vang. Từ giây phút ấy, một cánh cửa nào đó vừa thật sự mở ra, và Diễm Thư không còn đường nào để quay lại con người của ngày trước nữa.

*

Hai ngày sau, báo chí bắt đầu đánh hơi được chuyện ở Thiên Sa. Tin đồn lan khắp Đà Nẵng nhanh như gió biển mùa chướng, sáng còn rì rầm trong mấy quán cà phê ven sông Hàn, tối chiều đã thành đề tài trên bàn nhậu, trong các cuộc điện thoại kín đáo và trên những trang mạng đầy lời phán xét. Người ta kháo nhau rằng dưới khu nghỉ dưỡng có mộ cung tần triều Nguyễn. Kẻ nói Diễm Thư trần yếm đất để làm ăn. Người khác lại quả quyết nàng bị ma ám, động trúng chỗ không nên động nên giờ bị người âm đòi nợ.

Cổ phiếu công ty du lịch của nàng rớt không phanh. Đối tác bắt đầu rút vốn. Khách hủy phòng từng đoàn. Những kẻ trước đây vẫn cúi đầu trước mặt nàng, năn nỉ xin một dự án, một chữ ký hay chỉ một cái gật đầu, giờ quay lưng nhanh như nước triều rút khỏi bãi cát, để lại trên mặt đất những vết rong rêu lạnh ngắt.

*

Đêm xuống rất chậm trên villa số 9. Diễm Thư ngồi một mình bên quầy bar, ly rượu trên tay hắt lên thứ ánh sáng đỏ sẫm như màu của một vết thương đã khô miệng mà chưa lành hẳn. Dưới chân núi, sóng biển vẫn nổi nhau dội vào ghềnh đá, lớp này xô lớp khác, nghe như có ai đứng ngoài đêm tối cố nói một điều gì đó mà nói hoài vẫn không trọn câu.

Nàng tắt màn hình điện thoại. Căn phòng như tối thêm một chút, và ngay trong khoảng lặng vừa khép lại đó, từ phía phòng tắm bỗng vọng ra tiếng nước chảy đều đều, rào rào, rào rào, lạnh lẽo như có ai đang vô tình mở lại một cánh cửa dẫn về những ký ức mà nàng tưởng mình đã khóa kín từ lâu.

Diễm Thư chậm rãi đứng dậy. Cửa phòng tắm khép hờ, chỉ để lọt ra một vệt sáng vàng nhạt nằm dài trên nền đá hoa cương lạnh ngắt như một dải lụa cũ. Nàng bước tới thêm vài bước rồi khựng lại. Trong tấm gương lớn phủ đầy hơi nước, hiện ra bóng một người đàn bà đang ngồi trước bàn trang điểm. Bà không còn vẻ nghiêm cẩn, quyền quý của người thiếu phụ áo Nhật Bình lần trước, người đàn bà này mảnh mai hơn, bờ vai thanh tú hơi xuôi xuống như mang theo một nỗi mệt mỏi rất lâu đời. Tấm áo lụa màu ngọc bích phủ quanh thân hình mỏng manh, mềm mại như

một nhánh trúc non trong chồn cung cấm. Mái tóc đen dày buông thẳng xuống tận thắt lưng, óng lên như dòng nước đêm. Trên tay bà cầm chiếc lược ngà đã ngả màu thời gian. Mỗi lần chiếc lược đi chậm qua mái tóc, lại phát ra một âm thanh thật nhỏ. Nhưng nghe kỹ thì giống hết tiếng năm tháng lặng lẽ trôi qua đời một người đàn bà, mà không để lại cho họ điều gì ngoài tiếc nuối.

Bà không quay đầu, chỉ nhìn Diễm Thư qua gương. Khuôn mặt thanh tú, trắng xanh như ánh trăng cuối tháng, đôi môi son nhợt nhạt khế cong lên, như cười, nửa như thờ dài.

— Mi có biết điều đau nhứt của đàn bà là chi không?

Diễm Thư đứng yên, bàn tay vô thức siết chặt lấy thành cửa. Ngoài kia, sóng biển vẫn dờn dập xô vào chân núi, hết lớp này tới lớp khác, như biển cũng đang cố nói ra một điều gì đó mà suốt bao đời vẫn chưa nói trọn.

Người đàn bà cúi mắt. Chiếc lược dừng giữa mái tóc dài, và trong đôi mắt sâu thẳm của bà như có một lớp nước mỏng trong veo, buồn đến nao lòng.

— Không phải là không được yêu.

Bà ngược lên, nhìn thẳng vào Diễm Thư. Giọng nói mềm như tơ, nhưng mỗi chữ rơi xuống đều lạnh đến tận xương.

— Mà là đi hết một kiếp người, tới lúc ngoảnh lại mới hay mình chưa từng sống một ngày nào cho chính mình.

Ngoài khơi, một con sóng lớn bất thần đập mạnh vào ghềnh đá. Tiếng động vang dội như thể ở đâu đó giữa

trời, giữa biển và sâu thẳm trong lòng người đàn bà đang đứng lặng trước gương vừa xuất hiện một đường nứt mảnh, vô hình mà đủ sức làm chao đảo cả một đời người.

Diễm Thư nuốt khan, cổ họng khô rát.

— Bà là ai?

Người đàn bà vẫn ung dung chải tóc. Mỗi nhịp lược đi qua, vài giọt nước rơi xuống nền đá, tí tách, tí tách, đều đặn như nhịp thời gian đang nhỏ xuống đời người.

Một lúc khá lâu, bà mới cất tiếng, giọng nhẹ như hơi gió lùa qua khe cửa lúc nửa khuya.

— Hồi còn sống, người ta gọi ta là Tài nhân Cửu giai.

Bà khẽ bật cười. Tiếng cười mỏng và khô, nghe như tờ giấy cũ bị vò nhẹ trong lòng bàn tay.

— Một phẩm bậc thấp tới mức khi chết rồi, người ta cũng chẳng buồn nhớ tên thật của mình.

Gió biển bắt thần nổi mạnh, quất từng tràng ràn rạt vào vách núi. Tấm rèm trắng tung phần phật như cánh chim lạc giữa cơn giông. Một luồng lạnh bò dọc sống lưng, Diễm Thư vẫn đứng yên. Cả đời nàng đã va chạm đủ hạng người, từ quan chức quyền lực, đại gia sành đời, đám đầu nậu đất đai cho tới những gã đàn ông vừa bước khỏi giuồng ngủ đã trở mặt trên bàn thương lượng. Chưa ai khiến nàng phải ngán. Nghĩ cho cùng, ma quỷ đôi khi cũng chỉ là một hình dạng khác của ký ức.

Nàng châm thuốc. Ngọn lửa bùng lên trong chớp mắt, hắt quầng sáng đỏ nhỏ xíu lên đôi mắt đang khẽ rung.

— Bà muốn gì ở tôi?

Người đàn bà trong gương chậm rãi ngẩng mặt. Khuôn mặt bà đẹp một cách u buồn, như đóa quỳnh nở muộn giữa đêm khuya. Đôi mắt sâu hun hút, tĩnh lặng và tối như mặt nước dưới đáy giếng cổ.

— Mi mang trong người dòng máu của tụi ta.

Diễm Thư nhếch môi cười nhạt.

— Bịa vừa thôi.

Người đàn bà vẫn nhìn nàng, ánh mắt không lay động.

— Ngoại mi gốc Phú Xuân. Tớ đòi thứ ba trong họ, có người từng hầu hạ ở viện Đoan Trang.

Điều thuốc trên tay Diễm Thư rơi xuống nền gạch. Tàn lửa tóe ra một đốm đỏ nhỏ rồi tắt ngấm, để lại một chấm tro xám xịt như dấu vết của một điều vừa bị chạm trúng.

Người đàn bà vẫn tiếp tục, giọng trầm buồn như tiếng nước chảy qua nhiều lớp phù sa.

— Đàn bà trong dòng họ mi, đời nào cũng biết cách sống. Người thì lấy sắc đẹp để giữ lấy chút bình yên, người lấy sự nhẫn nhịn để đi qua bão tố, người lại đem chính máu thịt mình mà đổi lấy một chỗ đứng trong đời.

Bà khẽ đặt tay lên bụng dưới. Động tác nhẹ như một làn gió thoảng, nhưng trong đôi mắt ấy bỗng hiện lên một nỗi buồn sâu hun hút.

— Có người chưa kịp làm mẹ đã phải mang con chôn trong lòng. Người sinh con ra rồi lại giữ không nổi.

Người đến lúc nhắm mắt xuôi tay vẫn còn nghe tiếng một đứa trẻ chưa từng được gọi tên khóc đầu đó giữa đêm khuya.

Diễm Thư thấy toàn thân mình lạnh đi. Trong khoảnh khắc ấy, nàng không còn phân biệt được tiếng sóng ngoài khơi với những âm thanh xa xăm đang dội về từ chính ký ức của mình.

Người đàn bà ngừng lại. Khoảng lặng giữa hai người mỏng đến mức tưởng chỉ cần thổi mạnh là tan đi. Rồi bà nhìn thẳng vào Diễm Thư nói rất khẽ, mà từng chữ rơi xuống sắc như đầu kim.

— Đàn bà trong dòng họ mi, đời nào cũng giỏi sống.

Bà dừng lại, đôi môi khẽ mấp máy như thương mà trách.

— Nhưng không đời nào được yên.

Diễm Thư choàng tỉnh lúc trời chưa sáng, không rõ mình đã thiếp đi từ lúc nào. Ngoài trời, rạng sáng vừa chớm. Mặt biển Sơn Trà chì xám và nặng nề như một tấm kim loại khổng lồ. Sóng ngoài khơi dội vào ghềnh đá từng đợt trầm đục, nghe như tiếng vật gì đó đang lăn mãi trong lòng núi mà không tìm được lối ra.

*

Sáng hôm sau, khi mặt trời còn chưa lên hẳn khỏi mặt biển và những dải mây mỏng vẫn còn lững thững trôi trên đầu bán đảo Sơn Trà, đoàn công an kinh tế đã xuất hiện trước cổng khu nghỉ dưỡng. Những chiếc xe màu sẫm lạng lẽ nối đuôi nhau chạy vào, bánh xe nghiêng lên lớp sỏi

ướt nghe khô và lạnh như tiếng một cánh cửa vừa khép lại sau lưng ai đó. Mấy nhân viên lễ tân đứng nép trong đại sảnh, không ai dám nói lớn, chỉ nhìn nhau bằng ánh mắt thấp thỏm như thể ai cũng linh cảm được rằng cơn sóng này, một khi đã dâng lên, sẽ không dễ gì rút xuống.

Đơn tố cáo dự án Thiên Sa lấn đất rừng được gửi đi đúng vào lúc những đoạn video cũ của Diễm Thư bắt đầu lan khắp mạng xã hội với tốc độ chóng mặt, như dầu loang trên mặt nước. Hết đoạn nàng vòng tay ôm eo một vị thứ trưởng giữa tiếng nhạc và ly rượu va nhau lạnh canh trong một buổi tiệc kín. Lại tới cảnh nàng bước ra khỏi khách sạn cùng một doanh nhân Hàn Quốc khi trời gần sáng, mái tóc còn rối và gương mặt mệt mỏi sau một đêm thương lượng, không biết đâu là công việc, đâu là phần đời riêng tư. Rồi người ta truyền tay nhau cả đoạn video nàng tát thẳng vào mặt một nữ nhân viên ngay giữa nhà hàng. Cái tát gọn lỏn mà sắc như một nhát dao, đủ để thiên hạ có thêm bằng chứng rằng, người đàn bà ấy không chỉ có quyền lực mà còn lạnh lùng tới mức không cần giữ ý với ai.

Và như mọi khi, đám đồng lập tức ủa tới.

“Con đàn bà này giàu lên nhờ ngủ với quan.”

“Đúng thứ hồ ly tinh.”

“Loại như vậy mà cũng đi làm từ thiện, nghe mắc cười.”

Những câu chữ hiện lên dày đặc trên màn hình điện thoại, lạnh tanh mà sắc lẹm. Mỗi lời bình luận giống như một viên đá nhỏ, tự nó chẳng đáng bao nhiêu, nhưng hàng ngàn viên đá ném cùng một lúc thì cũng đủ làm người ta bầm dập.

Thiên hạ bắt đầu đào xới lại cả hai đời chồng của nàng, lật tung từng mẩu chuyện cũ, từ những cuộc ly hôn ồn ào, những mối quan hệ nhập nhằng, cho tới những tin đồn chưa từng được kiểm chứng. Chúng bị kéo ra phơi dưới thứ ánh sáng trắng nhợt và không chút thương xót của dư luận. Nơi con người ta thường thích phán xét hơn là tìm hiểu. Thích nhìn một người ngã xuống hơn là tự hỏi họ đã phải đánh đổi những gì để đi tới chỗ đó.

Diễm Thư từ lâu đã hiểu rất rõ quy luật ấy. Một người đàn ông tàn nhẫn, thủ đoạn, thậm chí đạp lên vai kẻ khác để bước lên cao, nhiều khi vẫn được khen là bản lĩnh, biết làm ăn. Nhưng một người đàn bà đẹp, sắc sảo và giàu có thì gần như mặc nhiên bị nghi ngờ rằng phía sau sự thành công ấy thế nào cũng có điều khuất tất. Đàn ông được quyền gọi tham vọng là chí lớn. Đàn bà, chỉ bước nhanh hơn một chút, đã bị xem như kẻ biết dùng thân xác để đổi chác.

Nàng hiểu điều đó lâu tới mức không còn thấy ngạc nhiên nữa. Nàng mệt. Cái mệt không tới ào ạt như một cơn sốt, mà thấm xuống rất chậm, rất sâu, giống như nước biển ngày này qua tháng khác âm thầm ăn mòn ghèn đá. Bên ngoài, tảng đá vẫn đứng đó, tưởng như chẳng hề suy suyển. Nhưng ở bên trong, từng thớ đá đã rỗng dần đi lúc nào không hay. Và sáng hôm ấy, khi ngồi một mình nhìn những con sóng bạc đầu liên tục xô vào bờ rồi tan ra trong bọt trắng, Diễm Thư bỗng thấy mình cũng giống như vậy. Vẫn còn nguyên dáng vẻ của một người đàn bà mạnh mẽ. Nhưng tận sâu trong lòng, có những chỗ đã bị bào mòn đến mức chỉ cần thêm một đợt sóng nữa thôi. Mọi thứ có thể sụp xuống mà không phát ra tiếng động nào.

Chiều xuống, khi ngồi một mình trong căn phòng nhìn ra biển, Diễm Thuơ bỗng thấy cái mệt ấy không chỉ đến từ đám đông ngoài kia, mà như bị khuấy dậy từ một nơi sâu hơn nhiều, nơi nàng đã cố chôn kín từ rất lâu. Vài ký ức tưởng đã mất, vậy mà chỉ cần một câu hỏi vô tình chạm tới là lập tức trỗi lên nguyên vẹn, sắc lạnh như lưỡi dao vừa được kéo khỏi bao.

*

Buổi chiều, Diễm Thuơ tự lái xe xuống chợ cá Thọ Quang. Vừa bước xuống xe, nàng đã bị bao trùm bởi cái mùi quen thuộc của cá tươi, của nước đá đang tan, của nước biển lẫn với mồ hôi người lao động. Tiếng máy ghe nổ phành phạch ngoài bến hòa với tiếng thùng xộp bị quăng xuống nền xi măng. Tiếng người mua kẻ bán cãi qua cãi lại om sòm, tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn mà đối với nàng lại thân thuộc hơn bất cứ bản nhạc sang trọng nào trong mấy quán bar ven biển. Mặt chợ loang loáng nước. Những con cá bạc bụng nằm nối nhau trên sạp, ánh lên dưới thứ nắng muộn đang nhạt dần sau tầng mây thấp. Máy người đàn bà xắn quần tới gối, tay thoăn thoắt lựa cá, miệng vẫn nói cười lạnh lạnh. Mọi thứ trước mắt Diễm Thuơ gần như không thay đổi, y như hồi nàng mới chân ướt chân ráo tới Đà Nẵng, trong túi không có gì ngoài vài bộ đồ cũ và một cái ý nghĩ lì lợm rằng đời này mình phải ngoi lên cho bằng được.

Một bà bán cá già nhận ra nàng. Bà ngược lên khỏi thau cá, đôi mắt đã đục vì tuổi tác vẫn còn sắc như lưỡi dao fillet.

— Hồi xưa con Thuơ đi mua mấy cái đầu cá về nấu cháo, ai dè bữa nay dữ thần dữ thánh.

Diễm Thư bật cười. Nụ cười vẫn vậy nhưng nơi khoe môi thấp thoáng chút mỏi mệt mà trước đây nàng không bao giờ để lộ.

— Nhờ mấy dì chửi con riết nên con mới lì tới giờ đó chứ.

Bà già cũng cười, nhưng rồi ánh mắt chợt chùng xuống. Bà nhìn quanh như sợ ai nghe được, đoạn hạ giọng:

— Thiệt tình, có ma không bây?

Diễm Thư không trả lời ngay. Nàng châm điếu thuốc, rít một hơi dài rồi đưa mắt nhìn ra phía cửa biển.

Ngoài xa, mây đen từ phía chân trời kéo xuống thấp đến mức tưởng như chỉ cần đưa tay ra là chạm được. Mặt trời chiều chìm dần sau một màn mưa mỏng, để lại trên mặt nước một vệt đỏ quạch, âm ỉ như than hồng sắp tàn. Gió biển thổi lồng lộng, cuốn mùi mặn và hơi nước lạnh lùa qua tóc nàng. Trong đầu Diễm Thư bỗng vang lên câu nói của người đàn bà trong gương đêm qua:

“Đời nào cũng giỏi sống. Nhưng không đời nào được yên.”

Câu nói ấy như một cái gai mắc ngang lồng ngực. Một cơn tức nghẹn bất thần dâng lên. Nàng cúi đầu, quăng mạnh điếu thuốc xuống nền chợ đọng nước. Tàn lửa chạm mặt xi măng ướt, xèo lên một tiếng nhỏ rồi tắt ngấm.

— Đéo có ai ép tụi tôi phải sống kiểu đó hết.

Giọng nàng bật ra hơi lớn. Mấy người bán cá gần đó đều quay lại nhìn. Diễm Thư nhìn ra phía cửa biển, đốt điếu thuốc mới, rít một hơi dài rồi quăng xuống nền chợ ướt.

— Có ma không bà? Có. Nhưng mà loại đáng sợ nhất không mặc áo ngũ thân đâu.

Bà già nhìn nàng, không hỏi thêm.

4.

Chiều hôm đó, mưa bắt thần trút xuống Đà Nẵng dữ dội như thể ai vừa nghiêng cả biển nước đổ ụp lên thành phố. Mưa miền Trung vốn vậy, không lây rây dai dẳng mà đổ thẳng xuống mặt đất bằng tất cả sức nặng của bầu trời, trắng xóa và quyết liệt như một cơn giận bị dồn nén từ rất lâu.

Diễm Thư đang chuẩn bị đến một buổi tiệc có mặt nhiều đối tác lớn, cùng những cơ hội làm ăn đáng giá. Nàng vẫn trang điểm kỹ lưỡng như mọi khi, nhưng trong lòng lại nặng trĩu một nỗi bất an không gọi thành tên. Dạo gần đây, có những đêm dù đã uống nửa chai rượu và nuốt thêm thuốc ngủ, nàng vẫn thức trắng gần tới sáng. Người đàn bà trong gương vẫn đẹp, nhưng vẻ đẹp ấy bắt đầu giống lớp men giữ quá lâu, bên ngoài còn bóng bẩy mà bên trong đã thấp thoáng những đường rạn mỏng.

Nàng lái xe dọc đường Võ Nguyên Giáp. Cản gạt mưa quét liên tục nhưng phía trước vẫn mờ đục. Những khu resort sáng đèn nép sau hàng dừa nghiêng ngả trong gió, trông như những người đàn bà sang trọng đang cố giữ vẻ bình thản trước một nỗi lo chẳng tiện gọi thành lời.

Đà Nẵng giàu lên quá nhanh, nhanh đến mức nhiều người quên mất nơi này từng chỉ có bãi cát, làng chài và mùi nước mắm phơi trong gió biển. Diễm Thư đi lên cùng

cơn khát ấy nên hiểu rõ hơn ai hết. Chẳng khách sạn năm sao nào mọc lên chỉ bằng lý tưởng. Muốn dựng một khu nghỉ dưỡng lộng lẫy thì phải có người rời khỏi mái nhà của mình. Muốn giữ lại một bãi biển đẹp cho du khách thì thế nào cũng có những chiếc ghe cá lạng lẽ dạt sang nơi khác.

Người làm quy hoạch gọi đó là phát triển. Dân nghèo gọi là bị đẩy đi. Còn những người như nàng hiểu rằng phía sau mỗi cơ hội luôn có một cái giá được ai đó trả thay.

Xe vừa quẹo lên đường Hoàng Sa thì điện thoại reo.

Là Khải.

Cậu trai hai mươi bảy tuổi nàng quen gần một năm nay. Một huấn luyện viên thể hình với làn da rám nắng, nụ cười sáng và cái vẻ vô tư của những đứa con trai miền biển, chưa va hết những góc cạnh của đời người. Ban đầu, Diễm Thư chỉ xem đó là một cuộc vui. Không ngờ rồi lại thành thói quen.

Nàng bắt máy.

— Chị đang ở đâu?

— Ngoài đường.

— Em qua được không?

Diễm Thư im lặng vài giây rồi khẽ cười.

— Qua làm gì?

Giọng Khải chùng xuống, mộc mạc như một đứa trẻ vừa nói ra điều thật lòng nhất.

— Nhớ chị.

Diễm Thư tắt loa ngoài, lặng lẽ nhìn màn mưa đang quất xiên qua kính lái. Những câu nghe qua tưởng ngây ngô, vậy mà càng đi nhiều qua năm tháng, người đàn bà càng dễ mềm lòng. Hồi còn trẻ, nghe ai nói nhớ mình, nàng thường nghĩ đó chỉ là câu cửa miệng. Nhưng đến tuổi này, điều khiến người ta rung động không còn là những cuộc vui chóng tàn, mà là cảm giác giữa bao nhiêu hững hờ vẫn còn có một người thật lòng muốn ở gần mình.

Khóe môi nàng khẽ cong lên.

— Để tối nhé.

Khải đến villa lúc gần chín giờ tối. Mưa vẫn chưa dứt. Nước từ mái hiên chảy xuống thành những sợi bạc mờ mờ trước cửa kính. Cậu mặc áo thun đen ướt sũng, tóc dính sát xuống trán, vừa bước vào đã vòng tay ôm lấy nàng từ phía sau. Hơi ấm từ lồng ngực trẻ trung ấy áp vào lưng khiến Diễm Thư nhắm mắt vài giây. Nàng thích cảm giác đó. Cảm giác cơ thể mình vẫn còn biết rung động, vẫn còn nhớ cách dựa vào một người khác. Khải cúi xuống hôn lên cổ nàng.

— Chị gầy đi rồi.

— Già rồi chứ gầy gì.

Cậu xoay nàng lại, nhìn thật lâu bằng ánh mắt trong trẻo không toan tính.

— Chị đẹp mà.

Diễm Thư bật cười, nửa đùa nửa thật.

— Máy thăng con trai tụi bây mới là thứ nguy hiểm nhất đời.

Hai người ngồi xuống sofa. Ngoài khung cửa, sấm chớp lóe lên trên mặt biển. Trong căn phòng chỉ còn tiếng mưa, tiếng thở và hơi ẩm của hai cơ thể đang tìm đến nhau như tìm một nơi trú ẩn. Đối với Diễm Thư, điều khiến nàng gắn bó với Khải không phải chỉ vì tuổi trẻ của cậu, mà vì ở bên cậu nàng không phải chứng minh điều gì cả. Không cần khôn ngoan, không cần sắc sảo, không cần luôn luôn thắng thế. Chỉ là một người đàn bà mệt mỏi đang muốn được ôm. Khi Khải hỏi nhỏ bên tai:

— Lên phòng nghe chị?

Diễm Thư khẽ gật đầu.

Mưa đập ràn rạt lên cửa kính tầng hai. Căn phòng chỉ bật ngọn đèn ngủ vàng dịu. Gió biển thổi làm tấm rèm phấp phồng như hơi thở. Hai người quấn lấy nhau giữa tiếng mưa và tiếng sóng.

Đúng lúc một tia chớp xé sáng mặt biển, Diễm Thư bỗng nhắm mắt lại. Trong bóng tối sau mi mắt, không hiểu sao nàng lại nghe rõ tiếng sóng vỗ, đều đặn và xa xăm như tiếng thở của một người đang cố giữ mình không vỡ ra.

Mấy tuần nay, Khải đã đủ gần để nhận ra trong Diễm Thư đang có một điều gì đó lặng lẽ đổi khác. Nhiều khi nàng đang nói bỗng dừng giữa câu, nghiêng đầu như vừa nghe thấy tiếng ai gọi từ một nơi rất xa. Lúc thì nửa đêm giật mình thức dậy, ngồi bất động trên giường, mắt nhìn đăm đăm vào một góc tối với vẻ mặt ngờ ngác như người vừa đi lạc quá sâu trong một giấc mơ mà chưa tìm được đường trở ra.

Cậu không biết đó là bóng ma thật sự của những người đàn bà xưa, là nỗi oan của đất đai và những phận người từng bị xóa tên, hay chỉ là sự mỏi mệt chất chồng quá

lâu khiến tâm trí nàng bắt đầu tự tạo ra những hình bóng để đối thoại với chính mình. Nghĩ cho cùng, ranh giới giữa ma quỷ và ký ức đôi khi cũng mỏng như làn khói thuốc lững lờ trước mặt. Những thứ người đời gọi bằng những cái tên rất hiện đại như ám ảnh, sang chấn hay rối loạn tinh thần, nhưng cũng có những đêm, khi con người ta đã đi quá xa khỏi sự bình yên của mình, ai dám quả quyết rằng quá khứ không biết cách lần theo bóng tối mà quay về gõ cửa.

Khải không đủ hiểu biết và từng trải để giải thích điều đó, cũng không chắc mình nên tin vào tâm linh hay tin vào những lý lẽ tỉnh táo của thời nay. Cậu chỉ biết rằng người đàn bà đang ở trong vòng tay mình, vốn từng sắc sảo và cứng cỏi như không gì có thể làm lung lay, giờ đây lại mong manh đến lạ, như là chỉ cần buông tay ra một chút thôi là nàng sẽ vỡ vụn giữa tiếng mưa đêm.

Vẻ đẹp dịu dàng nhất của tuổi trẻ nằm ở chỗ đó. Khi thương một người, người ta không thấy cần phải mở cho bằng hết những cánh cửa đã khép kín trong lòng họ, cũng không sốt ruột truy hỏi điều gì đã xảy ra hay đòi mọi nỗi buồn phải có lời giải thích rõ ràng. Người ta chỉ lặng lẽ ở bên, vừa đủ gần để đối phương biết rằng nếu có lúc mệt mỏi quá mà quay đầu lại, vẫn còn một bờ vai ấm để tựa vào.

Khải thương Diễm Thư rất bản năng, như thương một người đàn bà từng khiến cậu thấy mình trưởng thành hơn, như thương một con người đang âm thầm mang theo một gánh nặng quá sức mà không biết đặt xuống ở đâu. Cậu không hiểu hết quá khứ của nàng, cũng chưa đủ từng trải để nhận ra sau vẻ sắc sảo và điềm tĩnh của người lớn thường có những vết nứt được che giấu rất khéo. Nhưng

càng nhìn Diễm Thư, cậu càng cảm thấy phía sau ánh mắt lạnh và giọng nói chắc nịch ấy là một nỗi cô đơn.

Khải nhìn Diễm Thư, trong lòng có một cảm giác lạ. Hồi còn nhỏ, ba cậu cũng hay nhìn ra biển với cái vẻ mặt tương tự như nàng, như đang cộng trừ điều gì đó mà không bao giờ ra số chính. Ba là thợ hàn, cả đời không giàu không nghèo, chết ở tuổi năm mươi ba vì ung thư phổi, chưa kịp thấy Khải đoạt huy chương. Cậu không biết tại sao lúc này lại nhớ tới ba. Cậu biết rằng người đàn bà trước mặt, dù khác ba nó hoàn toàn, lại đang mang cùng cái vẻ của người đã trả giá cho một thứ gì đó mà chính họ cũng không chắc là đúng.

Diễm Thư nhìn Khải rất lâu. Trong mắt nàng vẫn còn nguyên nỗi hoảng hốt của một người vừa chạm vào đáy sâu của chính mình, nhưng tận cùng của sự hoảng hốt ấy đã le lói một nhu cầu bản năng và dữ dội được níu lấy hơi ấm của một con người đang hiện diện trước mặt.

Nàng kéo Khải sát lại, đặt lên môi cậu chàng một nụ hôn sâu và gấp gáp. Nụ hôn không còn mang vẻ ve vuốt thông thả thường ngày, mà nóng bỏng và mãnh liệt, dường như nàng đang cố dùng toàn bộ hơi thở, da thịt và sức lực còn lại để đẩy lùi cái lạnh vô hình đang âm thầm bò ra từ quá khứ. Hơi thở nàng dồn dập, đứt quãng nơi cổ họng, vừa như một tiếng nấc, vừa như sự vùng vẫy tuyệt vọng của một người đang sợ nếu buông tay ra, mình sẽ chìm trở lại vào khoảng tối không đáy.

Khải thoáng khựng lại trước sự cuồng nhiệt bất ngờ ấy, rồi vòng tay ôm lấy nàng. Càng được ôm chặt, Diễm Thư càng hôn mạnh hơn, gần như muốn ép thân nhiệt của hai con người nhập vào nhau trong một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Trong giây phút đó, nàng không nghĩ đến đúng sai, quá khứ hay ngày mai. Nàng chỉ biết rằng mình cần cảm giác rất thật của một lồng ngực đang phập phồng dưới tay, một hơi thở ấm áp áp sát vào da thịt, để tự nhắc mình rằng giữa bao nhiêu lạnh lẽo và hỗn độn, mình vẫn còn đang sống.

*

Sáng hôm sau, Khải rời villa sớm. Trước khi đi, cậu ôm nàng từ phía sau trong căn bếp còn thơm mùi cà phê mới pha.

— Hay chị nghĩ vài bữa đi.

Diễm Thư mỉm cười.

— Nghĩ gì?

Khải tựa cằm lên vai nàng.

— Em thấy chị giống người sắp gãy.

Nàng bật cười.

— Chị gãy mấy lần rồi. Chưa chết được đâu. Khải im lặng hồi lâu, rồi hỏi rất khẽ:

— Chị có thương em không?

Câu hỏi đơn sơ ấy khiến Diễm Thư đứng yên. Nàng từng đi qua không biết bao nhiêu người đàn ông: kẻ dùng tiền để mua tình, kẻ dùng tình để đổi quyền, kẻ lên giường rồi coi nhau như chưa từng tồn tại. Nhưng rất hiếm người hỏi nàng câu đó bằng giọng chân thành đến vậy. Diễm Thư không trả lời. Nàng chỉ đưa tay vuốt tóc Khải, như vuốt lên một phần tuổi trẻ mà mình đã đánh rơi từ rất lâu.

— Đi đi em.

Khái nhìn nàng thật lâu rồi lặng lẽ bước ra cửa. Đứng bên khung kính, Diễm Thuơ dõi theo chiếc xe khuất dần dưới con dốc dẫn xuống biển. Đến khi bóng xe biến mất hẳn trong màn sương, nàng mới nhận ra lòng mình trống hoác như vừa đánh mất một thứ gì. Không hẳn là tình yêu. Có thể là tuổi trẻ. Mà tuổi trẻ, một khi đã đi qua, dù có nhiều tiền đến đâu cũng không thể mua lại được.

5.

Buổi trưa hôm đó, đoàn thanh tra xuất hiện ở Thiên Sa giữa lúc nắng đang đứng bóng. Mặt biển ngoài kia xanh đến lóa mắt, nhưng cái xanh ấy không gọi bình yên, mà lạnh và sắc như một lưỡi dao vừa được mài kỹ. Dẫn đầu đoàn là Trần Bá Vỹ, Phó giám đốc Sở Tài nguyên. Người đã từng bước ra từ phòng ngủ của Diễm Thuơ vào những buổi sáng còn mùi nước hoa và ga giường chưa kịp nguội. Cũng là kẻ năm nào từng quỳ trong phòng khách sạn ở Bangkok, ôm chân nàng mà khóc tức tưởi như một đứa trẻ khi vợ phát hiện chuyện bồ bịch.

Vậy mà giờ đây, đứng trước mặt nàng trong căn phòng họp tầng cao nhìn thẳng ra biển Sơn Trà, Vỹ mặc áo sơ mi trắng được là phẳng không một nếp nhăn, cà vạt thắt chỉnh chu. Gương mặt lạnh tanh như giữa hai người chưa từng có một đêm nào chung gối, chưa từng có những lời ngọt ngào nói trong bóng tối, cũng chưa từng có những khoản tiền lặng lẽ chuyển qua lại giữa những cái nắm tay tưởng chừng thân mật. Đồi là vậy. Đàn ông nhiều khi đổi mặt còn nhanh hơn con nước ngoài khơi. Mới tối qua còn

ôm người ta như thể không rời được, sáng ra đã có thể đứng thẳng lưng đọc quyết định như thể trước mắt mình chỉ là một cái tên trong hồ sơ.

Diễm Thư đứng ở đầu bàn, hai tay đặt nhẹ lên mặt kính, mắt nhìn thẳng vào Vỹ không chớp. Sau lưng nàng, mặt biển trải ra mênh mông, từng lớp nắng trượt trên sóng rồi vỡ thành vô số mảnh bạc, đẹp tới mức lạnh người.

Vỹ đặt tập hồ sơ dày xuống bàn. Tiếng bìa cứng chạm vào mặt kính vang lên khô và dứt khoát.

— Khu này có dấu hiệu vi phạm quy hoạch rừng đặc dụng, đồng thời sử dụng phần diện tích chưa hoàn tất thủ tục chuyển đổi mục đích.

Diễm Thư nhếch môi. Nụ cười mỏng và sắc như lưỡi dao cạo.

— Tới giờ anh mới biết chuyện đó sao?

Vỹ không đổi sắc mặt.

— Tôi đang làm việc theo quy định.

Diễm Thư bật cười. Tiếng cười nhỏ thôi, nhưng rơi xuống căn phòng im phăng phắc nghe gai người.

— Hồi nằm trên giường với tôi, anh đâu có nói chuyện bằng cái giọng này.

Mấy cán bộ ngồi quanh bàn đồng loạt cúi xuống giấy tờ, không ai dám ngẩng mặt. Không khí trong phòng đặc quánh lại, nặng như thể vừa có ai đổ một lớp nhựa đường nóng hổi lên những bộ sơ mi trắng tinh.

Hàm Vỹ siết chặt.

— Chị nên cẩn thận lời nói.

Diễm Thư bước chậm về phía hắn. Mùi nước hoa quen thuộc của nàng lẳng lẽ lan trong không khí, thứ hương thơm đã từng khiến người đàn ông trước mặt mắt mắt ngủ không biết bao nhiêu đêm. Nàng dừng lại ngay bên cạnh, giọng tỉnh queo như đang nói chuyện thờn tiết.

— Cẩn thận hả? Hồi anh lấy tiền của tôi mua căn hộ cho con nhỏ tiếp viên ở Thanh Khê, anh có cẩn thận được như vậy không?

Gương mặt Vỹ đổi sắc chỉ trong một thoáng.

— Chị đừng nói bậy.

Diễm Thư nghiêng đầu, nhìn hắn như nhìn một đứa trẻ đang cố chối điều ai cũng biết.

— Muốn tôi đọc luôn số tài khoản không?

Ngoài khung kính, mây đen từ phía biển ùn ùn kéo tới. Ánh nắng vừa rồi còn chói chang bỗng bị nuốt gọn, để lại trên mặt nước một màu chì xám đục như cả bán đảo Sơn Trà đang khoác tang.

Vỹ nhìn nàng rất lâu. Trong mắt hắn lẫn lộn đủ thứ: giận dữ, lo sợ, và cả sự bất lực của một người hiểu quá rõ người đàn bà trước mặt có thể đẩy mình rơi xuống bất cứ lúc nào.

Cuối cùng, hắn hạ giọng.

— Thư, em dừng lại đi. Trên kia quyết đánh em thiệt rồi.

— Trên kia là ai?

— Những người từng ăn với em.

Diễm Thư cười nhạt, đầu ngón tay khẽ gõ lên mặt kính.

— Ăn no rồi, giờ muốn nuốt luôn tôi chứ gì.

Vỹ nhìn nàng, một thoáng gì đó thoáng qua mặt ông ta. Không hẳn là ông hối hận, nhưng cũng không còn là sự lạnh tanh ban đầu. Trong một giây rất ngắn, ông ta nhớ tới điều gì đó từ rất lâu trước khi cả hai bước vào cái trò này.

Ông từng là một sinh viên luật giỏi. Diễm Thư biết điều đó. Ông đã kể, một đêm nằm cạnh nàng ở khách sạn Đà Lạt, giọng không say mà nghe như đang mơ. Hồi trẻ ông muốn làm luật sư bào chữa cho người nghèo. Rồi cuộc sống xảy ra, như cách cuộc sống vẫn hay xảy ra với những người có lý tưởng nhưng không đủ tiền. Khoảnh khắc đó qua rất nhanh. Ông siết lại hàm.

Vỹ siết tập hồ sơ tới mức các khớp ngón tay trắng bệch.

— Em nghĩ mình sạch lắm sao?

Câu hỏi đó làm Diễm Thư im lặng trong chốc lát. Ngoài kia, từng đợt sóng trắng xóa liên tiếp đập vào chân núi, lớp này vừa tan thì lớp khác đã xô tới, giống hệt những câu hỏi của đời người mà nhiều khi không ai trả lời cho tới tận cuối đời.

Diễm Thư nhìn thẳng vào mắt Vỹ.

— Tôi chưa bao giờ nói mình sạch.

Nàng cúi xuống, ghé sát đến mức hần có thể nghe rõ từng nhịp thở của nàng.

— Nhưng ít ra, tôi dơ bằng chính sức của mình.

Mặt Vỹ tái hẳn đi.

Đúng lúc ấy, cánh cửa phòng họp bật mở. Một cán bộ trẻ bước vào, tay cầm xấp tài liệu còn thơm mùi mực in, giọng hơi run nhưng cố giữ bình tĩnh.

— Báo cáo anh Vỹ, bộ phận pháp chế vừa đối chiếu xong. Phần đất phía bắc dự án có 3,2 hecta nằm ngoài ranh giới được phê duyệt. Ngoài ra, hồ sơ đền bù cho hai mươi bảy hộ dân vẫn còn chữ ký bị khiếu nại.

Căn phòng im bật.

Người cán bộ nuốt nước bọt rồi nói tiếp:

— Bốn hộ khai rằng họ chưa từng nhận đủ tiền, và một cụ bà bảy mươi tám tuổi vừa nộp bản ghi âm. Trong đó có giọng một người yêu cầu bà ký vào biên bản trắng rồi hứa “mọi việc đã có chị Thư lo”.

Mọi ánh mắt đồng loạt quay về phía Diễm Thư.

Nàng không hề chớp mắt.

Một thành viên đoàn thanh tra mở máy tính, bật đoạn ghi âm ngay giữa phòng. Tiếng một bà già miền biển run run vang lên giữa tiếng sóng và tiếng gió lùa qua micro:

— Nhà tui ở đó từ thời cha mẹ tui chết ngoài biển. Các chú nói ký đại đi rồi sẽ tính sau. Ký xong, người ta ừ luôn cả miếu thờ mấy người chết trôi.

Lời cuối cùng của bà cụ vừa dứt thì một tiếng sét nổ rền ngoài biển, làm lớp kính lớn rung lên bần bật.

Vỹ hít sâu, lấy từ trong hồ sơ ra một quyết định đã đóng dấu đỏ.

— Theo thẩm quyền của đoàn thanh tra, kể từ thời điểm này, toàn bộ hoạt động thi công và mọi giao dịch liên quan đến dự án Thiên Sa tạm thời bị đình chỉ.

Hắn đặt tờ quyết định xuống trước mặt nàng.

— Chị có quyền giải trình. Nhưng từ bây giờ, mọi thứ không còn nằm trong tay chị nữa.

Diễm Thư nhìn con dấu đỏ chói giữa trang giấy trắng. Trong một thoáng, nàng có cảm giác đó không phải là một văn bản hành chính, mà là nhát kiếm chém phăng sợi dây mong manh, nối nàng với thứ quyền lực mà nàng từng tưởng mình nắm chắc trong tay. Ngoài kia, biển vẫn dội sóng không ngừng. Còn trong căn phòng ngập mùi giấy mới, mồ hôi và những nỗi sợ không ai nói ra, Diễm Thư chợt hiểu rằng có những cuộc chiến, đến phút cuối người ta mới biết điều mình cố giữ bấy lâu thật ra đã bắt đầu vượt khỏi tay từ rất lâu rồi.

Ngay khi Trần Bá Vỹ đặt tờ quyết định xuống trước mặt nàng, một cán bộ khác trong đoàn thanh tra lập tức đứng dậy, rút từ cặp hồ sơ ra ba phong bì niêm phong màu vàng và đọc rõ từng chữ bằng giọng hành chính lạnh tanh, không cao, nhưng đủ sức làm cả căn phòng đang nén chặt như dây đàn bồng căng thêm một nấc.

— Kể từ thời điểm này, toàn bộ hồ sơ pháp lý, chứng từ đền bù, hợp đồng thi công và dữ liệu nội bộ liên quan đến

dự án Thiên Sa tạm thời bị phong tỏa. Đề nghị công ty không được tự ý di chuyển, chỉnh sửa hay tiêu hủy bất kỳ tài liệu nào.

Từng câu chữ rơi xuống đều đều như tiếng búa gõ lên mặt đá.

Một cán bộ khác tiến tới bàn thư ký, dán niêm phong lên tủ hồ sơ. Miếng giấy mỏng màu vàng nhạt, có đóng dấu đỏ tròn của cơ quan chức năng, nhìn qua tưởng nhẹ tênh mà trong mắt Diễm Thư nó nặng hơn bất kỳ tảng bê tông nào, từng được đổ xuống khu nghỉ dưỡng này. Bao nhiêu mối quan hệ, bao nhiêu cuộc nhậu, bao nhiêu đêm nàng đánh đổi bằng nhan sắc, trí khôn và lòng liều lĩnh để gom về từng con dấu, từng chữ ký, giờ đây bị chặn lại chỉ bằng vài tờ giấy mỏng dính.

Ngoài hành lang, tiếng bộ đàm lép bép vang lên liên tục. Chưa đầy mười phút sau, tin đình chỉ thi công đã truyền xuống tận công trường phía dưới chân núi. Những chiếc máy xúc đang gầm rú giữa lưng chừng dốc lần lượt khựng lại. Tiếng động cơ tắt dần từng chiếc một, để lại một khoảng lặng bất ngờ, nặng và sâu đến mức người ta nghe rõ cả tiếng gió biển thổi qua giàn giáo. Tiếng bặt công trình đập phần phật, và tiếng sóng từ dưới chân núi dội lên từng đợt trầm đục như tiếng trống vọng từ lòng đất. Đám công nhân bỏ dở công việc, đứng thành từng nhóm nhỏ nhìn nhau. Người còn cầm nguyên cây xẻng trên tay, nét mặt ngờ ngác như chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra. Người rít thuốc liên tục, mắt hướng về phía khu miếu cổ, nơi đêm qua chiếc quan tài vô danh vừa được đào lên. Tin tức ở công trường bao giờ cũng lan nhanh hơn gió biển. Trong buổi sáng, câu

chuyện về bộ áo đỏ, lớp tóc đen và tiếng guốc lộc cộc giữa rừng đã theo những câu thì thầm chạy khắp các lán trại.

Người ta nói nhỏ với nhau rằng từ khi đào trúng ngôi mộ ấy, đất trên sườn núi bắt đầu trở chứng. Chỗ nền vừa san phẳng tối qua sáng ra bỗng nứt một đường mảnh như vết cứa bằng dao. Nơi đang khô ráo thì nước tự nhiên rịn lên thành một vệt ướt lạnh ngắt, trong veo như nước mắt. Một lát sau lại lặng lẽ rút xuống, để mặt đất khép kín như chưa từng có gì xảy ra. Một bác thợ máy lâu năm nói lúc chống chân xuống nền đất, ông thấy dưới lớp cát đá vẫn lạnh buốt, hình như bên dưới còn cất giữ nguyên hơi thở của một đêm mưa từ mấy trăm năm trước. Bà lão giữ miếu sáng đó cũng chống gậy ra đứng từ xa, nhìn đám người mặc áo phản quang và đồng phục công vụ đi tới đi lui như kiến vỡ tổ. Bà lắc đầu, giọng khàn khàn nhưng rõ từng tiếng:

— Đất cũng giống lòng người vậy đó. Bị đè nén bao lâu cũng vẫn nằm im. Nhưng tới lúc chịu hết nổi, nó tự biết cách mở miệng.

Câu nói của bà không ghi vào biên bản nào, nhưng không hiểu sao lại khiến nhiều người đang đứng đó bỗng thấy lạnh ở sau gáy.

Trong phòng họp trên cao, Diễm Thư vẫn đứng yên trước tờ quyết định đình chỉ. Qua lớp kính rộng sát trần, nàng nhìn thấy từng cánh tay máy ngoài công trường bắt động giữa nền trời xám xịt, giống như một đoàn thú sắt vừa bị ai đó bắt ngờ ra lệnh quỳ xuống. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, Diễm Thư nhìn thấy quyền lực của mình dưới một hình dạng khác. Nó không còn là tòa thành kiên cố được dựng bằng tiền bạc, quan hệ và những bản hợp đồng dày cộm. Mà giống một công trình xây trên nền cát ướt, bề

ngoài tường vữa vàng nhưng bên dưới đã âm thầm rỗng đi từ lúc nào. Một con dấu đỏ, một lời khai cũ, hay một chiếc quan tài bị lật lên từ lớp đất tường đã quên. Thì những đường nứt sẽ bắt đầu hiện ra và lan rộng không cách gì hàn gắn. Nhưng điều khiến nàng bất an nhất lại không nằm ở cuộc điều tra hay những hồ sơ đang bị mở lại. Điều đáng sợ hơn là cảm giác rằng sau bao năm bị đào xới, mua bán và lấp đi bằng đủ thứ lý lẽ đẹp đẽ, mảnh đất dưới chân nàng cuối cùng đã thôi im lặng và bắt đầu kể lại câu chuyện của chính nó.

Đúng lúc đó, ngoài hành lang bỗng vang lên một tiếng động dữ dội: “Rầm”. Cả phòng giật bắn người. Một nữ nhân viên hốt hải chạy vào, tóc tai rối bời, gương mặt trắng bệch như vừa nhìn thấy quỷ.

— Chị Thư...

— Gì?

Cô gái run giọng:

— Khu miếu cũ có người chết.

*

Mưa trút trắng rừng Sơn Trà. Con đường đất dẫn lên miếu lầy nhầy bùn đỏ. Nước mưa từ sườn núi chảy xuống thành từng dòng ngoằn ngoèo, đỏ quạch như máu đất vừa rỉ ra từ những vết thương cũ. Chiếc xe cứu thương chóp đèn giữa màn mưa, ánh đỏ nhấp nháy như con mắt không ngủ giữa khu rừng tối.

Người chết là lão Sáu Bửu, tay cò đất có hạng ở Sơn Trà, kẻ từng dặt mồi cho Diễm Thư mua không biết bao

nhiều lô đất từ hồi giá còn rẻ như cho. Khi người ta vẫn nghĩ trước mặt chỉ là bãi cát đầy gió mặn. Đâu ngờ có ngày từng tấc đất nơi này lại hóa thành vàng ròng. Xác lão nằm ngửa dưới gốc đa sau ngôi miếu cũ. Tán đa xòe rộng, những sợi rễ buông lòng thòng trong mưa sớm, trông như vô số cánh tay gầy guộc đang lặng lẽ chỉ xuống cái thân người bất động bên dưới. Đất quanh đó sũng nước, bùn đen quánh lại, mùi nhang tàn quyện với mùi lá mục và hơi tanh của máu khiến không khí đặc quánh, nặng nề đến nghẹt thở. Lão Sáu Bửu trợn mắt nhìn lên khoảng trời xám chì, đôi con ngươi đục ngầu như còn đông cứng lại trong một cơn kinh hoàng chưa kịp tắt. Miệng lão bị nhét đầy tóc đàn bà, từng lọn tóc đen quấn chặt vào môi và kẽ răng, ướt sũng như rong biển vừa bị sóng đánh dạt lên bờ.

Diễm Thư đứng dưới mái bạt dựng tạm, chiếc áo sơ mi trắng bị mưa thấm ướt dính sát vào người, lạnh ngắt như một lớp da khác. Nước từ mép bạt nhỏ xuống đều đều trước mặt nàng, từng giọt đục ngầu đập xuống nền đất nghe lộp bộp như tiếng thời gian gõ nhẩn nại vào một món nợ cũ. Nàng nhìn xác lão Sáu Bửu mà trong bụng lạnh đi từng chút một. Lão đâu phải người tử tế gì. Cả đời lão sống bằng nghề lẩn mò vào chỗ yếu của thiên hạ. Nhà nào túng thiếu, có người đau bệnh, vướng nợ nần, hay con cái học hành dở dang, lão đều biết trước nhất. Rồi lão xách theo gói trà, vài thang thuốc, ghé ngồi nói chuyện ngọt xớt như người thân lâu ngày thăm hỏi. Vậy mà chỉ vài tháng sau, đất đai của họ lặng lẽ sang tên lúc nào không hay, giống như một miếng thịt bị cắt đi mà chính người mang nó cũng chưa kịp cảm thấy đau. Không ít mảnh đất trong số đó đã trôi qua tay Diễm Thư. Mảnh thì giờ dựng lên khách sạn cao tầng, Mảnh biến thành resort sáng đèn suốt đêm. Những phần đất ngày xưa

chỉ đổi được vài chỉ vàng hoặc một khoản tiền đủ trả nợ. Nay đáng giá bằng cả giấc mơ mà chủ cũ của nó, dù có thức trắng nhiều đêm, cũng không dám nghĩ tới.

Đời làm ăn vốn vậy. Muốn đi xa, sớm muộn gì cũng phải bước xuống bùn. Chỉ khác nhau ở chỗ có người quen nhìn bàn tay mình lấm bẩn mà vẫn coi như không thấy. Còn có người, tới một lúc nào đó, giữa mùi máu, mùi đất ướt và tiếng gió rít qua tán đa già, mới giật mình nhận ra thứ bám chặt trên tay mình không chỉ là bùn, mà còn là phần đời của biết bao người khác.

Một cán bộ điều tra bước tới.

— Chị biết gì về ông này không?

Diễm Thư nhìn xác chết thêm lần nữa. Mưa rơi xuống lớp da nhợt nhạt, làm những con chữ kia trông như còn đang rỉ máu. Nàng đáp chậm rãi:

— Không.

Người cán bộ nhìn nàng bằng ánh mắt dò xét.

Diễm Thư quen với kiểu nhìn đó. Từ hồi còn chạy bàn quán karaoke, người ta đã nhìn nàng như vậy rồi. Khác là hồi đó họ nhìn vì thèm muốn. Bây giờ họ nhìn vì chờ đợi.

Chờ đợi điều gì, ai cũng biết.

*

Đêm đã khuya khi Diễm Thư trở lại villa số 9. Nàng không buồn bật đèn, cứ để mình ngồi lọt thỏm giữa phòng khách tối om, nơi chỉ có những tia chớp ngoài biển thỉnh thoảng lóe lên, quét ngang lớp kính lớn những đường sáng

trắng lạnh như lưỡi dao rời tắt phụt, để lại bóng tối càng sâu và đặc hơn trước.

Trong thứ ánh sáng chập chờn đó, thời gian bỗng hiện hình rõ rệt trên gương mặt người đàn bà từng quen nhìn thiên hạ bằng ánh mắt của kẻ chiến thắng. Đôi vai nàng đã hơi trĩu xuống, khóe mắt hẳn thêm vài nét mỏi mệt, còn làn da nơi cổ, dù vẫn được chăm chút kỹ lưỡng, cũng không giấu nổi dấu tay âm thầm của năm tháng. Thời gian cũng giống nước biển dưới chân núi kia, nó không xô ngã ai chỉ trong một cơn sóng, mà cứ lặng lẽ rút đi từng chút, tới khi ngoảnh lại mới hay tuổi trẻ đã trôi mất tự hồi nào.

Diễm Thư rót whisky. Nàng uống cạn một ly, để chất cay nồng cháy dọc cổ họng, rồi lại rót thêm ly nữa như thể muốn dùng men rượu đề xuống cái lạnh đang lan từ ngực ra tới đầu ngón tay.

Điện thoại đặt trên bàn rung liên hồi. Báo chí gọi. Đối tác gọi. Người quen gọi.

Luân cũng gọi ...

Ngay lúc điện thoại rung đến cuộc gọi thứ năm của Luân, Diễm Thư mới với tay cầm máy lên. Nàng nhìn tên ông hiện trên màn hình vài giây, rồi để mặc cho tiếng chuông đổ hết một lượt mới nhấn nghe. Đầu dây bên kia im lặng một thoáng, như thể Luân cũng đang cân nhắc nên bắt đầu bằng tư cách nào: một người đàn ông từng chung chăn gối, một đối tác làm ăn, hay một kẻ đang tính đường rút lui cho chính mình.

— Em tính sao? Giọng ông trầm xuống, nghe có vẻ lo lắng nhưng vẫn không giấu được cái tỉnh táo của người quen cân đo mọi tình huống bằng lời lỗ.

Diễm Thư tựa người vào ghế, mắt vẫn nhìn ra mặt biển tối đen ngoài kia.

— Anh hỏi cho em, hay hỏi cho anh?

Ở đầu dây bên kia, Luân khẽ thở ra. Tiếng thở dài ấy không hẳn là bất lực, mà giống tiếng một người vừa bị chạm trúng chỗ không tiện nói thật.

— Anh không muốn bị cuốn theo nếu chuyện đi xa hơn.

Câu nói thẳng thừng đến mức Diễm Thư bật cười. Không lớn, nhưng đủ để nàng thấy trong lòng mình vừa đứt thêm một sợi dây mà trước giờ vẫn tưởng còn bền chắc.

Thật ra nàng không bất ngờ. Luân thuộc loại đàn ông luôn tin rằng mọi mối quan hệ đều cần có lối thoát hiểm. Khi cùng thắm, ông sẵn sàng nâng ly chúc tụng, kể cả nói những lời nghe tưởng như chân tình. Nhưng đến lúc con thuyền bắt đầu nghiêng, bản năng đầu tiên của ông không phải là giữ người đi cùng, mà là lặng lẽ tính xem mình phải bước qua phía nào để khỏi bị chìm.

— Vậy thì anh cứ bước ra trước đi. Diễm Thư nói, giọng bình thản đến lạnh.

Luân im một lúc lâu rồi mới lên tiếng, lần này giọng ông thoáng chút mệt mỏi.

— Em lúc nào cũng nghĩ ai đứng bên cạnh mình cũng vì tình nghĩa hoặc quyền lợi. Thiệt ra anh chỉ nghĩ khác em ở một chỗ. Em tin mình đủ mạnh để giữ mọi thứ. Còn anh biết trên đời này không có thứ gì giữ được mãi.

Diễm Thư nhắm mắt lại. Câu nói ấy, nghe cho cùng, đó là lời biện hộ, và cũng là một kiểu thú nhận. Luân không tàn nhẫn hơn nàng. Ông chỉ thành thật hơn trong bản năng tự cứu mình.

— Anh nói đúng, nàng đáp khẽ.

— Có điều, tới bây giờ em mới thấy thú mình cố giữ lâu nay chưa chắc đã đáng để giữ.

Không ai nói thêm gì nữa. Ngoài biển, một tia chớp xé ngang chân trời rồi tắt phụt. Nàng đặt điện thoại xuống. Màn hình tối lại rất nhanh, cũng giống như bao nhiêu gương mặt từng hiện diện rộn ràng trong đời nàng, đến lúc cần mới lặng lẽ tắt đi, không để lại gì ngoài cảm giác se lạnh chạy dọc trong ngực. Diễm Thư không thấy giận Luân. Nàng chỉ thấy buồn. Một nỗi buồn chậm và sâu, như khi cuối cùng người ta hiểu rằng thú mong manh nhất trên đời không phải tiền bạc hay quyền lực, mà là niềm tin rằng sẽ có ai đó ở lại bên mình khi mọi lợi ích đã rút lui.

Điện thoại rung liên tục. Người này gọi, người kia nhắn tin, hết đối tác đến bạn bè, rồi những mối quan hệ lâu nay vẫn xưng là thân thiết. Nhưng giữa chừng ấy cuộc gọi, không một ai hỏi nàng có đang sợ không, đêm qua có chợp mắt được chút nào không, hay trong lòng đang rối bời ra sao. Điều họ thực sự muốn biết chỉ gói trong một câu ngắn ngủi, khô lạnh như tiếng máy đếm tiền lật từng xấp bạc:

— Chuyện này có kéo tụi tôi xuống theo em không?

Diễm Thư bật cười. Tiếng cười mỏng và nhạt, tan nhanh như lớp bọt rượu trên miệng ly. Tới lúc đó nàng mới thấy, thú người ta vẫn gọi là tình nghĩa nhiều khi cũng chỉ co giãn theo lợi ích, tưởng bền chặt lắm. Nhưng hễ chạm

tới quyền lợi của chính mình thì lập tức lộ ra bản chất mỏng hơn cả một lớp cao su.

6.

Sáng hôm sau, tin lão Sáu Bửu chết lan đi khắp bán đảo Sơn Trà nhanh như gió biển lùa qua những xóm chài. Người ta bắt đầu xì xào đủ chuyện. Người thì nói mấy bà cung phi năm xưa đã hiện về đòi lại phần đất bị lấn chiếm. Người thì quả quyết đêm qua thấy mấy bóng đàn bà mặc áo xưa đứng lặng ngoài Bãi Bụt, tóc xõa dài trong sương sớm. Lại có người bảo nghe tiếng hát Huế văng vẳng từ trong rừng vọng ra, mỏng như khói mà buồn đến rợn người. Ngoài chợ cá, mấy bà bán hàng vừa lựa cá vừa lâm râm khăn biển, cắm nhang ngay bên rổ mực còn tươi rói. Đà Nẵng vốn là thành phố của gió, mà gió thì lúc nào cũng mang theo lời đồn. Nhiều khi lời đồn còn len lỏi nhanh hơn công văn, mạnh hơn cả pháp luật.

Trưa hôm đó, Diễm Thư tự lái xe lên chùa Linh Ứng. Chính nàng cũng không giải thích được vì sao mình lại tìm tới nơi này. Có thể khi con người bắt đầu biết sợ, dù trước đó từng cười nhạt mỗi khi nghe người ta nói tới nhân quả hay báo ứng, trong lòng cũng tự nhiên muốn tìm một chỗ có tiếng chuông chùa để ngồi yên với chính mình. Sau cơn mưa đêm, trời Đà Nẵng trong đến nao lòng. Mây trắng trôi lững lờ trên đỉnh Sơn Trà, mỏng như khói. Biển dưới chân núi xanh thẳm, một màu xanh sâu hun hút, nhìn lâu tưởng như cả đáy mắt mình cũng ngập nước. Giữa nền trời lồng lộng ấy, tượng Quan Âm trắng cao vút đứng lặng nhìn xuống thành phố. Gương mặt Người không buồn, không vui, chỉ bình thản như một kẻ đã thấy hết những được mất,

hơn thua, khóc cười của cõi nhân gian mà vẫn giữ được sự im lặng của lòng từ bi.

Diễm Thư ngồi xuống dưới hàng tượng La Hán bằng đá. Gió biển thổi qua mang theo vị mặn của sóng và mùi lá còn ướt nước mưa, làm mấy sợi tóc nơi thái dương nàng bay rối. Xa xa, tiếng chuông chùa ngân lên một tiếng trầm và sâu, lan ra giữa trời nước mênh mông, nghe như có ai vừa gõ nhẹ vào phần tĩnh lặng nhất trong lòng người.

Một vị sư già chậm rãi bước tới. Dáng ông gầy, chiếc áo nâu sòng lay nhẹ theo gió. Ông đứng cạnh nàng một lúc lâu, lặng lẽ như thể đang chờ cho tâm trí người đối diện dịu xuống, rồi mới cất tiếng hỏi bằng giọng hiền và ấm:

— Cô mấy bữa nay ngủ không được, phải không?

Diễm Thư nhếch môi cười, nửa đùa nửa thật:

— Thầy biết coi bói nữa sao?

Vị sư già khẽ lắc đầu. Đôi mắt ông hiền như mặt hồ vừa qua cơn mưa.

— Người nào trong đầu có quá nhiều tiếng nói thì nhìn vô mắt là biết liền. Mắt mệt lắm.

Diễm Thư im lặng. Nàng đưa mắt nhìn ra khoảng biển mênh mông trước mặt, nơi từng lớp sóng bạc đầu đang nổi nhau xô vào bờ đá, rồi mới hỏi nhỏ:

— Thầy có tin là trên đời này có ma không?

Vị sư già cũng nhìn ra xa, nơi những đám mây trắng đang thong thả trôi qua đầu bán đảo.

— Có những thứ đâu nhất thiết phải gọi là ma.

Ông ngừng một chút rồi nói tiếp, giọng chậm rãi như từng lời được rút lên từ đáy một giếng sâu:

— Nỗi oan, nỗi giận và những điều người sống cất trong lòng quá lâu, tới lúc nào đó tự nó cũng thành bóng tối.

Diễm Thư cười khế. Tiếng cười nghe như lời bông đùa, nhưng trong đó có cái mệt của một người đã đi quá xa.

— Nếu vậy, chắc con mang theo nhiều lắm.

Vị sư già quay sang nhìn nàng. Ánh mắt ông vẫn hiền, nhưng sâu và tĩnh như nước giếng cổ.

— Điều đáng sợ nhất không phải là bị người khác oán trách.

Ông dừng lại, để câu nói lắng xuống như một giọt nước rơi vào chỗ sâu nhất trong lòng nàng.

— Mà là tới một ngày, chính mình cũng không còn tha thứ nổi cho mình nữa.

Diễm Thư ngồi yên rất lâu dưới hàng tượng đá. Gió từ biển tiếp tục thổi lên, mang theo mùi muối, mùi nhang và cả mùi đất ẩm còn sót lại sau cơn mưa đêm trước. Dưới chân núi, thành phố Đà Nẵng trải dài lấp lánh trong nắng trưa, sáng như một tấm gương vừa được lau sạch đến mức người ta dễ quên rằng để có được vẻ đẹp đó, biết bao lớp bùn đất, mồ hôi và những cuộc đổi chác âm thầm đã bị chôn xuống tận đáy. Ánh mắt nàng dừng lại ở dải resort ven biển phía xa, nơi khu nghỉ dưỡng của mình hiện lên như một vệt bê tông trắng phau nằm đè lên vùng đất mà dân chài ngày xưa gọi là bãi Cồn Mả. Thuở chưa bị san lấp, nơi đó có vài ngôi mộ vô danh của những người chết biển dạt vào bờ.

Không ai biết tên tuổi, không ai rõ quê quán, nên dân làng dựng một ngôi miếu nhỏ để thờ chung, coi như cho những linh hồn lạc loài có chỗ đi về. Đến lúc giải tỏa, người ta bốc mộ qua loa rồi san đất cho phẳng.

Trong cuộc họp ngày hôm đó, chính Diễm Thư đã buông một câu lạnh tanh:

— Người chết rồi thì cần gì đất nữa.

Nói xong, nàng cũng thấy trong lòng mình thoáng qua một luồng lạnh, mỏng mà sắc như gió biển lùa qua kẽ áo. Nhưng rồi nàng vẫn ký tên. Đời làm ăn nhiều khi giống như một ván bài. Hễ thấy đối phương chùn tay thì mình phải tổ thêm, bởi nếu mình không ăn, sớm muộn gì cũng sẽ có kẻ khác ngồi xuống và vét sạch phần còn lại.

*

Chiều xuống, Diễm Thư lái xe theo đường Hoàng Sa. Biển mùa này xanh đến mức nhìn lâu thấy tim mình mỗi nhừ. Dọc bờ biển, khách du lịch chen nhau đi lại, mấy cô gái trẻ mặc bikini cười nói rộn ràng, đám trai Hàn Quốc tụ tập trước quán bar hút thuốc, còn những chiếc xe sang nối đuôi nhau lướt qua, như một cuộc diễu hành lặng lẽ của tiền bạc. Đà Nẵng bây giờ khác xa cái thời nàng mới đặt chân tới. Hồi đó, nàng thuê một căn phòng nhỏ gần chợ Cồn, nóng hầm hập như cái lò than. Đêm nằm nghe tiếng xe tải ngoài đường, tiếng tàu ngoài cảng hú dài trong bóng tối, mà thấy tương lai mình cũng mù mịt như mặt biển đêm. Nàng từng đi bán hải sản thuê, từng ngồi nhậu với đám thương lái tới ba giờ sáng để chốt giá cá, từng bị chủ ghe bóp đùi giữa quán mà vẫn phải cười như không có chuyện gì. Con gái đẹp mà nghèo ở đời này nhiều khi giống miếng mồi treo

trước bày chó đói. Không cần được thì chúng cũng tìm cách liếm cho bằng được.

Diễm Thư dừng xe trước một quán bar ven biển. Nhạc bên trong dội ra từng chập như sóng đánh vào ghềnh đá. Vừa bước vô, nàng đã cảm thấy nhiều ánh mắt quay theo. Ở tuổi này, Diễm Thư vẫn đẹp theo kiểu khiến người ta vừa bị hút vào, vừa thấy khó chịu. Không còn nét non tơ của gái trẻ, mà là vẻ quyến rũ của người đàn bà từng trải, biết rõ mình muốn gì và nhìn đàn ông bằng con mắt vừa tỉnh táo, vừa sắc như dao.

Khải đang ngồi ở góc quán. Hai mươi tám tuổi, kiện tướng thể hình, da ngăm, vai rộng, mang cái vẻ khỏe mạnh và thật thà của một thằng con trai chưa kịp học hết những thủ đoạn của đời. Thấy nàng, Khải đứng dậy kéo ghế:

— Chị uống gì?

Diễm Thư nhìn nó, cười nửa miệng:

— Em.

Khải bật cười, lộ hàm răng trắng đều. Nàng cũng cười theo. Hồi trẻ, nàng từng dùng kiểu nói đó để quyến rũ đàn ông, không ngờ đến tuổi này, nó vẫn còn hiệu nghiệm. Người ta cứ tưởng đàn bà lớn tuổi thì ham muốn cũng nguội đi. Thiệt ra không phải vậy. Tuổi tác chỉ khiến dục vọng bớt ồn ào, nhưng tinh vi và có nghề hơn.

Rượu tới ly thứ ba thì trời lại đổ mưa. Những hạt mưa đập rào rào lên mái kính như cả bầu trời đang nghiêng xuống mặt biển. Khải lái xe đưa nàng về villa. Đường ven biển vắng hoe. Ngoài kia, sóng đen cuộn lên từng lớp bọt trắng dưới những tia chớp lóe sáng rồi tắt ngay như ánh

mắt bất an trong lòng người. Về tới nhà, Diễm Thuơ quăng áo khoác lên ghế rồi quay lại nhìn Khải. Thằng nhỏ đứng đó, áo còn phảng phất mùi nước mưa và mùi da thịt đàn ông trẻ tuổi ngai ngái, tươi nóng. Nàng bước tới, kéo nhẹ cổ áo nó xuống.

— Em biết vì sao chị thích trai trẻ không?

Khải cười:

— Vì tụi em khỏe?

Nàng lắc đầu, giọng khàn đi một chút.

— Vì tụi em chưa học được cách giả bộ yêu.

Nói rồi, Diễm Thuơ bắt gờ chụp lấy cổ áo Khải, kéo cậu chàng sát vào mình và đặt lên môi nó một nụ hôn dài, sâu và dữ dội. Như thể trong khoảnh khắc đó nàng muốn dốc cạn hết những nén chặt, những bất an và cả nỗi cô độc đã đè nặng lên lòng mình suốt bao năm trời. Đó không còn là nụ hôn dè dặt của một người đàn bà còn giữ kẽ, còn sợ ánh mắt thiên hạ, mà là nụ hôn của kẻ đã đi qua quá nhiều được mất, quá nhiều lần thắng mà vẫn thấy lòng trống hoác, để đến lúc này chẳng còn buồn bận người đời sẽ nghĩ gì nữa.

Ngoài trời, sấm nổ dội ngang mặt biển làm những khung kính rung lên bần bật. Từng tia chớp trắng lạnh lóe sáng rồi tắt phụp, hắt bóng hai người chập chờn lên vách tường như hai ngọn lửa vừa chạm nhau giữa cơn giông, vừa dữ dội vừa mong manh như có thể vụt tắt bất cứ lúc nào.

Khải gần như không kịp nghĩ ngợi gì. Bị cuốn theo hơi thở nóng rẫy và sự cuồng quýt bất thường của nàng, nó vòng tay nhắc bổng Diễm Thư đặt lên mép bàn bếp. Tấm lưng nàng ngả ra phía sau, mái tóc đen xõa xuống thành một dòng nước tối tràn qua mép bàn, còn đôi chân thì quăn chặt lấy hông cậu bằng một sức níu của bản năng và tuyệt vọng, tưởng chừng như chỉ cần buông ra một chút thời là tất cả sẽ lại tuột khỏi tầm tay.

Diễm Thư kéo bàn tay nóng ran của Khải áp lên lồng ngực mình, nơi trái tim đang đập dồn dập đến đau nhói, rồi ghé sát vào tai cậu. Hơi thở nàng gấp, đứt quãng, giọng nói run lên, vừa van nài vừa ra lệnh:

— Mạnh lên, Khải... mạnh nữa đi... đừng nường tay. Đừng dừng lại. Đừng để Thư nghĩ gì hết... mạnh nữa... nhanh lên... trời ơi...

Tiếng ly rượu bị hất rơi xuống nền đá vang lên một tiếng khô sắc, rồi vỡ choang thành nhiều mảnh lấp lánh dưới ánh chớp. Ngoài kia, mưa quất rào rạt lên mái kính, gió từ phía biển rít qua từng khe cửa, còn trong căn villa tối, hơi thở và nhịp chuyển động của hai con người đang cuốn vào nhau dồn dập như một cơn nước lớn. Cả hai đều muốn mượn thân thể của nhau để thoát khỏi những điều đang bủa vây trong lòng.

Diễm Thư nhắm nghiền mắt lại. Trong khoảnh khắc ấy, nàng có cảm giác như cánh cửa nào đó trong sâu thẳm vừa bật tung, để bao nhiêu cảm xúc bị dồn nén bấy lâu tràn ra cùng lúc. Nàng thấy mình như quay về tuổi ba mươi, cái thời còn tin rằng mỗi cuộc ân ái không chỉ là sự gần gũi của thể xác. Mà là một cuộc cướp bóc dịu dàng, nơi hai linh hồn

cô độc giằng lấy nhau, tự nguyện trao cho nhau phần yếu đuối nhất của đời mình.

Khải thì ôm ghì lấy nàng, vòng tay siết chặt như sợ chỉ cần buông lỏng một chút thôi thì người đàn bà này sẽ tan biến vào bóng tối. Diễm Thư ngửa đầu ra sau, mái tóc xõa tràn xuống lưng, bờ vai và đôi môi run lên theo từng nhịp thở gấp. Một cảm giác mãnh liệt dâng lên trong người nàng như con nước lớn giữa đêm trăng, cuộn cuộn và không sao cưỡng lại được. Khiến hai đầu gối mềm nhũn, run rẩy, bám chặt lấy Khải, như người đang lênh đênh giữa sóng dữ, đến phút cuối cùng mới tìm được một chỗ để neo mình lại.

Và đúng vào lúc đó, từ cuối hành lang vang lên tiếng guốc gỗ.

Cộc.

Cộc.

Cộc.

Khải khựng lại, ngẩng đầu lên.

— Chị có nghe không?

Diễm Thư mở mắt. Máu trong người nàng như đông cứng lại. Tiếng guốc tiếp tục vang lên, chậm rãi mà rõ mồn một, lần này dừng ngay trước cửa bếp. Rồi một tràng cười khe khẽ nổi lên.

Khúc khích.

Khúc khích.

Giọng Huế mỏng như sợi tơ, mà lạnh như nước giếng khuya.

Khải bật dậy, quay ra bóng tối:

— Ai đó?

Không có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng mưa và tiếng gió rít ngoài biển. Rồi ngay trên nền gạch bóng loáng của căn bếp, nước bắt đầu rịn lên từng vệt. Không phải nước mưa, mà là thứ nước đỏ đục, tanh ngai ngái như máu hòa với bùn đất. Khải tái mặt. Diễm Thư đứng chết lặng. Giữa lớp nước đỏ đang loang dần trên nền nhà, hiện ra những dấu chân đàn bà rất nhỏ, từng bước một, lặng lẽ đi thẳng vào phòng ngủ của nàng.

Cộc.

Cộc.

Cộc.

Tiếng guốc vẫn tiếp tục vang lên trong bóng tối. Nhưng điều kỳ lạ nhất là Diễm Thư chợt nhận ra, âm thanh đó dường như không vọng lên từ sàn nhà, mà đang bước từng nhịp ở đâu đó rất sâu bên trong đầu nàng.

Khải đứng chết lặng giữa căn bếp, mặt tái nhợt như vừa bị rút hết sinh khí. Thằng con trai ban nãy còn ôm siết Diễm Thư bằng cái sức trẻ hừng hực, giờ nhìn lại như một đứa lạc giữa nghĩa địa, không còn biết bám víu vào đâu.

— Chị, cái gì vậy?

Diễm Thư không đáp. Nàng bước chậm theo những dấu chân đỏ đang in trên nền gạch ướt, nhỏ thôi nhưng rõ

đến rợn người, gót nhọn, ngón khép kín như bàn chân quen đi hài cung nữ. Những vệt nước kéo dài thẳng lên cầu thang, như có ai cố tình dẫn đường, không cho nàng lạc.

Tiếng guốc vẫn vang đều trong không gian ảm lạnh.

Cộc.

Cộc.

Khải nắm lấy tay nàng, giọng run:

— Đừng lên.

Diễm Thư nhẹ nhàng gỡ tay cậu ra, bước một mình lên cầu thang.

— Nếu ma thiệt thì chắc nó tìm chị, chứ không tìm em.

Nói xong, chính nàng cũng thấy sống lưng mình lạnh buốt như có nước đá trườn qua.

Phòng ngủ tối sập. Gió biển từ ngoài thốc vào làm rèm trắng bay phàn phật. Trong không khí có mùi trầm hương rất cũ, ngai ngái và lạnh như hơi thở của người đã đi xa không về. Ngay giữa giương, một người đàn bà ngồi đó. Áo Nhật Bình màu lục sẫm. Tóc dài buông thẳng xuống mép nệm. Dáng ngồi ngay ngắn đến lạnh người. Khải phía sau bật thét:

— Má ơi!

Cậu quay đầu bỏ chạy xuống cầu thang. Diễm Thư đứng ở cửa, không bước thêm, cũng không lùi.

Người đàn bà từ từ ngẩng mặt lên. Gương mặt đẹp đến kỳ lạ, kiểu đẹp của phụ nữ Huế xưa: mắt dài, môi mỏng, da trắng xanh như người vừa rút khỏi nước sâu. Giọng bà ta cất lên, mềm mà lạnh:

— Mi giống ta quá.

Diễm Thư siết chặt tay:

— Bà là ai?

Một nụ cười nhạt thoáng qua.

— Một con đàn bà từng được vua sủng ái rồi bị quên.

Ngoài kia sấm nổ, ánh chớp hắt vào phòng làm không gian rung lên từng nhịp. Bà ta đưa tay vuốt mái tóc dài, móng tay đen nhọn lướt qua như lưỡi dao.

— Hồi trong cung, tụi ta cũng tranh nhau bằng thân xác như bây.

Bà dừng lại, ánh mắt sâu hút:

— Chỉ khác là tụi ta chỉ bán cho một ông vua.

— Còn bây thì bán cho cả thiên hạ.

Diễm Thư bật cười khan:

— Ít ra tôi được chọn người tôi muốn ngủ chung.

Người đàn bà nhìn nàng rất lâu, ánh mắt như mở ra một vực sâu không đáy.

— Thiệt không?

Một câu hỏi ngắn thôi mà làm tim nàng khựng lại. Trong khoảnh khắc ấy, Diễm Thư thấy rõ những đêm mình nằm cạnh đàn ông, mà đầu óc không còn là thân thể, mà là hợp đồng, đất đai, dự án, những cái bắt tay ướt rượu và quyền lực. Những lần nàng để người ta chạm vào mình chỉ để đổi lấy một chữ ký. Thân xác, đôi khi cũng là một loại vốn, mà vốn thì luôn phải sinh lời.

Nàng ngồi xuống mép giường, đối diện người đàn bà áo Nhật Bình. Ngoài biển, mưa quá trắng xóa như ai đang xé trời.

— Nếu hỏi đó bà được chọn, bà có khác tôi không?

Rất lâu sau, người kia mới khẽ cười. Nụ cười buồn đến nhói.

— Không.

Một chữ thôi, mà nghe như tiếng đá rơi xuống đáy nước sâu. Diễm Thư bỗng nghẹn lại. Trước mắt nàng là một kiếp đàn bà triều Nguyễn, bị nhốt trong lễ nghi vàng son, sống mà không được sống cho mình. Và nàng hiểu, cái đáng sợ nhất không phải ma quỷ, mà là số phận đàn bà qua bao đời vẫn bị buộc phải đem thân mình đổi lấy một con đường để tồn tại. Ngày xưa là ân sủng. Bây giờ là quyền lực.

Diễm Thư ngồi yên trên mép giường rất lâu. Ngoài biển, mưa vẫn quá trắng xóa. Người đàn bà áo Nhật Bình không nói thêm gì. Bà chỉ khẽ đứng dậy, bước về phía cửa sổ, rồi tan vào màn mưa như chưa từng hiện diện.

Còn lại một mình, Diễm Thư đặt tay lên ngực. Tim vẫn đập. Chậm hơn. Nhưng còn. Từ phòng khách dưới lầu vọng lên tiếng Khải gọi nhỏ:

— Chị ổn không?

Nàng không trả lời ngay. Nhìn ra màn mưa đen đặc ngoài cửa kính, nàng khẽ nói, không biết nói với ai:

— Nếu tôi buông, tôi còn lại gì?

Không có tiếng đáp. Chỉ có gió và sóng. Nhưng trong khoảng lặng ấy, lần đầu tiên câu hỏi đó không còn nghe như một nỗi sợ. Mà giống như một cánh cửa vừa hé mở.

7.

Sáng hôm đó, Đà Nẵng lên nắng rất sớm. Ánh sáng tràn qua mảng kính vỡ của villa, cắt thành từng vệt dài trên nền gạch còn ẩm, như thể đêm qua chỉ là một giấc mơ mỏng vừa tan. Mùi biển sau mưa ùa vào phòng, trong và mặn, sạch đến mức khiến người ta có cảm giác mọi chuyện dữ dội từng xảy ra đều đã bị nước rửa trôi. Nhưng Diễm Thư thì biết rõ, có những thứ không cần dấu vết vẫn không thể nào xem như chưa từng tồn tại.

Khải đã dậy. Cậu chàng nằm im trên sofa, mắt mở nhưng đờ ra, giống người vừa đi qua một cơn sốt kéo dài không có thuốc. Cổ tay còn in vết bầm nhạt, mơ hồ như có ai đó từng nắm chặt lấy cậu ở một ranh giới không thuộc về đời sống bình thường. Khải khẽ cất tiếng, giọng còn khô:

— Chị... hôm qua...

Rồi ngưng lại.

Diễm Thư đứng bên cửa sổ, không quay đầu.

— Em nhớ được gì?

Khải im rất lâu, như đang lục lại một khoảng trống trong trí nhớ.

— Em thấy mấy người đàn bà...

Cậu nuốt khan.

— Nhưng... giống mơ.

Diễm Thư bật cười nhẹ, nụ cười không có chút ấm nào, chỉ như một vệt khói lướt qua.

— Ừ. Mơ thôi.

Câu đó không phải nói với Khải. Nó giống một cách nài nỉ khép lại một cánh cửa trong chính mình, không cho bất cứ thứ gì từ đêm hôm trước tràn ra ban ngày nữa.

Khải chống tay ngồi dậy chậm rãi. Mái tóc nó còn ướt mồ hôi, gương mặt tái xanh như người vừa bị cảm gió sau một đêm dầm mưa giữa rừng. Cậu nói rằng từ lúc tới villa, trong đầu cứ ong ong như có tiếng nước chảy đầu đó rất xa, lúc tỉnh lúc mê, suốt đêm chỉ thấy những hành lang dài hun hút, những tà áo đỏ lướt qua trong bóng tối. Cùng mùi trầm hương cũ cứ quấn quanh nơi đầu mũi. Nói xong, chính cậu cũng lắc đầu cười gượng, vẻ gượng ngừng của một thằng trai trẻ lớn lên trong thời đại điện thoại thông minh và bệnh viện tư nhân. Vốn quen tin vào thuốc men, xét nghiệm và những thứ có thể nhìn thấy trên màn hình hơn là chuyện âm phần hay oan hồn.

— Chắc tại em trúng gió, rồi nghe chị kể nhiều quá nên nằm mơ tầm bậy vậy thôi.

Khải nói nghe nhẹ tênh, nhưng khi đưa tay chạm lên cổ tay còn hằn mấy vết bầm tím, do Diễm Thư nắm quá chặt trong cơn hoảng loạn đêm qua. Ánh mắt cậu chợt chùng xuống, chính cậu cũng không hoàn toàn tin rằng mọi chuyện đơn giản như lời mình vừa nói.

Diễm Thư vẫn đứng quay lưng về phía căn phòng, nhìn nắng đang tròn chậm trên mặt biển sau ô cửa kính. Nàng hiểu rất rõ rằng, nếu đem tất cả những gì vừa xảy ra kể lại cho một bác sĩ tâm thần, người ta có thể gọi đó là sang chấn. Nó từ sự dồn nén quá lâu của mặc cảm, của những lần đánh đổi, của nỗi mệt mỏi tích tụ đến mức tâm trí bắt đầu tự dựng lên những bóng hình để đối thoại với chính mình. Cũng có thể mọi chuyện chỉ bắt nguồn từ ký ức mơ hồ về những câu chuyện bà ngoại kể trong những đêm mưa Huế, về những người đàn bà đẹp mà số phận thường không cho họ được sống yên.

Nhưng nàng cũng biết có những điều không dễ gì giải thích cho gọn ghẽ bằng vài thuật ngữ hiện đại. Vì sao giữa khu rừng đó lại xuất hiện đúng những hình ảnh gắn với dòng họ mình? Vì sao chiếc chuông bạc của bà giữ miếu trao cho lại rung lên đúng vào lúc ấy? Và vì sao trong khoảnh khắc nghe tiếng nói thì thào bên tai, nàng có cảm giác không phải mình đang gặp một điều gì xa lạ, mà chỉ là đang đối diện với một phần ký ức đã đi một vòng rất dài để trở về.

Nghĩ cho cùng, ranh giới giữa ma quỷ và tâm trí nhiều khi mong manh như làn sương sớm trên mặt biển. Con người gọi tên một hiện tượng là siêu nhiên khi chưa

hiều được nó, và gọi là tâm lý khi đã tìm ra vài cách giải thích nghe có vẻ hợp lý hơn. Nhưng dù mang tên gì đi nữa, điều còn lại sau cùng vẫn là cảm giác rất thật, có những nỗi đau không chết theo người đã khuất, có những tiếng thở dài không tan vào hư không, mà âm thầm lắng xuống đất, xuống máu huyết, xuống ký ức của cả một dòng họ và một vùng đất.

Thứ đã tìm đến Diễm Thư gần đây không phải để dọa nàng, mà để buộc nàng nhìn thấy mối liên hệ giữa đời mình với những người đàn bà từng sống trước đó rất lâu. Họ khác nhau về thời đại, áo quần và cách bị đem ra đổi chác, nhưng trong tận cùng, vẫn chung một câu hỏi cũ, một người đàn bà phải trả bao nhiêu cho quyền được tồn tại theo cách của mình.

Diễm Thư dụi tắt điều thuốc đã cháy gần hết. Khói tan rất nhanh trong nắng sớm, mỏng manh như những điều con người tưởng đã quên mà thật ra chỉ đang nằm yên ở đâu đó, chờ đến lúc thích hợp để trở lại. Nàng không còn thấy cần phải xác định đêm qua là thật hay mơ, là linh hồn của những cung nữ xưa hay chỉ là tiếng vọng của chính tâm trí mình. Bởi đôi khi, điều quan trọng nhất không nằm ở chỗ thứ ấy đến từ cõi nào. Mà ở chỗ sau khi nó đi qua, con người không còn có thể sống như trước nữa.

*

Buổi trưa, nàng xuống văn phòng. Tòa nhà kính giữa trung tâm vẫn sáng loáng, lạnh và trơn tru như một khối kim loại được đánh bóng mỗi ngày. Những cuộc gọi, những email, những tập hợp đồng vẫn nằm ngay ngắn đó, chờ ký, chờ vận hành, chờ dòng tiền tiếp tục chảy như chưa từng có gì bị ngưng lại. Trợ lý bước vào, giọng đều:

— Dự án Sơn Trà mở rộng, bên kia muốn gặp chị chiều nay.

Diễm Thư nhìn tập hồ sơ. Chỉ một khoảnh khắc rất ngắn, nàng không còn thấy giấy tờ nữa, mà thấy đất, thấy rừng, thấy những thân cây đã bị khoanh dấu, thấy những con đường đã được vạch sẵn trên bản đồ khi chưa ai hỏi ý những người đang sống trên đó.

Diễm Thư quyết định:

— Hoãn lại.

Trợ lý khựng nhẹ:

— Dạ?

— Hoãn.

Không giải thích gì thêm.

*

Chiều xuống chậm trên mặt biển Đà Nẵng. Ánh nắng cuối ngày trải nghiêng trên con đường ven chân núi như một dải lụa mỏng, lúc vàng óng, lúc xám nhạt theo từng cụm mây đang lững thững trôi ra phía bán đảo. Diễm Thư tự mình cầm lái lên Sơn Trà, không báo cho ai, cũng chẳng buồn xem lịch hẹn hay xác định trước sẽ dừng ở đâu. Nàng chỉ có cảm giác phải đi, như thể trong lòng có một tiếng gọi rất nhỏ nhưng dai dẳng, không dữ dội mà đủ sức kéo người ta rời khỏi mọi thứ quen thuộc.

Dưới chân núi, thành phố vẫn nhộn nhịp như chưa từng biết mỏi. Xe cộ nối nhau trên đường ven biển, du khách nói cười rộn rã, còn những khu nghỉ dưỡng vẫn mở thứ

nhạc êm như nước chảy, khiến người ta ngỡ nơi này sinh ra chỉ để phục vụ sự nghỉ ngơi và những thú vui nhẹ tênh. Nhưng càng lên cao, âm thanh của phố xá càng lùi lại phía sau. Tiếng động cơ thưa dần, tiếng người loăng dần, để rồi sau một khúc cua, chỉ còn rừng hiện ra trước mặt, xanh thẫm, dày đặc và im đến mức tưởng như mọi tiếng nói của con người vừa bước vào đây đều bị lá cây giữ lại hết.

Diễm Thư dừng xe ở đoạn đường gần Bãi Bắc, nơi nhiều năm trước từng được quy hoạch thành một khu nghỉ dưỡng mà người ta từng hào hứng quảng cáo là “cao cấp bậc nhất miền Trung”. Bây giờ, ngoài mấy đoạn taluy cũ và vài cọc mốc rỉ sét, tất cả vẫn còn nằm đó như một giấc mộng chưa thành hình. Gió từ triền núi thổi xuống ào ào, mang theo mùi lá non, mùi đất ẩm và chút vị mặn của biển, làm tóc nàng rối tung trước trán.

Không xa lắm, vài thân cây vẫn còn in những vết sơn đỏ cũ. Lớp màu đã bong tróc theo mưa nắng, loang lổ trên vỏ cây như những vết thương khô miệng mà chưa kịp kéo da non. Diễm Thư bước tới, đặt bàn tay lên một thân cây lớn. Lớp vỏ sần sùi và lạnh buốt dưới đầu ngón tay khiến nàng bất giác rung mình; cảm giác đó thô ráp và lặng câm như da thịt của một sinh thể đã chịu đựng quá lâu mà không biết kêu ai.

Ngay trong khoảnh khắc ấy, từ một nơi rất sâu trong trí nhớ, tiếng guốc gõ lại vọng về.

Cộc.

Cộc.

Không dồn dập như đêm trước, mà chậm rãi, đều đặn, như tiếng bước chân của ai đó đi ngang qua những lớp ký ức đã bị thời gian phủ bụi.

Diễm Thư khép mắt lại. Lần này, trước mắt nàng không hiện lên bóng ma hay những hành lang u tối trong chốn hậu cung. Nàng chỉ thấy một hàng người lặng lẽ nối nhau đi qua, gương mặt ai cũng mờ đi trong gió biển nhưng đáng vẻ thì quen thuộc đến nhói lòng: dân chài sống nhờ từng luồng cá, những người giữ rừng quen nghe tiếng chim hơn tiếng người, và bao phận đời nhỏ bé khác từng đứng ở ranh giới mong manh giữa việc được tiếp tục tồn tại với việc bị xóa khỏi bản đồ chỉ bằng vài nét bút trong phòng họp có máy lạnh chạy êm ru.

Nàng mở mắt, hít một hơi thật sâu rồi thở ra chậm rãi, như thể vừa hiểu ra một điều tưởng đơn giản mà cả đời mình chưa từng nghĩ tới.

— Thì ra...

Giọng nàng nhỏ đến mức gần như tan vào tiếng gió.

— Trên mảnh đất này, đâu phải chỉ có một mình mình đang sống.

Mặt trời lặn xuống phía biển, để lại một quãng sáng đỏ sẫm như than hồng còn âm ỉ dưới lớp tro mỏng. Rừng Sơn Trà đứng lặng trong buổi chiều nhạt nhoang, không nói gì mà cũng đủ khiến lòng người thấy mình nhỏ lại.

*

Tối hôm đó, khi trở về villa số 9, Diễm Thư không còn thấy những dấu chân đỏ trên nền nhà, không nghe tiếng

guốc gỗ trong hành lang, cũng chẳng có bóng áo đỏ nào lần khuất trong gương kính. Chỉ còn gió biển lùa qua những ô cửa mở hé, mang theo tiếng sóng xa xa và thứ mùi mẩn mẫn quen thuộc của đêm ven biển. Nàng ngồi một mình trong phòng khách. Trong không gian yên tĩnh đến lạ, chỉ còn tiếng đồng hồ treo tường nhẩn nại đếm từng giây, tích tắc, tích tắc, đều đặn như thể thời gian chưa bao giờ bận tâm người ngồi dưới nó là ai, đã thắng được bao nhiêu, hay đang mất đi những gì.

Điện thoại sáng lên. Tin nhắn của Khải hiện trên màn hình:

“Em xin lỗi vì hôm qua.”

Diễm Thư nhìn dòng chữ ấy rất lâu. Ngoài cửa kính, sóng biển vẫn miệt mài vỗ vào bờ như một người không biết mệt. Cuối cùng nàng gỡ lại:

“Không phải lỗi của em.”

Ngón tay nàng dừng trên màn hình một lúc, như có điều gì khác muốn nói mà chưa tìm được lời cho trọn vẹn. Rồi nàng gỡ thêm:

“Cũng không phải lỗi của riêng ai hết.”

Nàng đọc lại câu chữ, thấy chúng đúng mà còn thiếu. Nhưng nàng vẫn để đó, không gỡ thêm nữa. Bởi có những điều dù đã dâng lên tới cổ họng, con người ta vẫn không biết phải nói sao để người khác hiểu được hết nỗi lòng mình.

Nàng đặt hai tay lên lan can. Gió từ ngoài biển thổi vào lạnh buốt, lùa qua da thịt như muốn cuốn đi những ý

nghĩ đã đè nặng trong lòng suốt bao năm. Diễm Thư khép mắt lại. Lần đầu tiên sau rất lâu, trong đầu nàng không còn những con số, những khu đất hay những dự án đang chờ ký. Chỉ còn một câu hỏi lặng lẽ hiện lên chua chát, nếu ngày mai mình bước ra khỏi tất cả những thứ này, rốt cuộc còn ai nhớ tới mình ngoài những điều mình đã để lại. Không ai trả lời. Biển vẫn tiếp tục vỗ, không quan tâm người đứng trên bờ đang vỡ ra hay đổi khác. Ngoài xa, một con thuyền nhỏ bật đèn giữa đêm tối, lẻ loi nhưng vẫn đi. Diễm Thư mở mắt. Trong ánh đêm mờ, nàng khẽ nói, như tự trả lời chính mình:

— Nếu phải trả nợ...

Nàng ngừng lại một chút.

— thì cũng nên trả cho ra một con người.

Đêm hôm đó, Diễm Thư ngủ thiếp đi trên ghế sofa. Nàng không bật đèn. Ngoài khung kính, Đà Nẵng vẫn sáng rực với những dải đèn xe chạy như những dòng lửa nhỏ, nhưng trong lòng nàng là một khoảng tối lặng và sâu hơn bất kỳ đêm nào trước đó.

Trong giấc ngủ chập chờn, nàng lại thấy mình bước vào hoàng thành Huế. Không còn những hành lang hun hút hay tiếng thì thầm lao xao sau rèm gấm như những lần trước. Cả Tử Cấm Thành chìm trong thứ ánh sáng mờ đục của buổi rạng đông, khi đêm chưa dứt hẳn mà ngày cũng chưa đủ sáng để soi rõ lòng người. Những mái ngói lưu ly phủ một lớp sương mỏng. Hồ nước đứng yên, phẳng như mặt gương cũ. Không gian im lặng đến mức nàng nghe rõ tiếng bước chân mình vọng trên nền gạch Bát Tràng lạnh ngắt.

Cuối sân, người đàn bà áo lục đang đứng đó. Vầng gương mặt thanh tú với nét buồn thắm sâu như đã ngấm vào từng đường nét, vãn mái tóc đen dài phủ xuống lưng như một dòng nước tối, nhưng lần này bà không ngời chải tóc, cũng không cất lên những lời sắc lạnh. Bà chỉ đứng yên, hai tay đặt trước bụng, nhìn Diễm Thu bằng ánh mắt buồn đến mức người ta có cảm giác trong đó không còn oán hận, trách móc, mà chỉ còn lại nỗi mệt mỏi của một người đã đi qua quá nhiều năm tháng để hiểu rằng phán xét sau cùng không nằm ở lời nói.

Diễm Thu bước tới vài bước rồi dừng lại. Dưới chân nàng, nền gạch bóng trong suốt như mặt nước. Trong lớp nước mờ hiện lên những hình ảnh mà nàng tưởng mình đã quên. Căn phòng thủ thuật lạnh ngắt với mùi thuốc sát trùng hăng hắc, trần nhà trắng toát sáng lóa như không có một chút bóng tối nào để người ta trốn, tiếng máy chạy rè rè đều đặn, vô cảm như một thứ nhịp điệu không thuộc về sự sống. Nàng thấy chính mình nằm đó, mắt mở trân trân, môi mím chặt, cổ tỏ ra dửng dưng như thể chỉ đang giải quyết một việc cần thiết trong đời.

Rồi những hình ảnh ấy tan ra như khói. Mặt nước dưới chân lại hiện lên những chấm sáng nhỏ li ti, giống như những đóm đèn hoa đăng trôi giữa dòng sông đêm. Chúng không nói gì, chỉ lặng lẽ trôi qua, mong manh đến nỗi tưởng như một hơi thở mạnh cũng đủ làm tắt mất. Diễm Thu muốn cúi xuống chạm vào, nhưng hai bàn tay nàng run lên và không sao nhấc nổi.

Người đàn bà áo lục vẫn nhìn nàng. Một lúc rất lâu, bà mới khẽ nói, giọng trầm và dịu như tiếng gió lùa qua màn trúc:

— Những đứa nhỏ chưa kịp thành hình, nhưng vẫn biết tìm về trong giấc ngủ của mẹ nó.

Diễm Thư thấy cổ họng mình nghẹn lại.

Nàng chờ một lời trách cứ, một câu kết tội, hay ít nhất là ánh mắt khinh bỉ như nàng vẫn tự dành cho chính mình trong những đêm mất ngủ. Nhưng người đàn bà trước mặt chỉ lặng lẽ nhìn nàng, ánh mắt buồn và sâu như mặt nước mùa thu. Trong đó có điều gì giống với sự cảm thông của những người đã từng chịu đựng nhiều đến mức không còn nổi nặng lời với ai nữa.

Bà bước tới gần hơn. Đầu ngón tay lạnh như sương khẽ chạm lên bụng nàng.

— Đàn bà tội ta, nhiều khi cả đời cứ tưởng mình đang chọn lựa. Tới lúc ngoảnh lại mới hay có những quyết định theo mình lâu hơn mình tưởng.

Giọng bà không hề có chút kết án nào, nhưng chính sự dịu dàng ấy lại khiến Diễm Thư đau hơn mọi lời trách móc.

Nàng quỳ sụp xuống nền gạch, nước mắt trào ra lúc nào không hay. Suốt bao năm qua, nàng đã quen đứng thẳng giữa những cuộc mặc cả, quen nhìn người khác bằng ánh mắt lạnh tanh, quen coi tổn thương như cái giá phải trả để tồn tại. Vậy mà trong giấc mơ này, trước một người đàn bà đã chết từ mấy trăm năm trước, nàng bỗng thấy mình nhỏ bé như một đứa trẻ vừa đi lạc quá xa.

Người đàn bà áo lục không đỡ nàng dậy. Bà chỉ đứng đó, im lặng nhìn xuống, ánh mắt vẫn buồn nhưng đã dịu đi rất nhiều. Dường như điều bà muốn nói, rốt cuộc

không phải là lên án, mà là buộc Diễm Thư lần đầu tiên phải nhìn thẳng vào phần sâu nhất trong lòng mình.

Xa xa, tiếng guốc gõ lại vang lên.

Cộc.

Cộc.

Nhưng lần này âm thanh ấy không còn lạnh lẽo hay đe dọa. Nó chậm rãi, trầm đều như nhịp thời gian vẫn bước qua đời người, mang theo mát mát, lổn lổn, và cả cơ hội cuối cùng để hiểu ra điều gì thật sự đáng giữ.

Khi Diễm Thư ngẩng lên, người đàn bà áo lục đã mờ dần trong màn sương sớm. Bà không nói thêm một lời. Chỉ trước lúc tan vào khoảng sáng bằng lăng của hoàng thành, khóe môi bà khẽ cong lên thành một nụ cười buồn đến nao lòng, có thể là đã tha thứ cho đàn bà ở mọi thời đại.

Diễm Thư choàng tỉnh khi trời ngoài cửa kính vừa hửng sáng. Biển phía xa phẳng lặng lạ thường. Một vệt nắng mỏng đầu tiên đang rón rén bò lên mặt nước, dịu dàng như bàn tay ai đó khẽ chạm vào một vết thương đã đau quá lâu.

*

Sáng hôm sau, Đà Nẵng có một thứ ánh sáng rất lạ. Không phải kiểu nắng gắt quen thuộc của miền Trung, mà là thứ ánh sáng mềm hơn, như đã đi qua một lớp nước mỏng rồi mới rơi xuống mặt đất. Thành phố sau đêm dài mưa dường như cũng dịu lại, không còn gắt gỏng, không còn ồn ào như những ngày trước.

Diễm Thư thức dậy từ rất sớm. Nàng không ngủ nhiều, cũng không còn cảm giác nặng nề như mấy đêm trước. Chỉ là trong người có một khoảng trống kỳ lạ, giống như sau một cơn bão lớn, khi mọi thứ đã bị cuốn sạch, con người ta không còn biết phải bám vào đâu để mà sợ nữa. Nàng bước ra khỏi villa. Không mang theo điện thoại, không gọi trợ lý, cũng không cần xe. Chỉ có nàng và con đường ven biển dài hun hút, nằm giữa một bên là núi, một bên là nước, như một vết cắt lạng lẽ của đất trời.

Sơn Trà buổi sáng yên đến lạ. Rừng vẫn đứng đó, dày và im, như chưa từng bị ai gọi tên bằng những khái niệm như “dự án”, “đất vàng” hay “khu du lịch chiến lược”. Diễm Thư đi bộ lên dốc, không định hướng rõ ràng, chỉ đi. Mỗi bước chân như đang tách nàng ra khỏi một lớp đời sống cũ, lớp mà nàng đã từng nghĩ là duy nhất. Đến một đoạn đường vắng, nàng dừng lại. Trước mặt là rừng sâu, ánh sáng không rơi tới hết, chỉ loang lổ giữa những tầng lá. Gió lùa qua tán cây tạo thành âm thanh khe khẽ, như tiếng thì thầm rất xa. Và lần này, không có guốc, không có máu, không có bóng đàn bà áo đỏ nào trở lại. Chỉ còn đất. Rất thật. Rất im. Diễm Thư ngồi xuống bên một gốc cây lớn, tay đặt lên lớp đất ẩm lạnh. Rồi nàng bật cười nhẹ, không vui cũng không buồn, chỉ như một hơi thở vừa thoát ra.

— Hóa ra mình đã sống lâu như vậy mà không từng chạm tới đất.

Câu nói rơi xuống giữa rừng, không ai trả lời. Nhưng trong khoảnh khắc đó, ký ức trong nàng trở dậy, không rời rạc như trước mà nối thành một dòng dài: những cuộc họp kín, những bản quy hoạch trải trên bàn lạnh, những cái bắt tay có mùi rượu và quyền lực, những lần ký giấy không đọc

hết dòng chữ nhỏ, những nụ cười của đàn ông đứng trên cao, và cả những ánh mắt người nghèo nhìn đất mình bị khoanh lại như một đường kẻ vô hình trên bản đồ. Tất cả không còn tách rời nữa, mà nhập lại thành một con đường dài, và nàng nhận ra mình đã đi qua nó bằng chính đôi chân mình.

Phía sau có tiếng bước chân. Diễm Thư không quay lại.

— Chị lên đây một mình hả?

Khải. Giọng cậu còn hơi khàn, như chưa hoàn toàn thoát khỏi cơn ám ảnh đêm trước.

Diễm Thư gật nhẹ.

— Ừ.

Khải đứng lặng một hồi rồi mới ngồi xuống bên cạnh nàng. Anh không hỏi thêm điều gì nữa. Giữa khoảng rừng yên vắng, cả hai chỉ ngồi đó trong im lặng. Lần đầu tiên, giữa họ không còn khoảng cách của tiền bạc, tuổi tác hay những đêm từng quấn quýt bên nhau. Chỉ còn lại hai con người bé nhỏ giữa một thành phố đang mỗi ngày một lớn thêm.

Khải khẽ lên tiếng:

— Hôm trước em sợ dữ lắm.

Diễm Thư không trả lời ngay, chỉ cúi nhìn đôi bàn tay mình.

— Mà giờ lại tỉnh táo ngồi đây.

Khải cười nhè nhẹ.

— Ừ... lạ thật.

Một khoảng im lặng kéo dài rồi nó nói tiếp:

— Em không hiểu chuyện gì xảy ra. Nhưng em thấy giống như mình bị kéo vô một cái gì đó lớn hơn mình.

Diễm Thư khẽ gật.

— Lớn hơn cả chị nữa.

Khải quay sang nhìn nàng.

— Là gì vậy chị?

Diễm Thư im rất lâu. Rồi nàng nói chậm rãi, từng chữ như được rút ra từ một nơi sâu hơn suy nghĩ:

— Là thứ mà tụi mình tưởng điều khiển được.

— Nhưng thật ra mình chỉ là đang đứng trong đó.

Gió thổi xuyên qua những tán rừng già, làm lá cây xào xạc như có ai đang lặng lẽ bước ngang qua miền ký ức. Âm thanh ấy không lớn, nhưng đều đều và dai dẳng, nghe như tiếng thì thầm của đất sau bao năm bị chôn lấp dưới những lớp toan tính của con người.

Chiều xuống, Diễm Thư lái xe trở về thành phố. Nhưng thay vì rẽ về villa số 9 hay ghé lại văn phòng như mọi khi, nàng đi thẳng đến khu đất ven Sơn Trà đang chuẩn bị san lấp. Công nhân đã rút gần hết. Những chiếc xe múc nằm bất động giữa khoảng đất trống, càng cua sắt đen sì chĩa lên trời như những con thú khổng lồ vừa mệt mỗi ngủ quên. Trên cao, bầu trời phủ một màu xám nhạt, phẳng lặng như tờ giấy còn bỏ dở, nơi nét bút quyết định vẫn chưa được ký xuống.

Diễm Thư đứng giữa khu đất ấy rất lâu. Gió từ biển thổi tới mang theo vị mặn và mùi đất mới xới, quẩn quanh dưới chân nàng như muốn nhắc rằng nơi đây từng là rừng, từng có người sống, từng có bao điều không thể đo bằng tiền.

Cuối cùng, nàng rút điện thoại ra gọi cho trợ lý. Diễm Thư vẫn cầm điện thoại trên tay nhưng chưa bấm số ngay. Nàng cúi xuống, dùng mũi giày khế gạt lớp đất còn ẩm dưới chân. Đất mềm và lạnh, cảm giác ấy bất giác khiến nàng nhớ tới những trang hồ sơ mình từng lật qua với tốc độ của người đã quá quen quyết định số phận của một vùng đất chỉ trong vài phút. Hồi đó, mỗi khu rừng trên bản đồ chỉ là một ô màu, mỗi xóm chài chỉ là vài dòng ghi chú, còn chữ “giải tỏa” nghe nhẹ tênh như thể chỉ cần xóa một dấu mực là mọi thứ cũng biến mất theo.

Bây giờ đứng giữa khoảng đất trống mênh mông này, nàng mới thấy điều mình từng gọi là năng lực, thực chất chỉ là một cách nhìn thế giới đã bị làm cho quá hẹp. Khi người ta nhìn đất như tài sản, rừng như quỹ dự trữ, và con người như chi phí phải xử lý, thì mọi quyết định đều trở nên hợp lý đến lạnh người. Không ai nghĩ mình đang làm điều ác. Ai cũng tin mình chỉ đang vận hành một hệ thống, còn hệ thống ấy được dựng lên khéo léo tới mức nó biến lòng tham thành chiến lược, biến sự tước đoạt thành phát triển, và biến những người biết chần chừ thành kẻ yếu đuối.

Diễm Thư chợt hiểu rằng suốt bao năm qua, thứ dẫn dắt nàng không chỉ là đồng tiền. Tiền bạc, xét cho cùng, chỉ là con số. Điều thật sự cuốn nàng đi là một thứ logic nghe rất hợp lý và cũng rất quyến rũ. Cứ lớn hơn một chút nữa, mạnh hơn một chút nữa, nắm trong tay nhiều hơn một chút

nữa thì sẽ có ngày thấy lòng mình đủ đầy. Nhưng chữ “đủ” ấy giống như đường chân trời ngoài biển, càng chèo tới gần, nó càng lặn lẽ lụi ra xa. Để người ta cứ tưởng chỉ cần thêm một dự án, thêm một thương vụ, thêm một lần thắng nữa là sẽ được yên. Rốt cuộc, thứ lớn lên không phải sự bình an, mà là khoảng trống ở trong lòng.

Nàng nhìn những chiếc xe múc nằm bất động dưới trời chiều, bất giác thấy chúng giống hết đời mình. Khi còn nổ máy, chúng mạnh đến mức chỉ một nhát gàu cũng đủ xới tung cả một sườn núi. Nhưng khi động cơ tắt đi, chúng chỉ còn là những khối sắt câm lặng, đứng trơ giữa đất trời, không tự trả lời được rằng trong lúc mở đường cho một điều mới, chúng đã vùi lấp bao nhiêu thứ không thể dựng lại như cũ.

Một ý nghĩ hiện lên trong đầu nàng, rõ ràng và lạnh sáng như một kết luận sau cùng. Có lẽ sai lầm lớn nhất của nàng không phải là kiếm quá nhiều tiền, mà là đã từng tin rằng mình có quyền định giá mọi thứ. Trong khi có những điều, hễ đem ra cân đong là đã sai từ đầu. Đất không chỉ là tài sản. Ký ức không phải chướng ngại vật. Và có những nơi, nếu con người nhất quyết chiếm lấy, thứ mất đi trước tiên không phải khu rừng hay mảnh đất ấy, mà là phần bình yên cuối cùng còn sót lại trong chính mình.

Nghĩ tới đó, Diễm Thư đưa điện thoại lên tai. Lần này, giọng nàng không còn là phản ứng bốc đồng của một người vừa bị lay tỉnh giữa cơn choáng váng. Mà bình thản như thể sau cùng nàng đã nắm được một nguyên tắc đủ đơn giản để tự giữ lấy mình. Không phải điều gì mình có thể lấy cũng là điều mình nên lấy. Và không phải điều gì sinh ra

lợi nhuận cũng xứng đáng để đánh đổi bằng phần người còn lại trong lòng mình.

Giọng nàng vang lên, rõ ràng:

— Hủy toàn bộ hồ sơ dự án mở rộng.

Ở đầu dây bên kia, sự im lặng kéo dài vài giây, đủ để nghe rõ tiếng gió lùa qua những triền cây.

— Dạ... chị nói lại giúp em?

Diễm Thư nhìn ra khoảng đất mênh mông trước mặt. Giọng nàng chậm rãi, bình tĩnh, nhưng dứt khoát như một nhát dao cắt đứt mọi đường lui.

— Hủy.

Nàng không giải thích thêm. Không nhắc tới lợi nhuận, cổ phần hay những con số mà suốt bao năm qua nàng từng xem như thước đo của thành công. Nói xong, nàng tắt máy.

Nàng vẫn đứng yên một lúc nữa, rồi bất ngờ ngồi xuống ngay trên nền đất chưa kịp đổ bê tông. Mặt đất lạnh và hơi ẩm thấm qua lớp vải mỏng, nhưng cảm giác ấy lại khiến nàng thấy lòng mình dịu xuống lạ lùng. Trong khoảnh khắc đó, Diễm Thư không còn là nữ doanh nhân sắc sảo trên các mặt báo, cũng không phải người đàn bà từng quen thắng bằng mọi giá hay nhân vật của những lời đồn đại nửa thật nửa hư. Nàng chỉ là một con người đang ngồi trên chính phần đất mà trước đây nàng từng định xóa khỏi bản đồ.

Đêm xuống dần. Từ trên cao nhìn xuống, Đà Nẵng vẫn sáng rực như chưa từng có điều gì đổi khác. Dải đèn của những resort ven biển uốn cong theo bờ cát, lấp lánh

như chuỗi trang sức đeo trên cổ một người đàn bà đẹp nhưng không bao giờ ngủ yên. Trong các nhà hàng, người ta vẫn cụng ly, vẫn ký hợp đồng, vẫn cười nói rôm rả và tiếp tục bước về phía trước, như thể cuộc đời này chẳng bao giờ cần dừng lại để ngoạn nhìn.

Nhưng ở một góc rất nhỏ trên sườn Sơn Trà, có một người đàn bà đang ngồi lặng trên mặt đất. Không ai đến chụp hình, cũng chẳng ai nhắc tên hay để lại một dòng tin tức nào ghi nhận giây phút ấy. Tất cả như đều trôi qua lặng lẽ và bị nuốt chửng trong khoảng mệnh mông của thời gian. Tiếng sóng biển từ phía xa vọng lại, đều đều và sâu thẳm, như một hơi thở dài của đất sau bao năm bị nén chặt, giờ mới chậm rãi thở ra trở lại.

Diễm Thư ngẩng đầu nhìn lên bầu trời đêm. Những mảng mây mỏng trôi chậm qua khoảng tối, lúc che khuất, lúc hé lộ vài vì sao thưa thớt. Như những điều còn sót lại sau một đời dài tự hỏi mà không dám trả lời. Gió từ núi lửa qua tóc, mang theo cái lạnh mỏng nhưng thấm, khiến người ta khó phân biệt đâu là da thịt, đâu là ký ức đang chạm lại mình.

Nàng khẽ nói, giọng nhỏ đến mức tưởng như chỉ đủ cho chính mình nghe:

— Nếu đời này còn kịp trả lại điều gì...

Nàng ngừng lại một chút. Gió lửa qua mái tóc, mang theo cái lạnh nhẹ nhẹ của núi rừng.

— thì chắc phải bắt đầu từ nơi mình đã im lặng quá lâu.

Biển không trả lời. Gió cũng không mang tới thêm tiếng gọi nào nữa. Nó chỉ trải một khoảng lặng mênh mông xuống thành phố đang tiếp tục lớn lên từng ngày mà không biết, trong lúc chạy về phía trước, mình đã bỏ quên bao nhiêu thứ ở phía sau.

Đêm trên Sơn Trà buồn xuống rất chậm. Không phải cái chậm của kim đồng hồ nhích từng nấc, mà là cái chậm của một chuyển động âm thầm đâu đó trong lòng đất, như thể có điều gì ngủ quên suốt bao năm tháng vừa khê cựa mình thức giấc. Diễm Thư vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Từ lúc vệt nắng cuối cùng của hoàng hôn tắt hẳn sau dãy núi cho đến khi thành phố dưới chân đồi sáng rực trong muôn vàn ánh đèn, nàng vẫn không nhúc nhích. Không một ai tìm đến. Tiếng máy móc đã im bật từ lâu. Tiếng người cũng chẳng còn. Gió rùng len qua mái tóc, lạnh lạnh, nhẹ tênh như bàn tay của một ký ức xa xôi vừa chạm khê lên vai.

Khải không có mặt ở đây. Trước lúc xuống núi vào buổi sáng, cậu chỉ kịp quay đầu lại nói một câu, giọng lưng chừng giữa chấp nhận và tiếc nuối, như đã hiểu ra nhiều điều nhưng trong lòng vẫn chưa cam:

— Chị làm vậy, chắc chẳng mấy ai hiểu nỗi đâu.

Diễm Thư không trả lời. Nàng hiểu điều Khải muốn nói, nhưng lại hiểu rõ hơn một điều khác. Quyết định vốn không sinh ra để được người ta thấu hiểu. Chúng chỉ xuất hiện vào một lúc nào đó, để người ta thôi phải sống trong cảnh đi tìm sự thấu hiểu từ người khác nữa.

Đã quá nửa đêm. Mặt đất dưới chân nàng khẽ rung lên, rất nhẹ, không phải động đất, không phải âm thanh từ đâu vọng lại, mà giống như sâu trong lòng núi có một hơi thở vừa trở mình sau giấc ngủ dài, nặng nề và kiệt sức như ký ức bị nén quá lâu.

Diễm Thư từ từ đặt bàn tay xuống mặt đất. Không còn tiếng guốc vọng về từ xa, cũng không còn những âm thanh mơ hồ vẫn thường xuất hiện trong các đêm trước. Một luồng lạnh đang chậm rãi lan từ lòng bàn tay lên cánh tay, rõ ràng đến mức không thể nhầm lẫn. Cảm giác ấy khiến nàng thấy mặt đất dưới mình dường như không còn là một vật vô tri vô giác, mà đang lặng lẽ hồi đáp bằng chính nhịp thở âm thầm của nó.

Rồi bất chợt, không một dấu hiệu báo trước, một hình ảnh bỗng trời lên. Nó không hiện ra trước mắt, mà như bật dậy từ một tầng ký ức nào đó còn sâu hơn cả trí nhớ. Một hành lang hun hút trong chốn cung cấm hiện về dưới thứ ánh sáng vàng đục của đèn dầu hắt lên những bức tường ẩm lạnh. Những người đàn bà lặng lẽ đi ngang qua nhau, ai cũng cúi mặt, không ai dám nhìn ai. Giữa khoảng không đặc quánh sự im lặng ấy, một cô gái đang quỳ xuống, đầu cúi thấp, như bị giữ chặt bởi một sức mạnh vô hình.

Từ cuối hành lang, một giọng nói cất lên, lạnh lùng và dứt khoát, nghe như đã tồn tại từ trước khi mọi chuyện bắt đầu:

— Từ nay, ngươi không còn là ngươi nữa.

Khung cảnh trước mắt bỗng chao nghiêng như mặt nước vừa bị ném xuống một viên đá. Những hình ảnh đang rõ nét lập tức vỡ vụn thành vô số mảnh đục mờ, rồi tan dần vào bóng tối.

Diễm Thư giật mạnh bàn tay khỏi mặt đất. Hơi thở nàng bỗng dồn dập, lồng ngực phập phồng trong màn đêm se lạnh. Trong khoảnh khắc ấy, nàng không còn biết thứ vừa thoáng qua là ký ức của ai, là tiếng vọng từ lòng đất hay là một đoạn đời nào đó của chính mình đã bị thời gian xóa mất dấu vết. Một cảm giác lạnh lẽo đọng sâu bên trong, như một vết hằn vẫn chưa kịp tan đi.

8.

Sáng hôm sau, Đà Nẵng đón một tin lạ. Toàn bộ dự án lớn ở Sơn Trà bị tạm dừng. Không hợp báo, không có giải trình, không một lời rõ ràng. Chỉ một dòng thông báo lạnh lẽo rằng “chờ rà soát lại yếu tố môi trường và văn hóa lịch sử”. Nó khá ngắn gọn mà đủ làm cả giới đầu tư chao đảo như mặt biển bị gió quật bất ngờ đổi dòng. Trong văn phòng kính giữa trung tâm thành phố, trợ lý nhìn Diễm Thư giọng dè dặt mà không giấu được lo lắng:

— Chị, tụi mình mất nhiều tiền lắm.

Diễm Thư đứng bên cửa sổ, biển sáng loá trải dài như một tấm gương bị ánh mặt trời đập thẳng xuống, rồi nàng đáp khẽ, không quay lại:

— Ừ. Mất.

Trợ lý càng hoang mang:

— Nhưng sao chị lại...

Diễm Thư xoay người lại chậm rãi, ánh mắt không còn sắc bén như trước, mà sâu hơn, mệt hơn, nàng nói từng chữ một cách chậm rãi:

— Có những thứ mình tưởng là mất, nhưng thật ra là trả lại.

Căn phòng im bật, không ai dám hỏi thêm, chỉ còn tiếng máy lạnh chạy đều đều như thời gian đang giả vờ không biết chuyện gì vừa đổi thay.

Chiều đó, Khải tìm nàng nhưng không lên villa, cũng không vào văn phòng, chỉ đứng dưới bãi biển nơi sóng vỗ đều đặn như một nhịp thở cũ của đất trời. Diễm Thư đi xuống, hai người đứng cách nhau vài bước, gió biển thổi qua mẫn mẫn, mang theo mùi rong rêu và hơi lạnh của nước sâu. Khải nhìn nàng rất lâu rồi nói, giọng chậm:

— Chị khác rồi.

Diễm Thư cười nhẹ:

— Khác chỗ nào?

Khải gãi đầu, như cố tìm một điều khác, mà không thể nào nói được:

— Em không biết nữa, nhưng giống như chị không còn muốn thắng nữa.

Câu nói đó khiến Diễm Thư im lặng rất lâu, sóng phía sau vẫn tràn lên rồi rút xuống như không quan tâm con người đang đứng trên bờ đang thay đổi điều gì. Rồi nàng đáp, giọng trầm xuống:

— Có khi thắng lâu quá rồi, người ta quên mất mình đang đánh với cái gì.

Khải nhìn ra biển, mắt hơi nheo lại:

— Em không hiểu chuyện tiền bạc hay đất đai đâu, nhưng em hiểu cái cảm giác bị kéo vô một thứ mà mình không điều khiển được.

Diễm Thư gật đầu rất khẽ:

— Ừ. Ai cũng vậy thôi.

Im lặng kéo dài, chỉ còn tiếng sóng và gió. Khải hỏi nhỏ, như sợ làm vỡ một điều gì:

— Vậy giờ chị làm gì?

Diễm Thư nhìn ra mặt biển đang lấp lánh ánh chiều, rồi nói chậm rãi:

— Chị không xây nữa.

Khải quay sang, hơi sững:

— Vậy chị mất hết hả?

Diễm Thư bật cười, nhưng nụ cười lần này không cay, không gắt, chỉ nhẹ như một làn khói tan giữa gió:

— Cũng không hẳn.

Rồi nàng nói thêm, chậm hơn, như nói với chính mình:

— Nhưng có thể là lần đầu tiên có lại mình.

Khải gật đầu, nhìn ra biển.

— Em không hiểu hết chuyện của chị. Nhưng em hiểu cái cảm giác làm một việc rồi không biết nó đúng hay sai cho tới khi đã quá muộn để đổi lại.

Cậu dừng lại.

— Hồi em mười chín tuổi, em bỏ thi đại học để đi tập thể hình. Má em khóc mấy tháng. Bây giờ em vô địch rồi mà má vẫn hay hỏi: ừ rồi sau đó thì sao con?

Diễm Thư nhìn cậu. Lần đầu tiên, nàng thấy Khải không phải là một chỗ để tựa vào. Mà là một người cũng đang tự hỏi mình những câu chưa có lời đáp.

Khải nhìn nàng, không nói gì thêm. Nhưng trong mắt cậu có điều gì đó mà Diễm Thư nhận ra ngay. Đó là một câu hỏi mà cậu không dám hỏi, liệu buông tay có thật sự làm người ta nhẹ hơn, hay là một cách khác để tránh nhìn thẳng vào những gì mình đã làm? Diễm Thư không có câu trả lời. Nhưng nàng không cố tìm.

Đêm xuống, Diễm Thư trở lại Sơn Trà một mình, không ai hay biết, không xe, cũng không người đi theo, khi con đường rừng dần chìm vào bóng tối và hơi đất ẩm sau một ngày nắng nhẹ bốc lên, khiến những tán lá đung đưa như đang thì thầm những điều cũ kỹ chưa kịp quên. Nàng đứng ở khoảng đất hôm trước, nơi từng có tiếng guốc, bóng người. Nhưng lần này chỉ còn rừng, rất yên, rất thật, không còn oán khí, cũng không còn dấu vết nào của những giấc mộng cũ. Dường như mọi thứ đã tự lắng xuống sau một cơn dậy sóng vô hình.

Diễm Thư nhắm mắt lại, rồi nói rất khẽ, như đang trả lại một điều gì đó cho chính mặt đất:

— Nếu từng có ai ở đây...

— thì thôi.

— coi như trả lại.

Không có tiếng đáp, gió rừng thổi qua, mang theo mùi đất và lá non, trong trẻo đến mức nghe như một sự tha thứ không cần ai xác nhận.

Từ xa, Đà Nẵng vẫn sáng, vẫn nhạc, vẫn người, những khu resort ven biển vẫn tiếp tục sống cuộc đời của nó như chưa từng có một vết dưng nào, vẫn rộn ràng và thản nhiên như thể mọi điều vừa xảy ra chỉ là một cơn gió thoảng qua ký ức. Nhưng trên sườn núi Sơn Trà, có một người đàn bà đứng im giữa đất và gió, như vừa đặt xuống một phần đời mình mà không ai nhìn thấy, không ai biết đến, và trước khi quay đi, Diễm Thư khẽ nói, giọng nhỏ đến mức tưởng như chỉ có đất dưới chân nàng nghe thấy:

— Đất đâu cần mình giàu.

Nàng ngừng lại một chút, bàn tay vẫn đặt trên nền đất còn âm ỉ hơi lạnh.

— Đất chỉ cần mình biết chỗ nào nên đứng, và chỗ nào phải dưng.

Gió thổi qua. Không có gì trả lời. Và trong khoảng tối đó, Diễm Thư bỗng nhớ tới bà già bán cá ở Thọ Quang hỏi: "Thiệt tình, có ma không bây?" Hồi đó nàng không trả lời. Bây giờ nàng vẫn không biết trả lời sao. Những điều đã xảy ra mà nàng cũng không thể chắc chắn rằng việc mình buông tay hôm nay có đủ để trả lại những gì đã lấy đi không? Có thể không đủ. Không bao giờ đủ. Nhưng nàng vẫn đứng đó.

*

Đêm đó, Diễm Thư không quay về thành phố mà ở lại Sơn Trà, ngủ trong căn chòi cũ của kiểm lâm nằm sâu giữa rừng, nơi mái tôn đã rỉ sét, cửa gỗ cong vênh theo năm tháng nhưng vẫn còn vương mùi nhựa cây, khói bếp cũ và hơi đất ẩm của núi sau cơn mưa chiều. Không ai hỏi thêm một lời, bởi ở chốn rừng này, chuyện một con người đang lên hay đang rơi, giàu hay nghèo, cũng chỉ như một cơn gió đi ngang qua tán lá rồi mất hút.

Nửa đêm, nàng lại mơ. Không còn cung cấm, chỉ còn một hành lang dài hun hút không đầu không cuối, như kéo thẳng vào một vùng ký ức không còn phân biệt được là của riêng ai. Hai bên vách là những tấm gương đồng mờ đục, phản chiếu vô số phiên bản của Diễm Thư: có người đang khóc không thành tiếng, có người cười mà mắt trống rỗng, có người đứng bất động như đã rời khỏi đời sống từ lâu nhưng ánh nhìn vẫn mắc kẹt lại đâu đó trong khoảng tối.

Từ rất xa trong hành lang, một giọng nói khẽ vang lên, không rõ đến từ đâu, của ai:

— Người tưởng người thoát được sao?

Diễm Thư đứng yên. Lần đầu tiên trong giấc mơ ấy, nàng không còn cảm giác bị truy đuổi. Ánh mắt nàng lắng xuống, bình tĩnh đến lạ, như thể đã đi qua đủ những vòng lặp để hiểu rằng không có cuộc thoát nào trọn vẹn, chỉ có những cách đi khác nhau để không còn lặp lại chính mình.

Nàng đáp, chậm rãi, rõ từng chữ:

— Ta không thoát. Ta chỉ đổi đường.

Ngay khi lời vừa dứt, những tấm gương khế rung lên như chạm phải một luồng gió lạ, rồi đồng loạt nứt ra, vỡ thành những mảnh nhỏ li ti như muối tan vào không khí. Không còn phản chiếu, không còn nhiều bản thể chông chéo, chỉ còn một khoảng trống mờ ra rất nhẹ, như một lối đi không ai chỉ định nhưng cũng không còn ép buộc phải quay lại.

Khi nàng giật mình tỉnh dậy, trời đã bắt đầu rạng sáng. Ánh sáng mỏng như sợi chỉ len qua khe cửa, trải xuống nền phòng một cách im lặng, như thể đêm dài vừa được ai đó gấp lại cẩn thận, và đặt sang một bên, không còn giữ nàng trong những vòng lặp cũ nữa.

*

Sáng hôm sau, Đà Nẵng đón một tin khác: khu nghỉ dưỡng ven Sơn Trà từng bị đình trệ pháp lý bất ngờ được “xem xét lại toàn diện”. Nhưng điều khiến dư luận xôn xao là chủ đầu tư cũ đã biến mất, thay vào đó là một pháp nhân mới không rõ nguồn gốc, không ai lần ra được dấu vết.

Trong giới đầu tư bắt đầu râm ran một khái niệm mờ hồ gọi là “bàn tay chuyển hướng”. Không ai nói rõ là ai đứng sau, nhưng ai cũng hiểu có thể lực không còn đi bằng tiền trực diện, mà vận hành bằng những khoảng trống của luật pháp. Diễm Thư đọc tin đó chỉ cười rất nhẹ, không vui không buồn, giống như người vừa nhìn thấy một con sóng khác đang hình thành ngoài khơi xa, âm thầm nhưng chắc chắn.

Khải gọi đến, giọng ngập ngừng:
— Chị đang làm gì vậy?

Diễm Thư đứng ngoài ban công, gió biển thổi qua tóc mặn và lạnh:

— Nhìn lại.

— Nhìn lại gì?

— Những thứ mình từng tưởng là của mình.

Đầu dây im lặng một lúc lâu, rồi Khải nói khẽ:

— Em thấy chị không còn như trước.

Diễm Thư đáp chậm rãi, như nói với chính mình nhiều hơn với người ở đầu dây bên kia:

— Ừ, có lẽ là bắt đầu giống đất hơn.

Chiều hôm đó, nàng quay lại rừng một mình, không hồ sơ, không bản đồ, không ai đi cùng, chỉ có bước chân và gió, khi nơi cũ vẫn còn đó nhưng cảm giác đã khác, không còn những lớp oán khí chồng chéo mà chỉ còn đất và ký ức đã lắng xuống như bụi thời gian.

Nàng ngồi xuống, lần này không chạm tay vào đất mà chỉ khẽ nói:

— Nếu các người còn ở đây... thì thôi,

— ta trả lại...

— trả lại cả phần của ta.

Vẫn không có tiếng đáp, nhưng trong khoảng im lặng ấy nàng cảm nhận được đất không còn chống lại mình, cũng không kéo nàng xuống nữa, chỉ im lặng như một sự tha thứ.

Một lúc rất lâu, nàng vẫn ngồi yên như vậy, nghe hơi thở mình chậm dần theo nhịp gió và cảm thấy trong lồng ngực, nơi bao năm qua lúc nào cũng căng cứng như có một

sợi dây vô hình siết chặt, bỗng lơi ra từng chút một. Mặt trời đã khuất hẳn sau lưng núi, nhưng khoảng sáng cuối ngày còn đọng lại trên mặt biển xa xa vẫn dịu và ấm, giống như có ai vừa khẽ đặt bàn tay lên vai người đàn bà đã đi qua quá nhiều tranh giành mà chưa bao giờ thật sự được nghỉ.

Gió từ phía biển vẫn thổi qua rừng, nhưng không còn những cơn thốc mạnh làm lá cây va vào nhau ràn rạt như tiếng trách móc. Nó chỉ lướt nhẹ qua tán cây, qua mái tóc và gương mặt nàng, mang theo mùi đất ẩm, mùi lá mục và chút hương trầm rất nhạt đang tan dần trong không khí. Thứ mùi hương đã nhiều đêm ám lấy nàng như một lời nhắc nhở giờ đây cũng mỏng đi, loãng đi, rồi lặng lẽ mất hút giữa mùi muối biển và hơi sương chạng vạng.

Diễm Thư ngồi lắng nghe. Không còn tiếng guốc lộc cộc vọng ra từ phía rừng sâu. Không còn tiếng chuông bạc rung lên lanh lảnh trong túi áo. Không còn cảm giác có ai đang đứng ngay phía sau lưng, nhìn mình bằng đôi mắt xuyên qua mọi lớp sơn phấn, quyền lực và tự ái. Chỉ còn tiếng sóng từ dưới chân núi đều đặn vỗ vào ghềnh đá, lớp này tan đi thì lớp khác lại tới, nhẫn nại như thời gian, như lòng biển, như sự bao dung của đất sau khi đã giữ trong mình quá nhiều điều mà không một lời than thở.

Diễm Thư khép mắt lại. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, nàng không còn e ngại sự im lặng. Ngược lại, chính khoảng lặng ấy lại mang đến một cảm giác bình yên khó gọi thành tên, như thể cuối cùng cũng có ai đó chịu đặt xuống những điều đã qua. Không phải vì đã quên, mà vì hiểu rằng có những nỗi đau chỉ thật sự khép lại khi con người thôi vùng vẫy chống cự và chấp nhận phần đời vốn thuộc về mình.

Một giọt nước mắt lặng lẽ tràn qua khóe mi rồi chậm rãi lăn xuống má. Nàng không đưa tay lau đi. Cứ để nó rơi xuống đất, thấm vào lớp lá khô dưới chân như một lẽ vật nhỏ bé nhưng chân thành nhất. Đó là điều nàng dành cho những người đàn bà đã khuất, cho những sinh linh chưa kịp cất tiếng khóc chào đời, và cũng dành cho chính người đàn bà đang ngồi nơi đây, người cuối cùng đã đủ can đảm để nhìn thẳng vào bản thân mình mà không còn tìm cách lẩn tránh.

Lúc Diễm Thư đứng dậy, màn đêm đã phủ kín núi rừng. Sơn Trà trước mắt vẫn sâu thẳm và thẫm màu như bao đời nay, nhưng không còn mang vẻ u tối nặng nề đè lên lòng người nữa. Khu rừng lặng lẽ, trầm mặc, giống một người đã nói hết những điều cần nói nên chẳng còn gì phải giữ lại.

Nàng bước xuống núi. Sau lưng không còn tiếng chân nào đuổi theo, cũng không còn cảm giác như đang bị một quá khứ nào đó bám riết lấy mình. Đến khi ngồi vào xe, trong khoảnh khắc cuối cùng trước lúc cánh cửa khép lại, nàng mới ngoái đầu nhìn về ngôi miếu nhỏ khuất dưới những tán cây.

Đúng lúc ấy, một cơn gió nhẹ thoảng qua, làm mấy tàu lá khế nghiêng xuống như một cái cúi đầu rất khẽ. Diễm Thư không biết đó là lời từ biệt hay một dấu hiệu của sự thứ tha. Nhưng lần này, nàng không còn thấy cần phải đi tìm câu trả lời nữa.

9.

Đêm cuối, Diễm Thư trở lại thành phố không phải để tiếp tục mà để kết thúc, trong phòng họp tầng cao nơi những người từng quen với sự hiện diện của nàng nay ngồi im, ánh mắt lảng tránh.

Nàng đặt một tập hồ sơ xuống giữa bàn kính, giọng bình thản:

— Từ hôm nay, tôi rút khỏi toàn bộ dự án Sơn Trà.

Một người đàn ông bật cười khế, ngờ vực:

— Cô điên rồi sao? Đây là...

Nàng cắt ngang, không cần nâng giọng:

— Tiền thì tôi đã từng thấy nhiều rồi, nhưng cũng đã đủ rồi.

Nàng ngừng một chút, như cân nhắc xem có nên giải thích thêm hay không, rồi mới nói chậm rãi câu cuối, rất rõ:

— Những thứ không thuộc về mình, càng giữ thì càng bị giữ lại.

Không ai phản đối mạnh, chỉ có một sự im lặng dày lên, giống như ai đó vừa kéo một lớp không khí khác vào căn phòng. Một số người vẫn giữ nguyên tư thế ngồi, nhưng nơi khóe miệng thoáng hiện một nụ cười nhạt, mỏng và lạnh, thứ nụ cười của những kẻ suốt đời chỉ tin vào con số nên xem mọi sự thức tỉnh của người khác như một cơn xúc động nhất thời rồi cũng sẽ qua. Một ít người cúi đầu xuống tập tài liệu trước mặt, mắt dừng thật lâu trên những hàng chữ mà chắc chính họ cũng không còn đọc được nữa. Dường như câu nói của Diễm Thư vừa chạm trúng một góc

nào đó trong lòng mà bấy lâu họ vẫn cố phủ lên bằng lý lẽ, chức vụ hay những bản hợp đồng dày cộm. Cũng có người ngồi im không nhúc nhích, hai bàn tay đan vào nhau thật chặt, gương mặt không biểu lộ gì, nhưng ánh mắt đã khác, không còn cái vẻ tự tin của những người tưởng mình có thể cân đo mọi thứ trên đời bằng tiền bạc và quyền lực.

Ngoài lớp kính cao sát trần, thành phố lên đèn từng mảng. Những dải sáng vàng uốn theo bờ biển, nhìn từ trên cao giống như một dòng sông lặng lẽ chảy qua đêm tối, mang theo biết bao cuộc đời với những được mất, hơn thua, phản bội và tính ngộ. Trong căn phòng ấy, không ai nói thêm lời nào, nhưng ai cũng hiểu vừa có một thứ gì đó khép lại. Không hẳn là một cuộc chơi mà kẻ thắng người thua từng đổi chỗ cho nhau như thủy triều lên xuống. Mà là sự kết thúc của một niềm tin rất phổ biến: rằng chỉ cần đủ mạnh, con người có thể chiếm lấy bất cứ thứ gì mà không phải trả giá.

Diễm Thư không chờ ai phản ứng. Nàng khẽ gật đầu như chào những người đồng hành, từng tranh giành và cũng từng sẵn sàng đẩy nhau xuống vực. Trong ánh mắt nàng lúc đó không còn sự sắc lạnh quen thuộc của người đàn bà từng xem thua thiệt là điều không thể chấp nhận. Mà là một vẻ bình thản hơi buồn, giống tâm trạng của người sau một quãng đường dài cuối cùng cũng dám đặt xuống món hành lý nặng đến mức, mà chính mình không biết đã mang nó từ bao giờ.

Khi cánh cửa phòng họp khép lại sau lưng Diễm Thư, không ai đứng dậy giữ nàng lại, cũng không có một lời tiễn biệt nào được nói ra. Chỉ còn sự im lặng ở lại trong căn phòng sáng choang ấy, không nặng nề mà cũng không nhẹ nhõm. Như mỗi người vừa bị đặt trước một câu hỏi: trong

những thứ mình đang nắm chặt hôm nay, rốt cuộc có bao nhiêu là của mình, và bao nhiêu chỉ là đang tạm giữ thay cho một cuộc rút lui nào đó.

*

Một tuần trước đó, Luân cũng đã ký vào giấy chuyển nhượng phần vốn của mình và rút khỏi dự án một cách lặng lẽ, ông không giải thích thêm gì. Đêm đó, ông ngồi một mình trong phòng làm việc, ly rượu đặt trước mặt đã lâu mà vẫn không chạm tới, ánh đèn hắt xuống bàn gỗ tạo thành một khoảng sáng hẹp như chính lựa chọn của ông lúc này.

Ông từng nghĩ mình đứng trong cuộc chơi này với tư cách người đi trước, người giữ nhịp, thậm chí là người có thể quyết định khi nào nên tiến và khi nào nên lùi. Nhưng đến lúc thật sự rút tay ra, Luân mới nhận ra có những thứ không còn là “giữ hay buông” nữa, mà là “rút ra kịp hay bị kéo theo đến tận cùng”. Lần đầu tiên sau nhiều năm, ông phân biệt được rất rõ ràng giữa chiến thắng và thoát nạn. Và ranh giới giữa hai điều ấy, hóa ra chỉ mỏng như một khoảng khắc rất ngắn, khi con người kịp buông tay sớm hơn người khác chỉ một nhịp thở, nhưng đủ để đổi hẳn hướng của cả cuộc đời.

Sáng hôm sau, Luân ghé lại bệnh viện cũ nơi ông từng làm bác sĩ trước khi bước vào con đường khác. Không vì việc gì. Ông đứng ngoài hành lang nhìn vào. Những chiếc băng ca cũ vẫn còn đó, sơn tróc lờ. Bệnh nhân nằm chen nhau như hồi ông còn trẻ, như cái thời ông tự nhủ phải làm gì đó để thay đổi. Ông đứng đó khá lâu rồi bước đi, không vào trong. Không phải vì hối hận. Ông hiểu rằng, dù ông có ở lại hay bước ra, cái hành lang ấy vẫn vậy. Và điều đó, theo một cách nào đó, còn đau hơn cả tội lỗi.

*

Đêm đó, Diễm Thuý đứng một mình ở bờ biển, Sơn Trà phía xa tối lại như một khối ký ức khổng lồ nằm yên dưới trời đêm, không còn bóng cung nữ, không còn gương vỡ, chỉ còn gió và sóng đều đặn như nhịp thở cũ của đất.

Nàng khế nói:

— Hóa ra giàu có nhất... không phải là giữ được gì.

— Mà là buông đúng chỗ.

Sóng vẫn vỗ không trả lời. Nàng vẫn cần. Chỉ là không còn chờ.

Sáng hôm sau, Đà Nẵng đổi thay theo một cách không ai gọi tên được, không phải luật mới, không phải dự án mới, cũng không phải dòng tiền mới, mà là cách người ta nhìn Sơn Trà bỗng chậm lại một chút, giống như có một câu hỏi vừa được đặt xuống mà trước giờ chưa từng ai dám hỏi. Diễm Thuý biến mất khỏi các cuộc họp, không còn thấy đâu nữa, căn nhà ven biển đóng cửa. Rồi trong giới người ta bắt đầu nhắc đến những hồ sơ bị treo, những thương vụ chững lại, những cái tên từng mạnh tay nay lùi về sau, hình như có một ranh giới vô hình vừa được kẻ lại. Không ai nói rõ đó là gì, nhưng ai cũng hiểu, có những thứ không cần người đứng tên.

Khải tìm đến lần cuối vào một chiều mưa. Con đường lên Sơn Trà trơn ướt, lá rụng phủ dày như lớp ký ức mới đè lên ký ức cũ. Cậu đứng dưới gốc cây, gọi không ai nghe, nhún không thấy trả lời. Cuối cùng chỉ đứng đó rất lâu, rồi khế nói như tự hỏi mình:

— Chị rút thật rồi hả...

Gió không trả lời. Rừng lay nhẹ.

Tối đó, Diễm Thư trở lại lần cuối. Không ai biết, nàng không lái xe, không thấy ánh đèn, không dấu vết. Nàng đi bộ một mình lên đoạn đất cũ, nơi từng là trung tâm của những bản đồ được gọi là “phát triển”. Nhưng giờ không còn bản đồ nữa. Chỉ còn đất. Và gió. Nàng đứng rất lâu, rồi khẽ nói, như nói với chính phần đời đã qua:

— Nếu đời người là một cuộc đổi chác...

— thì tới đây, ta trả hết.

Không có tiếng đáp. Nhưng đất dưới chân nàng yên lặng đến mức như đã nhận.

*

Một tuần sau, Đà Nẵng không có tin lớn nào về Diễm Thư. Không scandal. Chỉ có một dòng ghi nhỏ: chuyển giao toàn bộ quyền điều hành cho một quỹ đầu tư mới, không ai rõ nguồn gốc. Từ đó, các dự án Sơn Trà bớt ồn ào, tranh giành, vội vã. Tốc độ của lòng tham như đã bị kéo chậm lại một lát. Ở một quán cà phê ven biển, Khải ngồi một mình, nhìn tin nhắn cũ, rồi bật cười rất khẽ:

— Chị thắng kiểu gì kỳ vậy...

Không ai trả lời. Ngoài kia, sóng vẫn đánh vào bờ, như không biết trong lòng thành phố vừa có một đường chảy khác được rẽ sang.

*

Trên Sơn Trà, rừng vẫn xanh, gió vẫn thổi, biển mỗi ngày vẫn đều đặn đưa vị mặn lên tận những triền cây cao,

nhưng trong cái dáng vẻ tưởng như không hề thay đổi ấy, vẫn có một điều rất khó gọi tên đã lặng lẽ khác đi: ngọn núi không còn gợi cảm giác bị ai đó nắm chặt trong tay như một món tài sản phải khai thác cho đến tận cùng. Nó trở lại với vẻ trầm tĩnh vốn có của một sinh thể đã sống qua quá nhiều mùa giông bão, hiểu rằng điều bền nhất trên đời không phải là những công trình dựng lên trong vài năm, mà là sức chịu đựng âm thầm của đất và khả năng tự chữa lành của thiên nhiên.

Và nếu có ai hỏi Diễm Thư đã đi đâu, thì câu trả lời sau cùng là: Nàng không biến mất. Nàng chỉ không còn thuộc về những nơi từng ra sức giữ nàng lại, bằng tiền bạc, quyền lực, bằng những lời hứa nghe ngọt ngào, nhưng thật ra chỉ là những sợi dây vô hình quấn dần quanh đời người. Rời đi không phải là thua cuộc. Có thể, đó là lần đầu tiên người ta thôi để mình bị sở hữu bởi chính những thứ tưởng như mình đang sở hữu.

Vài tháng sau, người ta vẫn thỉnh thoảng nhắc đến Diễm Thư. Không phải vì nhớ, mà vì những hồ sơ còn treo, những mảnh đất còn tranh chấp, những người dân vẫn chưa nhận đủ tiền đền bù. Luật pháp chậm hơn lương tâm rất nhiều, mà lương tâm thì không có điều khoản nào bắt buộc phải thực thi.

Ở chợ cá Thọ Quang, bà già bán hàng từng nhận ra nàng, một hôm nhìn lên phía núi rồi lẩm bẩm:

— Con đó đi đâu rồi không biết. Mà đi rồi thì đất có trả lại được không, hay chỉ mình nó nhẹ lòng thôi?

Không ai trả lời bà.

Rừng vẫn đứng đó. Nó không phán xét, cũng chẳng tha thứ cho ai. Rừng cứ sống theo cách của mình, như đã sống từ rất lâu trước khi con người xuất hiện, và sẽ còn sống tiếp sau khi những dấu chân cuối cùng đi khuất.

Rồi dân chài ở đây mỗi chiều vá lưới, thỉnh thoảng ngược nhìn lên núi rồi nói với nhau bằng giọng bình thường như nói về con nước:

— Sơn Trà dạo ni coi bộ thờ lại rồi.

Không ai còn nhắc tên Diễm Thư trong câu chuyện đó. Núi cũng không cần biết ai đã buông tay, ai đã ở lại. Nó vẫn đứng đó, xanh theo cách của mình, lặng lẽ đi qua hết mùa mưa này tới mùa mưa khác. Còn những điều từng làm người ta đau đến không thở nổi rồi cũng dần chìm xuống, như một hòn đá rơi vào vực sâu, không ai nghe thấy tiếng chạm đáy.



Truyện vừa

TRIỀU CHỨNG

1.

Người già ở Vũng Tàu, những chiều gió biển thổi lồng lộng, thường hay tụ lại dưới mấy gốc bàng già ven bờ, những tán lá rộng che nắng nhưng không che hết được vị mặn của gió. Họ ngồi nhậu, ly rượu nhỏ, tiếng nói chuyện lúc trầm lúc bổng, nói chuyện đời, chuyện người, rồi kiêu gì cũng trôi dần về phía biển. Một người bảo biển không biết giận hờn như con người. Nhưng lại có một thứ ký ức lạ, nhớ dai hơn bất kỳ ai từng sống trên đất này. Những gì chìm xuống nước, sớm muộn cũng có ngày lộ ra lại. Một mảnh ghe mục trôi dạt, một cái xác vô danh, có khi chỉ là một món nợ cũ tưởng đã bị thời gian chôn vùi, nhưng hôm nào đó sóng gió nào đó lại đưa nó trở về.

Hồi còn nhỏ, Huỳnh Công Phước không tin những câu chuyện như vậy. Lúc đó, nó chỉ là một thẳng nhóc xóm biển, da lúc nào cũng cháy nắng, thân người gầy nhom như cây đước non mọc chơ vơ trên bãi cát dài, gió thổi qua là chao đảo. Trước mắt nó chỉ có biển và trời, rộng đến mức tưởng như không có điểm kết thúc, sóng ngày nào cũng vỗ như một nhịp thở quen thuộc của đời sống.

Cha nó đi biển rồi mất tích ngoài vịnh Gành Rái vào năm bảy tám. Chuyến ghe hôm đó ra khơi trong một buổi trời không báo trước điều gì. Vậy mà không một ai trong số người trên ghe trở về. Sóng chỉ kịp trả lại vài mảnh ván vỡ, mấy cái thùng nhựa trôi dạt vô định, còn con người thì bị

nuốt mất ngoài biển khơi, nhẹ tênh như chưa từng hiện diện trên đời này. Gần một tháng sau, người ta vớt được chiếc áo cũ của ông dạt vào bờ, ướt sẫm, mùi muối biển ám sâu vào từng sợi vải.

Chỉ có vậy thôi.

Má nó ôm chiếc áo ấy ngồi ngoài mép nước suốt một buổi chiều dài. Hôm đó trời đỏ quạch, nắng tắt dần như than lửa sắp tàn, biển cũng lặng đi một cách khó hiểu, chỉ còn tiếng sóng nhỏ vỗ vào bờ cát ẩm. Bà không khóc thành tiếng, bà ngồi yên, mắt nhìn ra ngoài khơi xa, trống rỗng như người vừa đánh rơi một phần đời mình xuống đáy biển mà không cách nào vớt lại. Từ đó, căn nhà nhỏ ven xóm biển chỉ còn lại hai mẹ con. Một người đàn bà góa, và một đứa con trai còn chưa kịp hiểu hết nỗi buồn của người lớn. Biển thì vẫn ở đó, ngày ngày cho họ cá để ăn, cho họ gió để thở, nhưng cũng chính là thứ đã lấy đi người đàn ông duy nhất trong nhà, một cách lặng lẽ như chưa từng có lời từ biệt. Nhiều năm sau, mỗi lần nhớ lại, Phước vẫn không sao phân biệt được trong lòng mình, rốt cuộc là mang ơn biển nhiều hơn, hay oán biển nhiều hơn.

*

Những năm tám mươi, Vũng Tàu khác xa bây giờ. Bãi Sau chưa có những khách sạn nối tiếp nhau như một bức tường bê tông chạy dọc theo bờ biển. Cát trải dài ngút mắt tới tận chân trời. Gió từ ngoài khơi thổi vô, lùa ràn rạt trên mặt cát, nghe như có ai đang kéo một tấm lưới khổng lồ ngang qua mặt đất. Đêm xuống, cả vùng chìm trong khoảng tối mênh mông, chỉ lác đác vài ngọn đèn dầu của dân chài nằm rải rác bên mép nước.

Hồi đó, nhà Phước nằm sau một con hẻm cát gần Xóm Lưới. Mỗi mùa gió chướng về, cát còn bay trắng sân, phủ đầy mâm cơm và bám cả lên mái tóc của má ông. Nhưng ở phía Bãi Trước đã bắt đầu hiện ra một thế giới khác. Đó là thế giới của dầu khí. Thế giới của người Nga. Trong ký ức của những đứa nhỏ nghèo hồi ấy, khu Lam Sơn giống như một vùng đất thuộc về một quốc gia khác nằm giữa lòng Vũng Tàu. Sau những hàng cây cao rợp bóng là những căn biệt thự sáng đèn, những con đường sạch sẽ, những chiếc xe bóng loáng, cùng những người nước ngoài nói thứ ngôn ngữ nghe như tiếng sóng đập vào ghềnh đá. Đó là nơi ở của các chuyên gia Nga.

Còn công nhân dầu khí và gia đình họ thì sống ở khu Năm Tầng trên đường Nguyễn Thái Học. Người ta quen gọi nơi đó là “Làng Nga”, có trường học, trạm xá, nhà văn hóa cùng những dãy nhà khang trang mà dân địa phương nhìn vô, ai cũng thấy khác hẳn phần còn lại của thành phố. Phước thường đứng ngoài nhìn vào. Nó thêm một thứ gì đó mà chính nó cũng không nói được. Có thể là thứ cảm giác thuộc về một nơi nào đó.

Những chiều tan học, Phước thường đạp chiếc xe cà tàng vòng qua khu Lam Sơn. Đối với đám con nít nghèo, nơi đó là nơi sang trọng. Bên trong hàng rào là những căn biệt thự thấp màu trắng, những bãi cỏ xanh được cắt tỉa gọn ghẽ như mặt chiếu mới trải. Người Nga thông thả đi dạo dưới những hàng cây dầu. Những chiếc xe Volga nằm im lìm trong bóng mát.

Bên ngoài hàng rào, má ông vẫn ngồi vá lưới thuê cho mấy ghe cá. Lần nọ Phước trèo lên một gốc bàng để nhìn vô. Một ông chuyên gia Nga thấy vậy. Ông không đuổi.

Ông chỉ đưa cho cậu một trái táo đỏ. Đó là lần đầu tiên trong đời Phước được ăn táo. Vừa cắn miếng táo đầu tiên, ông vừa nghĩ:

“Cùng một thành phố mà sao người ta sống khác nhau dữ vậy.”

*

Nhớ năm mười hai tuổi, má giao cho Phước mấy ký cá khô đem tới một nhà quen gần khu Lam Sơn. Chiều hôm đó, nắng vàng như mật ong đổ xuống những hàng cây ven đường. Đang đi ngang hàng rào khu biệt thự, Phước thấy một trái banh từ bên trong lăn ra ngoài. Theo sau là một thằng nhỏ tóc vàng, mắt xanh, chắc cũng trạc tuổi nó. Phước cúi xuống nhặt trái banh. Nó còn chưa kịp đưa trả thì một người bảo vệ đã bước tới. Ông ta không quát tháo, cũng chẳng hề tỏ vẻ khó chịu, chỉ khẽ khoát tay:

— Đi chỗ khác.

Giọng nói bình thường đến mức khiến người ta thấy khó chịu. Đó là cái kiểu bình thường của một người không cần nổi nóng, bởi đã quá quen với chuyện người khác phải nghe theo lời mình. Phước đứng khựng lại. Qua hàng rào, nó thấy bãi cỏ xanh mướt trải dài, thấy mặt hồ lấp lánh ánh nắng, thấy những căn biệt thự màu trắng nằm im dưới bóng cây và nghe tiếng cười nói vọng ra từ một bữa tiệc chiều nào đó.

Rồi nó cúi nhìn đôi dép đã đứt quai dưới chân mình. Một luồng nóng ran từ mặt chạy xuống tận cổ. Nhiều năm sau, khi đã có trong tay hàng trăm tỷ đồng, Phước vẫn nhớ như in cảm giác hôm ấy. Chẳng phải tủi thân. Đó là cái nhục. Thứ nhục âm thầm, lặng lẽ như muối biển ngấm vô da thịt,

không đau tức thời nhưng cứ mẫn chất mãi trong lòng người.

Đêm đó, nó nằm trên tấm phản gỗ ọp ẹp, nghe tiếng sóng ngoài xa vọng về từng đợt.

Một lúc lâu sau, nó quay sang hỏi má:

— Má, sao người ta được ở trong đó?

Má nó vẫn cúi đầu vá lười. Đôi bàn tay gầy guộc chậm rãi kéo từng đường chỉ. Mãi một hồi lâu, bà mới lên tiếng:

— Người ta giỏi.

Phước hỏi tiếp:

— Còn mình?

Lần này bà im lặng lâu hơn.

Ngọn đèn dầu chao nhẹ theo cơn gió lùa qua vách. Ngoài biển, có tiếng ghe máy chạy ngang trong đêm.

Rồi bà nói khẽ:

— Mình nghèo.

Hai tiếng đơn sơ vậy thôi, mà nó theo Phước suốt hơn nửa đời người.

*

Thành phố lớn lên từng năm. Đường sá mở rộng. Khách du lịch bắt đầu đổ về đông hơn. Những bãi đất ven biển ngày nào chỉ có cỏ dại, cầu gai và rác biển, bỗng nhiên được người ta nhắc tới bằng các từ ngữ: quy hoạch, đầu

tự, phát triển, tương lai. Ở những cuộc họp, người ta nói tới chuyện tiền hàng trăm tỷ. Trong những căn nhà lụp xụp ven biển, người ta vẫn lo bữa cơm tối có đủ cá cho con ăn hay không. Hai thứ tương lai ấy cùng tồn tại trên một thành phố, nhưng hiếm khi nhìn thấy nhau.

Phước lớn lên trong khoảng cách đó. Nó không làm nghề biển, tự nhủ mình ghét biển. Sóng biển vào kéo mất em gái nhỏ đang chơi đắp lâu đài trên cát. Ít lâu sau, biển nuốt lấy cha nó ngoài khơi. Khiến má nó còng lưng bán từng tô bánh canh nuôi nó. Biển cho người này cơ hội nhưng lại đẩy người khác xuống đáy. Vậy thì công bằng nằm ở đâu? Nó không tìm được câu trả lời. Nên nó đi tìm tiền.

Năm hai mươi tuổi, Phước bắt đầu làm cò đất. Ban đầu chỉ là dẫn khách đi xem nền, ăn chút tiền môi giới đủ sống qua ngày. Nhưng nghề này giống như một cái chợ vô hình. Hễ bước vô rồi thì sớm muộn gì cũng gặp những người đang nắm trong tay thông tin, quyền lực và những bí mật, mà người bình thường không biết. Phước quen địa chính, cán bộ, chủ khách sạn, nhà đầu tư. Mỗi mối quan hệ mở ra thêm một cánh cửa. Rồi lại dẫn tới một hành lang khác. Đi riết thành quen, Quen riết thành nghề. Nghề riết thành nghiệp.

Một lần ngồi nhậu ở Bãi Dâu, có ông già hỏi đùa:

— Mà làm nghề gì vậy Phước?

Phước cười, nâng ly lên nhìn ra biển.

— Bán tương lai.

Cả bàn cười àm. Riêng Phước không cười. Bởi trong lòng nó thật sự nghĩ như vậy. Người ta đâu có mua

miếng đất đang nằm đó. Họ mua cái viễn cảnh mai này miếng đất ấy sẽ trở thành thứ gì. Một khách sạn, một khu nghỉ dưỡng, một trung tâm thương mại hay đơn giản chỉ là một giấc mơ đáng giá hơn hiện tại. Mà giấc mơ thì lúc nào cũng bán được giá cao hơn sự thật.

Ba mươi năm trôi qua nhanh như một đợt triều lên rồi triều xuống. Vũng Tàu thay đổi đến mức nhiều người già không nhận ra thành phố của mình nữa. Nơi ngày xưa trẻ con thả diều giờ thành khách sạn. Chỗ bãi đất cỏ mọc um tùm giờ sáng đèn suốt đêm. Huỳnh Công Phước cũng không còn là thằng nhỏ đứng ngoài hàng rào Lam Sơn nhìn vô vói đôi mắt thèm thuồng năm nào. Ông có khách sạn, nhà hàng. Cổ phần trong những dự án lớn. Ông có những mối quan hệ đủ sức làm thay đổi số phận, của cả một khu đất chỉ sau một chữ ký. Người ta gọi ông là “vua cát”. Ông thích, bởi theo ông, biển vẫn còn có lúc nổi giận, còn cát thì trung thành với kẻ nào đủ mạnh để giữ nó lại. Lúc ấy ông vẫn tin như vậy.

Cho tới cái đêm đầu tiên nghe thấy tiếng nói từ ngoài biển vọng vào. Đêm đó thủy triều rút xa lạ thường. Biển nằm im như đang nín thở. Từ tầng mười lăm của khách sạn, Phước đứng một mình bên ô cửa kính nhìn xuống khoảng tối mênh mông ngoài khơi. Rồi ông nghe thấy, một giọng đàn bà. Không giống tiếng gọi. Chẳng giống tiếng khóc. Nó như tiếng ai đó đang hát một bài không có lời, từ tận đáy nước sâu. Xa lắm. Xa lắm. Nhưng âm thanh lại rõ đến kỳ lạ, như nó không đi qua không khí mà đi thẳng vào trong đầu người.

Bàn tay cầm ly rượu của ông khựng lại. Ông nhìn quanh, chỉ thấy có bóng tối và biển. Tiếng hát ấy không có

lời. Nhưng ngay lúc ấy, không hiểu vì sao, ký ức về hàng rào Lam Sơn, về đôi dép đứt quai và câu nói năm xưa của má lại hiện lên rõ mồn một như mới hôm qua.

"Minh nghèo."

Ngoài khơi, một con sóng bất thần đập mạnh vào bờ đá. Âm thanh vang lên giữa đêm vắng. Nghe giống tiếng cười. Mà cũng giống một lời nhắc nhở.

2.

Sau cái đêm nghe thấy giọng đàn bà vọng lên từ ngoài biển, Huỳnh Công Phước không kể cho ai nghe hết. Ông sống tới ngàn này tuổi, từng thấy người ta trở mặt vì tiền, thấy bạn bè đâm nhau vì đất, thấy những khu đất hoang hóa một đêm ngủ dậy bỗng thành vàng ròng. Ông hiểu có những chuyện đem kể ra chỉ làm thiên hạ nghĩ mình lắm cẩm. Hơn nữa, ông cũng không tin hoàn toàn vào điều mình nghe thấy. Biển vốn nhiều âm thanh kỳ lạ. Gió đổi hướng một chút, sóng đổi nhịp một chút, tiếng động cũng có thể biến thành tiếng người. Ông tự giải thích như vậy. Giải thích xong rồi thôi. Nhưng lạ một điều là từ đêm đó trở đi, mỗi lần đứng trước biển, ông lại có cảm giác ngoài kia đang có ai đó nhìn mình. Không phải nhìn bằng mắt, mà nhìn bằng ký ức.

*

Sáng hôm sau, thành phố vẫn vận hành như mọi ngày. Từ tầng cao nhất của khách sạn, Phước nhìn xuống Bãi Sau đang ngập nắng. Bờ biển trải dài như một dải lụa xanh biếc, những hàng dương rung nhẹ trong gió, khách du

lịch chen nhau dưới những chiếc dù nhiều màu sắc, còn ngoài xa từng con tàu dầu khí nằm bất động trên mặt nước như những dấu chấm đen khổng lồ.

Ông thích ngắm thành phố vào những buổi sáng như vậy. Chẳng phải vì cảnh đẹp. Vì cảm giác chiến thắng. Ba mươi năm trước, khi còn là thằng nhỏ đứng ngoài hàng rào khu Lam Sơn, ông chưa từng dám nghĩ sẽ có ngày mình đứng ở vị trí này. Thành phố giống như một bàn cờ khổng lồ đang mở ra dưới chân, còn những khu đất từng đi qua, từng mua bán, từng gom góp giờ đây hiện thành khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng và những khối bê tông sáng choang dưới nắng. Người ta gọi ông là “vua cát”. Nghe riết rồi quen. Nhiều lúc chính ông cũng thấy cái tên đó hợp với mình. Biển thì không ai giữ được. Cát thì khác. Ai nắm được đất cát, người đó nắm được tương lai. Ít nhất ông tin như vậy.

Khoảng mười giờ sáng, chiếc Mercedes đen bóng dừng trước một khu đất ven đường Thùy Vân. Phước bước xuống. Một nhóm cán bộ, kỹ sư và đại diện doanh nghiệp đã đứng chờ sẵn. Trước mặt họ là một dãy hàng quán thấp lè tè nằm sát biển. Quán nước, quán hải sản. Xe nước mía. Quầy lưu niệm. Những mái tôn cũ kỹ nằm chen chúc nhau như một xóm nhỏ bám vào mép cát.

Một người kỹ sư trải bản vẽ ra trước mặt. Anh ta chỉ tay.

— Nếu mở rộng tuyến công viên ven biển theo thiết kế mới thì toàn bộ khu này phải giải tỏa.

Phước nhìn theo đầu ngón tay. Một vệt đỏ chạy dài trên tấm bản đồ. Mỏng thôi. Nhưng đủ xóa sạch vài chục hộ

buôn bán. Ông châm điều thuốc. Khói thuốc bay lên chậm rãi.

Một lúc sau mới hỏi:

— Bồi thường ra sao?

— Theo quy định.

— Dân chịu không?

Người kỹ sư cười nhạt.

— Chịu hay không rồi cũng phải chịu.

Hôm đó, trước khi trở về, Phước đi bộ dọc theo dãy quán sập bị giải tỏa. Không có lý do rõ ràng. Ông cũng không biết mình đang tìm gì. Gần cuối dãy, có một quán bánh khọt nhỏ. Mái lợp tôn cũ đã rỉ từng mảng, xiêu vẹo về phía biển như thể đang cố nghiêng người ra nhìn sóng. Bên trong, một bà lão đang ngồi đổ bánh. Đôi tay bà thoăn thoắt múc bột rót vào từng khuôn nhỏ tròn tròn, đều tăm tắp như có đồng hồ cài sẵn trong tay. Mỡ trên bếp than xèo xèo. Mùi hành phi thơm bay ra tận ngoài đường.

Phước đứng nhìn một lúc rồi bước vào, kéo ghế ngồi.

Bà lão ngược lên, không ngạc nhiên cũng không niềm nở quá mức, chỉ hỏi tự nhiên như hỏi người quen:

— Ăn một đĩa hả con?

— Dạ.

Bà lại cúi xuống tiếp tục đổ bánh. Những cái khuôn tròn nằm trên bếp than hồng, bột từ từ phồng lên, vàng ruộm

từ mép rồi lan vào giữa. Bà lật từng cái bằng chiếc que tre nhỏ, nhanh mà không vội.

Phước nhìn quanh quán. Vách ván đã cũ, chỗ nào cũng có dấu thời gian để lại, nhưng sạch. Trên vách treo một tờ lịch cũ đã ngả vàng và một tấm ảnh nhỏ đặt trong khung gỗ đơn giản, chụp một người đàn ông đang cười, đứng ngay trước cái bếp than này. Chụp đã lâu, màu ảnh nhạt như màu nước biển mùa khô.

— Ông nhà mình hả bà?

Bà lão không nói lên.

— Ông mất rồi. Hai mươi mấy năm rồi.

Giọng bà nói bình thản như đang kể chuyện người khác. Không buồn, không vui. Cái bình thản của người đã quen sống với một nỗi mất mát đủ lâu để nó không còn nhói nữa, chỉ còn nặng, nặng âm thầm như đá dưới đáy nước.

— Hồi đó ổng hay ngồi đây phụ tui đổ bánh buổi sáng. Tui múc bột, ổng lật bánh. Tui lựa nhân, ổng bỏ dừa. Cứ vậy mà qua mấy chục năm.

Dĩa bánh khọt được đặt trước mặt Phước. Vàng đều. trông ngon mắt.

Phước nhìn bà, hỏi:

— Bà làm ở đây lâu chưa?

— Từ hồi con gái.

Bà chỉ tay ra phía ngoài.

— Hồi đó chỗ này chưa có đường nhựa. Tui gánh bếp ra đây bán, cái bếp than nhỏ xíu, nặng lắm. Gánh từ nhà ra tới đây mồ hôi ướt hết lưng áo. Bán xong lại gánh về. Mưa cũng gánh. Gió cũng gánh.

Bà cười. Nụ cười có những nếp nhăn sâu khóe mắt, loại nếp nhăn chỉ có ở người hay cười thật, cười từ trong lòng ra ngoài mặt.

— Giờ già rồi, có cái mái che ngồi bán, sướng hơn hồi trẻ nhiều.

Phước cúi xuống ăn. Bánh giòn, nhân tôm tươi, nước chấm chua ngọt vừa miệng. Cái vị quen thuộc đó làm ông bất giác nhớ tới những buổi chiều hồi còn nhỏ, má hay mua về một gói bánh khọt bọc lá chuối, cả hai mẹ con ngồi ăn trên tấm phản gỗ, tiếng sóng vọng vào từ ngoài xa.

— Bà có nghe nói chuyện giải tỏa chưa?

Lần này bà lão ngừng tay. Một chút thôi. Rồi lại tiếp tục đỡ bột như không có gì.

— Nghe rồi.

— Bà nghĩ sao?

Bà không trả lời ngay. Múc thêm một muống bột, rót vào khuôn, nhìn nó từ từ chín.

— Con biết cái gì khó nhất không?

— Gì vậy bà?

— Không phải dời đi. Dời thì dời, già rồi quen rồi, chỗ nào ngồi cũng được.

Bà ngẩng lên, đôi mắt nhìn thẳng vào mặt Phước, ánh mắt trong veo như nước giếng cũ.

— Khó nhất là cái bếp than này.

Phước nhìn theo tay bà chỉ. Cái bếp nhỏ đặt giữa sàn đất nện, chân bếp bằng ba viên gạch kê lại, đã đen kịt khói từ bao nhiêu mùa.

— Cái bếp này ông kê cho tui hồi mới cưới. Tui nấu trên đó mấy chục năm nay. Tui không thể mang nó theo được, mà bỏ nó lại thì...

Bà bỏ lửng câu nói. Đôi bàn tay lại thoăn thoắt lật bánh. Nhưng lần này chậm hơn một chút.

Phước ngồi yên. Ông không biết nói gì. Và lần đầu tiên trong buổi chiều đi dọc theo dãy quán sấp bị xóa sổ đó, ông cảm thấy mình đang ngồi không phải trong một điểm kinh doanh cần giải tỏa, mà trong một căn nhà của ai đó. Căn nhà không có mái, không có vách, nhưng vẫn là nhà. Bởi vì người ta đã sống thật ở đó, yêu thật ở đó, và có những thứ không mang đi được dù người ta muốn.

Khi bước ra, Phước để lại tờ tiền trên bàn. Nhiều hơn giá một đĩa bánh khọt rất nhiều. Bà lão không nói gì. Chỉ cúi đầu. Đôi vai bà nhỏ và gầy dưới lớp áo bà ba bạc màu, trông như chiếc lá khô còn bám lại trên cành sau một mùa gió.

Ông đi được mấy bước thì nghe tiếng bà vọng theo, khe thôi, không rõ là nói với ông hay nói với chính mình:

— Tui không ghét người ta đâu. Tui chỉ không muốn ông bị quên.

Phước dừng lại, nhưng không quay đầu. Ông đứng như vậy một hai giây rồi tiếp tục bước đi, mang theo câu nói ấy theo suốt quãng đường trở về, như mang theo mùi khói than bám lại trên áo mà không hay.

*

Ông đưa mắt nhìn ra biển. Nắng đang rất đẹp. Khách du lịch rất đông. Nếu làm xong dự án này, giá trị toàn bộ khu vực sẽ tăng thêm nhiều lần. Đó là một sự thật, không cần tranh cãi.

Nhiều người ghét ông. Ông biết rõ. Nhưng ông chưa bao giờ thấy mình là người xấu. Ngược lại, càng lớn tuổi ông càng tin mình đúng. Trong đầu ông tồn tại một hệ thống lý lẽ rất rõ ràng. Thành phố muốn phát triển thì phải thay đổi. Muốn thay đổi thì phải quy hoạch. Muốn quy hoạch thì phải có người chịu thiệt. Lịch sử của mọi đô thị trên thế giới đều như vậy.

Tại sao tới Vũng Tàu thì lại khác?

Nhiều đêm ngồi một mình, ông vẫn tự hỏi. Một quán nước tồn tại ba mươi năm có đáng quý không?

Có.

Một gánh hàng rong nuôi sống cả gia đình có đáng thương không?

Có.

Nhưng nếu vì giữ nguyên để thành phố đứng yên thì ai chịu trách nhiệm cho tương lai? Đó là câu hỏi mà chưa ai trả lời được cho ông.

*

Xế chiều hôm ấy, ông gặp Bảy Hổ. Quán cà phê nằm sát mép biển, cũ kỹ đến mức những bộ bàn ghế nhựa đã bạc phéch màu vì nắng gió nhiều năm. Bảy Hổ ngồi đó từ trước. Mái tóc anh đã lốm đốm bạc. Khuôn mặt sạm đen vì gió biển. Chỉ có đôi mắt là vẫn sắc như hồi còn trẻ.

Bảy Hổ hiện đang làm thợ hàn tàu ở xưởng gần Cảng Cát Lở. Công việc bình thường thôi, nhưng theo anh là trung thực. Mỗi buổi sáng anh dậy từ năm giờ, đạp xe ra xưởng, ngồi hàn từng mối nối trên thân tàu sắt cho tới khi mặt trời leo lên tới đỉnh đầu. Hàn tàu là nghề mà người ta phải nhìn thẳng vào lửa. Nhìn riết thì mắt quện, nhưng mắt cũng hư dần theo thời gian. Bác sĩ nói với anh điều đó từ mấy năm trước. Anh gạt đầu, rồi sáng hôm sau vẫn ra xưởng, cầm que hàn, nhìn thẳng vào ngọn lửa màu xanh trắng xèo xèo trên mặt thép. Không phải vì anh không sợ mù. Mà vì anh không biết làm gì khác để nuôi con.

Anh có hai đứa con gái. Đứa lớn đang học năm hai đại học ở Sài Gòn, ngành kế toán. Đứa nhỏ học cấp ba, hay vẽ linh tinh lên những tờ giấy rồi dán khắp vách nhà. Vợ anh bán cá ngoài chợ từ bốn giờ sáng tới trưa. Họ sống trong căn nhà ở một hẻm hẹp gần Bến Đình, nhà ba mươi mét vuông, đủ cho bốn người nhưng không thừa một phân nào. Mùa mưa nước ngập tới bậc cửa. Mùa nắng mái tôn rộp lên nóng tới mức đêm nằm không sao ngủ được. Bảy Hổ chưa bao giờ kể những chuyện đó với Phước. Không phải vì anh xấu hổ. Mà vì anh biết kể ra cũng không đổi được gì. Giữa hai người, từ lâu đã có một ranh giới vô hình, mỏng như tờ giấy nhưng không ai xuyên qua được.

Mỗi lần đi ngang Bãi Sau, Bảy Hổ lại nhớ tới má mình theo kiểu ghen là lạ, không hẳn là buồn, không hẳn là giận, chỉ là một thứ gì đó nằm ngang ngực mà không chịu tan đi. Hồi đó, bà bán đậu phộng luộc dưới một gốc phi lao ven biển, gần đoạn đường mà bây giờ người ta dựng hàng rào công trình chắn ngang. Chiều nào bà cũng đội cái thúng méo mó đi bộ gần hai cây số từ nhà ra đây. Thúng đậu nặng, bà gầy, bước đi nghiêng về một phía, cái thúng như đang kéo bà xuống đất. Bảy Hổ còn nhỏ hay chạy theo đòi phụ, nhưng bà không chịu, nói để tay không đi theo thôi con, má đội được. Câu đó bà nói bình thường lắm, vậy mà anh nhớ hoài tới tận bây giờ, không hiểu tại sao.

Những bữa bán ế, hai mẹ con ngồi ăn đậu thay cơm, vừa ăn vừa nhìn mặt biển tối dần theo hoàng hôn. Bà hay kể chuyện hồi còn nhỏ ở dưới quê, chuyện con sông, chuyện mùa lũ, chuyện những đêm cả nhà ngồi trên nóc nhà đợi nước rút. Anh nghe mà không hiểu hết, vì lớn lên ở Vũng Tàu thì biển quen hơn sông. Nhưng anh thích nghe, vì khi bà kể thì giọng bà khác đi, không còn cái mệt mỏi thường ngày mà trở nên nhẹ hơn, giống người đang bay về một nơi nào đó trong đầu mình.

Rồi năm anh mười lăm tuổi, thành phố bắt đầu quy hoạch lại bờ biển. Mấy cái gốc phi lao nằm trong vùng giải tỏa. Thông báo không bao lâu thì người ta chỉ tới đặt cọc tiêu rồi căng dây. Má anh đứng nhìn người ta làm mà không nói gì. Tối đó về nhà bà ngồi một mình ngoài hè rất lâu. Anh ra hỏi sao má không vào, bà chỉ nói ừ một chút rồi vào. Hôm sau bà vẫn gánh thúng đậu ra biển, nhưng chỗ khác, gần cột đèn đường, không có bóng mát, nắng chiều rọi thẳng vào mặt. Bán được ít hơn vì khách quen không biết tìm bà

ở đâu. Bà không than, không kể với ai. Chỉ dịch chỗ đứng rồi tiếp tục.

Đó là thứ làm Bảy Hồ đau nhất, không phải chuyện bà mất chỗ bán, mà là cái cách bà chấp nhận nó. Cái cách chấp nhận của người đã quen bị gạt ra ngoài, tới mức không còn biết mình có quyền phản đối hay không. Bà không ghét người ta. Bà chỉ dịch chỗ đứng. Nhưng cái dịch chỗ đứng đó nó nhỏ và lặng lẽ, tới mức người ngoài nhìn vào không thấy gì, mà người trong cuộc thì không sao quên được.

Từ ngày má mất, Bảy Hồ không ghét người giàu. Anh chỉ ghét những kẻ nghĩ rằng tiền bạc có thể mua được luôn cả ký ức. Mua luôn những gì thuộc về một vùng đất và những người đã sống trên đó từ bao đời. Sự khác biệt đó, anh chưa tìm được cách giải thích cho Phước hiểu. Hay đúng hơn, anh chưa biết Phước có thật sự muốn hiểu hay không.

Anh và Bảy Hồ từng học chung trường. Từng những lần cúp cua rủ nhau ra biển tắm. Từng cùng nhau chạy rong trên bãi cát để bắt còng gió dưới nắng chiều. Nếu cuộc đời rẽ sang một hướng khác, biết đâu tới bây giờ họ vẫn còn ngồi với nhau như những người bạn. Nhưng cuộc đời vốn ít khi chịu đi theo ý của người ta.

Bảy Hồ rót trà. Không thêm vòng vo.

— Tao nghe tụi bây sắp giải tỏa thêm.

Phước nhấp ngụm cà phê.

— Thành phố phát triển thì phải làm.

— Phát triển cho ai?

Phước cười.

— Mà hỏi câu đó hoài.

— Vì chưa ai trả lời được.

Gió biển thổi qua. Mặt nước ngoài khơi lấp loáng ánh chiều. Một đàn chim biển đang bay thấp.

Phước nhìn ra xa.

— Cho tương lai.

Bảy Hồ bật cười. Nụ cười không vui.

— Tương lai của ai?

— Của thành phố.

— Thành phố là ai?

— Là tất cả.

— Không có đâu.

Bảy Hồ lắc đầu.

Giọng anh ta chậm rãi nhưng từng chữ như đóng đinh xuống mặt bàn.

— Thành phố trong miệng tụi bây với thành phố của dân nghèo là hai thứ khác nhau. Tụi bây nhìn thấy miếng ngon trên bản đồ. Tụi tao nhìn thấy đó là chỗ kiếm cơm.

Bảy Hồ nhìn biển một hồi rồi đột nhiên hỏi, giọng không có vẻ gì là đang hỏi Phước, giống như đang hỏi chính mình:

— Mà có biết con Liên không?

— Ai?

— Con gái tao. Đứa lớn.

Phước lắc đầu. Anh ta không hay nhắc chuyện nhà với ông.

— Nó học giỏi lắm. Năm ngoái được học bổng. Trường tư thục, tốt hơn trường công nhiều, nhưng học phí tốn. Tao với bà xã tính tới tính lui mấy tuần mới quyết định được.

Anh nhìn ra biển, giọng vẫn bình thản.

— Hồi tao xin học bổng cho nó, người ta hỏi địa chỉ nhà. Tao đọc địa chỉ, con hẻm trong Bến Đình. Người ta gạt đầu ghi vào, nhưng cái kiểu gạt đầu đó tao biết, là kiểu người ta ghi vì phải ghi, chứ không phải vì tin tưởng gì. Cái cảm giác đó mà có biết không?

Phước không trả lời.

— Tao biết mà biết. Tội mình hồi nhỏ bị nhìn như vậy hoài.

Anh quay sang, lần đầu tiên trong buổi chiều đó nhìn thẳng vào mặt Phước.

— Tao chỉ không muốn con tao lớn lên vẫn còn bị nhìn như vậy. Mà cái cách duy nhất tao biết, để nó không bị nhìn như vậy là cho nó học. Không phải tiền, không phải đất. Là học. Đó là tất cả những gì tao có thể làm.

Anh bỏ lưng câu nói, quay mặt ra biển. Gió thổi căng tà áo sơ mi bạc màu của anh. Trên cái bờ vai ấy, Phước bỗng nhìn thấy một thứ gì đó quen thuộc đến kỳ lạ, cái dáng

của người đang gánh một thứ không nặng bằng tạ đá, nhưng không bao giờ được phép đặt xuống.

Phước hơi nhú mày.

— Vậy theo mày cứ để nguyên hết sao?

— Tao đâu nói vậy.

— Vậy mày muốn gì?

Bảy Hồ ngược lên.

Trong mắt anh ta phản chiếu một màu biển đục của buổi chiều cuối mùa.

— Tao muốn người ta nhớ rằng trước khi nằm trong dự án, nơi đó là cuộc đời của ai đó.

Câu nói ấy theo Phước suốt quãng đường trở về.

Chiều xuống rất nhanh. Những ngọn đèn dọc Thù Vân bắt đầu sáng lên từng dãy. Khách du lịch vẫn đông. Tiếng nhạc từ các nhà hàng hòa lẫn tiếng sóng tạo thành một thứ âm thanh vui vẻ, mà sao lại thấy mệt mỏi. Ông ngồi phía sau xe, nhìn thành phố trôi qua ngoài cửa kính. Bất giác nhớ tới những năm mình còn trẻ. Những ngày đi xe máy cà tàng chở khách xem đất. Những lần bị người ta đuổi khỏi văn phòng vì ăn mặc quá nghèo. Những bữa cơm chỉ có cá khô với nước mắm. Nếu ngày đó không liều, không có tham vọng. Liệu bây giờ ông có khác gì Bảy Hồ? Hay đang ngồi ở một quán nước nào đó nhìn người khác giàu lên? Ý nghĩ ấy khiến ông khó chịu. Ông không thích thương hại bản thân. Càng không thích người khác thương hại mình.

Đêm xuống, nước biển lại bắt đầu rút. Từ cửa kính tầng hai mươi ba, Phước nhìn thấy mặt nước lù xa dần như có một bàn tay vô hình đang kéo nó về phía chân trời. Thành phố phía sau lưng ông sáng rực. Ngoài kia chỉ còn một màu đen thăm thẳm.

Ông định quay vào thì nhìn thấy bà. Một người đàn bà đứng dưới đường, ngay dưới chân khách sạn, ngược nhìn lên tầng ông đang đứng. Ánh đèn đường hắt lên khuôn mặt bà một màu vàng nhạt. Tóc ướt. Áo ướt. Như người vừa từ dưới nước bước lên. Bà không gọi ông. Không làm gì. Chỉ nhìn lên, bằng cái nhìn của người đang chờ ông nhận ra điều gì đó. Rồi bà quay lưng đi. Bước theo một hướng không có đèn, khuất dần vào bóng tối giữa hai tòa nhà.

Bàn tay Phước siết chặt thành cửa sổ. Mồ hôi bắt giáng rịn ra nơi lòng bàn tay. Ông nhìn chằm chằm xuống đường. Không còn ai. Chỉ có mặt đường ướt ánh đèn và một vệt nước nhỏ kéo dài theo hướng bà vừa đi, như dấu chân của người đi biển còn ướt cát.

Ngoài khơi, một con sóng bất ngờ dựng lên giữa mặt biển phẳng lặng. Và trong khoảnh khắc rất ngắn ngủi, ông có cảm giác dưới làn nước đen ngòm kia không phải là đáy biển. Mà là mái nhà của một thành phố khác. Một thành phố đang nằm ngủ dưới đáy triều, chờ ai đó nhớ tới mình.

3.

Những ngày sau đó, Huỳnh Công Phước bắt đầu ngủ ít hơn. Tuổi già vốn đã không còn dễ ngủ như hồi trẻ. Thêm vào đó là công việc, là những cuộc họp kéo dài từ

sáng tới tối, là những bản quy hoạch chồng chất trên bàn làm việc như những lớp sóng không bao giờ dứt. Thế nhưng thứ khiến ông mất ngủ nhiều nhất lại không nằm trong những con số hay những dự án hàng nghìn tỷ đồng.

Nó nằm ngoài biển. Trong cái giọng nói mà chỉ mình ông nghe thấy. Ban đầu mỗi đêm chỉ một lần. Rồi thành hai lần. Hôm vừa chợp mắt đã nghe. Bữa đang họp cũng bắt giác nhớ tới. Giọng đàn bà ấy không hề đe dọa. Cũng không khóc lóc như những câu chuyện ma biển mà dân chài thường kể. Trái lại, giọng nói đó bình thản tới mức lạnh người. Như có ai đó đang ngồi trước mặt ông, kiên nhẫn kể lại một câu chuyện mà ông từng cố quên đi.

"Người ta tưởng đất thuộc về mình..."

"Người ta tưởng ký tên là sở hữu được thời gian..."

"Người ta tưởng lấy được cát thì lấy được biển..."

Những câu nói ngăn ngắt đó cứ quanh quẩn trong đầu ông, như hạt muối mắc lại nơi cổ họng. Nuốt không trôi. Khạc không ra.

*

Một đêm cuối tháng bảy, trời không mưa nhưng mây sà xuống thấp một cách lạ thường. Mặt biển nằm im phẳng phắc, nhìn từ xa chẳng khác nào một tấm kính đen khổng lồ trải dài tới tận chân trời. Phước không sao ngủ được. Ông lấy xe chạy một đoạn, rồi xuống xe một mình đi dọc bờ biển. Đã quá nửa đêm nên khách du lịch thưa dần. Những hàng quán còn mở cửa cũng đang lục tục dọn dẹp để nghỉ. Gió biển mang theo mùi rong rêu và vị muối quen thuộc của thành phố mà ông đã sống hơn sáu mươi năm. Nhưng đêm

nay, mùi biển dường như khác hẳn. Trong cái vị mặn ấy thấp thoáng một thứ hương rất cũ, rất xa, như mùi gỗ mục đã ngâm lâu năm dưới nước, hay mùi của một căn nhà bỏ hoang bị thời gian lãng quên.

Ông đi tới đoạn gần Hòn Bà rồi dừng lại. Nước triều đang rút mỗi lúc một xa hơn. Xa tới mức những doi cát quanh năm nằm dưới mặt nước cũng bắt đầu hiện lên mờ mờ dưới ánh trăng bạc. Phước nhìn ra ngoài khơi. Rồi ông đứng sững. Ngoài kia, nơi đáng lẽ chỉ có biển đêm và bóng tối, ông lại nhìn thấy những ánh đèn. Vài đốm sáng vàng nhạt. Thoạt đầu ông nghĩ đó là tàu cá. Nhưng nhìn kỹ hơn thì không giống. Những ánh đèn ấy đứng yên bất động, nằm thành từng hàng ngay ngắn, giống những ngọn đèn trước hiên nhà trong một xóm nhỏ. Càng nhìn, ông càng có cảm giác như đang có một khu dân cư nào đó hiện ra giữa mặt biển.

Phước đưa tay dụi mắt. Những ánh đèn vẫn còn đó.

Một cơn gió lướt ngang làm mặt nước rung lên những gợn sóng nhỏ. Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, ông tưởng như mình nhìn thấy những mái ngói thấp, những hàng dừa, những con đường nhỏ nằm sâu dưới làn nước đen thẫm. Y như một thành phố đang ngủ dưới đáy biển. Dưới lớp nước xanh mờ mờ ấy, không hề có những lâu đài kỳ quái hay những công trình huyền hoặc như người đời vẫn tưởng tượng. Ông nhìn thấy một ông già đang ngồi vá lưới. Một gánh bánh khọt quen quen bên góc đường. Một quán cà phê dựng bằng những tấm ván cũ. Một chiếc ghe gãy mũi nằm nghiêng trên bãi. Và cả một đứa bé chân đất đang chạy theo con diều giấy giữa gió chiều. Giống hệt Vũng Tàu của ba mươi năm trước. Một cảm giác rờn rợn

chạy dọc sông lưng, khiến ông muốn quay đi. Nhưng đôi chân dường như không còn nghe lời nữa. Có một sức hút vô hình nào đó đang giữ chặt ánh mắt ông từ ngoài khơi xa.

Phước không nghe thấy tiếng động nào từ phía đó. Và chính sự im lặng ấy mới làm ông lạnh người. Bởi ông biết rõ những nơi như vậy không thể im lặng, cuộc sống ở đó phải có tiếng, phải có mùi, phải có người cãi nhau, trẻ con khóc và tiếng ồn ào khi ghe về tới bến. Vậy mà tất cả chỉ hiện ra như sau một tấm kính dày, giống như âm thanh của họ đang vọng đến một nơi khác, một tầng thời gian khác mà tai người sống không với tới được. Phước nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra. Thành phố ấy vẫn còn nằm đó. Ông không biết mình đã đứng nhìn bao lâu. Đến lúc quay trở về khách sạn, trời đã gần sáng.

Một đêm khác, ông lại ngửi thấy mùi. Ông đang đứng bên cửa sổ thì ngửi thấy mùi khói bếp củi. Thứ mùi không còn tồn tại ở thành phố này từ mấy chục năm nay rồi. Mùi của một nếp sinh hoạt đã biến mất. Ông đứng yên, thờ chậm, cố nhớ lần cuối cùng ông ngửi thấy mùi đó là bao giờ. Rồi nhớ ra, là từ căn bếp nhỏ của má, hồi ông còn là đứa nhỏ ngồi chờ cơm chiều. Cái mùi trở lại ấy chỉ thoáng qua rồi gió biển cuốn đi mất, nhưng phải đến gần sáng ông mới ngủ lại được.

Nhưng điều làm Phước sợ nhất không phải là những ngôi nhà, những chiếc ghe. Mà là những gương mặt. Ông bắt đầu nhận ra vài người trong số họ. Người từng bán hải sản ở Bãi Sau, từng chèo ghe thuê ở Bến Đình. Hoặc từng sống trong những căn nhà đã bị giải tỏa từ nhiều năm trước. Thậm chí có người ông đã quên mất tên. Vậy mà họ vẫn nhớ ông. Mỗi lần nhìn thấy, họ đều nhìn ông bằng cùng một

ánh mắt. Chẳng oán trách, căm hờn. Họ chỉ nhìn. Chính sự bình thản ấy mới đáng sợ. Bởi nếu họ chửi rửa, ông còn biết cách chống trả. Họ nguyên rửa, ông còn biết cách bỏ đi. Đằng này họ chỉ nhìn mới chết chứ. Giống như đang chờ ông tự trả lời một câu hỏi nào đó.

*

Một đêm nọ, thành phố dưới đáy triều hiện lên rõ hơn bao giờ hết. Mặt biển phẳng lặng. Trăng thật sáng. Những mái nhà dưới nước hiện rõ tới từng viên ngói. Phước nhìn thấy một con đường đất nhỏ chạy xuyên qua khu xóm. Một quán bánh canh. Và một người phụ nữ đang ngồi bên nồi nước dùng bốc khói.

Ông chết lặng. Đúng là má ông, không thể nhầm được. Dáng ngồi và mái tóc ấy. Cả cách bà dùng muỗng khuấy nồi nước lèo cũng giống hệt như trong ký ức. Phước muốn gọi, nhưng cổ họng nghẹn lại. Người đàn bà không nhìn ông. Bà chỉ tiếp tục làm việc như những năm tháng nghèo khó ngày xưa. Sau lưng bà là biển. Trước mặt bà là chiếc bàn gỗ cũ kỹ. Mọi thứ đều nguyên vẹn. Như thời gian chưa từng trôi qua. Cảm giác đau nhói bất ngờ dâng lên trong lồng ngực ông. Rất lâu rồi ông không nghĩ đến má. Giờ lại nhớ tới má mình nhiều như vậy. Ông không bắt hiểu, mà vì cuộc đời cuốn người ta đi quá xa. Xa tới mức nhiều khi muốn quay lại cũng không biết đường nào mà quay.

Đúng lúc ấy, có tiếng chân bước sau lưng. Phước giật mình quay lại. Một người đàn bà đang đứng trên cát. Ánh trăng phủ lên mái tóc dài ướt đẫm của bà một màu bạc nhạt. Trên người bà phẳng phát mùi rong biển. Mùi của những tảng đá nằm lâu năm dưới nước. Mùi của những cơn gió từ khơi xa. Khuôn mặt ấy vừa lạ lại quen. Ông đã gặp

bà ở đâu đó. Nhiều lần. Gặp từ rất lâu rồi. Bà không nhìn ông. Bà nhìn vào khoảng biển trước mặt, chỗ những ánh đèn kỳ lạ kia đang lập lòe. Rồi bà làm một việc mà Phước không ngờ. Bà ngồi xuống cát, rút từ trong tà áo ra một thứ gì đó và bắt đầu khâu. Đôi tay thoăn thoắt kéo từng mũi chỉ trong bóng đêm, chính xác như người đã làm việc đó cả đời, như người không cần ánh sáng vì ngón tay đã nhớ đường đi của kim.

Phước đứng nhìn một hồi lâu. Rồi bước lại gần hơn. Trên tay bà là một tấm lưới cá. Cũ, rách nhiều chỗ. Bà đang vá lại từng mắt lưới một, kiên nhẫn như thề cả đêm nay chỉ có việc này là quan trọng.

— Bà là ai?

Bà không trả lời. Chỉ tiếp tục kéo chỉ.

— Bà nghe tôi hỏi không?

Bà dừng tay. Ngược lên nhìn ông. Đôi mắt ấy sâu thẳm không thấy đáy, nhưng không đáng sợ. Chỉ mệt. Cái mệt của người đã nhìn quá nhiều thứ trôi qua mà không giữ lại được thứ nào. Rồi bà nhìn xuống tấm lưới. Lại tiếp tục vá.

Phước đứng đó không biết bao lâu. Tiếng kim xuyên qua lưới nhỏ như tiếng thờ. Tiếng chỉ kéo qua từng mắt lưới như tiếng ai đó đang đếm ngược một điều gì. Ông có cảm giác kỳ lạ rằng mình đang đứng trước một người đang làm công việc của cả đời, không phải vá lưới, mà là vá lại những thứ đã bị cắt đứt. Và rằng công việc đó không bao giờ xong.

Khi ông nhìn lên lần nữa, bà đã biến mất. Trên mặt cát chỉ còn những dấu chân dẫn thẳng ra phía biển. Kỳ lạ

thay, những dấu chân ấy không hề bị sóng xóa đi. Và ngay chỗ bà ngồi, có một đoạn lưới ngấn đã được vá xong, nằm trên cát trắng, chờ ai đó nhặt lên.

*

Đêm đó, lần đầu tiên sau rất nhiều năm, Huỳnh Công Phước mơ thấy cha mình. Ông già vẫn mặc chiếc áo bạc màu năm nào. Cha vẫn gầy, đen sạm. Vẫn mang khuôn mặt của một người đã quen nhìn biển hơn nhìn đất. Hai cha con ngồi trên mũi ghe. Biển phẳng lặng, không gió, sóng. Không có mặt trời. Không bầu trời. Chỉ có nước. Mênh mông. Vô tận. Một lúc lâu sau, người cha mới lên tiếng. Giọng ông bình thản như đang nói chuyện thời tiết.

— Mày già rồi.

Phước không đáp.

Ông già nhìn ra xa.

— Nhưng mày đang đứng phía nào vậy con?

Phước giật mình thức dậy.

Ngoài cửa kính, thủy triều đang lên. Những con sóng nối nhau bò vào bờ như một đoàn người lặng lẽ trở về sau một cuộc họp kéo dài suốt đêm. Còn trong lòng ông, lần đầu tiên sau nhiều chục năm, có một điều gì đó bắt đầu dịch chuyển.

4.

Đầu mùa khô năm đó, cả Vũng Tàu gần như chỉ nói về một chuyện: “Dự án Tam Thắng”. Từ quán cà phê cóc ở

Bến Đình, tới những bàn nhậu nhìn ra Bãi Trước, từ mấy ghe cá ngoài Cửa Lấp cho tới những văn phòng máy lạnh trên đường Ba Cu, đâu đâu người ta cũng bàn tán. Người thì nói đây là cuộc thay da đổi thịt lớn nhất của thành phố từ nhiều chục năm nay. Người thì nói đó chỉ là một cuộc chia lại bàn cờ. Kẻ mất, người được, như mọi lần.

Bản quy hoạch được trưng bày trong hội trường thành phố. Đó là một quảng trường ven biển khổng lồ. Đèn chuyển màu. Nhạc nước. Và những dải công viên trải dài gần hết Bãi Sau. Không gian lễ hội. Đường dạo bộ ven biển. Hầm ngầm băng qua đường. Biểu tượng Tam Thắng vươn lên giữa trời như một cánh buồm khổng lồ hướng ra biển Đông. Kiến trúc sư nói về tương lai. Chuyên gia nói về giá trị đô thị. Các doanh nghiệp nói về tiềm năng phát triển. Tiếng vỗ tay vang lên rần rần.

Huỳnh Công Phước ngồi ở hàng ghế đầu. Ông nhìn lên mô hình. Khó mà phủ nhận. Nó đẹp. Đẹp thiệt. Thậm chí chính ông cũng thấy lòng mình rung động. Vũng Tàu rồi sẽ đổi khác. Thành phố này từng tồn tại nhờ cá, rồi nhờ dầu khí, sau đó chuyển sang du lịch, và bây giờ lại sắp bước sang một giai đoạn mới nữa. Nhưng giữa những tiếng tán dương, Huỳnh Công Phước bắt chợt nhớ lại câu hỏi của Bảy Hồ, ngắn thôi mà nặng trĩu: rất cuộc, thành phố này thuộc về ai, hay nói đúng hơn, ai mới thật sự là người định hình nó?

Ngoài hội trường, đám đông đứng xem bản quy hoạch cũng đông nghẹt. Người trẻ háo hức. Khách du lịch tấp tể. Nhiều người địa phương cũng vui mừng. Nhưng không phải ai cũng cười. Một góc cuối công viên có vài chục người đang tụ tập. Bà Sáu Mận bán bánh khọt. Vợ chồng

ông Năm chèo thúng. Mấy người bán nước mía. Bán bắp nướng. Cho thuê phao, ghề bố. Những con người ấy không nhìn thấy tương lai trong bản vẽ. Họ chỉ nhìn thấy khoảng đất mình đang đứng. Và cái ngày phải dọn đi.

*

Chiều hôm đó, Bảy Hồ tìm gặp Phước. Hai người đứng trên tầng cao nhất của khách sạn. Ngoài kia biển xanh ngắt. Từng đợt sóng lấp lánh ánh nắng cuối ngày. Bảy Hồ nhìn xuống Bãi Sau hồi lâu rồi mới hỏi:

— Mà thấy đẹp không?

— Đẹp.

— Tao cũng thấy đẹp.

Phước hơi bất ngờ.

Bảy Hồ cười.

— Tao đâu có ngu.

Đẹp là đẹp. Văn minh là văn minh. Nhưng đẹp cho ai, đó mới là chuyện đáng nói.

Phước quay sang nhìn bạn cũ.

— Mà muốn nói gì?

Bảy Hồ chống tay lên lan can.

Giọng anh thấp xuống.

— Hồi nhỏ tụi mình nghèo. Mà nhớ không?

— Nhớ.

— Hồi đó đứng ngoài hàng rào Lam Sơn, nhìn biệt thự của chuyên gia Nga mà thèm muốn chết.

Phước im lặng. Anh nhớ, làm sao quên được. Những con đường đầy bóng cây. Khu biệt thự mái đỏ nằm sát biển, bảo vệ đứng gác. Dân địa phương đi ngang cũng bị nhìn bằng ánh mắt đề phòng. Một thế giới khác nằm giữa lòng thành phố.

Bảy Hổ tiếp tục:

— Ngày đó tụi mình nghĩ chỉ cần giàu lên thì mọi chuyện sẽ khác.

— Chẳng lẽ không khác?

— Có khác.

Nhưng không phải như tụi mình tưởng. Gió biển thổi mạnh hơn. Dưới chân họ, thành phố bắt đầu lên đèn.

Bảy Hổ chỉ tay về phía biển.

— Hồi trước hàng rào Lam Sơn ngăn dân nghèo.

Bây giờ mà thấy có gì khác không?

Câu nói ấy khiến Phước cau mày.

— So sánh khắp khiễng quá.

— Thiệt hả?

— Thiệt.

— Vậy mà nói tao nghe coi.

Bảy Hổ quay sang. Đôi mắt anh sáng quắc.

— Một người bán nước mía có quyền quyết định số phận mảnh đất mình đang sống không?

Phước không trả lời.

— Một bà già bán bánh khọt có được tham gia quyết định tương lai Bãi Sau không?

Ông vẫn im lặng.

— Hay mọi chuyện đã được quyết định từ trước hết rồi?

Cuộc nói chuyện kết thúc trong im lặng. Đêm đó, những câu hỏi của Bảy Hổ lại theo Phước về tận phòng ngủ. Ông đứng bên cửa kính. Nhìn biển. Nhìn thành phố. Những ánh đèn kéo dài suốt con đường Bãi Sau. Chúng còn tới tận Bãi Trước. Rồi bất giác ông nhớ tới khu Năm Tầng. Nơi những công nhân dầu khí Liên Xô từng sống. Các căn hộ gọn đẹp, khang trang. Những khoảng sân đầy tiếng trẻ con. Nhiều người trong số họ đã về nước. Cũng có người đã mất. Nhưng khu nhà vẫn còn đó. Như một dấu vết của thời đại khác. Thời mà Vũng Tàu chưa biết đất có thể đẻ ra tiền nhanh đến vậy.

*

Ba ngày sau, biển cổ xảy ra. Một nhóm người kéo tới khu vực chuẩn bị giải tỏa. Ban đầu chỉ vài chục người. Nhưng chẳng bao lâu sau đã thành hàng trăm người tụ tập kín cả một đoạn đường.

Tin tức lan đi rất nhanh. Mạng xã hội liên tục phát trực tiếp. Phóng viên các báo đổ tới. Máy quay dựng san sát hai bên đường. Người ta cầm những tấm giấy các tông

viết tay. Tiếng la hét, tiếng tranh cãi, tiếng khóc hòa lẫn vào nhau tạo thành một bầu không khí căng như dây đàn. Giữa đám đông, một bà lão ngồi bệt xuống mặt đường, ôm chặt chiếc xe nước mía cũ kỹ đã gỉ sét gần hết. Bà khóc mà không thành tiếng. Mấy đứa cháu đứng bên cạnh cũng sụt sùi khóc theo.

Rồi người ta lại thấy bà bán bánh khọt già đã ngoài tám mươi tuổi. Bà nhất quyết không chịu dời đi. Bà ngồi trên chiếc ghế nhựa cũ, lặng lẽ chờ giữa nắng chiều, giống như đang đợi một điều gì đó đã được định sẵn từ trước.

Khi có người tới vận động, bà chỉ chậm rãi nói:

— Hồi chiến tranh tui bán ở đây. Hồi hòa bình tui cũng bán ở đây. Hồi chưa có khách sạn, chưa có khu nghỉ dưỡng, tui vẫn bán ở đây.

Bà ngừng một chút rồi nhìn quanh.

— Tới giờ người ta nói chỗ này không phải của tui.

Người ta bu lại đông hơn. Máy quay, điện thoại giờ lên tứ phía.

Nhưng không ai hỏi bà tên gì.

Bà tên Sáu Mận. Cái tên bà ngoại đặt từ hồi còn ở Bến Tre, đặt vì ngày bà chào đời ngoài vườn có một cây mận chín đỏ. Bà lớn lên theo ghe của cha, rồi theo chồng ra Vũng Tàu từ năm mười tám tuổi. Chồng bà làm thợ lặn, lặn tìm hải sản ngoài vùng Côn Đảo, mỗi lần đi là mấy tháng mới về. Những tháng chồng vắng, bà ở nhà đổ bánh khọt nuôi con. Không phải vì bà giỏi nấu ăn. Mà vì đó là thứ duy nhất bà biết làm ra tiền bằng đôi tay của mình.

Bà đổ bánh ở chỗ này từ năm chồng mất. Ông mất vì tai nạn lặn, phổi không chịu nổi sau một lần lặn quá sâu. Hôm người ta đưa ông về, bà đang ngồi đổ bánh. Mấy người hàng xóm chạy tới báo tin, bà chỉ đứng dậy tắt bếp than, đậy nắp nồi bột lại, rồi đi theo họ. Sau đám tang xong, bà quay lại, mở nắp nồi bột ra, thấy bột đã chua, đổ đi, pha mẻ mới, rồi tiếp tục đổ bánh. Không phải bà không đau. Mà vì mấy đứa con còn nhỏ, buổi chiều về chúng cần có cơm ăn.

Bà không cần ai biết chuyện đó.

Bà chỉ cần ngồi đây. Chỗ này. Đúng chỗ này. Vì ngay viên gạch lát dưới chân bà, chỗ bếp than kê lên, có một vết nứt hình chữ Y. Chính tay ông chồng bà đã đặt viên gạch đó xuống hồi mới dọn ra đây bán. Ông đặt xuống, phủi tay, nói: "Vậy là có chỗ rồi bà ơi." Câu đó bình thường lắm, nói xong rồi quên. Vậy mà bà nhớ tới giờ. Bởi vì nó đúng. Có chỗ rồi. Chỗ của bà. Chỗ bà và ông cùng tạo ra. Bằng mồ hôi, bằng những buổi sáng dậy từ bốn giờ pha bột, bằng những buổi chiều ngồi đợi khách trong gió biển thổi muốn bay cả mái tôn.

Bây giờ người ta nói chỗ đó không phải của bà. Bà không tranh cãi. Bà không có giấy tờ. Bà biết mình không có giấy tờ. Nhưng bà có cái viên gạch nứt hình chữ Y dưới chân bếp than. Và bà có mấy mươi năm ngồi đây nhìn con cái lớn lên, nhìn thành phố thay đổi, nhìn khách du lịch tới rồi đi, nhìn từng mùa cá về rồi lại ra khơi.

Bà thò tay vô túi áo lấy nắm cát. Không phải để làm màu. Bà không biết làm màu. Vì buổi sáng trước khi ra đây, bà đã bốc một nắm cát từ nền đất dưới cái bếp than. Bốc theo bản năng, như người ta bốc một thứ gì đó trước khi

cửa đóng lại. Cát vùng Bãi Sau này bà biết từng hạt, không phải vì bà giỏi giang gì, mà vì bà đã ngồi trên nó đủ lâu để nó trở thành một phần của đời bà.

Bà giơ nắm cát lên trước mặt đám đông.

— Vậy cát này của ai?

Không ai trả lời.

Bà nhìn quanh một lượt. Những khuôn mặt xa lạ. Những chiếc điện thoại. Những cái loa. Những bộ đồng phục. Bà nhìn xuống nắm cát trong tay. Rồi từ từ buông tay ra. Cát rơi xuống, theo gió biển bay tản mác, trở về đất.

Bà lão ngồi yên trên chiếc ghế nhựa xanh, hai bàn tay gầy đặt lên đùi, mắt nhìn ra phía biển. Biển hôm đó xanh ngắt. Gió thổi đẹp. Nắng vàng óng. Bà nghĩ tới ông. Chắc ông đang ngồi đâu đó ngoài khơi, trên chiếc ghe cũ, ngó vào bờ nhìn bà. Bà muốn nói với ông: "Tui giữ không được rồi ông ơi. Nhưng tui đã cố."

Chiếc xe xúc ở xa từ từ tiến lại. Tiếng máy gầm lên. Bà Sáu Mận vẫn ngồi yên. Lưng thẳng. Tay đặt trên đùi. Mắt nhìn ra biển. Giống như bà đang ngồi ổ bánh trong một buổi chiều bình thường nào đó, đợi khách tới, đợi gió về, đợi một điều gì đó mà bà đã quen đợi từ rất lâu rồi.

Người ta lại tiếp tục khuyên nhủ.

Bà chỉ lắc đầu.

Đến khi chiếc xe xúc từ từ tiến lại rất gần, bà cúi xuống bốc một nắm cát dưới chân rồi bỏ vào túi áo.

Một cán bộ đứng gần đó hỏi:

— Bà làm gì vậy?

Bà ngược lên, cười hiền như không có chuyện gì xảy ra.

— Tui đem nhà theo.

Câu nói ấy cùng hình ảnh người đàn bà già cất nắm cát vào túi áo đã xuất hiện trên điện thoại của hàng chục ngàn người chỉ trong vòng vài giờ.

*

Khi Phước tới nơi, tình hình đã rất căng. Xe chuyên dụng. Lực lượng chức năng. Đám đông. Những tiếng cãi vã chồng chéo lên nhau như sóng đánh vào ghềnh đá. Giữa biển người ấy, ông nhìn thấy Bảy Hổ. Anh đứng ngay hàng đầu. Không la hét, kích động. Đứng đó im lặng. Nhưng chính sự im lặng ấy lại tạo nên sức nặng kỳ lạ. Phước bước tới. Hai người nhìn nhau, không ai chào ai.

Một lúc sau, Bảy Hổ hỏi:

— Mà còn nhớ hồi nhỏ tụi mình đi lượm ve chai không?

— Nhớ.

— Có nhớ cái bãi đất sau chợ không?

— Nhớ.

— Giờ nó là khách sạn năm sao.

Phước gật đầu.

— Đúng.

— Hồi đó tội mình nghĩ sau này khá lên thì sẽ không ai đẩy mình đi nữa.

Bảy Hổ cười.

Một nụ cười buồn hơn cả khóc.

— Té ra nghèo với giàu chỉ khác nhau ở chỗ ai là người ký giấy.

*

Đúng lúc ấy, biển nổi gió. Không ai biết cơn gió đó từ đâu kéo tới. Trời vẫn trong veo, không một dấu hiệu của mưa giông. Vậy mà từng luồng gió lạnh bất ngờ quét ngang Bãi Sau, mang theo cát bụi bay mù mịt. Những lá cờ dựng dọc bờ biển đập phành phạch trong gió. Ngoài khơi, tiếng sóng bỗng dâng cao dữ dội, lớn đến mức lấn át cả tiếng loa phát thanh, lấn át luôn những tiếng tranh cãi đang vang lên trên bờ.

Phước quay đầu nhìn ra biển. Sắc mặt ông chợt tái đi. Ngoài xa, ngay giữa mặt nước đang cuộn sóng, thành phố dưới đáy triều lại hiện lên. Lần này Phước không nhìn thấy mái nhà hay con đường. Ông chỉ nhìn thấy bàn tay. Hàng trăm bàn tay người lớn và trẻ con đang chạm vào mặt dưới của nước biển từ phía dưới lên. Như đang đẩy lên một tấm kính mà không vỡ được. Không đe dọa, không van xin. Chỉ chạm. Kiên nhẫn. Giống cách người ta gõ vào một cánh cửa đã biết sẽ không có ai ra mở. Nhưng vẫn gõ vì không có cách nào khác để chứng minh rằng mình đang ở đây.

Giữa tiếng sóng đang gầm lên từng hồi, Phước lại nghe thấy giọng người đàn bà quen thuộc. Lần này rõ đến mức ông có cảm giác bà đang đứng ngay bên cạnh mình.

“Người sống chia nhau đất.”

“Người chết giữ kỷ ước.”

“Rồi cuối cùng ai mới là chủ?”

Từng câu nói rơi xuống giữa tiếng sóng như những nhát búa gõ thẳng vào lòng người. Một cơn đau bất ngờ bóp nghẹt lồng ngực ông. Cơn đau không dữ dội nhưng rất sâu, sâu như có một lưỡi câu vô hình đang từ từ kéo lên những điều đã bị chôn vùi suốt mấy chục năm trời.

Ngoài kia, biển vẫn gầm.

Trong bờ, người ta vẫn tiếp tục cãi vã.

Trên bầu trời, đàn chim biển bỗng dừng tụ lại thành một vòng tròn khổng lồ, xoáy quanh khu vực chuẩn bị dựng biểu tượng Tam Thắng như thể chúng cũng đang chờ đợi một điều gì đó. Cả thành phố dường như nín thở. Không phải để chờ kết quả của một cuộc tranh chấp đất đai. Mà là chờ một điều gì lớn hơn thế rất nhiều. Lớn hơn tiền bạc, quyền lực. Lớn hơn tất cả những gì con người vẫn tưởng mình có thể nắm giữ. Và lần đầu tiên trong đời, Huỳnh Công Phước cảm thấy mình đang đứng trước một phiên tòa không có thẩm phán. Nhưng mình cũng không có đường lui.

5.

Đêm đó, Huỳnh Công Phước không quay về khách sạn. Ông lấy chìa khóa nổ máy chiếc xe máy, rồi men theo con đường ôm sườn núi chạy dọc bờ biển. Từ Bãi Sau, ông cứ lặng lẽ đi về phía Bãi Trước, đi như một người đang tìm

kiếm điều gì đó mà chính mình cũng không biết. Ông đi chỉ vì muốn đi, vậy thôi.

Nước biển ngoài kia đang dâng lên theo con triều khuya. Từng đợt sóng chậm chậm bò vào bờ đá, vỡ xuống những âm thanh trầm đục rồi lại rút ra, kiên nhẫn như thể suốt đời nó vẫn làm một công việc duy nhất ấy. Chiếc xe chạy không nhanh, đủ để những luồng gió mặn từ ngoài khơi lùa vào cổ áo, làm áo khoác liên tục phập phồng theo nhịp đường.

Càng về khuya, gió càng mạnh. Những hàng dương ven biển nghiêng ngả trong bóng tối, thân cây đen sẫm lúc ẩn lúc hiện dưới ánh đèn đường. Lá dương cọ vào nhau tạo nên thứ âm thanh xào xạc rất lạ. Như có ai đó đang thì thầm chuyện trò từ một nơi xa lắm, xa đến mức không còn biết đó là tiếng của người sống hay ký ức của những năm tháng đã chìm xuống tận đáy thời gian. Ánh đèn vàng hắt xuống mặt đường thành những quãng sáng nhạt nhòa. Thành phố hiện ra trước mắt ông vừa quen vừa lạ. Vẫn những con dốc ấy. Vẫn những khúc cua ấy. Vẫn mùi muối biển lẫn trong gió đêm ấy. Vậy mà không hiểu sao, càng nhìn lâu ông càng có cảm giác như mình đang đi ngang qua một nơi nào khác, một thành phố mang gương mặt của Vũng Tàu nhưng linh hồn đã đổi thay từ lúc nào không rõ.

Rồi bất chợt, giữa quãng đường vắng ngắt đó, ông nhận ra đã rất lâu mình không còn rong ruổi như thế này nữa. Từ ngày có tài xế riêng. Từ ngày những cuộc hẹn nối tiếp những cuộc hẹn. Từ ngày mỗi sáng bước vào văn phòng đã thấy thư ký đặt sẵn trước mặt một lịch làm việc kín đặc đến tận cuối ngày. Người ta gọi ông là chủ tịch. Gọi ông là đại gia, là vua đất. Cái tên thằng Phước của những

năm nghèo khó dường như đã bị bỏ quên ở đâu đó giữa những hợp đồng, những cuộc nhậu tiếp khách và những tòa nhà mọc lên sát mép biển.

Gần nửa đêm, ông tới Bãi Trước. Biển trước mặt đen thẫm, trải rộng mênh mang dưới bầu trời không trăng. Ngoài khơi xa, những con tàu sắt vẫn neo mình giữa đêm nước lớn. Đèn từ boong tàu rải xuống mặt biển thành những vệt sáng lấp loáng, chỗ đứt chỗ nối, lênh đênh giữa sóng tối. Nhìn từ bờ, chúng giống như những đốm lửa nhỏ đang trôi lạc giữa một khoảng không vô tận, vừa cô độc vừa buồn bã đến lạ.

Xa xa là khu Lam Sơn. Những hàng cây già đứng lặng trong đêm. Sau những tán lá tối màu, các căn biệt thự chỉ còn hiện lên thấp thoáng như những mảnh ký ức chưa bao giờ rời khỏi thành phố này. Và cũng chưa bao giờ rời khỏi đời ông. Ngày còn nhỏ, ông từng nhiều lần đứng ngoài hàng rào nhìn vào nơi ấy. Hồi đó, khu Lam Sơn giống như một thế giới khác. Một thế giới nằm ngay trong Vũng Tàu nhưng dường như thuộc về những con người khác. Người Nga, chuyên gia dầu khí sống ở đó. Những con người mà dân nghèo Vũng Tàu thuở ấy vẫn nhìn bằng ánh mắt tò mò và kính nể.

Nhiều đêm đứng ngoài đường, cậu bé Phước thấy ánh đèn vàng hắt ra từ những khung cửa sổ. Thấy những chiếc xe Volga nằm im dưới hàng cây. Thấy những đứa trẻ tóc vàng đạp xe qua lại trên những con đường sạch sẽ. Những hình ảnh ấy đã gieo vào lòng cậu một niềm tin rất đơn giản. Rằng trên đời thật sự có những cánh cửa chỉ mở cho một số người. Và muốn bước qua cánh cửa đó thì phải giàu.

Phải mạnh.

Phải thắng.

Ông ngồi xuống một băng ghế đá cũ dưới gốc bàng, lặng lẽ nhìn ra phía biển. Thời gian trôi qua bao lâu ông cũng không biết. Chỉ biết là rất lâu. Đến mức tiếng sóng dường như đã hòa vào hơi thở. Rồi ông nghe có người ngồi xuống bên cạnh. Không cần quay đầu lại, ông cũng biết đó là ai.

Bảy Hồ.

Hai người cùng nhìn ra mặt biển. Mãi một hồi lâu, Bảy Hồ mới cất giọng.

— Mà thấy chưa?

Phước hỏi:

— Thấy gì?

— Thấy cái thành phố dưới biển đó.

Phước quay phắt lại. Trong bóng đêm, gương mặt Bảy Hồ bình thản lạ thường.

— Mà cũng thấy hả?

— Không phải chỉ tao.

Bảy Hồ cười nhạt.

— Hồi trước có nhiều người thấy rồi.

Một cơn gió thổi ngang. Biển đập vào bờ đá dưới chân họ.

Ầm.

Ầm.

Ầm.

Như tiếng trống từ một nơi nào rất sâu vọng lên. Bầy Hổ chiêm thuốc. Ngọn lửa bật sáng trong khoảnh khắc.

— Hồi ông nội tao còn sống, ông kể có một cái làng nằm ngoài khơi.

— Chuyện dân gian thôi.

— Có thể.

— Mà tin hả?

— Tao không biết.

Bầy Hổ nhìn ra biển. Khói thuốc bay xiên trong gió.

— Nhưng tao biết người già thường nhớ những chuyện mà người trẻ không thêm nhớ.

Giọng Bầy Hổ chậm rãi, đều đều như thể anh đang kể cho chính mình nghe hơn là kể cho người khác.

Ngày xưa, trước khi người Pháp tới. Trước khi có đường sá, Grand Hotel hay những dãy nhà sáng đèn chạy dọc bờ biển này, ngoài khơi từng có một xóm chài rất lớn. Người ta sống bằng nghề biển, đời này nối đời kia. Rồi một năm bão dữ kéo tới. Biển nuốt mất cả làng. Từ đó về sau, lâu lâu lại có người nói mình nhìn thấy ánh đèn lập lòe ngoài khơi. Không phải đèn tàu hàng hay giàn khoan. Người ta nghe tiếng mái chèo khua nước giữa đêm. Người thì nghe tiếng ru con vọng từ ngoài biển. Người lại quả quyết rằng họ từng gặp một người đàn bà mặc áo trắng đi trên mặt nước.

Nghe tới đó, Phước bật cười.

— Màý tin chuyện đó thiệt hả?

— Không.

Bảy Hồ đáp ngay, không cần suy nghĩ.

— Vậy kể làm gì?

Bảy Hồ nhìn ra biển.

— Tao không tin ma.

Anh ngừng một chút.

— Nhưng tao tin ký ức.

Gió từ ngoài khơi thổi vào mạnh hơn. Giữa hai người là một khoảng lặng dài. Tiếng sóng đều đều đập vào bờ cát. Một lúc sau, Bảy Hồ mới quay sang.

— Tao hỏi màý chuyện này.

— Hỏi đi.

— Màý có hạnh phúc không?

Phước bật cười.

— Hỏi gì kỳ vậy?

— Trả lời đi.

Phước không đáp ngay. Ông nhìn ra mặt biển đen thẫm trước mặt. Ngoài xa, những đốm sáng từ tàu thuyền chập chờn theo sóng nước. Rất lâu sau ông mới lên tiếng.

— Có.

— Thiệt không?

— Thiệt.

Bảy Hồ gật đầu. Rồi anh hỏi tiếp, giọng vẫn bình thản như không:

— Vậy sao đêm nào mà cũng ra biển?

Phước im lặng.

Bảy Hồ không nhìn ông. Anh vẫn nhìn sóng.

— Người hạnh phúc thường về nhà.

Anh dừng lại.

— Chỉ có người đang kiếm thứ gì đó mới cứ lang thang hoài trong đêm.

Mấy câu nói ấy khiến Phước nhenh lại. Ông muốn phản bác. Muốn nói một điều gì đó để tự bảo vệ mình. Nhưng lời vừa lên tới cổ họng đã mắc lại. Bởi chính ông cũng không biết vì sao mình cứ quay về với biển. Hết lần này tới lần khác, như một người còn thiếu nợ. Một kẻ vẫn đang bị ai đó âm thầm gọi tên từ rất xa.

Bảy Hồ đưa miếng thuốc lên miệng, hít một hơi dài, rồi nhả khói ra từ từ.

Anh hỏi:

— Mà biết điều tao sợ nhất là gì không?

— Gì?

— Không phải người giàu.

— Vậy là ai?

Bảy Hồ nhìn ra biển.

— Người từng nghèo.

— Ý mà sao?

— Người nghèo hôm qua mà quên mình từng nghèo.

Bảy Hồ búng tàn thuốc. Ngọn lửa đỏ rơi xuống cát rồi tắt ngay.

— Mà biết hỏi ngoại tao mất, tao không có tiền về chịu tang không?

Phước ngẩng lên.

— Hồi đó tao đang làm thợ phụ ở xưởng cá. Lương tháng đó chưa lĩnh, mà xe đò về miền Tây giá cao. Tao đứng ở bến xe Vũng Tàu đếm tiền trong túi, đếm đi đếm lại, vẫn thiếu. Cuối cùng không về được.

Anh nhìn ra biển.

— Tao gọi điện về, má tao khóc. Không nói gì hết, chỉ khóc. Đó là lần đầu tiên tao nghe má khóc trên điện thoại. Trước đó bà khóc hoài, nhưng không bao giờ để tao nghe thấy.

Một lúc, anh tiếp:

— Hồi đó tao tự hứa với mình, sau này có tiền, tao sẽ không để cái chuyện đó xảy ra với con tao. Không phải chuyện tiền xe đò. Mà chuyện đứng ở bến xe đếm tiền mà vẫn thiếu, trong lúc người nhà đang khóc.

Giọng anh không đau, không oán. Bình thản tới mức lạnh.

— Tao hiểu tại sao mày làm những gì mày đã làm. Tao không có tư cách phán xét mày. Tao chỉ nói rằng tụi mình xuất phát từ cùng một chỗ, mà đi tới hai nơi khác nhau. Không phải vì một người thông minh hơn hay chăm chỉ hơn. Mà vì mỗi người chọn cái gì để giữ lại khi leo lên cao.

Phước không đáp.

Bảy Hồ chậm rãi nói tiếp:

— Người giàu từ nhỏ còn dễ hiểu. Họ sinh ra ở trên cao nên nhìn đời từ trên cao.

Anh quay sang.

— Còn người từ dưới đáy đi lên mà lại quên mất cái đáy nằm ở đâu mới đáng trách.

Phước cau mặt.

— Tao không quên.

— Có.

— Tao nhớ hết.

— Mày nhớ cái đoi.

Bảy Hồ nhìn thẳng vào mắt ông.

— Nhưng mày quên cảm giác bị đẩy ra ngoài.

Không khí giữa hai người chột nặng xuống. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Huỳnh Công Phước cảm thấy một cơn giận âm ỉ dâng lên trong lòng. Không phải thứ giận dữ bùng

nổ, là cái cảm giác nhức nhối vết thương cũ, bị ai đó bất ngờ chạm trúng.

Giọng ông khàn đi.

— Mà bạn tưởng tao có được ngày hôm nay dễ lắm hả?

Ông chỉ tay xuống đất.

— Tao đánh đổi gần hết cuộc đời mình.

— Tao biết.

— Tao liều mạng.

— Tao biết.

— Tao chịu nhục.

— Tao biết.

— Tao thức trắng không biết bao nhiêu đêm. Tao làm những chuyện người khác không dám làm. Tao mới đi tới được đây.

Bảy Hồ gật đầu.

— Tao chưa từng phủ nhận chuyện đó.

— Vậy sao lúc nào mà cũng nói như tao mang nợ thiên hạ?

— Tao đâu nói vậy.

— Khác gì đâu.

Bảy Hồ im lặng vài giây. Rồi anh đứng dậy. Gió biển thổi căng tà áo. Anh nhìn về phía những dãy đèn ven bờ đang kéo dài trong đêm.

— Tao chỉ nói một chuyện thôi.

Phước không nói gì.

Bảy Hồ tiếp lời:

— Khi leo lên cao, người ta thường nghĩ mình đang đứng trên đôi chân của chính mình.

Anh khẽ cười.

— Nhưng nhiều khi nhìn kỹ lại...

— Thì sao?

— Thì dưới chân mình còn có rất nhiều cái vai của người khác.

Nói xong, Bảy Hồ quay lưng bước đi, chẳng thèm giải thích gì thêm. Anh cũng không buồn ngoái đầu lại.

Để lại Huỳnh Công Phước ngồi trước biển một mình.

Giữa tiếng sóng. Bóng đêm.

Và giữa những điều ông tưởng mình đã quên từ rất lâu rồi.

Đúng lúc đó, mặt nước ngoài khơi bắt đầu sáng lên. Không phải ánh đèn tàu. Đêm ấy trời cũng không trăng. Một thứ ánh sáng màu xanh nhạt từ dưới đáy biển phát ra chậm chậm. Như có ai đang thắp đèn dưới lòng nước. Huỳnh Công Phước đứng bật dậy. Ngoài kia, thành phố dưới đáy triều lại hiện lên. Nhưng lần này nó không còn xa nữa. Nó

đang tiến gần vào bờ. Từng chút. Từng chút một. Những mái nhà, con đường. Những chiếc ghe, bóng người đang rõ dần. Và rồi ông nhìn thấy người đàn bà đó. Người đàn bà mang mùi rong biển. Đứng giữa con đường dưới đáy nước. Bà đứng yên nhìn ông. Khoảng cách giữa hai người rất xa. Đáng lẽ không thể nghe thấy gì. Nhưng ông vẫn nghe rõ giọng bà. Nhẹ như gió. Mỏng như khói. Từng chữ lại đâm thẳng vào lòng người.

— Ông tưởng mình đang giữ đất. Nhưng thiệt ra ông đang giữ nỗi sợ.

Biển đột ngột lặng đi. Mọi thứ như ngừng thở.

Người đàn bà lại nói:

— Những người tranh nhau đất thường nghĩ mình đang tìm chỗ đứng. Nhưng có khi cả đời họ chỉ đang tìm một nơi để thôi sợ hãi.

Phước muốn bước tới. Muốn hỏi. Muốn biết bà là ai. Nhưng chân ông không nhúc nhích nổi. Người đàn bà mỉm cười. Hình ảnh bà tan dần vào bóng nước. Ánh sáng dưới biển biến mất. Thành phố dưới đáy triều chìm trở lại. Tếng sóng quay về như cũ. Huỳnh Công Phước vẫn đứng bất động.

Ngoài kia, trên nền trời đen thẫm. Những ngọn đèn của thành phố hiện đại vẫn sáng rực. Dự án vẫn đang được vẽ. Bản quy hoạch vẫn đang được ký. Những cuộc tranh giành vẫn đang tiếp diễn. Nhưng lần đầu tiên trong đời, ông bắt đầu nghi ngờ một điều mà suốt mấy chục năm qua ông chưa từng nghi ngờ. Con người hình như không chỉ tranh giành đất đai. Người ta đang tranh giành một thứ vô hình

hơn nhiều. Một chỗ đứng cho linh hồn mình giữa cõi đời đầy bất trắc này.

6.

Những ngày cuối cùng trước khi khởi công quảng trường Tam Thắng, Bãi Sau hiện ra như một sân khấu khổng lồ đang căng đầy dự cảm, nơi mà dường như ai cũng cảm nhận được sắp sửa có một biến động lớn diễn ra. Dọc theo trục đường Thùy Vân, những công trình cũ nối nhau bị tháo dỡ, như thể cả một ký ức dài đang được gỡ xuống từng mảng. Những mái lá từng che nắng cho khách du lịch bị hạ xuống trong im lặng. Những quầy hàng bằng gỗ được tháo rời, chất lên xe tải rồi chở đi như mang theo một thời buôn bán cũ. Bên trong những bức tường từng rộn ràng tiếng người ta ngồi ăn uống, giờ chỉ còn trơ lại bộ khung sắt đen xạm dưới nắng biển.

Từ trên cao nhìn xuống, cả dải bờ biển giống như đang lột bỏ từng lớp da cũ của chính mình, chậm rãi mà không thể dừng lại. Người ta thấy nhẹ nhõm, như vừa thoát khỏi một sự chật chội kéo dài. Nhưng một số người lại thấy tiếc nuối, như vừa đánh rơi một điều quen thuộc. Thấy nhói lên trong lòng, như vừa mất đi một phần đời sống đã gắn bó từ lâu. Vũng Tàu vốn chưa bao giờ thống nhất được trong cách nhìn về chính nó. Thành phố này được hình thành từ nhiều lớp người chồng lên nhau theo thời gian. Mỗi lớp mang một đời sống và cách sống khác biệt. Dân chài gắn với biển từ thuở xa xưa. Công nhân dầu khí mang theo nhịp sống công nghiệp. Người buôn bán, người nhập cư, người làm giàu từ đất đai, và cả những người nghèo sống nhờ từng con sóng. Mỗi người giữ trong lòng một hình ảnh

riêng về Vũng Tàu, nên khi thành phố đổi thay, nỗi đau cũng không bao giờ giống nhau.

Sáng hôm đó, Huỳnh Công Phước thức dậy từ rất sớm, khi thành phố còn chưa kịp tỉnh hẳn. Ông đứng trước cửa kính, lặng nhìn ra phía biển đang dần sáng. Bình minh vừa nhô lên khỏi mặt nước, ánh sáng màu cam trải dài trên từng lớp sóng, trông như có ai đó đang chậm rãi rót mật ong xuống đại dương mênh mông. Bãi Sau hiện ra thoáng đặng hơn bao giờ hết, bởi nhiều công trình đã biến mất, để lại những khoảng trống rộng mở giữa bờ cát và đường phố. Tương lai, vì thế, có vẻ như đang dần hiện hình ngay trước mắt. Thế nhưng không hiểu vì sao, trong lòng ông lại không có cảm giác chiến thắng như những lần trước từng có. Ngược lại, ngày khởi công đến gần, ông càng thấy sự mệt mỏi lặng lẽ tràn đến. Đó không phải thứ mệt của thân xác, mà là một dạng kiệt sức nằm sâu bên trong. Giống như người ta đã đi qua rất dài một con đường, đến khi gần chạm đích rồi mới bắt đầu tự hỏi, rốt cuộc mình đã đi vì điều gì.

*

Khoảng chín giờ sáng, cuộc họp cuối cùng diễn ra. Trong phòng họp có đại diện các doanh nghiệp, các đơn vị quản lý và những người phụ trách dự án. Bản thiết kế biểu tượng Tam Thắng được đặt giữa bàn. Một khối kiến trúc lớn vươn lên như ba cánh buồm đang đón gió. Người trình bày thao thao bất tuyệt về ý nghĩa lịch sử. Về tinh thần khai phá. Khát vọng đi ra biển lớn. Những lời ấy đều đúng. Ít nhất trên lý thuyết là vậy. Thế nhưng giữa lúc mọi người đang thảo luận, Huỳnh Công Phước lại nhìn thấy một điều khác. Ông nhìn thấy những khoảng đất trống. Mấy cái quán nước đã mất. Người bán hàng rong phải dời đi. Những căn

nhà từng tồn tại nhiều chục năm. Ký ức đôi khi kỳ lạ. Nó không xuất hiện khi người ta nghèo. Mà thường xuất hiện lúc người ta có quá nhiều thứ để mất.

*

Đến gần trưa, điện thoại của ông rung lên. Người gọi là Bảy HỔ. Giọng bên kia bình tĩnh khác thường.

— Ra biển đi.

— Có chuyện gì?

— Tao chờ.

— Chờ ở đâu?

— Chỗ cũ.

Rồi anh cúp máy.

Khi Phước tới nơi, Bảy HỔ đang đứng một mình trên bãi cát. Phía sau lưng anh là biển. Phía trước là khu vực chuẩn bị dựng biểu tượng Tam Thắng. Nắng đứng bóng. Gió biển thổi liên tục. Những lá cờ công trường bay phàn phật trên cao. Hai người đứng cách nhau vài bước chân. Không ai vội nói. Giữa họ lúc này không còn là chuyện bạn bè tán gẫu nữa. Đây đơn thuần là chuyện đất đai. Nó giống như hai cách nhìn về cuộc đời đã đi đến đoạn cuối của một cuộc tranh luận kéo dài nhiều năm.

Bảy HỔ lên tiếng trước.

— Tao nghe nói mai bắt đầu thi công.

— Ừ.

— Cuối cùng cũng tới ngày đó.

Phước gạt đầu.

— Thành phố phải đi tới.

Bảy Hồ cười. Nụ cười không mỉa mai. Cũng không giận dữ mà chỉ hơi buồn.

— Mà lúc nào cũng nói câu đó.

— Vì tao tin như vậy.

— Tao cũng tin.

Phước ngẩng lên.

Lần đầu tiên sau nhiều tháng, ông thấy mình không hiểu bạn cũ.

— Mà tin?

— Tin chứ.

Bảy Hồ nhìn ra biển.

— Thành phố nào cũng phải đi tới. Cuộc đời nào cũng phải đi tới. Nhưng tao không thích cái cách người ta nói về tương lai, coi quá khứ là thứ rác rưởi cần quét sạch.

Gió bắt đầu mạnh hơn. Những con sóng ngoài khơi cao dần lên. Bầu trời vẫn xanh. Nhưng đường chân trời xuất hiện một vệt xám rất dài. Phước nhìn ra xa. Không hiểu sao lòng ông bỗng nặng trĩu.

Bảy Hồ cúi xuống nhặt một nắm cát. Cát vàng rơi qua kẽ tay. Anh hỏi:

— Mà biết cát khác đất ở chỗ nào không?

— Chỗ nào?

— Đất nhớ dấu chân người. Cát thì không.

Một cơn gió thổi qua. Những hạt cát cuối cùng bay mất.

— Bởi vậy biển mới công bằng. Nó không nhớ người giàu. Cũng không nhớ người nghèo. Nó chỉ nhớ những gì con người cố tình quên.

Câu nói ấy vừa dứt. Một tiếng sét bất ngờ vang lên ngoài khơi. Cả hai cùng quay lại. Đường chân trời lúc nãy còn mờ nhạt giờ đã biến thành một bức tường mây đen khổng lồ. Nó đang tiến vào bờ rất nhanh. Nhanh tới mức những người trên bãi biển bắt đầu ngơ ngác nhìn nhau.

Buổi chiều hôm đó, cơn dông đến sớm hơn dự báo. Biển đổi màu chỉ trong chưa đầy một giờ. Từ xanh ngắt chuyển sang xám chì. Từ xám chì chuyển thành đen sẫm. Những con sóng bắt đầu dựng đứng. Gió hú qua hàng dương tạo thành những âm thanh dài, rợn ngợp. Người ta hối hả thu dọn. Du khách chạy vào bờ. Công nhân công trường kéo nhau tìm chỗ trú. Không khí hỗn loạn lan dọc bãi biển.

Giữa lúc ấy, Huỳnh Công Phước lại nhìn thấy thành phố dưới đáy triều. Không phải vào ban đêm hoặc trong mơ. Ngay giữa ban ngày. Giữa cơn giông. Những mái nhà hiện lên dưới làn nước đen. Những con đường hiện lên. Những chiếc ghe hiện lên. Hàng ngàn con người vẫn đứng đó. Trong đó có ba má ông.

Lặng lẽ.

Im lìm.

Giống như một đám đông đang theo dõi phiên xét xử cuối cùng của thế giới người sống.

Nhưng điều khiến lòng ông không thể nào yên được, không phải cha mẹ ông. Đó chính là ông. Đứa nhỏ mười hai tuổi đứng ngoài hàng rào khu Lam Sơn với đôi dép đứt quai, đang ngược nhìn vào bên trong bằng đôi mắt thèm thường mà ông đã tốn cả cuộc đời cố xóa bỏ. Đứa nhỏ đó đang nhìn ông. Không giận. Chẳng trách. Chỉ nhìn. Bằng cái nhìn của người đang chờ xem người lớn sẽ làm gì với những gì đứa nhỏ đã chịu đựng. Phước hiểu ra rằng suốt mấy chục năm qua, ông không phải đang xây dựng sự nghiệp. Ông đang cố chứng minh điều gì đó với đứa nhỏ này. Nhưng đứa nhỏ đó chưa bao giờ thỏa mãn. Vì thứ nó cần không phải tiền bạc hay quyền lực. Nó chỉ muốn được nhìn nhận rằng nó từng đứng ở đó, từng thèm muốn, từng bị gạt ra ngoài.

Rồi người đàn bà mang mùi rong biển lại xuất hiện. Lần này bà đứng rất gần. Gần tới mức Phước có thể nhìn rõ những giọt nước trên mái tóc. Nhìn rõ đôi mắt sâu thẳm như nước biển mùa giông. Bà không nhìn ông. Bà nhìn về phía biểu tượng Tam Thắng đang chuẩn bị dựng lên. Bà nhìn nhưng không có vẻ gì là phán xét. Không thương hại. Không khinh thường. Là cái nhìn của người đã nhìn quá nhiều thứ được dựng lên rồi đổ xuống, đến mức không còn ngạc nhiên nữa.

Bà cúi xuống nhặt một thứ gì đó trên cát, đưa về phía ông. Đó là một mảnh vỏ ốc nhỏ, bình thường đến mức không có gì đáng nhìn. Bên trong mảnh vỏ ốc ấy, dù Phước áp sát tai, không nghe thấy tiếng biển. Chỉ có im lặng. Bàn tay bà lạnh như nước biển mùa đông, lạnh tới mức ông giật

mình. Rồi bà nhìn ông. Bà nhìn bằng cách nhìn của người đang chờ xem ông có hiểu ra không, không phải hỏi, không cần biết câu trả lời, chỉ chờ. Như biển chờ triều.

Bà quay lưng bước về phía sóng. Bước đi không vội. Không ngoái đầu. Nước biển cuộn lên quanh chân bà nhưng bà không dừng lại. Bà cứ bước, từng bước, cho tới khi sóng phủ lên ngang eo, ngang vai, rồi mái tóc ướt biến mất sau một lớp sóng trắng. Ông nhìn xuống mảnh vỏ ốc trong lòng bàn tay, nhỏ và nhẹ, chẳng có gì đặc biệt. Sau đó, suốt quãng đường đi bộ về ông không dám bỏ mảnh vỏ ốc xuống, cứ giữ chặt trong tay như sợ đánh mất một vật mà ông vẫn chưa hiểu giá trị của nó là gì.

Biển cả mênh mông, gió thốc từng cơn và những cơn sóng vẫn dồn dập đập vào bờ cát như chưa từng có điểm dừng. Thế nhưng ngay trong khoảnh khắc ấy, ông chợt hiểu ra một điều rất mơ hồ mà lại rõ ràng đến lạ. Ông vẫn chưa biết rồi mình sẽ làm gì, cũng chưa biết sẽ đứng về phía nào. Nhưng lần đầu tiên sau nhiều chục năm sống giữa những toan tính và quyền lực, ông không còn chắc rằng tiền bạc hay địa vị có thể trả lời hết mọi câu hỏi của đời người. Ngoài khơi, cơn giông vẫn tiếp tục kéo vào, nặng nề và âm ỉ. Còn đâu đó dưới lớp nước đen đang cuộn sóng kia, thành phố dưới đáy triều vẫn lặng lẽ chờ đợi, như thể một phiên tòa của biển cả mới chỉ vừa bắt đầu khai mở.

*

Hôm bắt đầu xây dựng quảng trường Tam Thắng, có một công nhân trong lúc đào móng đã phát hiện dưới lớp cát sâu một đôi dép nhựa trẻ con, đã mục nát gần hết, không còn nhận ra hình dáng rõ ràng. Không ai biết của ai, cũng chẳng ai buồn truy xét, người ta chỉ tiện tay quăng nó vào

đồng rác rồi bỏ qua. Chỉ riêng Phước là đứng nhìn rất lâu, ánh mắt ông lặng đi. Ông bỗng nhớ ngày xưa, em gái nhỏ mình từng đánh mất một chiếc dép y hệt như vậy...

7.

Một đêm, trong căn văn phòng cũ trên đường Ba Cu, Huỳnh Công Phước gần như thức trắng. Tờ giấy học trò của người bán nước mía vẫn nằm y nguyên trên mặt bàn, đúng chỗ ông đã đặt xuống từ lúc con bé tên Tèo bước ra khỏi phòng. Ông không cầm lên đọc thêm lần nào nữa, mà cũng không có ý định cất đi. Nó nằm đó như một thứ gì rất nhỏ, rất nhẹ, vậy mà chẳng hiểu sao lại khiến căn phòng vốn quen thuộc bỗng trở nên chật chội hơn thường ngày.

Ông ngồi lặng sau bàn làm việc, mắt nhìn vào khoảng tối đang đọng lại giữa bốn bức tường cũ kỹ. Mùi giấy tờ lâu năm quyện với hơi ẩm của biển len lỏi khắp căn phòng, tạo thành thứ mùi ngai ngái quen thuộc mà trước đây ông chưa từng để ý. Ngoài đường, thỉnh thoảng có một chiếc xe máy lao vụt qua rồi mất hút, để lại tiếng động ngắn ngủi tan rất nhanh trong đêm khuya. Bên kia con hẻm, đâu đó vẫn có người hát karaoke. Tiếng nhạc khi vang lên rõ mồn một, khi lại chìm xuống xa xăm, lúc lớn lúc nhỏ. Giống như thể có ai đang vô tình xoay nút âm lượng theo tâm trạng của mình. Mọi thứ chung quanh vẫn vậy. Nhưng lòng ông dường như không còn yên được nữa.

Ông không biết chính xác mình đang nghĩ điều gì. Hay nói đúng hơn, quá nhiều ý nghĩ cùng lúc kéo tới, lớp này chồng lên lớp kia, rối rắm như những đợt sóng gặp nhau giữa mùa biển động. Chuyện của con bé Tèo. Chuyện

người bán nước mía. Chuyện Bãi Sau. Chuyện những bản quy hoạch nằm trong ngăn kéo. Chuyện những khu đất đã đổi chủ qua bao nhiêu đời người. Nhiều thứ cứ hiện lên rồi biến mất, nối tiếp nhau không dứt, tới mức ông cảm thấy đầu óc mình giống như một mặt biển đầy bóng nước, nhìn thấy rất nhiều thứ phản chiếu trên đó nhưng không nắm được thứ nào thật sự rõ ràng.

Một số lúc trong đời người ta đứng trước một quyết định mà bản thân đã biết rõ mình sẽ làm gì, nhưng vẫn không sao bước tới được. Như giữa cái biết và cái làm vẫn còn một khoảng cách nào đó, khiến chân người không thể với qua bên kia nổi. Phước biết mình đang đứng ở khoảng cách đó. Gần nửa đêm, ông mở tủ lấy ra một xấp giấy trắng và cây bút. Ông định viết gì đó, không rõ là gì, chỉ cảm thấy cần phải viết, để cho những thứ đang quán lấy đầu óc thoát ra ngoài, bằng con đường nào đó hữu hình hơn. Nhưng ông cầm bút lên rồi đặt xuống. Lại cầm lên rồi đặt xuống. Cuối cùng chỉ vẽ một vòng tròn lớn trên tờ giấy, ông không biết vì sao vẽ vậy. Ông nhìn nó một lúc lâu trước khi gấp lại.

Vấn đề không nằm ở chỗ, ông không biết phải làm gì. Điều khiến ông lưỡng lự là từ trước tới nay, chưa bao giờ ông làm một việc mà bản thân không thu được điều gì đó. Có khi là tiền bạc. Có khi là quan hệ. Có khi chỉ là một vị thế tốt hơn trong mắt người khác. Nhưng lần này hoàn toàn khác. Nếu làm, ông chẳng được gì cả. Không thêm tiền, thêm bạn. Cũng chẳng thêm danh tiếng. Ngược lại, người ta còn có thể nghĩ rằng ông đang nhận sai, đang xuống nước, đang chịu lùi một bước. Mà trong thế giới ông đã sống suốt mấy chục năm nay, lùi bước không đơn thuần là một hành động. Nó giống như một tín hiệu. Dấu hiệu cho thấy người ta không còn đứng thật vững ở chỗ của mình

nữa. Nghĩ tới đó, ông lại cảm thấy trong lòng tựa quạu thứ cảm giác quen thuộc, đã theo mình qua biết bao cuộc thương lượng và giằng co. Nó nhắc ông phải giữ mặt mũi, phải giữ thế đứng, phải đừng để ai nhìn thấy sự yếu đuối của mình. Nhưng đêm nay, lần đầu tiên, ông chợt tự hỏi liệu cái mạnh mẽ mà mình cố giữ bấy lâu nay, rốt cuộc là để cho ai nhìn thấy. Và nếu người ta có nhìn thấy thật, thì rồi sao nữa?

*

Khoảng một giờ sáng, ông đứng dậy đi ra ngoài hành lang. Căn phòng văn phòng cũ nằm tầng hai, cửa sổ hành lang nhìn ra một con hẻm nhỏ lát gạch cũ, bên dưới có mấy chậu hoa ai đó trồng để trước cửa nhà, đêm khuya tối mà vẫn nhận ra được màu đỏ của mấy bông vạn thọ. Ông đứng nhìn xuống đó không có lý do gì đặc biệt, chỉ vì đứng đó dễ thở hơn trong phòng. Rồi bất giác ông nhớ tới căn bếp nhỏ hồi còn nhỏ. Không nhớ một cách rõ ràng theo thứ tự, mà cái ký ức ấy chỉ đột nhiên hiện ra như mùi khói bếp củi hôm nào ông ngửi được từ phía biển, thoáng qua rồi biến mất mà lại bám lại lâu đến lạ. Má ngồi thổi lửa, khói bay mù mắt mà bà không quay đi, cứ cúi thổi cho tới khi lửa bén. Cái kiên nhẫn của người không có lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục. Ông đứng đó nhớ tới điều đó và không hiểu sao trong lòng ngực bỗng có một cảm giác vừa ám vừa đau, không phân biệt được ranh giới giữa hai thứ.

Ông nghĩ tới con bé tên Tèo vừa bước ra khỏi căn phòng này với đôi dép kéo lê trên nền gạch. Nghĩ tới câu người cha đã viết: “đứa nhỏ mà không có chỗ để nhớ thì lớn lên không biết mình là ai.” Câu đó đơn giản đến mức ông đọc xong không thấy gì ngay. Nhưng một lúc sau nó

mới bắt đầu thấm, như nước mưa thấm vào đất cát, chậm mà không có cách nào ngăn lại.

Ông biết mình từng là đứa nhỏ không có chỗ để nhớ, theo một nghĩa khác. Không phải vì chỗ đó bị lấy đi. Mà vì hồi đó chỗ đó không thuộc về ông, không bao giờ thuộc về ông, và ông hiểu điều đó ngay từ lần đầu tiên đứng ngoài hàng rào khu Lam Sơn nhìn vào. Cái cảm giác không thuộc về nơi mình đang đứng, nó là thứ theo người ta dai hơn bất kỳ ký ức cụ thể nào, dai hơn cả tên người, cả hình mặt. Và bây giờ ông đang làm điều tương tự với những người khác. Không phải cố ý. Không phải vì ác tâm. Mà chỉ vì ông đã quen nhìn cái bản đồ quy hoạch, mà quên mất phía dưới mỗi tọa độ trên bản đồ đó là một mảnh đời của ai đó.

*

Ông quay vào phòng, ngồi xuống, cầm tờ giấy của người bán nước mía lên đọc lại một lần nữa. Lần này đọc chậm hơn. Chữ viết tay run rẩy, những nét bút của một người đã quen lao động tay chân hơn là cầm bút. Ông đọc tới đoạn cuối, dừng lại ở câu: “tôi không giận ông Phước”. Đọc đi đọc lại câu đó mấy lần. Trong mấy chục năm làm ăn, ông đã từng bị nguyên rủa, bị đe dọa, bị kiện tụng, bị nói xấu sau lưng. Nhưng chưa bao giờ có ai viết cho ông một câu như vậy. Không giận. Giản dị vậy thôi mà nặng hơn bất kỳ lời buộc tội nào ông từng nghe.

Người ta oán thì ông còn biết cách đối phó. Người ta không giận mà chỉ muốn ông biết một điều bình thường như đứa nhỏ cần có chỗ để nhớ thì lớn lên mới biết mình là ai, thứ đó ông không có cách nào đáp lại bằng bất kỳ thứ gì ông đang có trong tay.

Ngoại trừ một thứ. Thứ ông chưa bao giờ dùng theo cách này.

Ông mở ngăn kéo, lấy ra cuốn sổ địa chỉ cũ, lật tới trang có số điện thoại của kiến trúc sư trưởng dự án. Ông nhìn vào dãy số đó một lúc. Tay cầm điện thoại. Nhưng chưa bấm. Không phải vì ông chần chừ về quyết định. Mà vì ông đang cố hiểu xem mình sắp làm việc này vì điều gì. Nếu vì muốn người ta khen, thì không nên làm. Nếu vì muốn bót áy náy với chính mình, cũng không đủ lý do. Ông ngồi với câu hỏi đó thêm một lúc nữa, trong căn phòng yên tĩnh chỉ còn tiếng đồng hồ trên tường đánh từng nhịp.

Rồi ông nhớ tới đứa nhỏ đứng ngoài hàng rào Lam Sơn với đôi dép đứt quai. Đứa nhỏ đó không cần được tặng thứ gì. Nó chỉ cần được nhìn nhận rằng nó đứng ở đó, và điều đó là thật, không phải điều cần phải xóa đi hay xấu hổ về nó. Tờ giấy của người bán nước mía là cùng một chuyện, chỉ kể theo một hướng khác. Đứa nhỏ tên Tèo không cần được đền bù hay được xin lỗi. Nó chỉ cần có một chỗ để biết cha mình từng đứng ở đó, từng là một phần của cái thành phố này, trước khi người ta vẽ lại bản đồ. Thứ đó ông có thể làm được. Không phải vì ông tốt bụng. Mà vì ông hiểu nó, hiểu từ trong xương tủy cái cảm giác của một đứa nhỏ không tìm thấy mình ở bất kỳ đâu trong cái thành phố mình đang sống.

Ông bấm số.

Chuông điện thoại đổ ba hồi thì người kia bắt máy, giọng còn ngái ngủ. Phước chỉ nói ngắn: sáng sớm tôi cần gặp anh ở công trường, có việc quan trọng, nhớ mang bản thiết kế mới nhất theo. Người kia hỏi chuyện gì, ông trả lời:

tôi muốn thêm một thứ vào quảng trường. Rồi cúp máy trước khi người ta kịp hỏi thêm.

Ông đặt điện thoại xuống bàn, ngồi yên. Tờ giấy học trò vẫn nằm đó. Mảnh vỏ ốc mà người đàn bà biển đưa cho ông hôm trước vẫn còn nằm trong túi áo, ông chưa bao giờ lấy nó ra kể từ hôm đó. Ông thò tay vào túi, cảm mảnh vỏ ốc trong lòng bàn tay, nhỏ và lạnh và không có gì đặc biệt. Nhưng cảm nó vào lúc này, giữa căn phòng tối và yên tĩnh của đêm khuya, ông thấy một cảm giác kỳ lạ, nó không giống bất kỳ thứ gì ông từng cảm thấy sau những lần ký xong một hợp đồng lớn.

Bên ngoài, gió biển bắt đầu thổi vào thành phố từ phía khơi xa. Tiếng nó luôn qua những mái nhà và hẻm nhỏ tạo thành một thứ âm thanh trầm và dài, như tiếng thở của một đêm đang dần chuyển về phía sáng. Huỳnh Công Phước ngồi trong bóng tối của căn phòng cũ, tay cầm mảnh vỏ ốc, và lần đầu tiên sau nhiều chục năm, ông không cảm thấy cần phải là ai khác ngoài chính mình.

8.

Ba tháng sau cơn giông trước đó, Bãi Sau gần như thay da đổi thịt. Những khu dịch vụ cũ đã biến mất. Những hàng rào từng chia cắt biển với thành phố cũng biến mất. Những khoảng đất trước kia thuộc về doanh nghiệp này hay công ty nọ giờ trải rộng thành công viên, lối đi bộ, quảng trường và những khoảng cỏ xanh chạy dài theo mép biển. Người ta nói Vũng Tàu đang bước sang một thời kỳ mới. Báo chí viết như vậy. Các nhà quy hoạch nói như vậy. Nhiều

người dân cũng nói như vậy. Biển thì không nói gì. Triều vẫn lên xuống mỗi ngày. Lặng lẽ như từ ngàn năm trước.

Sáng khánh thành quảng trường Tam Thắng, trời trong veo. Nắng sớm rải trên mặt biển một lớp ánh sáng mỏng, vàng dịu như mật ong. Người dân kéo tới đông nghịt. Khách du lịch chen kín mọi chỗ đứng. Những chiếc điện thoại giơ lên khắp nơi. Những đứa trẻ chạy nhảy trên bãi cỏ mới. Tiếng loa vang vọng dọc bờ biển. Biểu tượng Tam Thắng vươn lên giữa quảng trường. Ba cánh buồm bằng thép trắng hướng ra biển lớn. Đẹp. Hiện đại. Mạnh mẽ. Giống như khát vọng của thành phố.

Huỳnh Công Phước đứng ở hàng ghé danh dự. Ông mặc bộ vest màu xám nhạt. Tóc đã bạc đi nhiều hơn trước. Trong đám đông, không ai biết suốt mấy tháng qua ông gần như không ngủ được một đêm trọn vẹn. Người đàn bà biển vẫn xuất hiện. Lúc ở cuối hành lang khách sạn. Khi trong giấc mơ. Thỉnh thoảng phản chiếu trên cửa kính. Bà chẳng nói gì, chỉ nhìn. Ánh mắt ấy làm ông nhớ đến mẹ mình. Người đàn bà bán cá đã chết hơn ba mươi năm trước.

Ông nhớ hồi còn nhỏ. Mỗi lần biển động, mẹ thường ngồi vá lưới bên ngọn đèn dầu vá lưới.

Mẹ nói:

— Con người ta nghèo không đáng sợ. Điều đáng sợ là sợ nghèo.

Lúc ấy ông không hiểu. Sau này lớn lên, ông tưởng mình hiểu. Đến giờ ông mới biết có thể cả đời mình vẫn chưa hiểu hết.

Buổi lễ bắt đầu. Mấy bài phát biểu nối tiếp nhau. Những tràng pháo tay vang lên. Lời ca ngợi tương lai được nói bằng thứ ngôn ngữ quen thuộc của mọi thời đại. Huỳnh Công Phước ngồi nghe. Bất chợt ông cảm thấy tất cả âm thanh xung quanh đang xa dần. Xa dần. Xa dần.

Rồi ông nhìn thấy Bảy Hồ, đứng giữa đám đông. Anh mặc chiếc áo sơ mi bạc màu như mọi ngày. Không biểu ngữ, khẩu hiệu. Không đám đông đi theo. Anh chỉ đứng đó lặng lẽ nhìn về phía biển. Trong khoảnh khắc ấy, Phước lại hiểu ra điều mà trước đây ông chưa từng hiểu. Bảy Hồ chưa bao giờ chống lại sự phát triển. Điều anh chống lại là sự lãng quên. Người ta có thể xây quảng trường mới. Mở công viên mới. Dựng lên biểu tượng mới. Nhưng nếu quên những con người từng sống trên mảnh đất ấy, thì tương lai cũng chỉ là một lớp sơn mới phủ lên ký ức cũ.

*

Vài tháng sau, Huỳnh Công Phước một mình đi bộ về phía cuối quảng trường. Gió biển thổi lồng lộng. Những lá cờ trên đỉnh Tam Thắng vẫn còn phấp phật trong nắng.

Bỗng ông thấy người đàn bà biển đang đứng dưới chân công trình. Vẫn mái tóc ướn, đôi mắt sâu hun hút. Nhưng lần này bà không còn xa nữa. Ông bước tới. Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm đối diện với vô số người quyền lực, ông lại thấy tim mình đập mạnh.

Ông hỏi:

— Bà là ai?

Người đàn bà nhìn ông một hồi lâu. Rồi bà làm một việc mà ông không ngờ. Bà quay sang nhìn về phía bức

tường đá mới dựng, nơi hàng trăm cái tên đang nằm yên trong đá granite xám. Bà chậm rãi bước tới. Ngón tay chạy dọc theo những hàng chữ. Dừng lại ở một chỗ.

Phước bước theo. Từ xa, ông nhìn vào chỗ ngón tay bà đang chạm. Tên người đó ông chưa thể nhận ra. Một cái tên bình thường, họ Nguyễn, có thể không có gì đặc biệt.

Bà đứng đó rất lâu. Bàn tay phẳng trên mặt đá, như người đang đặt tay lên ngực ai đó đã nằm xuống. Mắt bà nhắm lại. Phước muốn hỏi thêm. Nhưng ông hiểu rằng không có câu hỏi nào phù hợp với khoảnh khắc này. Một lúc sau, bà mở mắt. Nhìn ông lần cuối. Nụ cười ấy mang theo mùi muối, hơi nước. Mang theo cả những mùa cá cũ. Rồi bà quay đi, bước về phía biển, mái tóc dài bay trong gió chiều, từng bước nhỏ dần rồi tan vào ánh nắng cuối ngày đang rải mật trên mặt nước.

Huỳnh Công Phước đứng trước bức tường đá. Ông nhìn vào cái tên mà ngón tay bà vừa chạm. Lần này ông nhìn kỹ hơn. Ông nhận ra. Đó không phải tên người lạ. Đó là tên má ông. Trần Thị Năm. Người đàn bà bán bánh canh ở xóm biển, đã mất hơn ba mươi năm trước.

Ông đứng yên. Gió thổi. Biển vỗ. Thành phố lên đèn sau lưng.

Và ông hiểu ra, không phải bằng suy nghĩ mà bằng cái gì đó sâu hơn suy nghĩ, rằng người đàn bà ấy chưa bao giờ đến để nói với ông điều gì. Bà đến để ông nhìn thấy. Chỉ vậy thôi. Nhìn thấy những gì đã có, đã sống, đã bị quên. Và bây giờ, nhờ bức tường đá này, không còn bị quên nữa.

*

Ông nhớ lại vào một tối cách ba tháng trước, Huỳnh Công Phước không về khách sạn mà lại ghé văn phòng cũ ở đường Ba Cu. Căn phòng ông thuê từ hồi còn làm cò đất, ông bỏ không đã mấy năm, mùi giấy tờ cũ và mùi ẩm mốc pha vào nhau thành một thứ mùi mà ông không biết gọi là gì ngoài chữ "thời gian". Ông ngồi xuống chiếc ghế xoay cũ kỹ, mở ngăn kéo dưới cùng, lấy ra một tập hồ sơ đã ố vàng. Đó là những đơn khiếu nại. Hàng chục tờ. Của những hộ dân bị giải tỏa trong mười lăm năm qua. Ông đã giữ chúng lại, không phải vì áy náy, mà vì theo ông đó là bằng chứng rằng mọi việc đều đã làm đúng quy trình.

Ông lật từng tờ dưới ánh đèn vàng vọt. Chữ viết tay run rẩy. Có tờ lem nước, không biết mưa hay nước mắt. Ông đọc một tờ, rồi lại một tờ nữa, đọc mãi tới khi nghe tiếng gõ cửa.

Người đứng ngoài là một đứa con gái chừng mười bảy mười tám tuổi, mặc bộ đồ bộ cũ, tóc buộc cao, trên tay cầm một phong bì đã nhàu. Con bé nói ba nó nhờ đưa cái này cho ông Phước, từ hồi còn sống ba nó dặn hoài mà không có dịp.

Ông hỏi ba mày tên gì. Con bé nói Nguyễn Văn Thắm, hồi trước bán nước mía ở góc đường Thùy Vân. Phước nhớ ra ngay, cái tên ấy có trong tập hồ sơ đang nằm trên bàn, trong danh sách giải tỏa đợt đầu tiên hồi mười hai năm trước. Ông mở phong bì ra. Bên trong không phải đơn khiếu nại. Chỉ là một tờ giấy học trò, chữ viết bằng bút bi xanh đã nhạt màu, nét chữ của người ít học nhưng cẩn thận từng chữ một. Nội dung ngắn, chỉ vài dòng. Ông đọc xong rồi ngồi yên rất lâu, tay vẫn cầm tờ giấy mà không đặt xuống được.

Người đàn ông bán nước mía ấy không oán trách gì hết. Ông ta chỉ kể rằng sau khi dời đi, ông ta mở lại xe nước mía ở một con hẻm trong Phường 8, buôn bán cũng tạm được, tới khi bệnh thì thôi. Cuối thư ông ta viết: "Tôi không giận ông Phước. Tôi chỉ muốn ông biết rằng thằng con trai tôi, thằng Tèo, hồi nhỏ hay chạy ra Bãi Sau chơi, giờ nó không còn chỗ nào để nhớ nữa. Không phải vì nó quên, mà vì cái chỗ đó không còn là của nó nữa rồi. Đứa nhỏ mà không có chỗ để nhớ thì lớn lên nó sẽ không biết mình là ai."

Phước gấp tờ giấy lại. Đặt lên tập hồ sơ. Ông nhìn con bé đang đứng chờ ở cửa với đôi mắt không có gì ngoài sự mệt mỏi của người quen chờ đợi từ lâu rồi. Ông hỏi mày tên gì. Con bé nói dạ con tên Tèo, con gái, nhưng hồi nhỏ ba hay kêu vậy. Ông hỏi mày có nhớ Bãi Sau hồi trước không. Con bé lắc đầu, nói con chưa bao giờ ra đó, ba con không cho, ba nói ra đó buồn lắm.

Phước nhìn con bé đứng ở cửa, tay vẫn cầm cái túi vải cũ, chân mang đôi dép nhựa đã mòn gót. Cái kiểu đứng của đứa nhỏ quen chờ đợi, không co ro nhưng cũng không thoải mái, đứng đó vì phải đứng chứ không phải vì muốn.

Ông bỗng hỏi, không biết tại sao lại hỏi:

— Mày học lớp mấy rồi?

Con bé ngẩng lên, có vẻ không ngờ được hỏi vậy.

— Dạ con nghỉ rồi. Nghỉ từ năm lớp chín.

— Sao nghỉ?

— Ba bệnh. Con ở nhà phụ má.

Phước gạt đầu. Không hỏi thêm.

Con bé cũng không giải thích thêm. Hai người im lặng trong căn phòng mùi giấy cũ, tiếng karaoke từ bên kia hẻm vọng qua vắng vắng. Một lúc, con bé hỏi, giọng nhỏ nhưng rõ:

— Ông có ra Bãi Sau không?

— Có. Sao vậy?

— Ở đó có cái bức tường đá không ông? Người ta nói sẽ khắc tên ba con ở đó? Thật không ông?

Phước nhìn thẳng vào mắt con bé. Đôi mắt to, đen, không cầu xin không oán trách, chỉ hỏi. Hỏi bằng cái nhìn của đứa nhỏ đã quen tự lo cho mình nhưng vẫn còn một chỗ nào đó trong lòng chưa chịu già đi.

— Có.

— Ba con tên Nguyễn Văn Thắm. Có trong đó không?

— Có.

Con bé gạt đầu. Môi mím lại một cái, kiểu mím môi của người đang cố không để mặt mình làm phản.

— Vậy là ba con vẫn còn ở đó.

Câu nói ấy nó nói rất nhẹ, nhẹ tới mức nếu không chú ý thì tưởng gió biển vừa thổi qua cửa sổ. Nhưng nó rơi vào lòng ngực Phước nặng hơn bất kỳ bản hợp đồng nào ông từng ký.

Huỳnh Công Phước nhìn con bé một hồi rồi gật đầu, bảo thôi cảm ơn mày, về đi khuya rồi. Con bé cúi đầu chào rồi bước ra, tiếng dép kéo lê trên nền gạch vọng lại mấy bước rồi tắt. Ông ngồi lại một mình trong căn phòng ngủ mùi giấy cũ, không nghe thấy tiếng biển từ đây, chỉ nghe tiếng xe máy ngoài đường và tiếng ai đó đang hát karaoke vọng ra từ mấy căn nhà bên kia hẻm.

*

Rồi ngay vào sáng hôm sau khi ấy, ông xuất hiện tại công trường Tam Thắng lúc mặt trời chưa lên khỏi mặt nước. Công nhân chưa vào ca. Chỉ có mấy người bảo vệ ngồi uống trà. Ông đi thẳng vào khu vực trung tâm, nơi cái móng biểu tượng đang đổ bê tông dở dang, đứng nhìn xuống lòng hố sâu. Đất đỏ pha cát vàng, ướt vì sương đêm, mùi bê tông còn tanh. Ông đứng đó đủ lâu để mấy người bảo vệ đi lại hỏi thăm, ông xua tay bảo không sao.

Rồi ông làm một việc mà không ai trong ban dự án, không ai trong giới kinh doanh đất đai ở Vũng Tàu, thậm chí không ai quen biết ông có thể ngờ tới. Ông đã gọi điện cho kiến trúc sư trưởng của dự án, yêu cầu gặp ngay trong buổi sáng này. Và khi người ta tới, ông đặt lên bàn tờ giấy học trò của người đàn ông bán nước mía đã mất, rồi đề nghị bổ sung vào thiết kế quảng trường Tam Thắng một hạng mục chưa từng có trong bất kỳ quy hoạch đô thị nào ở thành phố này: một bức tường đá dài chạy dọc lối vào quảng trường, khắc tên tất cả những hộ dân từng sống và buôn bán trên mảnh đất này trước khi dự án ra đời. Không phải bia tưởng niệm. Không phải công trình văn hóa. Chỉ là tên người. Tên thật. Đủ để đứa nhỏ nào đó lớn lên còn có một chỗ để nhớ mình từ đâu tới. Kiến trúc sư nhìn ông không biết nói gì.

Mấy người đại diện doanh nghiệp ngồi im. Không ai phản đối, nhưng cũng không ai đồng ý ngay, vì cái đề nghị này không nằm trong bất kỳ hạng mục ngân sách nào, không có tiền lệ, không có văn bản nào hướng dẫn phải xử lý ra sao.

Phước rút trong túi áo ra một tờ séc, đặt lên bàn cạnh tờ giấy học trò. Ông nói ông tự trả, không lấy từ ngân sách dự án, không cần ai phê duyệt phần kinh phí này. Ông chỉ cần một chữ ký cho phép làm. Phòng họp im lặng thêm một hồi nữa. Rồi người đứng đầu ban dự án nhìn tờ séc, nhìn tờ giấy viết tay nhàu nát, rồi nhìn Huỳnh Công Phước với ánh mắt của người đang cố hiểu xem chuyện gì đang xảy ra với ông già quyền lực này mà từ sáng tới giờ trông khác hẳn mọi ngày.

Họ ký.

Bức tường đá được hoàn thành ba tháng sau ngày khánh thành, lạng lẽ không có lẽ lạt gì. Tên người khắc vào đá granite xám, chữ nhỏ vừa đủ đọc, không trang trí thêm gì hết. Hàng trăm cái tên, xếp theo thứ tự bảng chữ cái, không phân biệt ai buôn bán lớn hay nhỏ, ai ở lâu hay mới tới. Ngày đầu tiên bức tường xuất hiện, không mấy ai để ý. Khách du lịch đi ngang nhìn vào, đọc thử vài cái tên rồi bỏ qua vì không biết đó là ai. Nhưng dân địa phương thì khác. Người ta đứng lại. Một người chạy tay dọc theo hàng chữ rồi dừng lại ở một cái tên, đứng yên rất lâu. Một bà già bật khóc không biết vì sao. Một đứa nhỏ hỏi má tên ai vậy, người mẹ trả lời đó là tên bà ngoại hồi trước bán bánh ở đây.

Huỳnh Công Phước không có mặt hôm đó. Ông đứng ở xa, nhìn từ đằng sau một hàng cây dương, quan sát người ta đứng trước bức tường mà không ai biết ông đang

nhìn. Ông nhìn thấy con bé tên Tèo đang đứng trước bức tường, ngón tay chạm vào tên cha mình, môi mấp máy không thành tiếng.

Ông cũng thấy, Bảy Hồ đứng một mình trước bức tường đá. Anh chạy ngón tay dọc theo những hàng tên khắc vào đá granite xám. Ngón tay dừng lại ở một chỗ. Anh đứng yên rất lâu.

Tên người đó là Trần Thị Bé. Má anh.

Anh không biết ai đã cho tên bà vào danh sách. Có lẽ hàng xóm cũ nhớ ra. Có lẽ có người biết. Cũng có thể chỉ là tên trùng. Nhưng anh đứng đó và tin đó là tên má mình, vì không còn cách nào khác để tin.

Sau một lúc, anh lấy điện thoại ra gọi về nhà. Con Liên bắt máy. Anh nói con ra đây đi, ba có chỗ muốn cho con coi. Con bé hỏi chỗ gì vậy ba, anh nói ra thì biết. Rồi anh cúp máy, đứng đợi. Nắng chiều kéo dài bóng anh ra sau lưng, vươn thẳng về phía biển. Đây là lần đầu tiên kể từ ngày má mất, Bảy Hồ cảm thấy mình có gì đó để chỉ cho con gái thấy, không phải là bài học, không phải là lời khuyên. Chỉ là một cái tên trên đá. Và câu chuyện đứng sau cái tên đó.

*

Lúc đó, lần đầu tiên sau tất cả những đêm nghe tiếng biển gọi, sau tất cả những lần nhìn thấy thành phố chìm dưới nước, Phước mới thật sự hiểu ra điều mà người đàn bà mang mùi rong biển đã cố nói với ông. Ký ức không phải thứ người ta cất giữ trong lòng. Ký ức là thứ người ta cần được nhìn thấy bằng mắt, sờ thấy bằng tay, đứng trước nó mà biết mình không bị xóa đi.

Ông quay lưng rời đi, không để ai nhận ra. Bước chân ông dẫm trên cát, nặng mà không nặng, giống cảm giác của người vừa trả xong một món nợ mà cả đời tưởng không có cách nào trả được. Trước mặt ông là thành phố. Sau lưng là biển. Và bức tường đá ở giữa, không ngăn cách gì hết mà chỉ đứng đó nhắc người ta nhớ rằng tương lai nào cũng đứng trên vai của một quá khứ mà ai đó đã sống thật, đau thật và yêu thật mảnh đất này.

Biển hôm đó không có gì lạ. Triều lên như mọi ngày. Sóng vỗ vào bờ như mọi ngày. Không có giọng đàn bà vọng ra từ ngoài khơi. Không có thành phố hiện lên dưới đáy nước. Chỉ có biển, chỉ là biển, xanh và rộng và vô tận như từ ngàn đời nay vẫn vậy. Và điều đó, lạ thay, lại là thứ làm Phước thấy bình yên hơn bất cứ điều gì khác trong suốt mấy chục năm đời người.

LỜI BẠT

Gấp trang sách cuối cùng lại mà mùi vẫn còn ở đó.

Không phải mùi giấy. Cũng không phải mùi mực. Đó là một thứ mùi giống như mùi của một buổi chiều nơi mép biển, khi nắng đã ngả màu mà gió còn chưa chịu lặng, khi con người đứng nhìn ra phía xa và chợt nhận ra mình cũng không biết đang kiếm tìm điều gì.

Mười bảy truyện ngắn là mười bảy con sóng mang những nhịp điệu khác nhau. Mỗi con sóng có một khuôn mặt người, một âm sắc riêng, một nỗi niềm riêng. Nhưng sau tất cả, chúng đều tìm về cùng một bãi cát và cùng chạm vào một câu hỏi. Trong vòng quay không ngừng của đổi thay và phát triển, điều gì mới thật sự đáng để giữ lại?

Không phải đất. Đất thì con người luôn biết cách giữ, biết cách đo đạc, phân chia và bảo vệ. Điều đáng nói hơn là phần không có tên trong bất kỳ hồ sơ địa chính nào. Đó là thứ người ta mang theo khi buộc phải rời đi, nhưng nhiều khi lại không thể tìm thấy nữa khi đã đến một nơi khác.

Tôi không có tham vọng trả lời thay người đọc. Điều tôi làm chỉ là đặt xuống trước mặt bạn những nắm cát, những mảnh vỏ ốc, những tấm lưới đã được vá lành, những cái tên được khắc trên đá granite rồi lặng lẽ bước lui về phía sau.

Để người đọc ở lại với câu chuyện của riêng mình.

Ở lại với bà Sáu Mận, người lặng lẽ bỏ một nắm cát vào túi áo trước khi chiếc xe xúc tiến vào bãi đất cũ. Ở lại với con bé Tèo trong khoảnh khắc đầu tiên chạm tay lên tên cha mình trên bức tường đá của quảng trường mới. Ở lại

với ông Sáu Kinh giữa đêm khuya trên đèo Hải Vân, nơi tiếng bước chân của người đã khuất vẫn còn vang vọng đâu đó trong gió núi. Ở lại với Dư, người thợ gốm áp tai vào khối đá và cảm nhận từ bên trong một nhịp đập rất chậm, không hẳn là âm thanh mà giống như cảm giác của một tiếng nói đang muốn cất lên nhưng bị giữ lại giữa cổ họng.

Và biết đâu, sau tất cả, người đọc sẽ ở lại với chính mình.

Bởi đến cuối cùng, cuốn sách này không thật sự viết về người nghèo hay người giàu, về đất đai hay quy hoạch, về người sống hay người chết. Điều tôi muốn viết nằm ở một nơi giản dị hơn nhưng cũng khó nắm bắt hơn nhiều. Đó là cách một con người sống với vùng đất mình đang đứng. Và cách họ rời khỏi vùng đất ấy.

Triều vẫn lên rồi triều lại xuống. Biển không hỏi han ai, cũng không giữ ai lại. Nhưng đất thì khác.

Đất nhớ.

Lặng lẽ mà bền bỉ.

Âm thầm mà dai dẳng.

Nhớ tất cả.

Nguyễn Đông A

NGUYỄN ĐÔNG A – VÀI NÉT TIỂU SỬ

*N*guyễn Đông A, người Mỹ gốc Việt, tên thật là Nguyễn Thành Sơn, sinh năm 1957 tại Long Điền tỉnh Phước Tuy. Từng sống ở Long Điền, Bà Rịa, Vũng Tàu (Việt Nam), Oregon, Maryland (Hoa Kỳ). Từng học đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học các ngành học như ngôn ngữ, văn học, lịch sử ở Đại học Sư phạm, Đại học Tổng hợp và Viện Khoa học Xã hội ở Sài Gòn.

Tác phẩm xuất bản gần đây:

1. Lấp lánh áo hoa, sách Nhiếp ảnh, NXB Văn hóa & Văn nghệ, 2017.

2. Lơ thơ vạt cỏ, sách Văn chương, NXB Hội Nhà văn, 2017.

3. Hòn đá lăn không rêu, sách Văn chương gồm 32 tác giả (Nguyễn Đông A chủ biên). Xuất bản ở Mỹ (NXB Khơi dòng, 2021) & Việt Nam (NXB Hội Nhà văn, 2021).

4. Hồn phách núi sông, Tùy bút Khảo cứu về Đông Nam Bộ, NXB Hội Nhà văn, 2022.

5. Người trên thánh giá, Tùy bút Khảo cứu về Công giáo Việt Nam, NXB Hội Nhà văn, 2022 & NXB Nhân Ảnh phát hành trên hệ thống Amazon toàn cầu, 2022.

6. Linh mục: Tôi đã làm gì? Nguyễn Đông A biên tập, chuyển Thơ sang Ký, chuyển Tiếng Việt sang Tiếng Anh. Phát hành 2 bản sách in ở Mỹ và Ebook toàn cầu, 2025.

7. Lá bùa cháy giữa trời mưa, Tập Truyện Ngắn & Vừa, NXB Khơi Dòng, bản in Tiếng Việt & Tiếng Anh, 2025. Barnes & Noble Press - Mỹ, phát hành toàn cầu.

8. Cánh cò sông nước Tập 1, Tập 2, Ký Sự - Khảo cứu Đồng bằng sông Cửu Long, NXB Khơi Dòng, 2025, bản in Tiếng Việt. Barnes & Noble Press – Mỹ, phát hành toàn cầu.

9. Hậu sinh Rạch Lúa, Tiểu Thuyết, bản in Tiếng Việt & Tiếng Anh – 2025. Barnes & Noble Press – Mỹ, phát hành toàn cầu.

10. Trôi về không còn là người cũ, Tiểu Thuyết, bản in Tiếng Việt & Tiếng Anh – 2025. Barnes & Noble Press – Mỹ, phát hành toàn cầu.

11. Mụ điên & những bước chân, Tiểu Thuyết, bản in Tiếng Việt & Tiếng Anh – 2025. Barnes & Noble Press; Amazon KDP – Mỹ, phát hành toàn cầu.

12. Đồng lúa & dẫu lặng Ngôi Lời, Tùy bút – Khảo cứu về Công giáo miền Nam Việt Nam, NXB Khơi Dòng, bản in Tiếng Việt, 2025; Amazon KDP – Mỹ, phát hành toàn cầu.

13. Phụng Hiến Chữ Nghĩa - Đọc Thơ Trong Cõi Mê Tỉnh. Tùy bút - Học thuật. Nxb Hội Nhà văn, 2026.

MỤC LỤC

- Lời Mở ĐầuTr 5
- Lời NgỏTr 27
- 1.Truyện ngắn BUÔNG MÀ KHÔNG MẤTTr 29
- 2.Truyện ngắn CHUM MUỐI NGƯỢC DÒNGTr 43
- 3.Truyện ngắn ĐẤT THẮNGTr 54
- 4.Truyện ngắn DẤU RĂNG TRÊN LUẬTTr 69
- 5.Truyện ngắn GIÓ THỊ NẠI THỐI NGƯỢCTr 81
- 6.Truyện ngắn KHỐI IM LẠNG CÒN THỜTr 93
- 7.Truyện ngắn MẮC CẠNTr 104
- 8.Truyện ngắn NGƯỜI KHÔNG CHỊU CHẾT LẦN NỮA
.....Tr 120
- 9.Truyện ngắn NHỮNG NGƯỜI CHỜ XETr 134
- 10.Truyện ngắn NGƯỜI VIẾT XUỐNG CÁTTr 149
- 11.Truyện ngắn NÉN NHANG CHO BIỂNTr 162
- 12.Truyện ngắn NƠI NƯỚC KHÔNG QUÊNTr 174
- 13.Truyện ngắn TIẾNG NÓI DƯỚI ĐẤTTr 188
- 14.Truyện ngắn VƯƠNG QUỐC KHÔNG CHỊU CHẾT
.....Tr 201

MÙI TRẦM BIỂN – NGUYỄN ĐÔNG A

15. Truyện vừa KIẾP THỦY BINHTr 217
16. Truyện vừa TIẾNG GUỐC TRONG ĐÊM SƠN TRÀ
.....Tr 263
17. Truyện vừa TRIỀU CHỨNGTr 376
- Lời BạtTr 447
- NGUYỄN ĐÔNG A – VÀI NÉT TIỂU SỬTr 449
- MỤC LỤCTr 451
-

MÙI TRẦM BIỂN

TẬP TRUYỆN

Thực hiện nội dung & hình thức sách: Nguyễn Đông A. Phát hành sách trên Barnes & Noble và Amazon KDP, hệ thống toàn cầu.

NHÀ XUẤT BẢN KHƠI DÒNG - 2026